



LỖ TẮN

Chuyện cũ
viết lại

Mục lục

Bìa Đầu

Tự Bạch (*)

Lời Tựa

Vá Trời

Lên Trăng

Trị Thủy

Hái Rau Vĩ

Đúc Kiếm

Xuất Quan

Phản Chiến

Sống Dây

Phụ Lục 1: "Quan" Của "Xuất Quan"

Phụ Lục 2: Cái Mũi - Akutagawa Ryunosuke

Phụ Lục 2: Rashomon - Akutagawa Ryunosuke

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Bìa Đầu

LỖ TẤN

Chuyện cũ viết lại

(故事新編)

NGÔ TRẦN TRUNG NGHĨA dịch

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

Dịch từ nguyên bản tiếng Trung:

故事新編 - CỔ SỰ TÂN BIÊN

Nhà xuất bản Văn học Nhân dân 2005.

Xuất bản theo hợp đồng sử dụng độc quyền bản dịch giữa dịch giả và Nhà xuất bản Văn học

Bản quyền tác phẩm đã được bảo hộ. Mọi hoạt động công bố, xuất bản, sao chụp, trích đăng... tác phẩm dưới mọi hình thức mà không có sự cho phép bằng văn bản của Nhà xuất bản đều bị coi là xâm phạm bản quyền và làm tổn hại đến quyền lợi của Nhà xuất bản và tác giả.

LỖ TẤN (1881-1936)

“Thế loại truyện ngắn cũng từng bước hình thành... Nhưng thành tích lớn nhất thuộc về người ký tên “Lỗ Tấn”. Các truyện ngắn của ông... tuy không nhiều, nhưng không có tác phẩm nào không đặc sắc”.

Hồ Thích (1891 - 1962)

“Nếu như hỏi: “Trung Quốc từ khi có vận động văn học mới đến nay, ai là người vĩ đại nhất? Ai xứng đáng nhất để làm đại biểu cho thời đại này?”. Tôi sẽ không chút do dự mà đáp rằng: Chính là Lỗ Tấn. Tiểu thuyết của Lỗ Tấn, so với những kiệt tác của Trung Quốc mấy ngàn năm qua, đều cao hơn một bậc về mọi phương diện”.

Úc Đạt Phu (1896 - 1945)

Bút tích của Lỗ Tấn (Tự đề tiểu tượng)

Dòng bên cạnh viết:

“Sáng tác năm 21 tuổi, năm 51 tuổi viết lại.

Khi ấy là ngày 16 tháng 2 năm Tân Mùi (1931)”.

TỰ ĐỀ TIỂU TƯỢNG

Linh đài vô kế đào thần thi

Phong vũ như bàn ám cổ viên

Ký ý hàn tinh thuyên bất sát

Ngã dĩ ngã huyết tiến Hiên Viên.

LỖ TẤN

TỰ ĐỀ SAU BỨC ẢNH

Con tim khôn tránh mũi tên thần

Vườn cũ mưa tuôn lại gió vẫn

Dù tấm lòng son trên chửa thấu

Ta đem máu đỏ hiến nhân dân.

NAM TRÂN dịch

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Tự Bạch (*)

Tôi sinh năm 1881 trong một gia đình họ Chu ở phủ Thiệu Hưng, tỉnh Chiết Giang. Cha là người đọc sách, mẹ họ Lỗ, người nhà quê, bà tự học và đạt tới trình độ có thể đọc được sách. Nghe người ta nói, lúc tôi còn nhỏ, gia đình tôi có bốn năm chục mẫu ruộng, không phải quá lo lắng về sinh nhai. Nhưng năm tôi mười ba tuổi, nhà tôi bỗng xảy ra một biến cố rất lớn (1), hầu như không còn lại gì nữa. Tôi được gửi cho họ hàng, có lúc bị gọi là đứa ăn xin. Thế là tôi quyết định trở về nhà, song cha lại lâm bệnh nặng, khoảng hơn ba năm thì ông mất. Dần dần, ngay cả khoản học phí vô cùng ít ỏi, tôi cũng không dám mơ tới, mẹ bèn chuẩn bị cho tôi một chút lộ phí, bảo tôi tìm xem trường nào không thu học phí thì vào học, bởi lẽ tôi chưa bao giờ muốn học để trở thành trợ tá hoặc thương nhân - đây là hai con đường mà con em các nhà đọc sách ở quê tôi thường đi, nếu chẳng may gia đình bị sa sút.

(1) Tức việc ông nội của Lỗ Tấn là Chu Phúc Thanh bị hạ ngục vì Khoa trường án (vụ án khoa thi).

Năm mười tám tuổi, tôi lên đường tới Nam Kinh, thi vô Thủy sư học đường, được phân vào Khoa Cơ khí. Khoảng chừng nửa năm sau, tôi lại ra đi, đổi sang học khai mỏ tại Khoáng lộ học đường, và sau khi tốt nghiệp thì được cử sang Nhật Bản du học. Nhưng tốt nghiệp xong trường dự bị tại Tokyo, tôi lại quyết chí theo học ngành y, bởi một nguyên nhân là do tôi biết chắc rằng nền y học mới có tác dụng hỗ trợ rất lớn cho công cuộc Duy tân của Nhật Bản. Vậy là tôi vào Trường Y khoa Sendai và học được hai năm. Lúc bấy giờ

đang là chiến tranh Nga - Nhật. Trên phim, tôi tình cờ bắt gặp một người Trung Quốc vì làm tình báo nên sắp bị xử chém, từ đó tôi cảm thấy: Tại Trung Quốc, y học tốt cũng vô dụng, cần phải có một cuộc vận động rộng lớn... trước hết là đề xướng văn nghệ mới. Tôi bèn rút học bạ rồi về Tokyo, cùng mấy người bạn lập ra vài kế hoạch nho nhỏ, song lần lượt thất bại. Tôi lại muốn sang Đức, cũng thất bại luôn. Cuối cùng, do mẹ tôi và những người khác (1)đang trông chờ sự giúp đỡ của tôi về mặt kinh tế, nên tôi trở về Trung Quốc. Khi đó tôi hai mươi chín tuổi.

(1)Chỉ vợ chồng em trai Lỗ Tấn là Chu Tác Nhân và Habuto Nobuko (Vũ Thái Tín Tử).

Tôi vừa về nước, liền đến Trường Sư phạm lương cấp của Hàng Châu, Chiết Giang làm giáo viên dạy Hóa học và Sinh học, sang năm thứ hai thì ra đi, tới làm Giám hiệu ở Trường Trung học Thiệu Hưng, đến năm thứ ba lại ra đi. Chưa biết đi đâu, tôi muốn vào làm biên dịch trong một hiệu sách, cuối cùng bị từ chối. Nhưng rồi cách mạng cũng bùng nổ, sau khi quang phục Thiệu Hưng, tôi làm hiệu trưởng trường sư phạm. Chính phủ cách mạng thành lập ở Nam Kinh, Bộ trưởng Bộ Giáo dục mời tôi làm nhân viên Bộ, chuyển tới Bắc Kinh, kiêm thêm chức giảng viên Khoa Quốc văn của Đại học Bắc Kinh, Đại học Sư phạm và Đại học Sư phạm nữ. Đến năm 1926, có mấy vị học giả tố cáo lên Chính phủ Đoàn Kỳ Thụy (1), nói tôi bất hảo, đòi bắt giữ tôi, nhờ có người bạn Lâm Ngữ Đường giúp đỡ, tôi tới làm giáo sư ở Đại học Hạ Môn, đến tháng 12 thì ra đi, tới Quảng Đông, làm giáo sư Đại học Trung Sơn, tháng 4 từ chức, tháng 9 rời Quảng Đông, từ đó sống luôn ở Thượng Hải.

(1) Đoàn Kỳ Thụy (1865 - 1936), tên thật là Khải Thụy, tự Chi Tuyền,

sinh tại Hợp Phì, An Huy. Ông giữ chức Đại Tổng thống lâm thời của Chính phủ Trung Hoa Dân Quốc từ năm 1924 đến năm 1926.

Khi đang du học, tôi chỉ đăng mấy bài viết bình thường trên tạp chí. Truyện ngắn đầu tiên hoàn thành năm 1918 (1), do được người bạn Tiền Huyền Đồng khuyên nhủ, viết xong đăng lên báo “Tân thanh niên”. Khi ấy chỉ dùng mỗi bút danh “Lỗ Tấn”, song cũng hay dùng tên khác trong các bài tiểu luận. Hiện tại, có hai tập truyện ngắn đã được in thành sách: “Gào thét”, “Bàng hoàng”, một cuốn luận văn, một quyển hồi ký, một tập thơ văn xuôi, bốn tập tiểu luận, ngoài những tác phẩm biên dịch không tính, được in thành sách còn có “Trung Quốc tiểu thuyết sử lược” và “Đường Tống truyền kỳ tập” do tôi biên tập.

Ngày 16 tháng 5 năm 1930

(1) Tức truyện ngắn “Nhật ký người điên”.

(*) Lỗ Tấn tên thật là Chu Chương Thọ, tự Dự Tài, khi đi học có tên Chu Thụ Nhân. Ông là hậu duệ của nhà lý học nổi tiếng Chu Đôn Di thời Tống và còn là người cùng tông với Thủ tướng Chu Ân Lai. Cha Lỗ Tấn tên Chu Bá Nghi, mẹ tên Lỗ Thụy, Chu Tác Nhân là em thứ hai của ông. Ngoài ra, ông còn có hai người em trai là Chu Kiến Nhân, Chu Xuân Thọ và một người em gái tên Đoan Cô (mất sớm khi chưa tròn một tuổi).

Về bút danh Lỗ Tấn, chữ “Lỗ” là họ mẹ, còn chữ “Tấn” là từ bút danh “Tấn Hành” mà ông đã dùng trước đó.

Trong bài “Khởi nguyên của “AQ chính truyện” viết ngày 18 tháng 12 năm 1926, ông nói: “Bút danh tôi từng dùng không phải chỉ có một: LS, Thần Phi, Đường Sĩ, Mỗ Sinh Giả, Tuyết Chi, Phong Thanh. Trước nữa thì có Tự

Thụ, Sách Sĩ, Lệnh Phi, Tấn Hành. Lỗ Tấn là kế thừa từ Tấn Hành mà sinh ra, bởi vì khi ấy, người biên tập báo “Tân thanh niên” không muốn thấy ký tên giống như là biệt hiệu”.

Còn Hứa Thọ Thường thì kể lại trong bài “Ấn tượng về người bạn quá cố Lỗ Tấn” rằng, Lỗ Tấn đã từng nói với ông: “Vì người biên tập báo “Tân thanh niên” không muốn thấy ký tên giống như biệt hiệu, nên tôi nghĩ ra bút danh này, Tấn Hành là bút danh tôi từng dùng, anh biết rồi đó. Sở dĩ tôi sử dụng tên Lỗ Tấn, là bởi mấy lý do sau: một vì mẹ tôi họ Lỗ, hai vì Chu Lỗ là những nước cùng họ (ý nói thiên tử nhà Chu và vua nước Lỗ thời Xuân Thu đều họ Cơ), ba vì lấy ý “ngu lỗ nhi tấn tốc” (ngu muội nhưng chịu khó đi nhanh)”.

“Lệnh Phi” (Bay đi!) và “Tấn Hành” (Đi nhanh) đều mang hàm ý cảnh tỉnh bản thân và hy vọng dân tộc mình phải tiến nhanh về phía trước, đừng chìm mãi trong lạc hậu.

Một thuyết khác giải thích: Hai chữ “tấn hành” đã được Lỗ Tấn dùng từ thuở nhỏ, bởi ông thường đi học muộn, nên mới viết hai chữ này để tự nhắc nhở mình.

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Lời Tựa

Tập sách nhỏ bé này, từ khi bắt đầu cho tới lúc viết xong, ngày tháng trải qua cũng có thể nói là khá dài: vừa chẵn mười ba năm.

Truyện đầu tiên “Vá trời”, tựa gốc là “Núi Bất Chu”, hoàn thành vào mùa đông năm 1922. Ý định khi ấy là rút các đề tài thời cổ đại và hiện đại để sáng tác truyện ngắn. “Núi Bất Chu” lấy ở thần thoại “Nữ Oa luyện đá vá trời”, là truyện cầm bút viết thử đầu tiên. Lúc đầu định viết thật nghiêm túc, tuy cũng chỉ dùng học thuyết của Freud (1) để giải thích nguyên nhân sáng tạo nên con người và văn học vậy thôi. Nhưng chẳng rõ vì sao mà giữa chừng ngưng bút, đi xem báo, không may lại gặp bài viết của ai đó - nay quên mất tên rồi - phê bình tập “Gió hoa huệ” của anh Uông Tinh Chi, nói rằng muốn ngậm nước mắt van xin các vị thanh niên, làm ơn đừng viết ra thứ văn tự ấy nữa. Sự âm hiểm đáng thương đó khiến tôi thấy buồn cười, nên khi tiếp tục, bất luận thế nào, tôi cũng không thể không đưa ra một tiểu trượng phu mặc áo mao thời xưa, xuất hiện giữa hai chân Nữ Oa được. Thế là từ nghiêm túc bắt đầu sa vào đùa cợt. Đùa cợt là kẻ đại thù của sáng tác, vì thế tôi rất bất mãn với bản thân.

(1) Sigmund Freud (1856 - 1939) là một bác sĩ thần kinh người Áo, sáng lập ra Phân tâm học.

Tôi quyết định không viết loại truyện như thế nữa, nên khi cho in tập “Gào thét”, tôi đưa vào cuối quyển, coi như bắt đầu và cũng là kết thúc luôn.

Lúc bấy giờ, nhà phê bình của chúng ta là Thành Phóng Ngô tiên sinh đang vung rìu lớn dưới ngọn cờ “Cuộc phiêu lưu của linh hồn” trước cửa Sáng tạo xã. Ông gán tội danh “dung tục”, hạ mấy rìu chém chết tập “Gào thét”, chỉ duy nhất “Núi Bất Chu” được ông xem là kiệt tác, tất nhiên vẫn có chỗ chưa hay. Thành thật mà nói, đó chính là nguyên nhân khiến tôi không những không phục mà còn khinh thị vị dũng sĩ kia. Tôi không coi rẻ “dung tục”, ngược lại còn tự cho phép mình “dung tục” nữa. Đối với truyện lịch sử, tôi cho rằng cần tra cứu nhiều văn thư, nói phải đầy đủ chứng cứ, dẫu có trở thành “tiểu thuyết giáo sư” và bị người ta chê cười thì cũng đành chịu, bởi vì đây thật sự là thể loại rất khó xây dựng khi sáng tác. Còn như chỉ lấy đại một duyên cớ nào đó rồi tùy ý tô vẽ, dàn trải thành câu chuyện thì cần gì đến tài năng? Huống hồ “như cá uống nước, nóng lạnh tự biết”, hay nói dễ hiểu là “trong người có bệnh tự mình biết”: nửa sau “Núi Bất Chu” được viết quá sơ sài, tuyệt đối không thể xưng là kiệt tác. Nếu như độc giả tin vào lời nói của nhà phiêu lưu đó thì nhất định sẽ lầm, mà tôi cũng thành ra kẻ làm cho người khác sai lầm. Vậy là khi tập “Gào thét” được in lần thứ hai, tôi lược bỏ truyện này, đáp lễ một gậy bổ đầu cho cái vị “linh hồn” kia. Trong tập sách của tôi chỉ còn lại trơ trơ những thứ “dung tục”.

Cho đến mùa thu năm 1926, một mình sống nơi thạch thất ở Hạ Môn, nhìn ra biển lớn, lật đồng sách cổ, chung quanh không một bóng người, lòng dạ vô cùng trống trải. Nhưng Vị danh xã (1) ở Bắc Kinh lại không ngừng gửi thư đến, thôi thúc viết bài cho tạp chí. Khi đó, tôi không muốn nghĩ đến những chuyện trước mắt, thế là hồi ức trong lòng cứ trào dâng, hoàn tất mười bài “Triêu hoa tịch thập”, đã vậy còn thu nhật truyền thuyết thời xưa, chuẩn bị viết ra tám truyện trong “Chuyện cũ viết lại”. Nhưng vừa viết xong “Lên trăng” và “Đúc kiếm” - lúc mới đăng đề tựa “Mi Gian Xích”, tôi cần chạy tới Quảng Châu, việc này đành phải gác lại hoàn toàn. Về sau, thỉnh thoảng cũng kiếm được chút ít đề tài, tuy có viết ngay thành một đoạn tốc ký, song chưa hề chỉnh sửa lại.

Bây giờ mới xem như là hợp thành một tập truyện. Trong đây phần nhiều vẫn là tốc ký, không xứng với tên gọi tiểu thuyết theo quan điểm của sách “Văn học khái luận”. Kể chuyện, có khi thì căn cứ một ít trên sách cũ, có lúc lại chỉ toàn ứng khẩu nói ra. Hơn nữa, bởi vì tôi đối với người xưa thì không được thành kính như đối với người nay, cho nên không tránh khỏi có chỗ đùa cợt. Trải qua mười ba năm, tôi cũng không tiến bộ gì hơn trước, xem lại, thấy thật sự là “không có cái gì không thuộc loại Núi Bất Chu”. Nhưng viết về người xưa hoàn toàn không khiến cho họ chết thêm nữa, nên có lẽ mấy truyện này vẫn tạm còn đất trống để tồn tại.

Ngày 26 tháng 12 năm 1935

LỖ TẤN

(1)Vị danh xã là một đoàn thể văn học được thành lập ở Bắc Kinh vào năm 1925, nhằm giới thiệu văn học nước ngoài, nhất là văn học Nga và Liên Xô, Lỗ Tấn là một thành viên trong đó. Đến năm 1931 thì giải tán.

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Vá Trời

1.

Nữ Oa (1)bỗng nhiên tỉnh dậy.

(1)Nữ Oa là thủy tổ của loài người theo thần thoại cổ Trung Quốc. Sách “Phong tục thông” của Ứng Thiệu đời Hán chép: “Tục truyền: Thuở khai thiên lập địa, chưa có muôn dân, Nữ Oa vê đất vàng nặn người, ... rút cả dây chằng trong lớp bùn, hết thấy đều trở thành con người cả. Người phú quý là do đất vàng tạo ra, kẻ bần tiện là hóa từ dây chằng vậy”.

Bà tựa như thoát ra khỏi giấc mơ, song lại không nhớ rõ mình mơ cái gì, chỉ là rất chán nản, vừa cảm thấy thiếu gì đó, vừa cảm thấy có gì đó quá thừa. Cơn gió hiu hiu lay động, vầng dương ấm áp mới vừa ló rạng mang khí lực của bà thổi vào khoảng vũ trụ mệnh mông.

Bà xoa xoa đôi mắt.

Trên nền trời hồng nhạt có rất nhiều đám mây nổi màu thạch lục uốn lượn quanh co, những tinh tú thoắt ẩn thoắt hiện nhấp nháy sau chớp chớp mắt liên hồi. Bên trong ráng mây đỏ thắm phía xa xa là vầng thái dương đang phát ánh hào quang ra bốn phía, hệt như quả cầu vàng di chuyển trong lớp dung nham buổi hoang sơ, góc bên kia lại là mảnh trăng trắng lạnh như mỡ gang. Thế nhưng bà hoàn toàn không quan tâm cái gì đang hạ xuống, và cái gì đang nhô lên.

Trên mặt đất toàn một màu xanh nhạt, đến cả những cây tùng, cây bách chưa thay lá cũng uốn mình khoe dáng. Mấy đóa hoa lớn nhỏ mang màu sắc trắng, hồng xen kẽ nhau, nhìn từ xa cứ ngỡ như một lớp mây mù lộng lẫy.

“Hừm... ta chưa bao giờ thấy vô vị như thế này!”, bà nghĩ bụng, rồi đột nhiên đứng dậy, duỗi cánh tay tròn trịa mà căng tràn sức lực lên không trung, vươn vai và ngửa mặt ngáp dài, màu sắc của bầu trời chợt tan đi, biến thành khối thịt đỏ khác thường, tạm thời không thể nhìn rõ được nơi bà đang đứng.

Bà đi giữa khoảng không gian màu đỏ thịt ấy mà ra đến bờ biển, những đường cong trên toàn thân đều tan ra trong mặt biển loang loáng sắc hoa hồng nhợt nhạt, khi ngập hết nửa người thì mới đông đặc lại thành một khối màu trắng trong suốt. Sóng biển đều thấy kinh ngạc, tuần tự từng đợt nhô lên hạ xuống, nhưng bọt sóng thì tung tóe khắp người bà. Cái bóng trắng trong suốt dao động trong nước biển, phảng phất như đang tản ra ngoài bốn phương tám hướng. Thế nhưng bà hoàn toàn không nhìn thấy, chỉ gập một chân khom người xuống, nhúng tay vốc lên một nắm bùn pha lẫn nước, đồng thời lại vo nặn mấy lần, thế là có được một thứ nhỏ bé giống như hình dáng của bà ở trong hai bàn tay.

“A, a!”. Tất nhiên bà biết thứ này là do mình tạo ra, song còn ngờ vực đó là củ khoai sẵn có trong bùn đất, nên không khỏi thấy ngạc nhiên.

Nhưng sự ngạc nhiên ấy lại khiến bà thích thú, bà tiếp tục công việc với sự hăng say và vui vẻ trước kia chưa từng có, hết hít thở rồi hà hơi, mồ hôi nhỏ xuống pha lẫn vào nhau...

“Nga! Nga!”, mấy loài nhỏ bé kia cất tiếng kêu.

“A, a!”, bà lại giật mình, cảm thấy có cái gì đó bay ra từ các lỗ chân lông trên toàn thân, thế là trên mặt đất liền tràn ngập mây khói nổi bồng bênh trắng xóa, bà vừa định thần lại thì mấy loài nhỏ bé kia cũng im miệng.

“Akon, Agon!”, có mấy loài nói thế với bà.

“A, a, bảo bồi đáng yêu!”.

Bà nhìn bọn chúng, rồi lấy ngón tay dính bùn nựng nịu khuôn mặt tròn trịa trắng trẻo đó.

“Uvu, Ahaha! (1)”, chúng cười vang. Đây là nụ cười đầu tiên bà thấy được trong trời đất, do đó cũng lần đầu tiên bà tự mình cười cợt vui tươi.

(1)“Nga! Nga!”, “Akon, Agon!” và “Uvu, Ahaha!” là tác giả dùng chữ Latin để tượng thanh.

Bà một mặt thì vuốt ve chúng nó, mặt khác lại tạo ra thêm. Những loài được tạo ra tất thấy đều vây xung quanh bà, nhưng rồi dần dần chúng chạy ra xa, nói nhiều hơn, bà cũng dần dần không hiểu được nữa, chỉ nghe thấy những tiếng kêu gào âm ỉ đến đau đầu cứ vang dội bên tai.

Bà đã sớm mệt mỏi trong niềm vui kéo dài ấy. Cơ hồ đã dốc hết hơi thở, chảy hết mồ hôi, thêm vào đó bà lại bị đau đầu, dần lờ mờ đôi mắt và hai bên gò má cũng bắt đầu phát nhiệt, tự nhận thấy công việc không đáng làm nữa nên đã hết kiên nhẫn. Nhưng bà không chịu ngưng tay, vẫn tiếp tục trong vô thức.

Cuối cùng, eo, chân đau mỏi khiến bà phải đứng dậy, tựa vào một ngọn núi cao tương đối trơn nhẵn, bà ngược mặt lên nhìn, mây trắng như vảy cá bay đầy trời, bên dưới lại dày đặc màu xanh thẫm. Tự bà cũng không biết phải thế nào, chỉ là cảm thấy mọi thứ đều chưa được như ý muốn. Bà liền đưa tay kéo một gốc tử đằng từ trên núi dài ra đến đường chân trời, từng khóm hoa tím nở rộ kỳ vĩ đến mức không bút nào tả xiết, bà vẫy tay một cái, gốc tử đằng kia liền bắc ngang trên mặt đất, những cánh hoa nửa tím nửa trắng rải

đầy khắp nơi nơi.

Bà tiếp tục vấy tay, gốc tử đằng xoay mình trong bùn nước, đồng thời đất bùn trộn lẫn nước cũng văng ra, đến khi rơi xuống mặt đất thì biến thành vô số sinh vật giống như những thứ mà bà vừa tạo lúc nãy, có điều quá nửa là ngơ ngẩn ngốc nghếch, mắt chuột đầu hươu nhìn có vẻ khó ưa. Thế nhưng bà đâu rảnh hơi để ý đến chuyện đó, chỉ thấy vừa thú vị vừa bức mình, hễ chụp được cái món đồ chơi ấy là vội ném đi ngay, càng ném càng bay nhanh, cây tử đằng bị vấy đầy bùn nước, lăn lộn trên đất y hệt như một con xích luyên xà bị bồng trong nước sôi. Mấy tia bùn từ thân cây bắn tung tóe như mưa rào, lại hóa thành cái loài nhỏ bé khóc oa oa giữa không trung, bò tới bò lui tản ra khắp mặt đất.

Bà gần như thất thần, càng muốn ném chúng đi, nhưng không chỉ eo, chân đau mỗi mà đến hai cánh tay cũng không còn sức lực, vậy là bà ngồi xồm người tựa đầu vào núi cao, mái tóc đen nhánh khoác lên đỉnh núi, sau khi thở dốc một hồi và thở dài một tiếng thì bà nhắm cả hai mắt. Cây tử đằng trong tay bà rơi xuống, cũng nằm trên mặt đất với bộ dạng rã rời, như là mệt quá không chịu thêm được nữa.

2.

Ầm!!!

Trong cái âm thanh long trời lở đất ấy, Nữ Oa giật mình tỉnh lại, đồng thời nhìn thẳng về hướng Đông Nam. Bà duỗi chân muốn đạp xuống nhưng không sao với tới được (1), bà vội vàng vươn tay bám lấy đỉnh núi, nhờ vậy mới không bị trượt ngã.

(1) Thiên “Thiên văn huấn” trong sách “Hoài Nam Tử” viết: “Xưa Cộng

Công vì tranh ngôi đế với Chuyên Húc, nổi giận húc vào núi Bất Chu, cột chống trời bị đổ, dây nịt đất cũng đứt. Trời nghiêng lệch về Tây Bắc, cho nên nhật nguyệt, tinh tú đổi dời đến đây; đất không lấp tới Đông Nam, cho nên nước mưa, bụi bặm đều trôi về đó”. Cộng Công là hậu duệ của Viêm Đế (Thần Nông thị). Chuyên Húc là cháu của hoàng đế, xưng hiệu Cao Dương thị.

Nhưng bà lại cảm nhận được nước và cát đá từ phía sau đang hầm hập lao tới trên đầu và bên cạnh mình. Trong phút chốc, nước đã trút vào miệng lẫn hai tai, bà nhanh chóng cúi xuống thì thấy mặt đất rung động không ngớt. May mà cơn động đất ấy cũng tựa hồ giảm đi, bà lui về đằng sau, ngồi yên một chỗ, lúc đó mới đưa tay lau nước trên thái dương và hai bên mắt, rồi quan sát tỉ mỉ xem tình hình như thế nào.

Tình hình không rõ ràng, khắp nơi nước chảy xiết như dòng thác, trên mặt biển hình như trào lên mấy đợt sóng cao ngút trời. Bà chỉ đành ngẩn người ra chờ đợi.

Nhưng rồi cuối cùng cũng yên hẳn, sóng lớn chỉ vọt cao như đồi núi trước kia, trên mặt đất cũng dần lộ ra lớp thạch cốt gồ ghề. Bà đang nhìn ra biển, chỉ thấy mấy ngọn núi vừa trôi dạt vừa xoay vần trên gò sóng. Bà lo rằng chúng đã chạm phải chân mình nên đưa tay kéo lại, trong các thung lũng trên núi ẩn nấp rất nhiều loài chưa từng thấy bao giờ.

Bà co tay kéo lại gần để nhìn cho kỹ, chỉ thấy những loài đó khạc nhổ bừa bãi ra đất, trông như bột kim ngọc (1), lại pha lẫn với lá tùng, lá bách cùng thịt cá bị nhai nát. Chúng lần lượt ngẩng đầu lên, Nữ Oa tròn xoe mắt, khó khăn lắm mới nhận ra chúng chính là cái thứ nhỏ bé mà bà đã tạo ra trước đây, có điều chúng đã dùng thứ quái đản gì đó để che lấy thân thể, có vài đứa trên nửa dưới khuôn mặt còn lún phún lông tơ màu trắng tuyết, song đã ngấm đầy nước biển nên lấp lánh giống lá kim của bạch dương.

“A, a!”, bà vừa ngạc nhiên vừa hoảng sợ kêu lên, da nổi mẩn như chạm phải sâu róm.

“Thượng chân (2)ơi, cứu mạng với...”, một đứa có lông tơ trắng nửa dưới mặt ngóc đầu lên, vừa nôn mửa vừa tiếp tục nói: “Cứu mạng với... tiểu nhân... là người tu tiên. Ai ngờ được vận kiếp đen đui khiến trời đất phân băng... Hiện giờ, may mà... gặp được Thượng chân,... xin người cứu lấy cái mạng nhỏ bé này,... rồi ban cho thuốc... thuốc tiên...”, đầu nó ngóc lên cúi xuống rất lạ thường.

(1)Bột kim ngọc ám chỉ các thứ kim ngọc, đan sa mà các đạo sĩ thường dùng để luyện thuốc trường sinh, họ cho rằng ăn vào sẽ trường sinh bất lão.

(2)“Thượng chân” là một từ tôn xưng, chỉ người đắc đạo thành tiên trong Đạo giáo.

Bà ngơ ngác hỏi lại: “Cái gì?”.

Rất nhiều đứa trong bọn chúng bắt đầu lên tiếng, một mặt thì nôn mửa, mặt khác lại cứ kêu gào “Thượng chân, Thượng chân”, và rồi cũng tiếp tục làm cái động tác ngóc lên cúi xuống quái gở ấy.

Bà thấy phiền quá, hơi hối hận vì đã kéo cái đám này về phía mình, để rồi vướng họa mà chẳng hiểu gì cả. Hết cách, bà liền nhìn ra bốn phía và trông thấy một bầy cự ngao (1)đang bơi lội trên mặt biển, bà vui sướng vô cùng, lập tức mang mấy ngọn núi kia gác lên sống lưng chúng rồi căn dặn:

“Giúp ta chở núi đến nơi an toàn nhé!”.

(1)Cự ngao là một loài rùa biển lớn trong truyền thuyết. Chuyện cự ngao đội núi có chép trong thiên “Thang vãn” sách “Liệt Tử”: “Phía Đông Bọt Hải, không biết mấy ức vạn dặm... có năm ngọn núi: Một là Đại Dư, hai là Viên Kiêu, ba là Phương Hồ, bốn là Doanh Châu, năm là Bồng Lai. Cư dân sinh sống đều là tiên, thánh, sớm tối bay lại thăm nhau, nhiều không kể xiết. Lúc đầu, năm ngọn núi không dính với đáy biển, thường theo thủy triều lên xuống, không đứng yên được. Chư tiên bất mãn, tâu lên Thượng đế. Thượng đế sợ chúng trôi về Tây cực, chư tiên không còn nơi ở, bèn lệnh cho thần Ngũ Cương sai mười lăm con cự ngao ngóc đầu đội núi, chia làm ba đoàn, cứ sáu vạn năm lại thay phiên, năm ngọn núi từ đó mới yên ổn, không lắc lư nữa”.

Cự ngao tựa như gật gật đầu, cả bầy cùng tụ lại. Nhưng do sức kéo ban này quá mạnh nên một đĩa mặt có lông trắng từ trên núi ngã xuống, nó đuổi theo không kịp, lại không biết bơi nên cứ nằm ăn vạ bên bờ biển. Nữ Oa thấy thương hại, song bà cũng mặc kệ, bởi lúc này bà đâu thể quản mấy chuyện vật vãnh đó.

Bà hà hơi một cái, trong lòng tương đối nhẹ nhõm, nhìn lại xung quanh mình, thấy nước đã rút đi bớt, khắp nơi cũng nổi lên đất đá bao la, trong kẽ đá có khảm rất nhiều thứ, cái thì đứng yên thẳng thớm, cái thì đang động đậy. Bà chợt thấy một ánh mắt trắng bệch đang ngơ ngẩn nhìn bà, nó dùng nhiều miếng sắt để bao bọc toàn thân, thần thái trên khuôn mặt trông như rất thất vọng, lại còn pha thêm chút sợ hãi.

“Có chuyện gì vậy?”, nhân tiện bà hỏi thử.

“Ô hô, thiên giáng tang (Than ôi, trời giáng tai họa)”, nó trả lời bằng giọng điệu ảo não đáng thương: “Chuyên Húc bất đạo, kháng ngã hậu, ngã hậu cung hành thiên thảo, chiến ư giao, thiên bất hựu đức, ngã sư phản tẩu,... (Chuyên Húc vô đạo, chống lại hậu ta, hậu ta thân chinh thảo phạt, tranh đấu ở vùng giao, trời không phù hộ người có đức, quân ta tháo chạy,...) (1)”.

(1) Đây là lời của phe Cộng Công. “Hậu” là quân vương, ở đây chỉ Cộng Công. “Giao” là vùng đất ở ngoại thành. Mấy câu văn ngôn này mô phỏng lối cổ văn trong sách “Thượng thư” (tức Kinh Thư, một kinh điển của Nho giáo).

“Cái gì?”, bà chưa từng nghe qua thứ lời lẽ kiểu này nên cảm thấy rất lạ lùng.

“Ngã sư phản tâu, ngã hậu viên dĩ quyết thủ xúc Bất Chu sơn, chiết thiên trụ, tuyệt địa duy, ngã hậu diệt tồ lạc. Ô hô, thị thực duy... (Quân ta tháo chạy, hậu ta húc đầu vào núi Bất Chu (1), gãy mất cột chống trời, dây nịt đất cũng đứt, hậu ta băng rồi. Than ôi! Thật là...)”.

(1) Theo chú thích trong “Sơn hải kinh”, phần “Tây sơn kinh” của Quách Phác đời Tấn thì “Núi Bất Chu có hình thể giống như đồng tiền bị khuyết không tròn, nên mới có tên như vậy”. Theo chú thích của Cao Dụ thời Đông Hán trong thiên “Nguyên đạo huấn” của sách “Hoài Nam Tử” thì “Núi Bất Chu ở phía Tây Bắc của Côn Lôn”.

“Đủ rồi, đủ rồi, ta không hiểu ý người”.

Bà quay sang một gương mặt khác đang vui sướng và ngạo mạn, cũng dùng nhiều miếng sắt che kín toàn thân.

“Có chuyện gì thế?”.

Lúc này bà mới biết những sinh vật nhỏ bé của mình đã biến hóa ra những khuôn mặt hình dạng khác nhau, nên muốn hỏi một vẻ mặt khác, hòng tìm thấy câu trả lời có thể hiểu được.

“Nhân tâm bất cổ, Khang Hồi thực hữu thi tâm, khứ thiên vị, ngã hậu cung hành thiên thảo, chiến ư giao, thiên thực hựu đức, ngã sư công chiến vô địch, cức Khang Hồi ư Bất Chu chi sơn (Lòng người không còn như xưa, Khang Hồi quả thực có ác tâm dòm ngó ngôi vua, hậu ta thân chinh thảo phạt, tranh đấu ở vùng giao, trời phù hộ người có đức, quân ta công chiến vô địch, đã trăm quyết Khang Hồi ở núi Bất Chu) (1)”.

(1) Đây là lời của phe Chuyên Húc. Khang Hồi là tên của Cộng Công. “Hậu” ở đây chỉ Chuyên Húc.

“Cái gì?”, bà dường như vẫn chưa hiểu.

“Nhân tâm bất cổ... (Lòng người không còn như xưa...)”.

“Đủ rồi, đủ rồi, cũng lại thứ lời lẽ cũ rích đó!”.

Mặt bà ửng đỏ lên đến tận mang tai, lập tức quay đầu tìm xem nơi khác, khó khăn lắm mới thấy một đĩa không bao sắt trên mình, thân thể sạch trơn, mang vết thương đang chảy máu, chỉ quần một tấm vải rách ở hông. Nó đang gỡ miếng vải rách đó từ bên hông của một vật thể khác đã bất động, hồi hả buộc vào hông của mình, nhưng thần sắc lại rất thản nhiên.

Bà cho rằng nó và bọn bao bọc sắt là hai loài khác nhau, nên có thể lần ra manh mối, bèn hỏi:

“Có chuyện gì vậy?”.

“Chuyện là vậy đó”, nó ngẩng đầu và nói.

“Việc nào động lúc này là gì?...”.

“Lúc này vừa có nào động sao?”.

“Là đánh nhau phải không?”, bà hết cách, đành tự mình suy đoán.

“Đánh nhau ư?”, vậy mà nó cũng hỏi lại.

Nữ Oa thở dài thất vọng, bà ngửa mặt nhìn lên trời. Bầu trời có một vết nứt rất rộng mà lại vô cùng sâu. Bà đứng dậy, dùng móng tay búng một cái, âm thanh vang lên không trong trẻo chút nào, nghe y hệt như tiếng bát vỡ. Bà nhú mào, nhìn ra bốn phía quan sát một hồi, lại nghĩ ngợi một lúc, bà liền vắt nước trên tóc, vươn vai lấy tinh thần rồi gom góp mấy cành lau làm củi đốt: Chủ ý của bà là “vá xong đã rồi hãy nói” (1).

(1)Về chuyện Nữ Oa luyện đá vá trời, thiên “Lâm minh huấn” sách “Hoài Nam Tử” có chép: “Thời xưa, tứ cực suy sụp, chín châu rạn nứt, trời không toàn vẹn, đất chẳng xoay vần, lửa lớn bùng cháy không ngừng, hồng thủy trào lên không ngớt, thú dữ ăn thịt dân lành, chim ác vỗ bắt người già yếu. Thế là Nữ Oa luyện đá ngũ sắc vá lại trời xanh, chặt chân cự ngao lập thành tứ cực, giết con rồng đen để cứu vớt Ký Châu, góp tro củi ngăn chặn dòng nước lớn”.

Từ đó, bà ngày đêm gom củi chất thành đống, đống củi cao lên bao nhiêu thì bà gầy đi bấy nhiêu, bởi vì tình hình đã xấu hơn lúc trước: Ngửa mặt lên thì nhìn thấy vòm trời nứt nẻ nghiêng lệch, cúi đầu xuống lại trông thấy mặt đất nhơ nhớp tả tơi, không có lấy một thứ gì khiến người ta sướng tai vừa mắt.

Khi củi chất cao chạm tới vết nứt thì bà mới đi tìm đá xanh. Ban đầu bà muốn dùng loại đá xanh thuần khiết giống như màu sắc của bầu trời, nhưng trên mặt đất không có nhiều loại đá ấy, núi to thì bà không nỡ đem ra dùng. Có lúc bà đến những nơi náo nhiệt để tìm vài món vụn vặt, các loài ở đó chỉ

cười nhạt, hoặc chửi mắng, hoặc xua đuổi, thậm chí còn cắn vào tay của bà. Thế là bà đành phải trộn thêm đá trắng, cũng không đủ, bà liền gộp thêm vào các loại đá đỏ, đá vàng và đá xám đen, sau cùng cũng lấp đầy vết nứt, chỉ cần thêm một ít lửa để nung chảy là công việc hoàn thành, nhưng bà đã mệt đến độ hoa mắt ù tai, không tiếp tục được nữa.

“Hừm... ta chưa bao giờ thấy vô vị như thế này!”.

Bà ngồi trên đỉnh núi, hai tay chống đầu, vừa nói vừa thở dốc.

Lúc bấy giờ, ngọn lửa lớn trong cánh rừng trên núi Côn Lôn (1) vẫn chưa tắt, chân trời phía Tây đỏ rực một màu. Bà liếc mắt về hướng đó, quyết định lấy một gốc đại thụ đang cháy về dẫn lửa, nhưng vừa nhắc tay thì bà cảm thấy như có gì đó đâm vào ngón chân.

(1)Về ngọn lửa lớn trong rừng rậm trên núi Côn Lôn, phần “Đại hoang Tây kinh” sách “Sơn hải kinh” chép: “Có ngọn núi lớn tên là Côn Lôn Chi Khâu... bên ngoài có núi lửa, hễ gặp vật là thiêu đốt”.

Bà đưa mắt nhìn xuống, đó chính là loài sinh vật mà bà đã tạo ra, song bọn chúng đã khác đi rất nhiều, dùng vải quần lên người một cách mệt nhọc, bên hông lại giắt hơn chục tấm vải khác nhau, đầu của chúng thì đang chụp cái gì không biết nữa, trên chóp sọ là một phiến chữ nhật nhỏ bé đen thui (1), ngón chân bà bị đâm bởi vật dụng chúng đang cầm trên tay.

(1)Phiến chữ nhật là chỉ quan mào của đế vương, chư hầu thời cổ, tên cũ là “diên”, cũng gọi là “miện bản”. Đứa mang phiến chữ nhật trên chóp sọ chính là “tiểu trượng phu mặc áo mào thời xưa”, được nói đến trong “Lời tựa”. Mấy câu văn ngôn bên dưới hẳn đọc thuộc lòng cũng mô phỏng từ sách

“Thượng thư”.

Một đứa đứng chếch vào giữa hai chân Nữ Oa nhìn lên, vừa thấy bà thì hoảng hốt đưa ra một mảnh trúc. Bà nhận lấy xem thử, mảnh trúc xanh nhẵn bóng, trên đó lại có hai hàng chấm đen nhỏ li ti, nhỏ hơn cả những đốm đen trên lá sồi. Bà thật sự thấy bội phục cho cái nghề tinh xảo ấy.

“Đây là cái gì?”, bà cảm thấy thật quái lạ nên cất tiếng hỏi.

Đứa mang phiến chữ nhật trên chóp sọ chỉ lên mảnh trúc, nói như học thuộc lòng:

“Lỗa trình thâm dật, thất đức miệt lễ bại độ, cầm thú hành. Quốc hữu thường hình, duy cấm! (Lỗa lồ thâm dật, bỏ mất đức hạnh, khinh miệt lễ nghi, bại hoại pháp độ không khác gì cầm thú. Phép nước thông thường phải ngăn cấm!)”.

Nữ Oa lườm nó một cái, tự cười thầm vì bản thân đã làm một việc quá sức hoang đường, bà vốn biết rằng tranh cãi với cái thứ này thì cũng chỉ tốn hơi. Thế là bà không nói nữa, tiện tay lấy mảnh trúc gác lên phiến chữ nhật trên chóp sọ của hân, rồi tiếp tục kéo gốc đại thụ đang cháy từ trong khu rừng, châm vào đồng củi lau.

Bỗng dưng bà nghe có tiếng khóc nức nở, nhưng cũng là trò vui bà mới thấy lần đầu. Bà liếc nhìn xuống, chợt thấy trong con mắt nhỏ xíu của nó ẩn chứa hai giọt nước mắt còn bé hơn cả hạt cải. Bởi vì âm thanh đó khác xa tiếng “nga nga” mà bà đã quen nghe trước đây, nên bà không biết đó là một kiểu khóc.

Bà liền đi châm lửa, châm nhiều chỗ khác nhau.

Lửa cháy không mạnh nên chưa đốt được củi, nhưng cũng nghe tiếng hừng hực. Rất lâu sau, cuối cùng thì vô số ánh lửa cũng liếm ra chung quanh,

tạo thành trùng đài hoa, rồi lại biến thành cột lửa, khí thể bùng bùng áp đảo cả ánh hồng trên núi Côn Lôn. Gió lớn chợt nổi lên, cột lửa gào thét xoay tròn, đá xanh và những loại đá khác đều đổi sang màu đỏ chói, chảy lỏng như mạch nha rồi len vào vết nứt, hết như một tia chớp không bao giờ tắt trên bầu trời.

Gió và sức lửa làm tóc bà rối tung, mồ hôi túa ra như nước trút, ánh lửa sáng choang nổi bật trên người bà, khiến cho cả vũ trụ đều đổi sang một màu đỏ thịt.

Cột lửa dần bốc lên cao, chỉ lưu lại một đồng tro tàn bên dưới. Bà đợi đến khi trên vòm trời chỉ toàn thấy một màu xanh biếc mới đưa tay sờ thử, trên đầu ngón tay, bà cảm nhận vẫn có chỗ so le.

“Thôi nghỉ một chút rồi làm tiếp vậy”, bà nghĩ thầm.

Thế là bà khom người vốc lấy tro, rải từng nắm từng nắm lên khắp các dòng nước trên mặt đất, tro vẫn chưa nguội lạnh, rơi xuống làm cho nước bốc hơi vấy lên khắp người bà. Gió lớn vẫn chưa ngưng, cuốn tro bay tung tóe, khiến cho toàn thân bà đều là màu bụi đất.

“Phù...”, bà trút hơi thở cuối cùng.

Bên trong ráng mây đỏ thẫm phía xa xa là vầng thái dương đang phát ánh hào quang ra bốn phía, hết như quả cầu vàng di chuyển trong lớp dung nham buổi hoang sơ, góc bên kia lại là mảnh trăng trắng lạnh như mẻ gang. Nhưng không biết cái gì đang hạ xuống và cái gì đang nhô lên. Lúc đó, bà đã dùng cạn hết sức lực trong thân xác, nên ngã gục và hơi thở cũng tắt luôn.

Trên dưới bốn phương đều là sự im lặng chết chóc.

Có một ngày thời tiết rất lạnh, lại nghe tiếng náo động, cấm quân cuối cùng cũng đã đuổi giết tới, bởi vì chúng phải đợi đến lúc không còn thấy ánh lửa và khói bụi nữa, cho nên mới đến trễ. Bọn chúng bên trái cầm búa vàng, bên phải nắm rìu đen, phía sau là lá cờ cực kỳ to lớn và cổ xưa, chúng len lén tiến đến bên cạnh thi thể của Nữ Oa mà hoàn toàn không gây ra tiếng động gì hết. Chúng dựng trại trên bụng tử thi, vì đó là nơi màu mỡ nhất, chúng kiểm tra và lựa chọn rất nhanh nhẹn. Nhưng bọn chúng đột nhiên lại thay đổi giọng điệu, nói rằng chỉ có bọn chúng mới là con cháu trực hệ của Nữ Oa, đồng thời cũng sửa lại mấy chữ khoa đầu trên lá cờ lớn, viết thành Nữ Oa thị chi trường (ruột của họ Nữ Oa) (1).

Lão đạo sĩ bị rơi lại bên bờ biển cũng đã có vô số đời truyền nhân. Lúc sắp chết, lão mới đem chuyện núi tiên được cự ngao chống lưng ở ngoài biển kể cho đồ đệ, rồi đồ đệ lại kể cho đồ tôn,

sau cùng có một tên phương sĩ tâu lên Tần Thủy Hoàng để lấy lòng, Tần Thủy Hoàng bèn sai hắc đi tìm thử (2).

(1)Phần “Đại hoang Tây kinh” sách “Sơn hải kinh” có chép: “Ngoài biển Tây Bắc ở vùng phiên ngung đại hoang có núi non rời rạc, ... Có mười vị thần, tên gọi Nữ Oa thị chi trường (ruột của họ Nữ Oa)”. Quách Phác chú: “Nữ Oa là nữ thần thời cổ xưng đế, mặt người mình rắn, trong một ngày biến hóa bảy mươi lần, ruột hóa thành những vị thần này”. Chữ khoa đầu là văn tự thời cổ, nét bút đầu to đuôi nhỏ, giống như con nòng nọc.

(2)Chuyện Tần Thủy Hoàng tìm núi tiên có chép trong sách “Sử ký” của Tư Mã Thiên, thiên “Tần Thủy Hoàng bản kỷ”: “Bọn Tử Phất người nước Tề tâu lên vua rằng trên biển có ba ngọn núi thần, đó là Bồng Lai, Phương Trượng và Doanh Châu, có thần tiên sống nơi đó, xin được trai giới, cùng với đồng nam xử nữ đến cầu kiến. Vua ban cho mấy ngàn người để đi tìm... mất

mấy năm không tìm ra”.

Phương sĩ không tìm được núi tiên, Tần Thủy Hoàng cuối cùng cũng chết đi. Hán Vũ Đế lại sai người tìm kiếm, nhưng vẫn không tìm thấy (1).

Dường như mấy con cự ngao hoàn toàn không hiểu lời Nữ Oa nói, khi ấy chỉ ngẫu nhiên vừa đúng lúc chúng gật gật đầu. Sau vài ngày chống lưng trong mơ hồ, chúng tản ra và đi ngủ, núi tiên cũng chìm xuống theo, cho nên mãi đến bây giờ vẫn chưa ai thấy được dù chỉ là nửa ngọn núi, nhiều nhất cũng chỉ phát hiện một vài hòn đảo hoang vu.

Tháng 11 năm 1922

(1) Chuyện Hán Vũ Đế tìm núi tiên có chép trong sách “Sử ký”, thiên “Phong thiện thư”: “Phương sĩ Lý Thiệu Quân tâu lên vua rằng: “Thần từng du ngoạn trên biển gặp được An Kỳ Sinh, ông ấy ăn quả táo lớn như trái dưa hấu. Vị thần tiên này tu đạo ở Bồng Lai, hễ gặp người có duyên thì hiện ra, còn không phải thì ẩn đi”. Thế là thiên tử tự mình bái tế, rồi ban cho phương sĩ nhiều thuộc hạ cùng theo ông ra biển để tìm kiếm Bồng Lai An Kỳ Sinh, lại ban cho vàng ròng để xin thứ thuốc tể chế bằng đan sa. Phương sĩ chiêm bói rồi ra biển truy tìm, nhưng cuối cùng không có kết quả gì”.

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Lên Trăng

1.

Một con vật thông minh chắc hẳn sẽ biết được ý người, vừa nhìn thấy cổng lớn thì con ngựa lập tức đi chậm lại, hơn nữa còn cúi đầu cùng lúc với vị chủ nhân trên lưng nó, rồi bước từng bước đều đặn như giã gạo.

Sương chiều đã che mờ khung cảnh, mấy nhà hàng xóm đều bốc lên khói bếp đen sậm, đến giờ cơm tối rồi. Bọn gia nhân nghe thấy tiếng vó ngựa liền chạy ra nghênh đón, đứng trước cổng rủ tay nghiêm chỉnh. Nghệ (1)uế oải xuống ngựa bên đồng rác rồi đem dây cương với roi ngựa giao cho chúng. Chàng vừa định đi qua cửa, nhưng khi cúi nhìn ba con quạ già và một con sẻ nhỏ bị chàng bắn tan xác ở trong tấm lưới sẵn cùng với ống đựng những mũi tên sáng choang mà chàng dặt bên hông, thì lòng dạ lại cảm thấy rối bời. Song rốt cuộc chàng cũng buông bỏ mối lo mà sải bước vào nhà, tên trong ống lắc lư vang ra tiếng leng keng.

(1)Nghệ, còn có tên Di Nghệ, là anh hùng thiện xạ trong truyền thuyết Trung Quốc.

Theo ghi chép của sách cổ thì thời Đế Khốc, thời Đế Nghiêu lẫn thời vua Thái Khang nhà Hạ đều có người tên Nghệ và đều là nhân vật có tài thiện xạ.

Nghệ thời Đế Khốc thì chưa rõ. “Thuyết văn” chỉ nói: “Nghệ, Xạ quan của Đế Khốc vậy”.

Nghệ thời Đế Nghiêu cũng giữ chức Xạ quan, là người từng bắn rụng mặt trời.

Nghệ thời nhà Hạ thường được biết với cái tên Hậu Nghệ, vua nước Hữu Cùg, nhân lúc Thái Khang đi săn liền đem quân tới cướp ngôi, nhưng sau khi lên ngôi lại ham mê săn bắn giống Thái Khang, nên bị thuộc hạ là Hàn Trác soán vị.

Khổng Dĩnh Đạt thời Đường khi viết chính nghĩa cho thiên “Ngũ tử chi ca” trong sách “Thượng thư”, trích dẫn “Thuyết văn”, “Giả Quỷ”, “Hoài Nam Tử”, ... kết luận: “Nghệ là danh hiệu của người thiện xạ, không phải tên người”.

Như vậy, có thể hiểu: Nghệ trong truyền thuyết là một nhân vật tập hợp sự tích của rất nhiều người thiện xạ thời cổ.

Vừa đến nội viện, chàng đã thấy Thường Nga (1)ló đầu xem xét từ bên trong khung cửa sổ tròn. Chàng biết ánh mắt của nàng nhanh nhạy, nhất định đã nhìn thấy mấy con quạ rồi, bất giác chàng thở dài chán nản, chân bước ngập ngừng, nhưng rồi cũng đi vào trong. Đám thị nữ ra chào đón, cầm cung tên cho chàng và gỡ lấy túi lưới săn. Chàng cảm nhận được trên mặt chúng đang phảng phất một nụ cười khổ não.

(1)Thường Nga là nhân vật thần thoại cổ, vợ của Nghệ. Thiên “Lãm minh huấn” trong sách “Hoài Nam Tử” viết: “Nghệ xin Tây Vương Mẫu thuốc bất tử, Hằng Nga trộm lấy uống để lên trăng”. Tên của nhân vật này vốn là Hằng Nga, nhưng người thời Hán vì kiêng tên của Hán Văn Đế (Lưu Hằng) nên sửa thành Thường Nga.

“Phu nhân...”, chàng vào trong phòng, vừa nói vừa xoa tay lau mặt.

Thường Nga đang ngắm cảnh chiều buông ngoài cửa sổ, nàng từ từ quay đầu lại, hình như nhìn chàng mà không một chút để tâm, cũng chẳng đáp lại câu nào.

Tình huống kiểu này thì Nghệ đã quen lâu rồi, ít nhất cũng một năm trở lại đây. Chàng vẫn tới gần nàng, rồi ngồi xuống tấm đệm da báo cũ trụi lông trên chiếc giường gỗ phía đối diện, gãi gãi đầu, nói với vẻ ái ngại:

“Hôm nay vẫn chưa được may mắn, ta cũng chỉ bắt được quạ thôi...”.

“Hừm!”, Thường Nga nhướn đôi mày liễu, chột đứng dậy bỏ ra ngoài nhanh như cơn gió thoảng, miệng cảm ràm: “Lại là mì tương quạ rán, vẫn là mì tương quạ rán! Chàng đi hỏi hết xem, có nhà ai mà quanh năm suốt tháng chỉ ăn mỗi món mì tương quạ rán hay không? Thiếp quả thật không biết vì sao mình phải đi cho thật xa, cuối cùng gả vào cái nhà này để ăn mì tương quạ rán hết cả năm!”.

“Phu nhân”, Nghệ vội đứng bật dậy, thấp giọng nói sau lưng nàng, “Nhưng hôm nay cũng đâu phải quá xui xẻo, ta còn bắn được một con chim sẻ mà, có món khác cho nàng rồi đó thôi. Nữ Tân!”, chàng cao giọng gọi một thị nữ, “Người hãy mang con chim sẻ đó vào đây cho phu nhân xem!”.

Nguyên liệu để nấu món ăn đã mang vào trong bếp, Nữ Tân bèn chạy đi tìm rồi hai tay bưng lấy, đưa tới trước mặt Thường Nga.

“Hừm!”, nàng liếc sơ một cái, từ từ duỗi tay đẩy nó ra, nói với vẻ hơi bực bội, “Chỉ là một đồng bầy nhầy! Nát bét như vậy thì còn thịt thà gì nữa chứ?”.

“Phải rồi”, Nghệ rất hốt hoảng, “Nó bị ta bắn tan xác. Vì cung của ta quá mạnh, mũi tên lại rất to”.

“Chàng không dùng được mũi tên nhỏ một chút hay sao hả?”.

“Ta không có mũi tên nhỏ. Từ lúc ta bắn phong thi trường xà (1)...”.

“Cái này mà là phong thi trường xà ư?”, nàng vừa nói vừa quay ra quát Nữ Tân, “Lấy cho ta một bát nước dùng!”, rồi bỏ vào phòng riêng.

(1)Thiên “Bản kinh huấn” trong sách “Hoài Nam Tử” viết: “Thời vua Nghiêu... phong thi, tu xà làm hại muôn dân. Nghiêu bèn sai Nghê chém tu xà ở Động Đình, bắt phong thi ở Tang Lâm”. Phong thi là con lợn rừng to lớn, tu xà là con rắn dài.

Nghê ngơ ngác ở lại một mình giữa chính đường, dựa vào tường mà ngồi xuống, nghe tiếng củi khô cháy bập bùng trong nhà bếp. Chàng hồi tưởng lại thuở trước, con phong thi ấy to lớn biết nhường nào, nhìn từ xa y hệt như một gò đất nhỏ, nếu khi ấy chàng không bắn chết nó mà bắt giữ lại tới bây giờ thì có lẽ đủ ăn suốt nửa năm, đâu đến nỗi ngày ngày phải ăn bữa cơm buồn bã. Còn con trường xà nữa chứ, có thể đem nấu canh mà...

Nữ Ất đã tới châm đèn, bao nhiêu cung son, tên đỏ, cung đen, tên xám, máy nỏ, trường kiếm, đoản kiếm treo trên bức tường đối diện đều lần lượt hiện ra trong ánh đuốc lò mờ. Nghê nhìn qua một lượt rồi cúi đầu thở dài ảo não, chỉ thấy Nữ Tân mang cơm tối vào, đặt lên giữa án, bên trái là năm bát mì trắng lớn, bên phải bày ra hai cái bát, có một bát nước dùng, và chính giữa là một bát tương rán được chế biến từ thịt quạ.

Nghê ăn mì, tự chàng cũng thấy là không ngon lành gì hết. Chàng lén nhìn Thường Nga, nàng chẳng thèm để ý đến tương rán, chỉ rót nước dùng vào trong mì, ăn được nửa bát rồi đặt xuống. Chàng thấy hình như nàng gầy đi và khuôn mặt có vẻ xanh xao hơn lúc trước, không khéo nàng sẽ phát ốm mất thôi.

Khi đến canh hai, nàng tựa như hòa nhã hơn một chút, lặng lẽ ngồi uống nước ở góc giường. Nghệ ngồi xuống bên cạnh, tay xoa xoa tấm da báo cũ trụi lông.

“Nàng ơi”, chàng nói một cách dịu dàng, “Con báo văn Tây Sơn này là do ta bắn được trước khi mình kết hôn nè, hồi ấy tấm da của nó lấp lánh ánh vàng trông tuyệt đẹp”. Thế rồi chàng nhớ lại những món ăn năm đó, gấu thì chỉ ăn bốn bàn tay, lạc đà thì chỉ lấy mỗi cái bướu, phần còn lại đều ban thưởng cho gia nhân với thị nữ trong nhà. Về sau, các động vật to lớn dần bị bắn hết rồi, chàng lại ăn đến lợn lòi, thỏ, gà rừng,... Tài thiện xạ của chàng vẫn xuất chúng, muốn bao nhiêu là có được bấy nhiêu. “Chao ôi”, bất giác chàng than vãn, “Tiền pháp của ta quá tinh diệu, bắn đến độ sạch sành sanh cả mặt đất. Giờ đành phải bắt quạ làm thức ăn thôi chứ sao...”.

“Hừm”, nàng mỉm cười.

“Kể ra thì hôm nay cũng xem như là may mắn”, Nghệ có phần cao hứng, “Ta lại săn được một con chim sẻ. Ta phải lặn lội đi xa tới ba mươi dặm đường mới tìm thấy nó đấy”.

“Chàng không thể đi xa hơn một chút ư?”.

“Đúng thế, phu nhân à! Ta cũng nghĩ vậy đó. Ngày mai ta muốn đi sớm hơn một chút. Nếu nàng dậy sớm thì gọi ta dậy luôn. Ta phải sửa soạn để đi xa năm mươi dặm, có lẽ sẽ bắt được con hoẵng hay thỏ rừng gì đó chẳng... Nhưng mà, ta e cũng khó lắm. Vào lúc ta bắn phong thi trường xà, đã thú nhiều vô kể. Nàng còn nhớ không, trước cửa nhà nhạc mẫu thường hay có gấu đen đi qua, khi ấy nàng đã mấy lần kêu ta bắn chúng...”.

“Có chuyện đó sao?”, Thường Nga tựa hồ không nhớ rõ.

“Ai mà ngờ được cuối cùng lại sạch trơn như bây giờ. Thật không biết

những ngày sắp tới sẽ thế nào đây? Với ta thì không có gì căng thẳng, chỉ cần uống kim đan mà vị đạo sĩ kia tặng là có thể bay lên trời. Nhưng hơn hết, ta còn phải chăm lo cho nàng nữa,... nên ngày mai ta mới quyết định đi xa hơn một chút...”.

“Hừm”, Thường Nga đã uống nước xong, nàng từ từ nằm xuống và nhắm mắt lại. Ánh lửa tàn của ngọn đèn chiếu lơ mờ trên nhan sắc tiều tụy, son phấn đã nhạt đi chút ít, vành mắt hiện rõ vẻ xanh xao, nét kẻ lông mày cũng có phần nghiêng lệch. Song làn môi của nàng vẫn ửng hồng như ánh lửa, tuy nàng không hề mỉm cười nhưng gò má vẫn có lúm đồng tiền.

“Chà, một giai nhân tuyệt đẹp như vậy, sao ta có thể để cho nàng quanh năm chỉ ăn mỗi món mì tương quạ rán...”. Nghệ nghĩ ngợi mà cảm thấy hổ thẹn, mặt nóng bừng lan đến tận mang tai.

2.

Qua một đêm thì sẽ tới ngày hôm sau.

Nghệ bỗng mở to mắt, chỉ thấy một luồng ánh nắng chiếu chênh chếch trên bức tường phía Tây, chàng biết không còn sớm nữa rồi. Chàng nhìn tới Thường Nga, thấy nàng hãy còn duỗi thẳng người ngủ say giấc. Chàng lặng lẽ khoác áo ngoài, leo xuống chiếc giường da báo, nhón chân ra khỏi cửa, chàng vừa rửa mặt vừa gọi Nữ Canh đi dọn dò Vương Thăng chuẩn bị ngựa.

Công việc bận rộn nên chàng bỏ luôn bữa sáng. Nữ Ất lấy năm cái bánh hấp, năm cọng hành và một bạch tương ớt bỏ vào túi lưới đi săn, rồi buộc cung tên vào bên hông cho chàng. Chàng thắt chặt đai lưng, vừa nhẹ nhàng lao khỏi nhà vừa nói với Nữ Canh đang đi tới:

“Hôm nay ta tính đi xa kiếm thức ăn, có lẽ về muộn hơn một chút. Người xem chừng phu nhân thức dậy, dùng điểm tâm xong, lúc nào nàng vui vẻ thì

người hãy bấm báo với nàng, rằng bữa tối nay nàng phải đợi hơi lâu, ta vô cùng xin lỗi nàng. Nhớ không đấy? Người phải nói là ta rất xin lỗi nàng”.

Chàng vội vã ra cửa, phóng lên ngựa, quên bẵng hết đám gia nhân đứng đó, trong thoáng chốc đã ra khỏi thôn trang. Trước mặt là cánh đồng cao lương thường đi qua mỗi ngày, chàng biết chắc không có thứ mình cần nên chẳng mấy may chú ý. Đánh thêm hai roi ngựa, chàng lao thẳng về phía trước, chạy một mạch khoảng chừng sáu mươi dặm thì nhìn thấy một khu rừng tươi tốt sum suê, ngựa cũng đã thở hết hơi, toàn thân mồ hôi chảy ròng ròng, không thể phi nhanh được nữa.

Chàng lại đi thêm mười mấy dặm, đến sát bìa rừng, nhưng nhìn đâu cũng chỉ thấy ong bắp cày, bướm trắng, kiến, châu chấu, tuyệt không có chút dấu vết nào của dã thú chim muông. Khi nhìn thấy một vùng đất mới, chàng những tưởng ít nhất cũng có thể tìm được vài con cáo hay thỏ gì đó, nhưng hóa ra chỉ là giấc mơ thôi. Chàng đành phải lách qua khu rừng, và phía sau khu rừng vẫn là cánh đồng cao lương xanh biêng biếc, rải rác mấy gian nhà đất nho nhỏ phía xa xa. Gió se nắng ấm, vắng lặng như tờ.

“Xui quá!”, chàng hét lớn một tiếng, đến độ như tắt giọng, muốn trút hết bao nhiêu uất ức.

Nhưng vừa đi tới hơn chục bước thì lập tức chàng vui sướng tột độ. Từ xa, chàng đã thấy một con chim đang đậu trước sân của một căn nhà đất, vừa chạy vừa mổ thức ăn, hình như là loài bồ câu rất lớn. Chàng vội lắp tên vào cánh cung, kéo căng dây rồi buông tay một cái, mũi tên lao vút tới như sao băng.

Không chần chừ gì nữa, xưa nay chàng đã bắn là trúng đích, giờ chỉ việc thúc ngựa theo dấu mũi tên là sẽ bắt được con mồi. Nào ngờ lúc chàng tới gần thì đã có một mục giả ôm lấy con bồ câu trúng tên, gân cổ kêu gào, chạy tới chặn ngay trước ngựa.

“Người là tên nào? Sao lại bắn chết con gà mái đen quý giá của nhà ta? Người rảnh tay đến thế ư?...”.

Nghệ giật thót tim, vội kìm ngay cương ngựa.

“Ái chà! Đó là gà sao? Tôi lại tưởng là một con chim ban cừ”, chàng nói trong sự hoảng hốt.

“Người mù hả? Nhìn người chỉ khoảng bốn mươi mấy tuổi thôi mà”.

“Phải đó, thưa cụ. Năm ngoái tôi đã bốn mươi lăm”. (1)

(1) Từ chỗ này trở xuống, có nhiều câu văn liên hệ đến sự việc Cao Trường Hồng đang phỉ báng Lỗ Tấn lúc bấy giờ.

Cao Trường Hồng (1898 - 1954), tên thật là Ngưỡng Dũ, người huyện Vụ tỉnh Sơn Tây, là một nhà văn trẻ chịu ảnh hưởng bởi chủ nghĩa hư vô và chủ nghĩa vô chính phủ đương thời. Tháng 12 năm 1924, y quen biết với Lỗ Tấn và đã được Lỗ Tấn chỉ dẫn, giúp đỡ rất nhiều. Khi Lỗ Tấn biên tập tuần san “Mãng nguyên” vào năm 1925 thì y cũng là người viết bài cho tạp chí này. Nhưng đến nửa cuối năm 1926, y viện cớ người biên tập bán nguyệt san “Mãng nguyên” (lúc đó Lỗ Tấn đã rời Bắc Kinh đến Đại học Hạ Môn làm giảng viên, từ năm 1926 tờ “Mãng nguyên” đổi thành bán nguyệt san) là Vi Tố Viên không đăng bài của Hưởng Bồi Lương, nhân đó bôi nhọ thanh danh ông, đồng thời tỏ thái độ bất mãn với Lỗ Tấn. Nhưng mặt khác, y lại lợi dụng tên tuổi của Lỗ Tấn để rêu rao lừa gạt mọi người. Như vào tháng 8 năm đó, y đăng quảng cáo trên nguyệt san “Tân phụ nữ” của Cuồng tiêu xã (đoàn thể văn nghệ do y và Hưởng Bồi Lương tổ chức ra), khoe rằng đã từng cùng Lỗ Tấn hợp tác thành lập báo “Mãng nguyên”, đã vậy còn nói ngầm với độc giả rằng Lỗ Tấn cũng có tham gia “Phong trào Cuồng tiêu” của họ nữa.

Khi Lỗ Tấn vạch trần trò lừa đảo này thì lập tức bị Cao Trường Hồng công kích và phỉ báng. “Lên trăng” được viết vào thời gian đó, nên nhân vật Phùng Mông trong truyện mang bóng dáng của Cao Trường Hồng.

Nhiều câu thoại được trích dẫn và cải biên từ tác phẩm của y.

Như câu “Năm ngoái tôi đã bốn mươi lăm” và câu “Nếu tự xem mình như người già thì đó là sự lụn bại trong tư tưởng” bên dưới được trích từ câu gốc như sau: “Phải biết tôn ty về tuổi tác, ấy là tư tưởng bắt chước lại ông cha, trong thời đại mới thì đây chính là thứ trở ngại lớn nhất. Năm ngoái, Lỗ Tấn chỉ mới bốn mươi lăm tuổi thôi, ... nếu tự xem mình như người già thì đó là sự lụn bại của tinh thần”.

Câu “Người mò đến cả trăm lần, hóa ra chẳng được chút ích lợi gì hết!” cũng lấy từ lời nói của Cao Trường Hồng, y tự nhận y và Lỗ Tấn đã “gặp mặt cả trăm lần”.

“Tức dĩ kỳ nhân chi đạo, phản chư kỳ nhân chi thân” là dẫn từ bài viết “Cuộc trò chuyện giữa Công Lý và Chính Nghĩa”:

Chính Nghĩa: Ta rất hy vọng chúng nó sẽ giác ngộ, nhưng e là khó lắm!

Công Lý: Còn ta thì “Tức dĩ kỳ nhân chi đạo, phản chư kỳ nhân chi thân (lấy phương pháp của người đó để trị lại người đó)”.

Câu “Người đã đánh phải hồi chuông báo tử” là trích trong bài viết “Vận mệnh của thời đại”: “Lỗ Tấn tiên sinh đã đánh hồi chuông báo tử cho thời đại cũ mà không hề nói lời nào”.

Hai câu “Có người bảo lão gia vẫn là một chiến sĩ” và “Đôi lúc trông ngài lại tưởng một nghệ nhân nữa cơ” được trích dẫn từ bài “Chỉ chương đồ”: “Ấn tượng mà ông (chỉ Lỗ Tấn) để lại cho tôi chính là điều trong sáng nhất giữa khoảng thời gian ngắn ngủi đó (tức cuối năm 1924), đúng là diện mục của

một nghệ nhân chân chính, nhưng về sau, đó chỉ còn là khuôn mặt của một chiến sĩ bình thường nhưng dũng cảm”.

“Uổng cho người sống đến chừng ấy năm! Đến gà mái mà cũng không biết, lại tưởng nhằm chim ban cưu. Rốt cuộc nhà người là tên nào đây hả?”.

“Tôi chính là Di Nghệ”, chàng vừa nói vừa nhìn mũi tên mình bắn ra, tên đâm trúng ngay tim con gà mái, nó chết chắc rồi, chết không kịp trăn trối, và đồng thời chàng cũng nhảy xuống ngựa.

“Di Nghệ ư?... Ai vậy? Ta không biết”. Mụ nhìn vào mặt chàng rồi nói.

“Có vài người nghe tên tôi là biết ngay. Thời Đế Nghiêu, tôi đã từng bắn chết vài con lợn rừng, mấy con mãng xà...”.

“Ha ha, định lừa ta chăng? Ấy là Phùng Mông (1)lão gia hợp sức với người khác bắn chết chúng. Chắc trong đó có nhà người, nhưng người lại dám nói tự người làm được, đúng là thứ không biết xấu hổ”.

(1)Phùng Mông, có sách chép Bàng Mông, cũng là một nhân vật thiện xạ thời cổ, tương truyền là học trò của Nghệ.

“A, thưa cụ! Phùng Mông chỉ là cái người hay qua lại chỗ tôi trong mấy năm gần đây, song chúng tôi chưa từng hợp tác làm chung việc gì cả, anh ta không có liên quan đâu cụ à”.

“Nói bậy! Đạo nàymọi người thường hay kể, một tháng ta nghe đến bốn năm lần”.

“Sao cũng được! Ta bàn việc chính thôi! Con gà nàycụ tính như thế

nào?”.

“Đền đi! Đây là con gà quý, ngày ngày đẻ trứng cho nhà ta đó. Người phải đền cho ta hai cây cuốc, ba con thoi”.

“Cụ ơi, cụ nhìn bộ dạng của tôi xem, không cấy cày, cũng chẳng may vá, lấy đâu ra cuốc với thoi. Tôi cũng không mang theo tiền, chỉ có năm cái bánh hấp, nhưng làm từ bột mì đó, cụ cầm đi, xem như tôi đền cụ con gà, thêm năm cọng hành với bạch tương ớt này nữa. Cụ thấy sao?...”, chàng một tay lấy bánh trong túi lưới, tay kia giữ con gà.

Mụ già nhìn bánh hấp bột mì, có chút không vừa ý, nhưng đòi đến mười lăm cái. Sau một hồi thương lượng, vất vả lắm mới đạt được thỏa thuận là mười cái, hạn chót là giữa trưa ngày mai phải đưa sang, nay tạm dùng mũi tên bắn chết con gà làm vật thế chấp. Lúc bấy giờ Nghệ mới thấy nhẹ nhõm, chàng nhét kỹ con gà vào túi lưới rồi ngồi lên yên ngựa, quay đầu chạy đi, tuy đói bụng nhưng trong lòng rất vui, hai vợ chồng đã không được uống canh gà hơn một năm nay rồi.

Lúc băng qua khu rừng, vẫn đang là buổi chiều, thế là chàng nhanh chóng thúc ngựa về nhà gấp. Nhưng con ngựa mệt quá rồi, vừa về đến cánh đồng cao lương quen thuộc thì đã xế bóng hoàng hôn. Chợt thấy từ đằng xa có dáng người thấp thoáng, rồi bỗng dừng một mũi tên bắn tới phía chàng (1).

(1)Thiên “Ly Lôu” sách “Mạnh Tử” có viết: “Phùng Mông học bắn tên từ Nghệ, học hết tài của thầy rồi, nghĩ trong thiên hạ chỉ có Nghệ giỏi hơn mình, thế là giết Nghệ”.

Nghệ không hề ghìm cương ngựa mà cứ việc chạy tiếp, đồng thời cũng lắp tên vào cánh cung, chỉ một phát bắn, một tiếng keng vang vọng, hai đầu

tên chạm nhau lóe tung ánh lửa giữa không trung và ghép thành một chữ “nhân”, đoạn xoay vần rơi xuống trên mặt đất. Lướt tên thứ nhất mới chạm nhau thì từ hai phía lại bay tới đợt tiếp theo, cũng vẫn là một tiếng keng vang vọng, va vào nhau giữa không trung. Cứ như vậy, bắn xong hết chín lượt thì ống tên của Nghệ cũng đã dùng sạch. Khi đó, chàng nhìn thấy rõ ràng Phùng Mông đứng trước mặt mình dương dương đắc ý, hắn vẫn còn lại một mũi tên lấp đang giữa dây cung, nhắm thẳng cổ họng của chàng.

“Ha ha, mình cứ tưởng nó đã ra bờ biển bắt cá từ lâu rồi, không ngờ vẫn còn quanh quẩn giờ trò ở đây, chẳng trách mù già kia nói thế...”, Nghệ nghĩ thầm.

Trong giây lát, chiếc cung trước mặt chàng đã kéo cong như mảnh trăng đầy, mũi tên thì như ánh sao băng. Vút một tiếng, bay tới cổ họng của Nghệ. Có lẽ do tầm ngắm bị lệch đi chút ít nên mũi tên lại bay đến miệng chàng, chàng lật nhào người mang theo tên ngã xuống ngựa, con ngựa cũng đứng lại ngay đó.

Phùng Mông thấy Nghệ đã chết, từ từ nhón chân bước qua, mỉm cười nhìn gương mặt người chết, hắn cho rằng mình đang uống chén rượu mừng thắng lợi.

Hắn vừa chăm chú nhìn thì thấy Nghệ đã mở mắt rồi bỗng nhiên ngồi thẳng dậy.

“Người mò đến cả trăm lần, hóa ra chẳng được chút ích lợi gì hết!”, chàng nhả mũi tên ra và cười nói, “Lẽ nào đến cả “phép căn tên” của ta mà người cũng không biết ư? Vậy thì còn làm ăn gì được nữa? Dám dùng tuyệt kỹ học lỏm được từ ta để mà ám toán ta, đúng là làm trò hề, mau về nhà tu luyện thêm cho thành thạo đi”.

“Tức dĩ kỳ nhân chi đạo, phản chư kỳ nhân chi thân”(lấy phương pháp

của người đó để trị lại người đó)...”, kẻ thắng lắm bẫm.

“Ha ha ha!”, chàng vừa cười to vừa đứng dậy, “Lại còn trích dẫn kinh điển nữa chứ! Những lời lẽ đó chỉ đánh lừa được mấy mục già thôi, đối với ta không có tác dụng gì đâu! Anh đây trước giờ chỉ chuyên tâm săn bắn, chứ không chơi trò cướp cạ như chú...”, chàng vừa nói vừa xem chừng con gà mái trong lưới sẵn, thấy nó không hề hấn gì, vậy là lên ngựa rồi đi thẳng.

“...Người đã đánh phải hồi chuông báo tử...”, từ xa xa còn vang vọng tiếng rủa mắng.

“Thật không ngờ có đứa hư hỏng đến như vậy. Mới tí tuổi đầu mà đã quen thói chửi bới, thảo nào mục già kia lại tin nó đến sái cổ”, Nghệ nghĩ thầm, ngồi trên ngựa bất giác lắc đầu đầy chán nản.

3.

Vẫn chưa đi hết ruộng cao lương thì vòm trời đã tối sầm, mấy chòm sao dần hiện rõ trên tầng không xanh thẫm, sao Trường Canh (tức sao Hôm) ở góc phía Tây sáng rực rỡ lạ thường. Con ngựa chỉ biết men theo bờ ruộng trắng mà đi, với lại nó đã sức cùng lực kiệt từ lâu nên lê bước càng chậm hơn. May thay, vầng trăng ở chân trời đang từ từ chiếu ra ánh sáng bạc trong trẻo.

“Đáng ghét thật!”, Nghệ nghe bụng mình đang gào sôi một trận, càng thấy sốt ruột hơn. “Đã bận rộn kiếm sống mà còn dính phải chuyện không đâu, đúng là mất thời giờ!”, chàng lấy hai chân thúc một cái lên bụng ngựa, giục nó đi mau, nhưng cơ thể nó lắc lư rồi vẫn là đà như lúc trước.

“Thường Nga chắc sẽ giận lắm đây, ta về muộn quá mà”, chàng nghĩ. “Nói không chừng còn làm mình làm mẩy nữa. Nhưng may là bắt được con gà, có thể sẽ khiến cho nàng vui. Ta chỉ cần nói: “Phu nhân ơi, ta phải đi về hết hai trăm dặm mới tìm ra đó”. Không, không được, nói vậy hình như quá

khoe khoang”.

Chàng nhìn thấy ánh lửa của gia nhân trước mặt thì một niềm vui sướng khôn tả chợt trào lên. Giờ không cần thúc giục nữa, con ngựa tự động chạy như bay. Vầng trăng tròn vành vạnh trắng như tuyết đang chiếu xuống con đường, gió phả hơi mát lên khuôn mặt, thật sự còn thú vị hơn cả những lúc chàng đi săn lớn trở về.

Con ngựa đương nhiên vẫn dừng lại bên đồng rác, Nghệ nhìn qua một lượt, hình như nhận thấy sự khác thường, không biết sao trong nhà có vẻ hơi bất ổn. Ra nghênh đón chàng chỉ có mình Triệu Phú.

“Sao vậy? Vương Thăng đâu?”, chàng ngạc nhiên hỏi.

“Vương Thăng đã sang Diêu gia tìm phu nhân rồi ạ”.

“Cái gì chứ? Phu nhân đã tới Diêu gia sao?”, Nghệ ngồi trên ngựa ngo ngác hỏi.

“Dạ...”, hăn vừa đáp vừa đi tới nhận lấy roi ngựa với dây cương.

Nghệ mới xuống ngựa đã chạy ngay vào nhà, chàng nghĩ ngợi rồi quay đầu lại hỏi:

“Hay là nàng đợi lâu quá nên tự mình ra quán cơm rồi?”.

“Dạ, con đã đi hỏi ba quán cơm nhưng đều không tìm thấy”.

Nghệ cúi đầu suy nghĩ, rồi đi vào trong, ba thị nữ đều tụ tập trước chính đường với vẻ rất lo sợ. Chàng lại thêm kinh ngạc, lớn tiếng hỏi:

“Các người đều ở nhà cả hay sao? Diêu gia ư, trước giờ phu nhân có tới đó một mình đâu chứ?”.

Bọn chúng không trả lời, chỉ nhìn chàng rồi tới gỡ giúp cây cung, ống tên cùng với túi lưới sẵn đang bọc lấy con gà mái. Nghệ bỗng nhiên thấy hãi hùng, chàng lo rằng Thường Nga vì giận dữ nhất thời mà nghĩ quẩn, chàng gọi ngay Nữ Canh đi kêu Triệu Phú tới, chàng muốn sai hăn ra sau vườn xem xét một lượt dưới đáy ao và trên những tán cây. Nhưng khi bước vào phòng thì chàng hiểu ngay rằng suy đoán của mình không đúng: Trong phòng rất lộn xộn, tủ áo mở toang, nhìn trên giường, trước hết là thấy thiếu mất hòm trang sức. Bấy giờ chàng giống như bị xối một chậu nước lạnh lên đầu, vàng bạc châu báu thì đương nhiên không cần nói, nhưng thuốc tiên mà vị đạo sĩ ấy tặng chàng cũng để trong chiếc hòm kia.

Chàng xoay người nhìn quanh hai vòng, mới thấy Vương Thăng đứng trước cửa.

“Bẩm lão gia”, Vương Thăng nói, “Phu nhân không đến Diêu gia, bọn họ hôm nay cũng không chơi đánh bài”.

Nghệ nhìn hăn một cái, không nói gì. Vương Thăng liền lui ra.

“Lão gia gọi con?...”, Triệu Phú bước lại hỏi.

Nghệ lắc đầu, vẫy tay một cái, bảo hăn lui đi.

Nghệ đi đi lại lại trong phòng mấy lượt rồi ra tới chính đường ngòi xuống, ngẩng đầu nhìn cung son, tên đỏ, cung đen, tên xám, máy nổ, trường kiếm, đoản kiếm trên bức tường đối diện, nghĩ ngợi một lúc rồi mới hỏi đám thị nữ đang đứng ngơ ngác bên dưới:

“Các người không thấy phu nhân từ lúc nào?”.

“Khi thắp đèn thì con đã không thấy nữa rồi”, Nữ Ất nói, “Nhưng không ai thấy phu nhân đi ra ngoài ạ”.

“Các người có thấy phu nhân uống thuốc trong cái hòm kia không?”.

“Dạ không ạ. Nhưng hồi chiều phu nhân lại bảo con lấy nước cho người uống”.

Nghệ đứng bật dậy, tựa hồ chàng cảm thấy một mình mình đã bị bỏ lại giữa thế gian.

“Các người có thấy cái gì đó bay lên trời hay không?”, chàng hỏi.

“À!”, Nữ Tân ngẫm nghĩ rồi chợt nhớ ra, “Lúc thắp đèn xong, đúng là con có nhìn thấy một bóng đen bay về hướng này này, nhưng khi đó con lại không nghĩ tới phu nhân...”, khuôn mặt cô bỗng đổi sang màu trắng bệch.

“Rõ rồi!”, Nghệ vỗ gối một cái, liền đứng dậy, đi ra khỏi nhà, quay lại hỏi Nữ Tân, “Phía nào hả?”.

Nữ Tân đưa tay chỉ, chàng nhìn theo, thấy bên đó là một vầng trăng tròn vành vạnh trắng như tuyết đang treo lơ lửng giữa không trung, bên trong thấp thoáng hình ảnh của lâu đài, cây cối. Hồi còn nhỏ, bà nội từng kể cho chàng nghe về những cảnh sắc tuyệt đẹp của nguyệt cung, chàng dần nhớ lại mang máng. Vầng trăng đối với chàng bây giờ đã giống như trôi dạt vào biển khơi xanh biếc, toàn thân chàng cảm thấy hết sức nặng nề.

Chàng đột nhiên thấy phần nộ. Từ trong phần nộ lại nảy ra sát cơ, chàng trợn tròn đôi mắt, quát tháo đám thị nữ:

“Mang cây cung bắn rụng mặt trời của ta lại đây! Lấy ba mũi tên nữa!”.

Nữ Ất và Nữ Canh nhắc cây cung to lớn giữa chính đường mang xuống, phủi đi lớp bụi, rồi đưa cho chàng cây cung lẫn ba mũi tên.

Chàng một tay cầm cung, một tay đón lấy và lắp cả ba mũi tên vào, kéo

căng cung, nhắm về phía mặt trăng. Thân hình đứng thẳng như mỏm đá, mắt nhìn chăm chăm sáng chói như chớp giật, râu bay phơ phất như lửa đen, trong phút chốc ấy, người ta ngỡ như đang được chứng kiến phong tư hào hùng của chàng khi bắn rụng mặt trời (1) năm xưa.

(1) Thiên “Bản kinh huấn” trong sách “Hoài Nam Tử” viết: “Thời vua Nghiêu, mười mặt trời cùng xuất hiện, thiêu đốt hoa màu, hại chết cỏ cây, dân không có gì để ăn. Nghiêu bèn sai Nghệ... đi bắn mặt trời”. Cao Dụ chú: “Mười mặt trời cùng xuất hiện, Nghệ bắn đi chín cái”.

Vút một tiếng,... chỉ một tiếng thôi, ba mũi tên đã vọt đi, mới bắn xong liền lấp tên, vừa lấp tên lại bắn tiếp, mắt không kịp nhìn thủ pháp ấy, tai cũng nghe không kịp âm thanh kia. Mục tiêu phía trước vốn phải hứng chịu ba mũi tên tụ lại cùng một chỗ, bởi vì tên nối lấy tên, tiếp đuôi nhau giống như một sợi tơ. Nhưng chàng vì nôn nóng muốn trúng đích nên khi ấy có hơi run tay, khiến cho làn tên chia thành ba điểm gây ra ba vết thương trên mặt trăng.

Bọn thị nữ la lên một tiếng, mọi người đều thấy vầng trăng rung chuyển như sắp rơi,... nhưng nó lại cứ treo y nguyên trên đó, chiếu ra ánh sáng rực rỡ và dịu êm, tựa hồ không bị thương tổn một chút gì.

“Này!”, Nghệ ngửa mặt kêu lớn, nhìn nó trong khoảnh khắc, nhưng mặt trăng không để ý đến chàng. Chàng tiến lên ba bước, mặt trăng liền lùi ba bước; chàng lùi về ba bước, mặt trăng lại theo đúng số bước ấy tiến lên.

Ai nấy nhìn nhau lặng lẽ.

Nghệ chán nản dựng cây cung từng bắn rụng mặt trời bên cánh cửa rồi đi vào nhà. Bọn thị nữ cũng đồng loạt theo chàng.

“Hừ”, Nghệ ngồi xuống và than thở, “Vậy là phu nhân của các người sẽ

hưởng phúc một mình đến mãi mãi. Sao nàng có thể nhẫn tâm bỏ rơi ta mà bay đi mất chứ? Chẳng lẽ nàng thấy ta đã già rồi ư? Nhưng mới tháng trước nàng còn nói: Ở tuổi của ta, nếu tự xem mình như người già thì đó là sự lụn bại trong tư tưởng”.

“Chắc chắn không phải vậy đâu ạ”, Nữ Ất nói, “Có người bảo lão gia vẫn là một chiến sĩ”.

“Đôi lúc trông ngài lại tưởng một nghệ nhân nữa cơ”, Nữ Tân nói.

“Đánh rắm!... Nhưng mà mì tương quạ rán đúng là chẳng ngon lành gì, chả trách nàng không sao chịu nổi...”.

“Chỗ bị trụi lông trên tấm đệm da báo, con sẽ cắt một miếng da ở chân tường rồi đắp vào, không phải dễ coi hơn hay sao?”, Nữ Tân đi vào trong phòng.

“Từ từ đã”, Nghệ vừa nghĩ ngợi vừa nói, “Chuyện đó không cần vội. Giờ ta đói lắm, hay là làm ngay cho ta một đĩa thịt gà cay, nướng thêm năm cân bánh khô nữa, để ta ăn xong rồi ngủ thật ngon giấc. Ngày mai ta lại đi tìm vị đạo sĩ nọ xin một liều thuốc tiên, uống và đuổi theo nàng. Nữ Canh, người đi dặn dò Vương Thăng, bảo nó đóng cho ngựa ăn bốn thăng đậu trắng”.

Tháng 12 năm 1926

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Trị Thủy

1.

Đó là thời buổi “cuồn cuộn hồng thủy tàn phá, mệnh mông bọc núi trùm gò”, trăm họ của Đế Thuấn (1) không phải đều chen chúc nhau trên đỉnh núi nhô lên khỏi mặt nước, mà có người thì bó mình trên ngọn cây, có người lại ngồi nơi bè gỗ, trên vài chiếc bè gỗ còn bắc ván làm lầu, từ bên bờ trông thấy thì đúng là giàu chất thơ.

Tin tức trong đất liền xa thăm là từ bè gỗ truyền ra. Mọi người cuối cùng đã biết Cỗn đại nhân vì trị thủy tròn hết chín năm không thu được hiệu quả, long nhan nổi trận lôi đình, bắt ông đi sung quân ở Vũ Sơn, người kế nhiệm hình như lại chính là thiếu gia Văn Mệnh con ông ấy, nhũ danh A Vũ (2).

(1) Thuấn (hay Ngu Thuấn), vốn có tên Trọng Hoa, là một vị vua thời cổ đại của Trung Quốc. Ông được vua Nghiêu gả con gái và nhường ngôi cho.

(2) Vũ là một anh hùng trị thủy của Trung Quốc cổ đại và là người sáng lập ra nhà Hạ. Tên ông là Văn Mệnh. Thời vua Nghiêu có nạn lụt rất lớn, vua muốn chọn người đi trị thủy, Tứ Nhạc đề cử Cỗn. Cỗn làm việc hết chín năm mà không có hiệu quả. Khi Thuấn lên ngôi, đi tuần tra và bắt Cỗn lưu đày (có thuyết nói là giết chết). Thuấn chọn con trai của Cỗn là Vũ lên thay cha trị thủy. Vũ trị thủy thành công, cứu dân chúng thoát khỏi thiên tai và về sau còn được Thuấn nhường ngôi.

Thiên tai kéo dài, các trường đại học đã giải tán từ lâu, đến cả nhà trẻ cũng không có nơi nào mở cửa, cho nên trăm họ đều có chút vô tri vô thức. Chỉ duy nhất trên ngọn núi Văn Hóa còn tụ tập rất nhiều học giả, thức ăn của họ là do nước Kỳ Quăng (1) dùng xe bay chuyển tới, vì vậy mà chẳng lo thiếu thốn, bởi thế nên có đủ điều kiện để nghiên cứu khoa học. Nhưng bọn họ nói chung đều phản đối Vũ, hoặc nhất quyết không tin thật sự có Vũ ở trên thế giới này.

(1) Phần “Hải ngoại Tây kinh” trong sách “Sơn hải kinh” chép: “Ở phía Bắc có nước Kỳ Quăng, con người nơi đó có một tay ba mắt, có âm có dương, cưỡi ngựa vằn”. Quách Phác chú: “Người dân xứ này nhanh nhẹn khéo léo, ... có thể chế tạo xe bay, theo gió đi tới nơi xa”.

Mỗi tháng một lần, theo thường lệ đều vang lên tiếng vi vu giữa không trung, càng vang càng chát chúa, xe bay đã nhìn thấy rõ ràng, trên xe cắm lá cờ vẽ một vòng tròn viền vàng phát ra tia lấp lánh. Khi cách mặt đất chừng năm thước thì thả xuống mấy chiếc làn, không ai biết trong đó đựng cái gì, chỉ nghe thấy trên dưới nói chuyện với nhau:

“Gút-mo-ning!”.

“Hau-đu-diu-đu!”. (1)

“Ku-lu-ji-li...”. (2)

“O.K!”.

(1) Trong nguyên bản, tác giả dùng tiếng Hán để dịch âm các câu “Good morning!” (Chào buổi sáng!) và “How do you do?” (Chào anh!) trong tiếng

Anh.

(2)Không rõ tác giả dịch âm câu gì.

Xe bay vút đi nhanh về phía nước Kỳ Quãng, trên không trung chẳng nghe thấy chút âm thanh nào nữa, các học giả cũng im ắng, mọi người đang ăn cơm. Chỉ có sóng nước bao quanh ngọn núi đang vỗ lên thềm đá, không ngừng gào thét dâng trào. Đến trưa thì họ tỉnh giấc, tinh thần vô cùng hăng hái, thế là các học thuyết cũng áp đảo luôn tiếng sóng.

“Vũ mà trị thủy, chắc chắn sẽ không thành công, nếu như hân là con của Cồn”, một vị học giả chống gậy nói. “Tôi đã từng sưu tập gia phả của rất nhiều bậc vương công đại thần và các gia đình hào phú, trải qua một quá trình nghiên cứu công phu mới đi đến được kết luận: Con cháu của người sang hiển đều là người sang hiển, con cháu của kẻ xấu xa đều là kẻ xấu xa, cái này gọi là “di truyền” đó. Cho nên, nếu Cồn đã không thành công thì Vũ, con ông ta, nhất định cũng sẽ không thành công, bởi vì người ngu không thể nào sinh ra người thông minh được!”.

“O.K!”, một vị học giả không chống gậy nói.

“Nhưng ngài hãy nghĩ tới Thái Thượng Hoàng (1)của chúng ta mà xem”, một vị học giả khác không chống gậy nói.

“Ngài ấy lúc trước tuy có chút “gàn dở” thật, nhưng bây giờ đã đỡ hơn nhiều rồi. Nếu là người ngu thì mãi mãi không thể nào cải thiện nổi...”.

“O.K!”.

“Mấy... mấy chuyện ấy... ấy đều là nói phỉ lời”, lại có một học giả lúng túng cất giọng, đầu mũi lập tức căng ửng đỏ lên. “Các ông bị mớ tin vẹt đó lừa gạt rồi. Kỳ thực không hề có cái người gọi là Vũ, “vũ” là một con trùng, con trùng... trùng có biết trị thủy không? Tôi thấy Cồn cũng không có thật

đâu, “côn” là một con cá, con cá... cá thì có biết trị thủy... thủy... thủy đâu?”(2), hăn nói tới đây thì ra sức giậm hai chân xuống đất một cái. (2)

(1)Thái Thượng Hoàng chỉ Cổ Tấu, cha của Thuấn. Ông này được sử sách miêu tả là “gàn dở”, vô tri, nhưng Thuấn, con trai ông ta, lại tài giỏi hơn người.

(2)Nhân vật Điều Đầu tiên sinh được xây dựng từ hình tượng của một học giả đương thời là Cổ Hiệt Cương. Chữ “Cổ” (顧), họ của ông ta, nếu chiết tự sẽ thành hai chữ “cổ hiệt” (雇頁), trong đó “cổ” (雇) là tên một loài chim, còn “hiệt” (頁) có nghĩa là “cái đầu”. Tên “Điều Đầu” được Lỗ Tấn sáng tạo từ đây.

Cổ Hiệt Cương (1893 - 1980), tên thật là Tụng Khôn, tự Minh Kiên, người Tô Châu, Giang Tô, đại biểu của phái “Cổ sử biện”. Ông từng đưa ra mười luận điểm lớn về cổ sử Trung Quốc, trong đó có một luận điểm cho rằng: Vũ là động vật, là thần, không có liên quan đến nhà Hạ. Quan điểm của ông được căn cứ trên “Thuyết văn giải tự” của Hứa Thận thời Đông Hán.

Trong “Thư gửi Tiền Huyền Đồng luận bàn về cổ sử” năm 1925, Cổ Hiệt Cương viết: “Vũ từ đâu xuất hiện? Vũ với Kiệt (vua cuối cùng của nhà Hạ) vì sao lại có quan hệ với nhau? Tôi cho rằng đều từ trên cửu đỉnh mà ra. “Vũ” (禹), “Thuyết văn” nói: “Trùng dã. Tùng nhữ, tượng hình (Là trùng vậy. Từ “nhữ”, tượng hình)”. “Nhữ” (𩺰), “Thuyết văn” nói: “Thú túc nhụ địa dã (Chân thú đạp trên đất vậy)”. Trùng mà có chân đạp đất, đại khái là một loại tích dịch (thằn lằn, tắc kè). Tôi cho rằng, Vũ có thể là một loại động vật được đúc trên cửu đỉnh, lúc bấy giờ, những tượng vật đúc trên đỉnh nhất định là có rất nhiều hình dạng kỳ quái, Vũ là loài có sức mạnh bậc nhất trong số đó, hoặc là có bộ dạng mở đất, cho nên mới được xem như kẻ khai thiên lập địa (Bá Tường nói: Vũ có lẽ là rồng, truyền thuyết Đại Vũ trị thủy e rằng cũng

tương tự như chuyện thủy thần cúng tế Long Vương). Lưu truyền đến đời sau, lại thành ra một nhân vương đích thực”.

Còn chữ “cồn” (鯨), “Thuyết văn giải tự” giải thích: “Cồn: ngư dã (Cồn, là cá vậy)”.

Mặt khác, do Cố Hiệt Cường từng công tác tại Hội nghiên cứu ca dao thuộc Viện nghiên cứu của Đại học Bắc Kinh, sưu tập ca dao Tô Châu, xuất bản thành cuốn “Ngô ca giáp tập”, cho nên đoạn dưới Lỗ Tấn mới viết là Điều Đầu tiên sinh “đi sưu tập các ca khúc dân gian”.

“Nhưng Cồn quả thật là có đấy, bảy năm trước, tôi còn tận mắt thấy ông ta đến chân núi Côn Lôn để thưởng mai”.

“Vậy thì tên ông ta viết sai rồi, đại khái không gọi ông ta là “Cồn” (con cá), tên của ông ấy nên gọi là “Nhân” (con người)! Còn như Vũ, đó nhất định là con trùng, tôi có rất nhiều chứng cứ có thể chứng minh hẳn không tồn tại, mang đến cho mọi người một bình luận công bằng...”.

Thế là hẩn hùng hổ đứng lên, mò ra chiếc dao cạo, gọt đi lớp vỏ của năm gốc tùng lớn, dùng vụn bánh mì ăn thừa hòa với nước nghiền thành chất hồ rồi trộn lẫn bột than, dùng chữ nòng nọc (tức chữ khoa đầu) rất nhỏ viết các khảo chứng mặt sát A Vũ lên thân cây, tốn vừa đủ khoảng thời gian là ba chín hai mươi bảy ngày. Nhưng phàm có người muốn xem thì phải giao ra mười tấm lá du non, nếu là người sống trên bè gỗ thì phải nộp râu tươi đầy ắp một vỏ sò.

Khắp nơi ngang dọc đều là nước, thú không thể săn, đất chẳng thể trồng, miễn rằng còn sống thì đều đang nhàn rồi, do đó người đến xem rất đông. Chen chúc dưới gốc tùng hết ba ngày, đâu đâu cũng nghe tiếng thở dài, có

người thì bội phục, có kẻ lại ỉu xiu. Nhưng đến giữa trưa ngày thứ tư, cuối cùng cũng có một người nhà quê lên tiếng, khi ấy vị học giả kia đang ăn mì xào.

“Trong loài người, có kẻ tên A Vũ đó”, người nhà quê nói. “Huống hồ ‘Vũ’ cũng không phải trùng, đó là lỗi viết tắt của người nhà quê chúng tôi, chứ vị bô lão đều viết là ‘Ngu’ (1), tức một con khỉ lớn...”.

(1) Trong tiếng Hán, chữ “ngu” (禺) và chữ “vũ” (禹) hơi giống nhau, nhưng nét bút của chữ “vũ” được xem là đơn giản hơn chữ “ngu”. Do vậy ở đây mới nói chữ “vũ” là chữ “ngu” viết tắt.

“Con người có tên gọi là khỉ lớn... lớn không hả?”, vị học giả nhảy dựng lên, nuốt vội xuống một họng mì chưa nhai nát, lỗ mũi từ đỏ chuyển sang tím, lớn giọng quát tháo.

“Có chứ, đến tên A Cầu (chó) hay A Miêu (mèo) cũng có nữa kia”.

“Điều Đầu tiên sinh, ngài đâu cần phải tranh biện với hăn”, vị học giả chống gậy đặt bánh mì xuống, chen vào giữa nói. “Người nhà quê đều là kẻ ngu mà. Cầm gia phả của anh tới đây”, lão quay về phía người nhà quê kia, lên giọng nói to, “Tôi nhất định sẽ chứng minh được đời trước của nhà anh đều là kẻ ngu...”.

“Nhà tôi từ trước đến nay chưa hề có gia phả...”.

“Hừ, khiến cho nghiên cứu của tôi chưa thể chính xác, đó là bởi mấy tên đáng ghét các anh!”.

“Nhưng cũng... cũng đâu cần dùng đến gia phả, học thuyết của tôi không thể nào sai”, Điều Đầu tiên sinh càng thêm tức hằm hằm, “Trước kia, rất

nhiều học giả từng viết thư gửi tới tán thành học thuyết của tôi, mấy lá thư đó tôi đều giữ ở đây này...”.

“Không, không, vẫn nên tra gia phả chứ...”.

“Nhưng rốt lại tôi không hề có gia phả”, “người ngu” kia nói. “Hiện giờ đang là lúc người ngựa rồi ren thế này, giao thông bất tiện, muốn đợi bạn bè của ngài gửi thư đến tán thành rồi lấy đó làm chứng cứ, thật sự còn khó hơn cả dựng đạo trường trong vỏ ốc. Chứng cứ ở ngay trước mắt đây: Ngài tên là Điều Đầu tiên sinh, chẳng lẽ ngài thật sự là cái đầu của con chim, hoàn toàn không phải con người ư?”.

“Hứ”, Điều Đầu tiên sinh cảm phẫn đến độ đỏ mặt tía tai. “Anh lại dám vũ nhục tôi như vậy hả? Dám nói tôi không phải con người! Tôi muốn anh đi cùng tôi đến chỗ Cao Dao (1) đại nhân nhờ pháp luật giải quyết. Nếu như tôi thật sự không phải con người, tôi tình nguyện chịu “đại tịch” (2),... tức là chém đầu đấy, anh hiểu chứ? Bằng không thì anh sẽ phải nhận phản tóa (3). Anh cứ ở yên đó, đợi tôi ăn mì xào xong đã”.

(1)Cao Dao làm chức Sĩ thời vua Thuấn, trông coi về hình pháp.

(2)“Đại tịch” là một trong “Ngũ hình” thời cổ, gồm: kinh (chạm chữ lên mặt), nhị (cắt mũi), phí (chặt chân), cung (thiến) và đại tịch (chém đầu).

(3)Tức là lấy tội danh và hình phạt dành cho người bị vu cáo đem ghép lại cho kẻ đi vu cáo.

“Tiên sinh”, người nhà quê ngơ ngác nhưng bình tĩnh hồi đáp, “Ngài là học giả thì phải biết bây giờ đã quá trưa, người khác cũng đói bụng rồi. Điều đáng hận là bụng của người ngu lại giống với bụng của người thông minh: cũng biết đói. Xin lỗi ngài, tôi còn phải đi nạo vét rêu xanh, đợi sau khi ngài

đưa đơn khởi kiện thì tôi mới đến đầu án”.

Thế rồi anh nhảy lên bè, cầm túi lưới để vớt rong rồi hờ hững chèo ra xa. Khách khứa đến xem cũng dần dần tản mác, Điều Đầu tiên sinh đỏ tai ửng mũi tiếp tục ăn mì xào, vị học giả chống gậy thì lắc đầu.

Nhưng rốt cuộc, “Vũ” là con trùng hay con người, đó vẫn còn là một câu hỏi lớn.

2.

Vũ cũng thật giống một con trùng.

Hơn nửa năm, xe bay của nước Kỳ Quãng đã lui tới tám lần, cư dân trên bè tới đọc các văn tự trên thân trùng, mười người thì hết chín người bị nắm chân, lại chưa có thông tin gì về viên quan mới phụ trách việc trị thủy. Sau khi xe bay lui tới lần thứ mười thì mới nghe tin tức truyền ra, xác nhận có một người tên Vũ, chính là con trai của Cỗn, quả thật đã được sắc phong làm thủy lợi giản phóng (1) đại thần, ba năm trước ông ta đã khai tiết (2) từ Ký Châu, không lâu nữa sẽ tới đây.

(1) Tức quan viên cao cấp nhận mệnh lệnh của nhà vua thời xưa.

(2) Khai tiết là chỉ sự xuất phát, khai trình của một viên quan cao cấp. “Tiết” là tín vật mà các sứ giả hoặc quan viên đặt phái thường cầm khi xuất hành.

Mọi người hơi có chút phấn khởi, nhưng lại rất thờ ơ, không mấy tin tưởng, bởi loại tin đồn vô căn cứ thế này thì ai cũng đã nghe đến nhàm tai rồi.

Song tin tức lần này lại có vẻ đáng tin, hơn mười ngày sau, hầu như ai

cũng nói vị đại thần đã đến thật rồi, bởi lẽ có người đi vớt rêu, chính mắt nhìn thấy thuyền nhà quan, anh ta còn chỉ khối u bầm tím ở trên đầu, nói rằng vì tránh né quá chậm nên mới ăn phải một viên đá bay của quan binh: Đây chính là chứng cứ xác minh quan đại thần đã đến. Anh này từ đó rất nổi tiếng, cũng bận rộn vô cùng, mọi người chen lấn tới xem khối u trên đầu anh ta, suýt nữa thì đập chìm cả bè gỗ. Sau đó các nhà kinh học cũng gọi anh ta tới, nghiên cứu tỉ mỉ rồi xác nhận: Khối u của anh ta là khối u thứ thiệt. Thế là Điều Đầu tiên sinh không thể giữ vững định kiến, đành phải nhường môn Khảo chứng học cho người khác, còn bản thân hẳn thì đi sưu tập các ca khúc dân gian.

Một đoàn thuyền độc mộc lớn đã tới, khi ấy ước chừng là hai mươi mấy ngày sau khi họ tạo ra khối u trên đầu anh kia, trên mỗi chiếc thuyền có hai mươi quan binh khua chèo, ba mươi quan binh cầm mâu, trước sau đều là cờ xí. Vừa tới gần đỉnh núi, các thân sĩ và học giả đã xếp hàng trên bờ để cung nghênh, nhưng phải chờ cả buổi mới thấy hai vị quan lớn, tuổi trung niên, béo tốt xuất hiện từ trong chiếc thuyền to nhất, có khoảng hai mươi võ sĩ khoác da hổ vây quanh, bọn họ và đoàn người nghênh tiếp cùng nhau đi tới gian nhà xây bằng đá trên đỉnh núi cao nhất.

Mọi người từ hai phía thủy bộ cố sức ló đầu ra nghe ngóng, mới vỡ lẽ rằng hai vị kia hóa ra chỉ là chuyên viên khảo sát, chứ không phải Vũ.

Quan lớn ngồi chính giữa căn thạch thất, ăn bánh mì xong rồi bắt đầu khảo sát.

“Tình hình thiên tai không đến nỗi nghiêm trọng, lương thực vẫn đủ để duy trì”, một vị đại biểu của giới học giả, chuyên gia ngành Miêu dân ngôn ngữ học, báo cáo. “Bánh mì thì mỗi tháng đều từ trên không thả xuống. Cá cũng không thiếu thốn, tuy có chút hơi đất, nhưng lại rất béo đó đại nhân. Còn như mấy kẻ hạ dân thì đã có lá du và rong biển để ăn, bọn chúng “bảo thực chung nhật, vô sở dụng tâm” (ăn không ngồi rồi, chẳng chịu cố gắng)

(1), nên chẳng hề lo nghĩ, chỉ ăn mấy thứ đó cơ bản cũng đủ rồi. Chúng tôi cũng có nếm thử, mùi vị hoàn toàn không tệ, đặc biệt là rất...”.

“Huống hồ”, một vị học giả khác nghiên cứu “Thần Nông bản thảo” (2)cướp lời, “Trong lá du có chứa vitamin W, chất i ốt trong rong biển có thể chữa bệnh tràng nhạc (3), cả hai đều cực kỳ hợp vệ sinh”.

(1)Đây là một câu trong thiên “Dương Hóa” sách “Luận ngữ”: “Tử viết: Bao thực chung nhật, vô sở dụng tâm, nan hĩ tai” (Khổng Tử nói: Ăn không ngồi rồi, chẳng chịu cố gắng thì khó có tiền đồ).

(2)“Thần Nông bản thảo” là một cuốn sách thuốc cổ của Trung Quốc.

(3)Thực ra hiện giờ vẫn chưa phát hiện được vitamin W, còn thiếu i ốt thì sẽ gây bệnh bướu cổ, không phải bệnh tràng nhạc. Câu này có hàm ý châm biếm.

“O.K!”, lại một học giả nói. Viên quan trừng mắt nhìn hằm một cái.

“Về thức uống”, vị học giả “Thần Nông bản thảo” tiếp tục, “Bọn chúng muốn bao nhiêu là có bấy nhiêu, muôn đời uống không hết. Chỉ tiếc có lần một ít đất, phải qua chưng cất trước khi lấy uống. Tệ nhân đã hướng dẫn rất nhiều lần, nhưng bọn chúng ngu muội vô tri, nhất quyết không chịu làm theo, vậy là xuất hiện một số người mắc bệnh gì không rõ...”.

“Nạn hồng thủy này còn không phải là do chúng tạo ra ư?”, một vị thân sĩ râu dài năm chòm, mình mặc trường bào màu tương nói chen ngang. “Khi nước chưa tới thì bọn chúng lười biếng không chịu ngăn, khi nước tới rồi thì bọn chúng lại lười biếng không chịu tát...”.

“Cái đó gọi là “thất kỳ tính linh” (đánh mất tính người)”, một nhà văn

ngiên cứu tiểu phẩm thời Phục Hy có hàm râu chữ bát, ngồi phía sau một hàng, cười nói. “Tôi từng lên tới cao nguyên trên núi Pamir, gió trời lồng lộng, hoa mai đua nở, mây trắng lượn lờ, giá vàng lên cao, chuột thì say ngủ, gặp một thiếu niên, miệng ngậm xì gà, trên mặt có sương mù của họ Xi Vưu... Ha ha ha! Bó tay...”. (1)

“O.K!”.

(1)Đoạn này nhại giọng điệu văn ngôn.

Nói chuyện như vậy non hết nửa ngày. Các quan lớn đều chú tâm lắng nghe, đến cuối cùng thì kêu bọn họ thiết kế một tường trình chung, tốt nhất là kèm theo cả bản điều trần, thứ tự kể ra các phương pháp khắc phục hậu quả.

Thế rồi các quan lớn xuống thuyền ra đi. Ngày hôm sau, các quan nói bởi vì đi đường mệt nhọc nên không làm việc, cũng không tiếp khách. Ngày thứ ba thì được các học giả mời đi thưởng thức cổ tùng tán rộng trên ngọn núi cao nhất, nửa ngày còn lại thì tới sau lưng núi cùng nhau câu lươn vàng, vui chơi đến tận lúc hoàng hôn. Ngày thứ tư, các quan nói bởi vì khảo sát mệt nhọc nên không làm việc, cũng không tiếp khách. Đến chiều ngày thứ năm mới cho truyền gặp đại biểu của hạ dân.

Đại biểu của hạ dân đã bắt đầu bầu cử từ bốn ngày trước đó, nhưng không ai chịu đi, nói rằng xưa nay chưa từng gặp quan lại. Vậy là đại đa số liền đề cử anh chàng có khối u trên đầu, vì họ cho rằng anh ta đã có kinh nghiệm gặp gỡ nhà quan. Khối u đã dần bình phục rồi, lúc này đột nhiên đau nhức như bị kim đâm phải, anh ta khóc một trận và khăng khăng nói: Phải làm đại biểu thì chẳng thà chết còn hơn! Mọi người vây lấy anh, cả ngày lẫn đêm mang đại nghĩa ra trách cứ, nói anh là một người ích kỷ theo chủ nghĩa cá nhân, không biết đến lợi ích chung, khắp Hoa Hạ không thể dung chứa, lại còn dử dội đến

mức gí nằm dấm ngay trước mũi anh ta, bắt anh phải gánh vác trách nhiệm cho đợt lũ lụt này. Anh buồn ngủ chết đi được, trong bụng nghĩ: Thôi thì mạo hiểm hy sinh vì công ích còn tốt hơn bị bức tử trên chiếc bè, anh bèn hạ hết quyết tâm, và đến ngày thứ tư thì nhận lời.

Mọi người đều khen ngợi anh nức nở, nhưng mấy trang dũng sĩ thì lại có chút đố kỵ.

Đến rạng sáng ngày thứ năm, người ta đã lôi anh tới từ lúc tinh mơ, đứng trên bờ nghe hiệu triệu. Quả nhiên các quan lớn đã cho gọi. Hai chân anh ngay tức khắc đã phát run, nhưng anh liền hạ hết quyết tâm, sau khi quyết tâm thì ngáp to hai lượt, vành mắt sưng vù, tự cảm thấy đôi chân không quét đất, cứ như là nổi giữa không trung mà đi tới thuyền quan.

Lạ lùng thay, quan binh cầm mâu và võ sĩ khoác da hổ đều không đánh mắng anh, để anh đi thẳng vào khoang thuyền. Trong khoang trải da gấu, da báo, lại treo mấy bộ cung tên và bài trí rất nhiều bình vại, khiến anh hoa mắt choáng người. Anh định thần, liền nhìn thấy đang ngồi ở bên trên phía đối diện với mình là hai quan viên to béo. Tướng mạo như thế nào thì anh không dám nhìn kỹ.

“Người là đại biểu của dân chúng hả?”, một vị quan hỏi.

“Bọn họ kêu con tới ạ!”, mắt anh nhìn vào những hoa văn như lá ngải của tấm da báo phủ trên khoang thuyền, hồi đáp.

“Các người thế nào rồi?”.

“...”, anh ta không hiểu ý nên không đáp.

“Đời sống vẫn tốt chứ?”.

“Nhờ hồng phúc của đại nhân, vẫn tốt ạ...”, anh lại nghĩ ngợi rồi nói thì

thăm, “Tạm tạm... không rõ lắm...”.

“Cái ăn thế nào?”.

“Dạ có, lá cây này, rong rêu nữa...”.

“Đều ăn được hả?”.

“Ăn được ạ! Chúng con quen rồi, ăn được hết. Chỉ có mấy thằng nhãi ranh là vẫn cứ kêu ca, nhân tính ngày càng hư hỏng, mẹ kiếp, cho bọn nó ăn đòn ngay”.

Các vị đại nhân cười ầm cả lên, người này nói với người kia: “Tên này thật thà giỏi!”.

Anh kia nghe thấy lời khen thì vô cùng vui sướng, gan cũng lớn dần, liền thao thao giảng giải:

“Chúng con lúc nào cũng nghĩ ra cách. Ví dụ như rong rêu, ngon nhất là làm canh hoạt lưu phỉ thúy, lá du thì chế biến thành xúp nhất phẩm đương triều. Gọt vỏ cây thì không thể gọt sạch nhẵn, phải để lại một chút, có vậy, đến mùa xuân năm sau, trên ngọn cành vẫn còn lá mọc dài, lại có thứ để hái về. Nếu như nhờ hồng phúc của đại nhân mà câu được lươn vàng...”.

Song các vị đại nhân tỏ vẻ không thích nghe, có một vị ngáp to liên tục đến hai lần, ngắt lời diễn giảng của anh: “Hay là các người cùng nhau chuẩn bị một bản tường trình chung, tốt nhất là kèm theo cả điều trần, đóng góp các phương pháp khắc phục hậu quả”.

“Nhưng chúng con đâu có ai biết viết...”, anh sợ hãi nói.

“Các người không biết viết sao? Đúng thật là chẳng chịu cầu tiến! Hết cách rồi, thôi thì mang một phần thức ăn của các người tới đây!”.

Anh vừa lo sợ vừa vui sướng lui ra, sờ sờ vết sẹo chỗ khối u rồi lập tức truyền đạt lời phân phó của đại nhân tới cư dân trên cây lẩn trên bè ở bên kia bờ, đồng thời còn lớn tiếng căn dặn: “Đây là dâng cho bè trên đó! Phải làm cho sạch sẽ, tinh tế, đẹp mắt vào!...”.

Tất cả cư dân cùng lúc đều trở nên bận rộn, nào là rửa sạch lá, gọt vỏ cây, vớt rêu xanh, mọi người nhốn nháo cả lên. Anh kia lại tự mình چرا ván làm thành chiếc hộp để trình quan. Có hai tấm được anh mài trơn nhẵn đặc biệt, chạy suốt đêm lên đỉnh núi để nhờ các học giả viết chữ hộ, một tấm dùng làm nắp hộp, anh xin họ viết mấy chữ “Thọ sơn phúc hải”, tấm kia dùng làm biển treo cho chiếc bè nhà mình, thì xin viết mấy chữ “Lão thực đường” (nhà của người thật thà) để giữ lấy vinh hạnh. Nhưng học giả chỉ chịu viết mỗi tấm “Thọ sơn phúc hải” thôi.

3.

Khi hai vị quan kia trở lại kinh thành thì các chuyên viên khảo sát hầu như cũng lần lượt về đến, chỉ có Vũ vẫn còn ở bên ngoài. Bọn họ ở trong nhà nghỉ ngơi mấy hôm, các đồng sự trong Cục Thủy lợi cũng bày ra tiệc lớn, thay họ mời khách, quà tặng chia ba loại Phúc, Lộc, Thọ, ít nhất cũng thu được năm mươi miếng vỏ sò to. Hôm ấy đúng thật là ngựa xe như nước, chưa tới hoàng hôn mà chủ khách tề tựu đông đủ cả, trong sân cũng đã nhóm đuốc lên, mùi thịt trâu thơm trong vạc xông thẳng lên lỗ mũi đám hồ bôn (võ sĩ) ngoài cửa, mọi người cùng nhau nuốt nước bọt. Qua hết ba tuần rượu thì các quan kể lại phong cảnh sông nước trên đường đi, bông lau trắng như tuyết, bùn đất sáng tựa vàng, lươn bơi mập mập, rêu xanh mơn mớn,... Khi đã hơi chệnh choáng, họ mới lấy bộ sưu tập thức ăn của nhân dân ra xem, tất cả đều đựng trong tráp gỗ thiết kế khá tinh vi, chữ viết trên nắp, có loại là Phúc Hy bát quái thể, có loại là Thương Hiệt quỷ khốc thể, mọi người thưởng lãm mấy chữ ấy trước, sau khi tranh luận cơ hồ sắp ẩu đả tới nơi, mới ra quyết định hàng chữ “Quốc thái dân an” là hạng nhất, bởi lẽ chữ viết không chỉ mộc mạc khó

nhìn, có phong cách thuần hậu đời thượng cổ, hơn nữa nghe cũng rất lập ngôn, có thể tuyên phó cho sử quán.

Sau khi đánh giá nghệ thuật đặc thù của Trung Quốc, xem như kết thúc chủ đề văn hóa, thế rồi họ khảo sát tới nội dung chiếc hộp: Mọi người đều nhất trí tán dương kiểu bánh được đóng thật tinh xảo. Nhưng hình như họ đã uống rượu quá nhiều, nên cứ bàn luận ào ào: Có người ăn một miếng bánh vỏ tùng, hết lời tán thưởng mùi thơm mát của nó, nói rằng ngày mai sẽ treo ấn từ quan để quy ẩn, tận hưởng niềm vui thanh đạm; có kẻ cắn một chiếc lá bách, lại nói thô ráp đẳng hòng, làm tổn thương đầu lưỡi, phải cùng chung hoạn nạn với lê dân như thế này, mới hiểu được làm vua là khó, làm bề tôi cũng chẳng dễ dàng. Có vài người lao tới, muốn giật lấy món ăn kia, nói rằng đã lâu chưa mở hội triển lãm để gây quỹ, mấy thứ này đều sẽ đem tới trưng bày, nếu cắn đi một miếng to thì trông mất mỹ quan.

Bên ngoài cục nổi lên một trận huyên náo. Một đám đàn ông y hệt ăn mày, mặt mũi đen đúa, quần áo cũ dơ, đã chọc thủng giới tuyến ngăn cách giao thông, xông vào trong cục. Lũ vệ binh hét to một tiếng, vội vung giáo mác sáng choang hai bên bắc chéo nhau để chặn đường, cản bước họ không cho đi tới.

“Cái gì vậy hả?... Nhìn cho rõ đi!”, dẫn đầu là một anh lỗ mãng cao gầy, chân tay thô ráp, ngơ ngẩn một chút rồi nói lớn giọng.

Lũ vệ binh chăm chú nhìn kỹ trong cảnh sắc lơ mờ, vội cung kính đứng thẳng người, nhắc giáo lên, để cho bọn họ đi tới, chỉ ngăn một phụ nữ đang thở phì phò đi sau cùng, trên mình khoác áo vải thô xanh thẫm, tay ôm đứa trẻ.

“Thế nào? Các người không nhận ra ta ư?”, bà lấy tay vuốt mồ hôi trên trán, kinh ngạc hỏi.

“Vũ phu nhân, chúng tôi làm gì mà không nhận ra bà?”.

“Vậy thì sao không để cho ta vào?”.

“Thưa Vũ phu nhân, thời buổi chẳng ra gì, từ năm nay trở đi là phải sửa đổi phong tục để chấn chỉnh nhân tâm, nam nữ khác biệt rồi. Bây giờ các nha môn đều không cho phụ nữ vào, không riêng gì ở đây, cũng không riêng gì bà. Đó là mệnh lệnh của cấp trên, không thể trách chúng tôi được”.

Vũ phu nhân ngơ ngác một chập rồi nhướng mày, vừa quay người vừa la hét:

“Quân chết chém nhà người! Vội chạy đưa đám chắt! Đi qua nhà mình cũng chẳng thềm vào ngõ cho một cái (1), cứ chạy như phải lo liệu ma chay! Lúc nào cũng làm quan làm quan, làm quan thì có cái gì hay ho chứ, cần trọng như cha người rồi cũng bị sung quân, còn rớt xuống ao biển thành rùa rút đầu! Quân chết chém vô lương tâm!...”.

(1)Thiên “Đặng Văn Công” sách “Mạnh Tử” có viết: “Vũ ở bên ngoài tám năm, ba lần đi qua cửa mà không vào nhà”.

Lúc bấy giờ, đại sảnh bên trong cục đã náo loạn từ lâu. Mọi người vừa nhìn thấy một đám thảo mãng xông vào thì ai nấy đều muốn bỏ trốn, nhưng không thấy binh khí chói lòa, các vị mới lấy lại gan dạ và căng mắt lên nhìn thử. Kẻ xông vào cũng bước tới gần rồi, tuy diện mạo gầy gò đen đúa, nhưng cái tinh thần ấy thì họ nhận ra ngay, ông chính là Vũ, những người khác đương nhiên là tùy tùng của ông.

Sự bất ngờ ấy đã đuổi cơn say của mọi người đi bớt, họ sột soạt chỉnh áo quần rồi lập tức lui lại phía sau. Vũ sải bước tới thẳng ngay chiếu và ngồi xuống, dáng vẻ dường như rất ngênh ngang, hoặc là do ông đã mắc căn

bệnh hạc tất phong, nên không thể co gối mà phải ngồi thẳng cẳng, hướng bàn chân về phía các quan, ông cũng không mang vớ, các vết chai như hạt dẻ rải trên khắp bàn chân. Đám tùy tùng chia ra hai phía ngồi bên cạnh ông.

“Hôm nay đại nhân mới hồi kinh ạ?”, một viên thuộc hạ lớn mật, đi bằng gối nhích lên một chút, cung kính hỏi.

“Các ngài ngồi gần ta một chút đi!”, Vũ không trả lời câu thăm dò của hân, chỉ nói với mọi người, “Việc điều tra thế nào rồi?”.

Đám quan kia vừa nhích gối tới vừa nhìn nhau kinh hãi. Ngồi bên dưới bữa tiệc tàn, nhìn mấy miếng vỏ từng vừa cắn thử và những mẩu xương trâu đã gặm sạch, họ cảm thấy không dễ chịu chút nào, nhưng lại không dám gọi nhà bếp ra thu dọn.

“Bẩm đại nhân”, cuối cùng một viên quan lên tiếng. “Tình hình vẫn vậy - ấn tượng cực tốt. Vỏ từng với rong rêu thì số lượng không ít, còn thức uống lại phong phú vô cùng. Bách tính đều rất thực thà, họ đã quen như vậy rồi. Bẩm đại nhân, họ đều là những con người giỏi chịu đựng gian khổ lừng danh trên thế giới”.

“Ty chức đã nghĩ xong kế hoạch quyên tiền”, lại một viên quan nói. “Chuẩn bị mở một hội triển lãm các thực phẩm quái lạ, còn mời cả Nữ Ngõa tiểu thư đến biểu diễn thời trang. Chỉ bán vé thôi, đồng thời nói rõ là không quyên tiền nữa, như vậy người tới xem có thể nhiều hơn chút ít”.

“Thế thì tốt quá”, Vũ nói và khom lưng trước hân một cái.

“Nhưng việc quan trọng hàng đầu là phải nhanh chóng phái một loạt bè gỗ to đi đón các học giả lên tới cao nguyên”, vị quan thứ ba nói, “Mặt khác thì phái người sang thông báo cho nước Kỳ Quảng, để bọn họ biết chúng ta tôn sùng văn hóa, chỉ cần mỗi tháng họ viện trợ sang đây là được rồi. Các học giả

có một bản tường trình đưa tới, lời lẽ rất ý nghĩa, họ cho rằng

văn hóa là mạch sống của một nước và học giả là linh hồn của văn hóa, chỉ cần văn hóa còn tồn tại thì Hoa Hạ cũng sẽ tồn tại, tất cả những cái khác đều là thứ yếu...”.

“Bọn họ còn cho rằng nhân khẩu của Hoa Hạ quá đông”, vị quan thứ nhất nói, “Giảm đi một chút mới là đường lối dẫn đến hòa bình triệt để. Huống hồ một chút kia chỉ là đám ngu dân, hỷ nộ ai lạc của bọn chúng đâu có tính tế như suy nghĩ của bậc trí giả. Tri nhân luận sự, trước hết phải dựa vào chủ quan. Ví dụ Shakespeare...”.

“Nói thối như đánh rắm!”, Vũ nghĩ bụng, nhưng ngoài miệng lại cất giọng nói to: “Ta đã khảo cứu qua, biết được phương pháp “yên” (lấp ngừng) trước kia đúng là lệch lạc sai lầm. Về sau nên áp dụng phương pháp “đạo” (khởi thông)! Không biết ý kiến của chư vị như thế nào?”.

Khấp phòng yên ăng như nghĩa trang, trên mặt đám quan lại đều hiện ra vẻ chết chóc, rất nhiều người cảm thấy trong mình như phát bệnh tới nơi rồi, có lẽ ngày mai phải xin nghỉ phép.

“Đó là phương pháp của Xi Vưu!”, một quan viên trẻ tuổi dũng cảm, nhẹ nhàng lên tiếng phản kháng.

“Theo ngu kiến của ty chức, trộm nghĩ đại nhân nên thu hồi mệnh lệnh đã ban ra”, một vị đại quan râu tóc bạc phơ, khi ấy tưởng như sự hưng vong của thiên hạ đều treo cả trên miệng mình, bèn gạt cả chuyện sinh tử sang một bên mà kiên quyết kháng nghị: “Yên” là lối cũ của lão đại nhân. Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ (Ba năm không sửa đổi quy tắc của cha, mới có thể gọi là hiếu) (1), lão đại nhân về trời còn chưa được ba năm mà”.

Vũ không nói tiếng nào.

“Huống chi lão đại nhân đã hao tổn bao nhiêu tâm sức. Mượn được tức nhường (2) của Thượng đế để ngăn chặn hồng thủy, tuy khiến cho Thượng đế nổi giận nhưng độ sâu của hồng thủy cũng giảm được một chút rồi. Nay cứ theo lệ cũ mà làm đi thôi!”, một đại quan khác có râu tóc hoa râm nói, ông ta là con nuôi của bà mẹ Vũ.

Vũ không nói tiếng nào.

(1) Câu này ở trong thiên “Học nhi” sách “Luận ngữ”: “Tử viết: Phụ tại quan kỳ chí, phụ một quan kỳ hành. Tam niên vô cải ư phụ chi đạo, khả vị hiếu hĩ” (Khổng Tử nói: Cha còn sống thì xem xét chí hướng của con, cha mất rồi thì xem xét hành vi của con. Ba năm không sửa đổi quy tắc của cha, mới có thể gọi là hiếu).

(2) Tức nhường là một loại thổ nhường trong truyền thuyết, có thể tự sinh sôi, không bao giờ bị hao hụt.

Phần “Hải nội kinh” trong sách “Sơn hải kinh” chép: “Hồng thủy ngất trời, Cỗn trộm tức nhường của Thượng đế để ngăn hồng thủy, không đợi mệnh. Thượng đế sai Chúc Dung giết Cỗn ở Vũ Giao”.

“Theo hạ quan thấy, chi bằng đại nhân hãy làm cán phụ chi cỗ (1) đi”, một viên quan béo tốt thấy Vũ không nói gì, cho rằng ông đã chịu lép vế, bèn lấy chút giọng khinh bạc mà nói to, nhưng trên khuôn mặt vẫn túa ra một lớp mồ hôi dầu. “Chiếu theo gia pháp, văn hồi gia thanh. Có lẽ đại nhân còn chưa biết người ta bàn tán về lão đại nhân như thế nào...”.

“Nói tóm lại, yên là phương pháp tốt đã được cả thế giới công nhận”, lão quan râu tóc bạc phơ sợ tên béo kia náo loạn gây rắc rối, liền cướp lời. “Còn

như những đường lối khác được cho là mô-đen ấy, thì ngày xưa họ Xi Vưu cũng đã sụp đổ trên đó rồi”.

Vũ mỉm cười:

“Ta biết chứ. Có người nói cha ta biến thành gấu vàng (2), lại có người nói ông biến thành rùa ba chân, cũng có kẻ bảo là ta truy cầu danh lợi. Muốn nói gì thì cứ nói đi. Riêng ta chỉ muốn nói rằng: Ta đã tra xét tình hình non núi với đầm lầy, đã trưng cầu ý kiến của bách tính, nhìn thấu hết hiện thực và định ra được chủ trương, bất luận như thế nào, không dùng phương pháp “đạo” thì không xong! Các vị đồng sự này đều tán thành ý kiến của ta đó”.

(1) Trong Kinh Dịch, quẻ Cỗ, hào Sơ lục viết rằng: “Cán phụ chi cỗ, hữu tử, khảo vô cữu” (Sửa sang sự đổ nát của cha, nhờ con mà cha không có lỗi). Về sau, hễ con cái mà có thể tiếp tục và hoàn thành được sự nghiệp dang dở của cha thì gọi là “cán cỗ”.

(2) Sách “Tả truyện: Chiêu Công thất niên” có chép: “Xưa vua Nghiêu giết Cỗ ở Vũ Sơn, Cỗ chết hóa thành gấu vàng rồi chạy vào trong hang Vũ”.

Ông đưa tay chỉ về phía hai bên. Đám quan viên từ vị râu tóc bạc phơ, râu tóc hoa râm, mặt trắng trẻo, béo tốt tủa mồ hôi dầu cho đến vị béo tốt mà không tủa mồ hôi dầu, nhìn theo ngón tay ông chỉ, thấy một hàng người đen đũi gầy nhom như ăn mày, ngồi bất động, không nói, không cười, y hệt như tượng đúc bằng sắt.

4.

Vũ đi rồi, thời gian cũng trôi qua rất nhanh, thấm thoát mà quang cảnh của kinh sư đã ngày càng hưng thịnh. Trước tiên là đám người giàu đã có vài

tắm áo lụa tơ tằm để mặc, sau đó là trông thấy quýt, bưởi được bày bán ở các tiệm trái cây, tiệm vải cũng treo lên mấy bộ áo quần rực rỡ, trên bàn tiệc của phú ông đã có nước tương ngon, vị cá hầm, rau trộn hải sâm, tiếp nữa, cuối cùng họ cũng có đê-m da gấu và áo khoác da cáo, các vị phu nhân cũng được đeo khuyên tai vàng ròng với xuyên bạc.

Chỉ cần đứng trước cửa lớn là nhìn thấy đủ các sự việc mới mẻ: Hôm nay đây tới một xe tên bằng trúc, ngày mai kéo một lô phách gỗ tùng đi qua, có bữa còn khiêng cả một hòn giả sơn kỳ quái, có lúc lại mang cá sống về ăn tươi, có hôm là một bày rùa to lớn, dài đến một thước hai tấc, co rút đầu, bị xếp trong lồng tre và được dùng xe kéo chở về phía hoàng thành.

“Mẹ ơi, xem kìa, con rùa to quá!”, lũ trẻ vừa trông thấy thì reo lên rồi chạy tới đứng quanh xe.

“Mấy thằng quý, mau xéo đi! Đây là bảo bối của Vạn tuế gia đó, coi chừng bị chém như chơi!”.

Song tin tức có liên quan đến Vũ thì cũng nhiều lên cùng với lượng sản vật quý hiếm được đưa tới kinh thành. Trước mái hiên nhà dân, dưới gốc cây ven đường, người người đều kể nhau nghe các sự tích về ông, nhất là chuyện ông biến thành gấu vàng giữa đêm khuya, dùng mõm và móng vuốt đẩy từng hồi, khơi thông hết chín sông như thế nào, cho đến việc ông mời được thiên binh thiên tướng, bắt con yêu quái Vô Chi Kỳ tác oai tác phúc rồi đè nó dưới chân núi Quy Sơn ra làm sao (1). Còn về hoàng thượng Đế Thuấn thì thật tình không ai nhắc tới nữa, họa chăng cũng chỉ nói đến chuyện lêu lổng phóng túng của Thái tử Đan Chu (1)mà thôi.

(1)Chuyện Vũ biến thành gấu vàng có chép trong “Tùy Sào Tử”: “(Vũ) trị hồng thủy, thông Viên Sơn, biến thành gấu”.

Truyền thuyết về Vô Chi Kỳ có chép trong “Cổ nhạc độc kinh” của Lý Công Tá thời Đường: “Vũ trị thủy, ba lần đến núi Đồng Bách, gió quất cuộn cuộn, chớp giạt âm âm, cây đá hò reo, ... cản trở ông. Vũ nổi giận, triệu tập chư thần, sai khiến Quỷ Long. Ngàn thủ lĩnh ở núi Đồng Bách đều cúi đầu thỉnh mệnh... Gặp phải thủy thần Hoài Oa, tên là Vô Chi Kỳ, giỏi tranh biện ứng đối, biết rõ độ nông sâu của sông Giang, sông Hoài, sự xa gần của chỗ cao, nơi thấp. Hình dạng như con khỉ, mũi ngắn trán cao, mình xanh đầu trắng, mắt vàng răng tuyết. Cổ rướn dài trăm thước, sức hơn chín con voi, đánh nhau, bay nhảy đều nhanh như cắt, thoáng chốc đã biến mất, không thể nhìn được lâu... (Vũ) siết dây quanh cổ (Vô Chi Kỳ), xuyên chuông vàng qua mũi, rồi đè nó dưới chân núi Quy Sơn ở phía Nam sông Hoài. Khiến cho sông Hoài từ đó bình yên đổ ra biển” (Theo sách “Đường Tống truyền kỳ tập” do Lỗ Tấn biên tập).

(1)Đan Chu là con của vua Nghiêu, theo sử sách miêu tả là bất tài, do đó vua Nghiêu không truyền ngôi cho hắn mà nhường lại cho Thuấn.

Tin Vũ sắp hồi kinh vốn đã truyền đi từ rất lâu, mỗi ngày đều có một đám người ra đứng nơi cửa ải, xem thử nghi trượng của ông đã tới chưa. Hoàn toàn không thấy gì hết. Nhưng tin tức càng truyền đi thì lại càng cấp bách, cũng tựa như càng chân thật. Một buổi sáng trong xanh và mát mẻ, cuối cùng Vũ đã vào đến đế đô của Ký Châu, giữa cảnh tượng muôn dân tụ tập chen chúc. Trước mặt không hề có nghi trượng, chỉ có một nhóm tùy tùng dáng vẻ như ăn mày. Sau cùng là một gã đàn ông chân tay thô ráp, mặt đen râu vàng, chân vòng kiềng, hai tay bưng một tảng đá lớn, đỉnh nhọn và đen nhánh - đó chính là ngọc “Huyền khuê” (1)do Đế Thuấn ngự ban, anh ta luôn miệng nói: “Làm ơn, làm ơn đi, nhường tôi một chút, nhường tôi một chút”, rồi chen giữa đám người để tiến vào trong cung.

Dân chúng bên ngoài cung hoan hô, bàn tán, âm thanh vang vọng như sóng lớn của Chiết Thủy (2)dâng trào.

(1)“Khuê”là một loại dụng cụ làm bằng ngọc, thân dài đầu nhọn, các chư hầu, đại phu thời cổ thường cầm khi thượng triều và những lúc bái tế.

Thiên “Vũ cống” trong sách “Thượng thư” chép: “Vũ dâng ngọc Huyền khuê, tâu rõ thành công”.

Thiên “Hạ bản kỷ” trong sách “Sử ký” cũng chép: “Vua ban cho Vũ ngọc Huyền khuê để bố cáo thành công với thiên hạ”.

(2)Tức sông Tiền Đường.

Đế Thuấn ngồi trên long vị, ngài vốn đã có tuổi rồi, khó tránh bị kiệt sức, khi ấy lại có vẻ hơi hoảng sợ. Vũ vừa tới thì ngài vội khách khí đứng lên hành lễ, Cao Dao lên trước tiếp đón mấy câu, rồi Đế Thuấn mới cất lời:

“Người cũng nói vài lời hay cho ta nghe đi”.

“Chà, thần có gì để nói đây?”, Vũ hồi đáp ngắn gọn. “Thần luôn nghĩ phải ngày ngày cần mẫn!”.

“Thế nào thì được gọi là cần mẫn?”, Cao Dao hỏi.

“Hồng thủy ngất trời”, Vũ nói, “mênh mông bọc núi trùm gò, lê dân đều bị ngấm chìm trong biển nước. Thần đi đường bộ thì ngồi xe, đi đường thủy thì ngồi thuyền, đi đường lầy lội thì dùng ván trượt, đi đường núi thì dùng kiệu khiêng. Đến một ngọn núi, chặt cây một hồi, cùng với Ích đưa cơm thịt cho dân ăn. Khơi nước ngập ruộng chảy vào sông, khơi nước tràn sông đổ ra biển, cùng với Tắc mang đồ khan hiếm cho mọi người ăn. Đồ dùng không đủ thì lấy chỗ thừa bù vào nơi thiếu. Lại dọn nhà. Muôn dân mới trở nên yên ổn, khắp chốn mới thành ra thế này đây!”.

“Đúng rồi, đúng rồi, mấy câu này quả rất hay!”, Cao Dao tán thưởng.

“Than ôi!”, Vũ nói. “Làm hoàng đế thì nên cẩn trọng, bình thản. Phải có lòng thành đối với trời thì trời mới luôn ban phúc cho ngài!”.

Đế Thuấn thở dài một hơi, liền nhờ ông quản lý chuyện quốc gia đại sự, có ý kiến gì thì cứ nói trực tiếp, chứ đừng nói xấu sau lưng. Thấy Vũ đã nhận lời, ngài lại thở dài rồi nói:

“Đừng giống Đan Chu chẳng chịu lắng nghe, chỉ ưa lêu lổng, muốn chèo thuyền trên đường bộ, lại gây rối ở trong nhà, những ngày như thế cứ liên miên không dứt, ta thật sự nhìn không được thuận mắt!”.

“Thần cưới vợ xong, được bốn ngày thì đi”, Vũ đáp. “Sinh ra A Khải, cũng không dám nhận con. Cho nên ra sức trị được hồng thủy, lại chia thành năm cõi, đến tận năm ngàn dặm, định thành mười hai châu, chạy thẳng tới bờ biển, lập nên năm đầu lĩnh, đều tài giỏi cả. Chỉ có rợ Hữu Miêu chưa yên được, ngài nên lưu tâm một chút!”.

“Thiên hạ của ta, quả thật đều nhờ công lao của người mà trở nên thịnh vượng!”, Đế Thuấn cũng khen ngợi.

Thế rồi cả Cao Dao lẫn Đế Thuấn đều cúi đầu cung kính tận đáy lòng. Sau khi bãi triều, ngài ban ngay một mệnh lệnh đặc biệt, kêu gọi bách tính phải học tập theo hành vi của Vũ, bằng không, lập tức bị xem như phạm tội.

Điều đó khiến cho giới thương nhân hoảng loạn trước tiên. Nhưng may thay, Vũ từ lúc hồi kinh đã thay đổi thái độ đi chút ít: Ăn uống không cầu kỳ, nhưng khi làm bái tế và pháp sự thì lại vô cùng hào phóng, quần áo rất sơ sài, nhưng tới lúc thượng triều và tiếp khách thì lại ăn mặc xa hoa, cho nên vẫn không ảnh hưởng nhiều đến diện mạo phố phường. Không lâu sau, các thương nhân đều nói hành vi của bác Vũ thật đáng để học hỏi, và pháp lệnh

mới của cụ Cao cũng hết sức tuyệt vời. Cuối cùng thì thiên hạ thái bình, đến cả muôn thú đều biết nhảy múa, chim phượng hoàng cũng bay tới chung vui.

Tháng 11 năm 1935

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Hái Rau Vi

1.

Nửa năm nay, chẳng hiểu sao mà ngay cả viện dưỡng lão cũng không được yên ổn, một bộ phận người cao tuổi cứ chụm đầu bàn tán, chạy ra chạy vào rất hăng say. Chỉ có Bá Di (1) là không thèm để ý mấy chuyện đầu đầu, hơi thu se mát tràn về, ông đã già rồi nên rất sợ lạnh, ngồi liền cả ngày bên bậc cấp để sưởi nắng, dầu có nghe thấy tiếng chân bước gấp gáp, cũng quyết không ngẩng đầu nhìn.

(1) Thiên “Bá Di liệt truyện” trong sách “Sử ký” chép: “Bá Di, Thúc Tề là hai người con của vua nước Cô Trúc. Vua cha muốn lập Thúc Tề, khi cha mất, Thúc Tề nhường lại cho Bá Di. Bá Di nói: “Đó là lệnh cha” rồi bỏ trốn. Thúc Tề cũng không chịu nối ngôi mà trốn theo. Dân trong nước lập người con giữa. Thế rồi Bá Di, Thúc Tề nghe Tây Bá Xương có lòng phụng dưỡng người già, cùng nhau theo về. Đến nơi thì Tây Bá đã mất. Vũ Vương chở thần chủ (linh vị) của Tây Bá, truy hiệu Văn Vương, rồi Đông chinh phạt Trụ. Bá Di, Thúc Tề dập đầu giữ ngựa khuyên can: “Cha mất không chôn mà dấy động can qua, có thể gọi là hiếu không? Làm bề tôi mà giết vua, có thể gọi là nhân không?”, tả hữu muốn bắt, Thái Công nói: “Đó là nghĩa sĩ”, rồi cho đi. Vũ Vương dẹp xong loạn nhà Ân, thiên hạ đều tôn phục nhà Chu, nhưng Bá Di, Thúc Tề lấy đó làm sỉ nhục, vì nghĩa không ăn thóc nhà Chu, đi ở ẩn trên núi Thú Dương, hái rau vi mà ăn”.

“Đại ca ơi!”.

Vừa nghe giọng thì biết ngay là Thúc Tề. Bá Di xưa giờ ưa nói lễ nhượng, vậy nên trước lúc ngẩng đầu thì ông đã đứng dậy, vẫy tay một cái, có ý mời vị huynh đệ đang đứng bên bậc cấp kia ngồi xuống.

“Đại ca, thời buổi có vẻ không tốt lắm!”, Thúc Tề vừa ngồi xuống vừa thở phò, giọng nói có chút run rẩy.

“Thế nào rồi?”, Bá Di lúc này mới quay sang, chỉ thấy khuôn mặt Thúc Tề vốn đã trắng bệch, giờ lại càng nhợt nhạt hơn nữa.

“Huynh đã nghe chuyện có hai người mù từ bên chỗ Thương Vương (1) bỏ trốn sang đây chưa?”.

“Ờ, mấy hôm trước, hình như Tán Nghi Sinh (2) có đề cập tới. Ta không để ý nữa”.

“Hôm nay đệ đã đi thăm viếng hai người họ. Một người là Thái sư Tỳ, một người là Thiếu sư Cường, họ còn mang tới đây rất nhiều nhạc khí (3). Nghe đâu thuở trước từng mở hội triển lãm, người đến tham quan đều tấm tắc ngợi khen,... nhưng bên này dường như đang muốn động binh đao”.

(1)Thương Vương tức Trụ Vương, tên là Thụ, vua cuối cùng của triều Thương (hay còn gọi là triều Ân).

(2)Tán Nghi Sinh là một trong những khai quốc công thần của nhà Chu.

(3)Thiên “Chu bản kỷ” sách “Sử ký” chép: “Trụ càng thêm hôn loạn bạo ngược, giết vương tử Tỉ Can, bỏ tù Cơ Tử. Thái sư Tỳ, Thiếu sư Cường ôm nhạc khí chạy sang đất Chu”. Thái sư, Thiếu sư là tên chức quan trông coi về

âm nhạc. Theo lời Trịnh Huyền chú trong sách “Chu lễ” thì đảm nhận các chức quan này đều là người mù.

“Vì nhạc khí mà động binh đao ư, thật chẳng hợp với đạo của tiên vương”, Bá Di chậm rãi nói.

“Cũng không hẳn vì nhạc khí thôi đâu. Huynh chưa nghe chuyện Thương Vương vô đạo, chặt xương chân của một người không sợ nước lạnh qua sông buổi sớm để xem tủy, móc trái tim của vương gia Tỷ Can, xem nó có bảy cái lỗ hay không ư? (1)Hồi trước chỉ là tin đồn, nay người mù đã tới đây chứng thực rồi còn gì! Hơn nữa còn cho thấy rõ rành rành sự biến loạn cực chương của Thương Vương. Biến loạn cực chương, vốn rất đáng bị chinh phạt. Nhưng đệ nghĩ, dĩ hạ phạm thượng, rốt lại cũng không hợp với đạo của tiên vương...”.

(1)Thiên “Thái thệ” trong sách “Thượng thư” viết: “Nay vua Thương là Trụ... chẻ ống chân người tội sông buổi sớm, móc trái tim của người hiền tài”.

Thiên “Ân bản kỷ” sách “Sử ký” cũng chép: “Trụ càng dâm loạn không ngừng... Tỷ Can nói: Phận làm bề tôi, không thể không liều chết can gián rồi ra sức can Trụ. Trụ giận nói: Ta nghe tim của thánh nhân có bảy lỗ, bèn móc tim Tỷ Can ra xem”.

“Gần đây bánh nướng ngày càng nhỏ đi, xem ra quả thật sắp có chuyện”, Bá Di nghĩ ngợi rồi nói. “Nhưng ta thấy, hay là đệ ít ra ngoài, bớt nói năng, ngày ngày luyện tập Thái Cực quyền của đệ như trước là tốt rồi”.

“Dạ...”, Thúc Tề rất kính cẩn đáp lại nửa tiếng.

“Đệ nghĩ xem”, Bá Di biết trong bụng ông hoàn toàn không phục, liền nói tiếp: “Chúng ta là khách, bởi vì Tây Bá (1) có lòng phụng dưỡng người già, nên mới vác mặt tới ở nhờ. Bánh nướng nhỏ đi bớt thì không nên nói đã đành, nhưng dù cho có xảy ra náo loạn thì cũng không được nói gì hết”.

(1) Tây Bá tức Chu Văn Vương Cơ Xương. Thiên “Chu bản kỷ” trong sách “Sử ký” nói ông “giàu lòng nhân ái, kính trọng người già, yêu thương con trẻ”.

“Vậy thì chúng ta trở thành dưỡng lão vị dưỡng lão mất rồi”.

“Tốt nhất là bớt nói đi. Ta cũng không hơi sức đâu lắng nghe những chuyện đó”.

Bá Di ho vài cái, Thúc Tề cũng không nói gì thêm. Lúc Bá Di ngừng ho thì muôn tiếng im lìm, ánh tịch dương cuối thu chiếu lên hai chòm râu bạc, phát ra mấy tia lấp lánh.

2.

Nhưng bất ổn vẫn cứ nảy sinh, bánh nướng không chỉ nhỏ đi, mà bột cũng thô hơn. Những người trong viện dưỡng lão càng chụm đầu bàn tán, bên ngoài chỉ nghe thấy tiếng ngựa xe đi lại, Thúc Tề càng thích ra ngoài, tuy trở về không nói gì, nhưng cái thần sắc bất an ấy lại khiến Bá Di không mấy thoải mái: Ông dường như cảm giác được, chẳng mấy chốc sẽ không thể ăn bát cơm yên ổn nữa.

Vào hạ tuần tháng Mười một, Thúc Tề theo thói quen dậy sớm, định tập Thái Cực quyền, nhưng ông ra tới sân thì nghe thấy tiếng gì đó, bèn mở cửa chạy đi. Sau khoảng thời gian nướng xong mười cái bánh, ông mới hốt ha hốt hải chạy về, mũi tê lạnh sừng đỏ, trong miệng dốc ra từng đợt hà hơi.

“Đại ca! Huynh dậy đi! Xuất binh rồi!”, ông cung kính giữ tay đứng trước giường Bá Di nói lớn, giọng nói có chút trầm đục hơn so với lúc bình thường.

Bá Di sợ lạnh, không hề muốn dậy sớm như vậy, nhưng ông vô cùng hữu ái, nhìn thấy huynh đệ mình lo lắng, đành cắn răng một cái và ngồi dậy, khoác áo da, chậm chạp xỏ quần ngay trong chăn gấp.

“Đệ mới định luyện quyền”, Thúc Tề vừa đợi vừa nói, “Lại nghe thấy bên ngoài có tiếng người ngựa đi qua, vội chạy ra đường lớn xem thử... quả nhiên tới rồi. Trước tiên là một chiếc kiệu trắng lớn, tổng cộng có tám mươi một người khiêng, bên trong là một tấm bài vị gỗ, viết mấy chữ “Đại Chu Văn Vương chi linh vị” (linh vị của Văn Vương nước Đại Chu), theo sau toàn là binh lính. Đệ nghĩ: Nhất định là đi phạt Trụ rồi. Chu Vương hiện nay là hiếu tử, ông ta muốn làm đại sự, tất sẽ khiêng Văn Vương đi phía trước. Đệ nhìn qua một cái rồi chạy về, ai ngờ đâu ngoài tường viện dưỡng lão của chúng ta đã có dán cáo thị...”

Bá Di đã mặc xong quần áo, hai huynh đệ ra khỏi nhà, cảm giác có một luồng hơi lạnh, vội co rúm người. Bá Di trước giờ ít đi lại, vừa ra cửa chính là thấy mọi thứ hơi mới mẻ. Chưa được mấy bước, Thúc Tề đã giơ tay chỉ thẳng lên tường, quả thật có dán một tấm cáo thị lớn:

“Chiếu xét Trụ Vương nhà Ân hiện nay, tin lời lẽ của đàn bà, tự đoạn tuyệt với trời, hủy hoại tam chính (ý nói đến chính đạo của thiên, địa, nhân), xa lánh anh em quyến thuộc (ý nói giết Tỷ Can, bỏ tù Cơ Tử). Lại dứt bỏ lễ nhạc của tổ tiên, ưa thích xỉ nhạc dân dật, dùng thứ biến loạn thanh âm chính thống để vui hưởng nữ sắc. Cho nên Phất ta cung thuận ý trời đi thảo phạt. Các người hãy cố gắng lên, việc này không thể có lần thứ hai, càng không thể có lần thứ ba! Nay bố cáo”.

Sau khi hai người xem xong, không ai nói gì mà đi thẳng hướng đường lớn. Chỉ thấy dân chúng chen lấn đông nghịt ở bên đường, đến độ bưng kín

như nêm. Hai ông đứng phía sau nói một tiếng “Làm ơn!”, dân chúng quay đầu nhìn lại, thấy đó là hai ông lão râu tóc bạc phơ, liền theo lời thượng dụ kính lão của Văn Vương, vội tránh ra, nhường hai ông đi lên trước. Lúc bấy giờ đã không thấy tấm bài vị dẫn đầu đâu nữa, mà là từng hàng giáp sĩ đi qua. Sau khoảng thời gian nướng hết ba trăm năm mươi hai chiếc bánh lớn, mới thấy rất nhiều binh lính khác, vai mang cờ văn hãn chín tua, trông như mây ngũ sắc. Tiếp đến lại là giáp sĩ, theo sau là một đội bá quan văn võ cưỡi những con ngựa cao lớn, vây quanh một vị vương gia có gương mặt tím tím, râu quai nón, tay trái cầm rìu vàng, tay phải nắm đuôi trâu trắng, uy phong凛冽: Đó chính là Chu Vương Phát (1) “cung thuận ý trời đi thảo phạt”.

(1) Chu Vương Phát tức Chu Vũ Vương Cơ Phát, con của Văn Vương. Thiên “Chu bản kỷ” trong sách “Sử ký” viết về tình hình thế sự ở Mục Dã, nói rằng Vũ Vương “tay trái chống hoàng việt (rìu vàng), tay phải cầm cờ mao (đuôi trâu) trắng để chỉ huy”.

Dân chúng hai bên đường lớn, ai nấy đều vô cùng kính cẩn, không người nào động dậy, không một ai lên tiếng. Giữa bầu không khí vô cùng yên tĩnh ấy, chẳng ngờ Thúc Tề lại kéo Bá Di xông lên, len qua mấy con ngựa, chạy tới nắm lấy hàm thiếc ngựa Chu Vương, rướn thẳng cổ thét lớn:

“Cha chết không chôn cất mà lại động binh, có gọi là “hiếu” không? Làm bề tôi mà muốn giết vua, có gọi là “nhân” không?...”.

Ban đầu, dân chúng bên đường và võ tướng trước xa giá đều giật mình ngơ ngác, ngay cả đuôi trâu trắng ở trong tay của Chu Vương cũng bị nghiêng lệch đi. Nhưng Thúc Tề mới nói được bốn câu, liền nghe thấy một tiếng hô to, có mấy thanh đại đao chém từ trên đầu họ chém xuống.

“Dừng lại!”.

Ai nấy đều nhận ra giọng của Khương Thái Công (1), há dám không nghe, vội vã dừng đao ngay. Đó cũng là một ông lão râu trắng tóc bạc, nhưng khuôn mặt thì mập mạp căng tròn.

(1)Khương Thái Công tức Khương Thượng. Tương truyền Văn Vương gặp ông ở bên bờ Vị Thủy, nói rằng: “Tiên quân tôi là Thái Công bảo: Khi có thánh nhân đến Chu, Chu sẽ hưng. Phu tử chính là người đó sao? Vậy thì Thái Công trông ngóng phu tử đã lâu rồi”, do đó Khương Thượng có hiệu là “Thái Công Vọng”. Về sau ông phò tá Vũ Vương phạt Trụ, được phong cho nước Tề.

“Nghĩa sĩ đây! Để cho họ đi đi!”.

Các võ tướng lập tức thu đao lại, cắm vào đai lưng. Mặt khác, bốn giáp sĩ bước tới, cung kính đứng nghiêm quay về hướng Bá Di, Thúc Tề, đưa tay lên, sau đó kẹp hai ông lại, bước thẳng người đi về phía bên đường. Dân chúng cũng vội vàng nhường lối, để bọn họ đi ra sau.

Khi ra tới phía sau, các giáp sĩ lại cung kính đứng nghiêm, buông tay, dùng sức đẩy trên sống lưng hai người họ một cái. Hai ông chỉ kêu được “ây da” một tiếng rồi loạng choạng ngã nhào, lăn xa đến cả trượng, lúc ấy mới nằm lệt thốt trên mặt đất. Thúc Tề vẫn ổn, dùng tay đỡ được, chỉ có mặt dính đầy bùn, còn Bá Di thì đầu sao cũng đã hơi có tuổi, lại va đầu vào tảng đá nên bị ngất đi luôn.

3.

Sau khi đại quân đi rồi, không nhìn thấy gì nữa, mọi người mới đổi hướng, tới vây quanh Bá Di đang nằm và Thúc Tề đang ngồi. Có mấy người nhận ra họ, liền nói ngay cho mọi người được biết, rằng đây vốn là hai vị thế

tử của quân vương nước Cô Trúc ở Liêu Tây, bởi vì nhượng vị nên mới cùng nhau bỏ trốn tới đất này, vào ở trong viện dưỡng lão do tiên vương xây dựng. Thông tin ấy khiến đám đông ca tụng không ngớt lời, có vài người ngồi xổm xuống, nghiêng đầu nhìn gương mặt Thúc Tề, có vài chị chạy về nhà đun canh gừng, có vài anh thì đi báo cho viện dưỡng lão biết, bảo họ mau chóng mang ván cửa ra đón người.

Sau khoảng thời gian nướng hết một trăm linh ba hay một trăm linh bốn cái bánh lớn, tình hình vẫn không có chút chuyển biến, người xem cũng dần dần tản mác. Lại rất lâu nữa, mới thấy hai ông lão khiêng ra một tấm ván cửa, tập tễnh từng bước đi tới, trên ván còn phủ một lớp rơm rạ: Đây cũng là quy tắc kính lão do Văn Vương định ra từ rất xưa. Ván đặt xuống đất, vang một tiếng “koong”, rung đến độ Bá Di bỗng mở bừng hai mắt: Ông đã tỉnh rồi. Thúc Tề vui sướng và ngạc nhiên hô lớn, giúp hai người kia nâng Bá Di nhẹ nhàng đặt lên ván cửa, khiêng về viện dưỡng lão, còn ông thì đi theo bên cạnh, níu sợi dây gai treo ván.

Đi được sáu bảy chục bước, nghe xa xa có người đang hét to:

“Ngài ơi! Đợi chút đã! Canh gừng tới đây!”.

Đó là một thiếu phụ trẻ tuổi, tay bưng vại sành chạy đến, dường như sợ canh gừng vấy ra ngoài nên cô ta không chạy nhanh.

Mọi người đành dừng lại, đợi cô ta tới. Thúc Tề cảm ơn ý tốt của cô. Cô thấy Bá Di đã tự tỉnh, hình như có chút thất vọng, nhưng nghĩ ngợi một lát, vẫn khuyên ông uống canh cho ấm dạ dày. Song Bá Di sợ cay, nhất định không chịu uống.

“Vậy phải làm sao đây? Canh nấu từ gừng già đã để suốt tám năm ròng. Nhà người khác kiếm không ra thứ này đâu. Trong nhà tôi lại không có ai thích ăn cay...”, nhìn cô lộ rõ vẻ không vui.

Thúc Tề đành nhận lấy vại sành, dùng đủ mọi cách ép Bá Di uống nửa hớp, còn dư lại rất nhiều, ông bèn nói mình cũng đang đau dạ dày, rồi uống hết sạch. Vành mắt ửng đỏ, nhưng ông vẫn cung kính ca ngợi tác dụng của canh gừng, sau khi cảm tạ ý tốt của cô thiếu phụ kia thì vục rắc rồi đó mới xem như được giải quyết xong xuôi.

Họ về tới viện dưỡng lão, không đau ốm gì nữa. Sang tới ngày thứ ba, Bá Di đã có thể xuống giường, dù trên trán sưng lên một cục lớn... song ăn uống chẳng thấy ngon. Quan lại và dân chúng cũng không để cho họ sống lánh đời, luôn quấy rầy bằng đủ loại tin tức, hoặc là quan báo, hoặc là tân văn. Cuối tháng Mười hai, nghe nói đại quân đã vượt qua bến Minh Tân, chư hầu không ai không đến. Không bao lâu, bản sao thiên “Thái thệ” (1) của Vũ Vương cũng đã được đưa tới.

(1) “Thái thệ” là một thiên trong sách “Thượng thư” chép lại lời thệ sư của Chu Vũ Vương với chư hầu ở bến Minh Tân (sử sách thường viết là Mạnh Tân), nay thuộc phía Nam huyện Mạnh, tỉnh Hà Nam. Thiên “Chu bản kỷ” sách “Sử ký” chép: “Năm thứ mười một, tháng Mười hai, Mậu Ngọ, quân (Chu) vượt qua Minh Tân, chư hầu đến đủ cả”.

Đây là bản sao đặc biệt dành cho viện dưỡng lão, sợ người già mắt yếu nên mỗi chữ đều viết lớn như hạt hồ đào. Song Bá Di chẳng buồn xem đến, chỉ nghe Thúc Tề ngâm nga một lượt, những chuyện khác không có gì đáng lưu ý, nhưng nghe đến mấy câu “tự buông bỏ mọi cúng bái tổ tiên không thèm ngó, hồ đồ buông bỏ cả đất nước quê nhà”, ông trích văn giải nghĩa, liền cảm thấy lòng đau như cắt.

Chuyện kể cũng không ít: Có chỗ nói, quân Chu tới Mục Dã, đại chiến với binh lính của Trụ Vương, chém giết bọn chúng đến thây chất đầy nội, máu chảy thành sông, đến cành cây cũng trôi nổi, tựa như cuống cỏ trên dòng

nước (1); có chỗ lại nói, tuy lính của Trạ Vương đông đến bảy mươi vạn, nhưng kỳ thực không hề chiến đấu, vừa trông thấy Khương Thái Công dẫn đại quân tiến tới, liền trở giáo giúp Vũ Vương mở đường (2).

Hai câu chuyện, tuy có chút khác nhau, nhưng việc đánh thắng trận thì là điều xác thực. Về sau lại thường nghe nhắc tới châu báu ở Lộc Đài, gạo thóc trong Cự Kiều (3), càng chứng minh tính xác thực của chiến thắng. Các binh sĩ bị thương cũng lần lượt trở về, trông như đã đánh một trận lớn. Phàm là thương binh còn đủ sức đi lại, chỉ cần họ kể chuyện chinh chiến, dù là ở quán trà, quán rượu, tiệm cắt tóc, trước mái hiên nhà dân hay ngồi chơi bên cửa, bất kể nơi nào, cũng đều có một nhóm người mặt mày hớn hở đến lắng nghe. Mùa xuân tới rồi, ngoài trời không còn lạnh nữa, thường thì ban đêm vẫn còn kể rất hăng say.

(1)Trận chiến ở Mục Dã có chép trong thiên “Vũ thành” sách “Thượng thư”: “Mở sáng ngày Giáp Tý, Thụ thống suất quân lữ đông đúc như rừng, đến hội chiến ở Mục Dã. Chúng không địch nổi với quân ta, kẻ trước quay giáo đánh người sau rồi bỏ chạy, máu chảy trôi chày”.

(2)Thiên “Chu bản kỷ” sách “Sử ký” có chép: “Trạ nghe tin Vũ Vương tới, bèn phái bảy mươi vạn quân ra chống cự... Quân Trạ tuy đông nhưng đều không có lòng dạ chiến đấu, muốn theo về với Vũ Vương. Thế là công phá ngược lại, giúp Vũ Vương mở đường”.

(3)Thiên “Ân bản kỷ” sách “Sử ký” nói: “Vua Trạ... đánh thuế rất nặng, lấy tiền của chất ở Lộc Đài, gom thóc chứa đầy kho Cự Kiều”.

Bá Di và Thúc Tề bụng dạ không được tốt, mỗi bữa đều ăn không hết cái bánh nướng phát cho. Đi ngủ thì vẫn như lúc trước, mới sập tối đã lên giường, song luôn bị mất ngủ. Bá Di chỉ nằm lăn qua lăn lại, Thúc Tề nghe

thấy, vừa buồn bực, vừa đắng lòng, những lúc như vậy ông thường đứng dậy, mặc quần áo, đi đi lại lại trong sân, hoặc là tập Thái Cực quyền một lượt.

Một đêm nọ, trời đầy sao không thấy ánh trăng. Mọi người đều ngủ yên hết cả, nhưng ngoài cửa vẫn có người tán gẫu. Thúc Tề xưa nay không nghe trộm chuyện người khác, song lúc đó chẳng biết sao lại dừng chân, đồng thời cũng dỏng tai lắng nghe.

“Mẹ kiếp thằng Trụ Vương, thua một cái là chạy lên Lộc Đài”, người nói chuyện hình như là thương binh trở về. “Mẹ kiếp, nó chất châu báu thành một đồng, ngồi vào chính giữa, rồi châm lửa đốt”.

“Ái chà, vậy đáng tiếc quá đi chứ!”, đây rõ ràng là giọng của người gác cửa.

“Từ từ nào! Chỉ mình nó bị thiêu chết thôi, châu báu không có cháy đâu. Đại vương chúng ta dẫn theo chư hầu, tiến vào Thương quốc. Bách tính của họ đều ra nghênh tiếp ở ngoại thành, đại vương bảo các vị đại nhân thăm hỏi dân chúng, nói rằng: “Hưởng phúc đi!”, bọn họ đều gật đầu. Rồi cứ tiến lên, nhưng cửa nhà nào cũng thấy dán hai chữ lớn “Thuận dân” (1). Xa giá của đại vương đi thẳng tới Lộc Đài, ngài tìm đến chỗ Trụ Vương tự sát, bắn ba mũi tên...”.

(1)“Thuận dân” vừa có nghĩa tốt là “thuận theo lòng dân”, vừa có nghĩa châm biếm, chỉ kẻ đầu hàng quân xâm lược hoặc quy thuận người đã lật đổ triều đại cũ.

“Tại sao vậy? Sợ hãn chưa chết ư?”, một người khác hỏi.

“Ai đâu biết? Nhưng bắn xong ba mũi tên, ngài lại rút kiếm, chém một cái, rồi mới cầm lấy rìu vàng, phập! Cái đầu hãn đã bị chém đứt, treo lên lá

cờ trắng lớn”.

Thúc Tề giật nảy mình.

“Sau đó liền đi tìm hai mộ vợ của Trụ Vương. Hừm, bọn chúng đã sớm thắt cổ chết. Đại vương lại bắn ba mũi tên, rút kiếm ra, chém một cái, rồi mới cầm lấy rìu đen, cắt đầu bọn chúng, treo lên lá cờ trắng nhỏ. Như vậy là...”.

“Hai mộ ấy xinh đẹp lắm phải không?”, người gác cửa cắt ngang lời anh ta kể.

“Không rõ lắm. Cột cờ cao ngất, người đến xem rất nhiều, lúc đó vết thương của tôi hãy còn đau, không chen lại gần để xem được”.

“Người ta nói cái mộ tên Đát Kỷ (1) kia là hồ ly tinh, chỉ có hai chân không biến được thành chân người, nên phải dùng vải che lại, thật không?”.

(1)Đát Kỷ là phi tử của Trụ Vương. Sách “Cổ kim sự vật khảo” của Vương Tam Sính thời Minh có nói: “Đát Kỷ đời Thương là hồ ly tinh,... do chưa biến hóa đôi chân, nên phải dùng lụa che lại”.

“Ai đâu biết? Tôi cũng chưa nhìn thấy chân của mộ. Nhưng đàn bà bên đó, quả thật có rất nhiều người làm cho chân giống hệt móng heo”.

Thúc Tề là một chính nhân quân tử, vừa nghe bọn họ bàn tán từ cái đầu của hoàng đế cho tới chân phụ nữ là nhú hết cả mày, vội bịt tai, quay người chạy vào nhà. Bá Di vẫn chưa ngủ được, khe khẽ hỏi:

“Đệ lại đi luyện quyền sao?”.

Thúc Tề không trả lời, chậm chậm đi tới, ngồi xuống bên giường của Bá Di, khom lưng nói lại mấy lời mà ông vừa nghe được. Sau đó, hai người trầm

ngâm qua nhiều giờ, cuối cùng Thúc Tề thở dài một hơi đầy chán nản, nhẹ nhàng nói:

“Không ngờ cuối cùng bọn họ thay đổi hết phép tắc của Văn Vương... Huynh coi đó, không những bất hiếu, còn bất nhân nữa... Xem ra, không ăn nổi cơm ở đất này rồi”.

“Vậy nên làm thế nào?”, Bá Di hỏi.

“Đệ thấy hay là bỏ đi...”.

Thế rồi hai ông bàn bạc mấy câu, quyết định sáng sớm ngày mai sẽ rời khỏi viện dưỡng lão ngay, không ăn bánh nướng nhà Chu nữa, cũng không mang theo thứ gì hết. Hai huynh đệ sẽ cùng nhau đi tới Hoa Sơn, ăn ít quả dại và lá cây, sống trọn những năm tháng cuối đời. Huống hồ, “thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân” (đạo trời không thiên vị riêng ai, chỉ gia ân cho người tốt) (1), nói không chừng còn có cả thương truyệt hay phúc linh gì đó.

(1) Câu này nằm ở chương 79 sách “Lão Tử”: “Hữu đức tư khế, vô đức tư triệt. Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân” (Người có đức chỉ cần văn khế, kẻ vô đức đòi phần hơn. Đạo trời không thiên vị riêng ai, chỉ gia ân cho người tốt).

Sau khi hạ quyết tâm, trong lòng thoải mái vô cùng, Thúc Tề lại cởi áo rồi nằm xuống. Không lâu sau thì nghe tiếng Bá Di nói mớ, tự ông cũng thấy rất vui nhộn. Đã vậy, dường như ông còn ngửi được mùi hương trong mát của phúc linh, và rồi ông chìm đi vào giấc ngủ giữa không gian thơm lừng ấy.

4.

Ngày hôm sau, hai huynh đệ dậy sớm hơn bình thường, chải đầu rửa mặt

xong xuôi, không mang theo gì hết, kỳ thực cũng chẳng có gì mang được, chỉ tiếc mỗi tấm trường bào da dê cũ, nên vẫn mặc lên người, cầm lấy gậy và nhận bánh nướng, viện cớ đi tản bộ, rồi thẳng một mạch ra khỏi cửa chính của viện dưỡng lão. Trong lòng chợt nghĩ, từ nay sẽ cách biệt lâu dài, họ không khỏi có một chút lưu luyến, quay đầu nhìn mấy lượt.

Người đi đường còn chưa nhiều, nếu có gặp cũng chỉ là vài phụ nữ mắt lim dim, mức nước bên bờ giếng. Ra gần tới ngoại thành thì mặt trời đã lên cao, đường sá cũng đông người hơn, tuy ai nấy ngẩng cao đầu dương dương tự đắc, nhưng vừa thấy bọn họ thì lập tức nhường lối theo lệ cũ. Cây cối cũng bắt đầu thấy um tùm: Trên những cây cao trút lá không biết tên đã nảy nở mầm non, trông như lớp khói nhạt xanh xam xám, những cây tùng, cây bách chen trong đó, vẫn lộ rõ nét xanh tươi giữa mông lung.

Không gian rộng lớn, tự do, đẹp dễ hiện ra ngay trước mắt, Bá Di và Thúc Tề cảm giác như trở lại tuổi thanh xuân, bước chân nhẹ nhàng, tâm trạng cũng thoải mái.

Đến chiều ngày hôm sau, gặp phải mấy ngã rẽ, họ chưa biết nên đi đường nào cho gần, thấy một ông lão từ phía đối diện đi tới, bèn điềm đàm hỏi thăm ông.

“Ái chà, đáng tiếc quá!”, ông lão kia nói. “Ngài nên tới sớm hơn một chút, đi theo đoàn ngựa chạy phía trước là hay rồi. Bây giờ chỉ còn cách bắt đầu từ con đường này thôi. Vẫn còn nhiều ngã rẽ lắm, ngài hỏi gì nữa không?”.

Thúc Tề nhớ lại lúc chính Ngọ, hai ông đúng là đã gặp vài binh sĩ tàn tật, xua một lượng lớn ngựa già, ngựa gầy, ngựa thọt chân, ngựa lát da,... từ phía sau ào tới, hai ông suýt bị đạp chết, lúc này nhân tiện hỏi ông lão: Số ngựa ấy xua đi để làm gì?

“Ngài vẫn chưa biết gì ư?”, người kia đáp. “Đại vương chúng tôi đã “cung

thuận ý trời đi thảo phạt”, sau này không dấy binh kinh động dân chúng nữa, cho nên thả ngựa đến chân núi Hoa Sơn. Đây chính là “quy mã ư Hoa Sơn chi dương” (xua ngựa về phía Nam Hoa Sơn) đó, ngài hiểu chưa? Chúng tôi còn đang “phóng ngư ư Đào Lâm chi dã” (thả trâu tới cánh đồng Đào Lâm) (1)nữa kia! Chà, phen này quả thật mọi người sẽ được ăn bữa cơm thái bình rồi!”.

(1)Quy mã ư Hoa Sơn chi dương, phóng ngư ư Đào Lâm chi dã (xua ngựa về phía Nam Hoa Sơn, thả trâu tới cánh đồng Đào Lâm) là hai câu trong thiên “Vũ thành” sách “Thượng thư”, ý nói chiến tranh đã chấm dứt.

Song điều đó lại như gáo nước lạnh tạt thẳng vô mặt, khiến cả hai ông đều ớn lạnh rùng mình, nhưng họ vẫn không động thanh sắc, cảm ơn ông lão rồi đi theo con đường ông chỉ dẫn. Ừ thì “quy mã ư Hoa Sơn chi dương” (xua ngựa về phía Nam Hoa Sơn), cuối cùng đã đập tan cội mộng của bọn họ, làm cho tâm trạng hai người từ lúc ấy chìm sâu hết bảy tám phần.

Trong lòng thấp thỏm, miệng không nói gì, họ vẫn cứ đi. Đến lúc chạng vạng thì tới gần một gò đất không cao lắm, trên gò lác đác cây cối, rải rác mấy gian nhà đất, hai ông vừa đi vừa bàn bạc, quyết định qua đó xin tá túc.

Cách chân gò vẫn còn hơn chục bước, bỗng từ trong rừng có năm tên đại hán thân hình hổ báo phóng ra, đầu buộc vải trắng, mình mặc áo rách, tên thủ lĩnh cầm đại đao, bốn tên kia thì lăm lăm côn gổ. Vừa tới dưới gò, chúng liền dàn thành hình chữ “nhất”, chặn lấy đường đi, đồng loạt cung kính cúi đầu, cất giọng hét lớn:

“Lão tiên sinh, ngài khỏe chứ?”.

Hai người họ đều kinh sợ đến nỗi phải lui về mấy bước, Bá Di còn phát

run. Vẫn là Thúc Tề giỏi ứng phó, ông đi thẳng tới, hỏi xem bọn chúng là ai và có chuyện gì?

“Tiểu nhân chính là Hoa Sơn đại vương Tiểu Cùng Kỳ (1)”, tên cầm đao nói, “Dẫn theo các huynh đệ tới đây, muốn xin lão nhân ngài thưởng cho một ít tiền mãi lộ!”.

“Chúng tôi mà có tiền sao hả đại vương?”, Thúc Tề nói rất khách khí. “Chúng tôi tới từ viện dưỡng lão đó”.

(1) Cùng Kỳ là một trong “Tứ Hung” của Trung Quốc cổ đại, gồm Hồn Độn (tối tăm), Cùng Kỳ (ngu muội), Đào Ngột (ác thú) và Thao Thiết (tham ăn). Sách “Tả Truyện: Văn Công thập bát niên” chép: “Họ Thiệu Hạo có đứa con bất tài, hủy hoại tín nghĩa, phế bỏ lòng trung, hay nói điều ác, tụ tập kẻ gian, ưa xiểm nịnh, vu oan người ngay thẳng, dân chúng trong thiên hạ gọi hắn là Cùng Kỳ”. Tên nhân vật này được hư cấu từ câu chuyện đó.

“A ha!”, Tiểu Cùng Kỳ giật mình, lập tức ra vẻ muôn phần cung kính, “Vậy hai vị đây nhất định là “bậc đại lão trong thiên hạ” (1)rồi. Chúng tiểu nhân cũng tuân theo di huấn của tiên vương, vô cùng kính lão, nên muốn xin ngài để lại vài món kỷ niệm...”, hắn thấy Thúc Tề không đáp, liền vẩy đại đao một cái, cất cao giọng: “Nếu như các ngài vẫn có ý khiêm nhường, vậy thì chúng tiểu nhân chỉ đành “cung thuận ý trời đi lục lợi”, chiêm ngưỡng quý thể của các ngài một lát!”.

Bá Di, Thúc Tề lập tức giơ hai tay lên. Một tên cầm côn chạy tới cởi áo da, áo bông, áo lót của bọn họ ra, kiểm tra và lục soát kỹ càng một lượt.

“Hai lão khố rách áo ôm, đúng là chẳng có gì ráo!”, mặt hắn tràn đầy vẻ thất vọng, quay đầu nói với Tiểu Cùng Kỳ.

Tiểu Cùng Kỳ thấy Bá Di đang run cả người, liền đi tới, cung kính vỗ vỗ bả vai ông, nói rằng:

“Lão tiên sinh, xin ngài đừng sợ hãi. Hải phái mới “bác trư la” (2), còn chúng tôi là người văn minh cả, không chơi trò này đâu. Món kỷ niệm gì cũng không có, đành xem như chúng tôi xui xẻo vậy. Bây giờ ngài chỉ việc xéo đi cho khuất mắt thôi”.

Bá Di không biết nói gì, đến áo quần cũng không kịp mặc cho ngay ngắn, cùng Thúc Tề sải bước đi mau, mắt nhìn xuống đất, cầm đầu chạy. Lúc bấy giờ, năm tên kia đã nép sang bên đường nhường lối. Nhìn hai ông đi qua trước mặt, bọn chúng liền giữ cả hai tay cung kính, đồng thanh hỏi lớn:

“Ngài đi ư? Không uống chút trà sao?”.

“Không uống đâu, không uống đâu...”, Bá Di và Thúc Tề vừa đi vừa nói, một mặt lại không ngừng gật đầu.

(1)Thiên “Ly Lô” sách “Mạnh Tử có nói: “Hai ông ấy (Bá Di và Khương Thái Công) là hai bậc đại lão trong thiên hạ vậy”.

(2)Thời xưa, bọn cướp ở Thượng Hải cướp giết người qua đường, lấy đi quần áo, gọi đó là “bác trư la”.

5.

“Quy mã ư Hoa Sơn chi dương” (xua ngựa về phía Nam Hoa Sơn) và Hoa Sơn đại vương Tiểu Cùng Kỳ, đều khiến hai vị nghĩa sĩ đâm ra sợ Hoa Sơn, thế là họ bàn bạc với nhau thêm lần nữa, rồi chuyển hướng đi về phía Bắc, xin cơm ăn tạm, ngày đi đêm nghỉ, cuối cùng tới được núi Thú Dương (1).

(1)Phần “Tập giải” của Bùi Nhân chú thích thiên “Bá Di liệt truyện” sách “Sử ký” viết rằng: “Mã Dung nói: Núi Thú Dương nằm ở Bồ Phản, phía Đông Hoàng Hà, phía Bắc Hoa Sơn, giữa khúc quanh của sông”. Thành Bồ Phản nay thuộc huyện Vĩnh Tế, tỉnh Sơn Tây.

Đây quả nhiên là một ngọn núi tốt, đã không cao, lại không sâu, không có rừng đại thụ, không lo hổ sói, cũng chẳng cần phải đề phòng cường đạo: Một nơi lý tưởng để quy ẩn. Bọn họ tới chân núi xem một lượt, chỉ thấy lá non xanh nhạt, đất đai vàng óng, mấy bông hoa li ti đỏ trắng xen kẽ nhau đua nở trong đám cỏ dại, thật sự chỉ nhìn thôi cũng khoan khoái lắm rồi. Lòng tràn đầy niềm vui sướng, hai ông chống gậy men theo đường núi, từng bước từng bước đi lên, khi thấy phía trên nhô ra một phiến đá, dường như nơi đó có hang động, bèn ngồi xuống, vừa lau mồ hôi vừa thở hốt hển.

Lúc bấy giờ vầng dương đã chìm xuống phía Tây, chim mồi về rừng, kêu ríu ra ríu rít, chưa bao giờ lên núi mà nghe thanh tĩnh đến nhường này, tuy vậy họ vẫn cảm thấy có chỗ thú vị tươi mới. Trái xong tấm áo khoác da dê và chuẩn bị đi ngủ, Thúc Tề lấy ra hai nắm cơm lớn, cùng Bá Di ăn cho no. Đây là cơm xin dọc đường còn thừa lại, bởi lẽ “nghị định” mà hai ông từng thảo ra, “không ăn thóc nhà Chu”, chỉ có thể bắt đầu thực hiện sau khi vào đến núi Thú Dương, cho nên tối nay đem cơm ra ăn sạch, kể từ ngày mai sẽ kiên quyết trung thành với chủ nghĩa, tuyệt đối không châm chước.

Sáng ra họ bị lũ quạ già đánh thức, sau đó lại ngủ tiếp, khi tỉnh dậy thì đã tới giữa trưa. Bá Di nói lưng đau chân mỏi, kiểu gì cũng không thể đứng lên, Thúc Tề đành đi một mình, xem thử có gì ăn được không. Ông đi được vài giờ, nhận thấy ngọn núi này không cao, không sâu, không có hổ sói, đạo tặc, cố nhiên là rất tốt, song cũng có khuyết điểm: Bên dưới chính là thôn Thú Dương, không những người già và phụ nữ thường vô đồn củi, mà lũ trẻ con cũng hay lên núi chơi đùa, mấy thứ quả dại ăn được thì một trái cũng tìm

không ra, hình như đã sớm bị bọn họ hái đi hết.

Tự nhiên ông nghĩ tới phục linh. Tuy rằng trên núi có cây tùng, nhưng chưa phải gốc cổ thụ, trên rễ chắc gì đã có phục linh, mà cho dù là có, song không mang cuộc cũng chịu thua. Tiếp đến, ông lại nghĩ tới thương truật, nhưng ông chỉ mới thấy qua rễ chứ chưa hề biết hình dạng lá của nó, vả lại đâu thể nào nhổ hết cây cỏ trên núi lên xem thử, dầu thương truật mọc ngay trước mắt cũng chẳng thể nhận biết. Trong lòng bực dọc, mặt nóng bừng, ông vò đầu bứt tóc một chập.

Nhưng ông bình tĩnh lại ngay, tựa hồ đã có chủ ý, liền đi tới bên cây tùng, hái đầy một túi lá kim, rồi ra bờ suối kiếm hai tảng đá, đập đi lớp vỏ xanh bên ngoài của lá tùng, rửa nước, lại đập nhuyễn cho dẹp xuống như chiếc bánh, ngoài ra ông còn tìm một phiến đá rất mỏng, cầm lấy mang về thạch động.

“Tam đệ, có cái gì ăn được không? Bụng ta đói đến độ sôi réo ùng ục suốt nửa ngày rồi”, Bá Di vừa nhìn thấy ông liền hỏi.

“Đại ca, không có gì hết. Huynh thử cái này xem”.

Ông xếp hai tảng đá lại gần nhau, gác phiến đá lên, trải tấm bánh lá tùng trên đó rồi gom ít cành khô, châm lửa ở bên dưới. Kỳ thực mất rất nhiều thời gian mới nghe thấy bánh lá kim phát ra tiếng xèo xèo, rồi cũng bốc mùi thơm trong mát, khiến hai người nuốt nước bọt. Thúc Tề vui sướng mỉm cười, hồi Khương Thái Công bày sinh nhật tám mươi lăm tuổi, ông có tới chúc thọ, trong bữa tiệc đã nghe được phương pháp đó.

Sau khi bốc mùi thơm thì bánh phồng lên, thấy nó khô dần đi, trở thành một chiếc bánh nướng. Thúc Tề lấy ống áo bao tay lại, cầm phiến đá cười hi hi dâng tới trước mặt Bá Di. Bá Di vừa thối vừa bẻ, cuối cùng bẻ được một góc bánh, vội vàng cho vào trong miệng.

Ông càng nhai càng nhúu mảy, nuốt thẳng xuống cổ họng mấy cái, rồi ọe một tiếng nôn cả ra, nhìn sang Thúc Tề, giọng nói đầy than vãn:

“Đắng... thô ráp...”.

Lúc ấy, Thúc Tề quả thật như rơi xuống đầm sâu, không còn hy vọng gì nữa. Ông cũng run run bẻ một góc và nhai kỹ, đúng là mùi vị không thể nào ăn được: đắng... thô ráp...

Thúc Tề trong phút chốc mất hẳn tinh thần, ngồi rũ rượi. Nhưng ông lại nghĩ ngợi, vắt óc nghĩ ngợi, giống như đang cố gắng leo lên khỏi cái đầm sâu hút kia. Leo rồi lại leo, chỉ nhìn về phía trước. Cuối cùng, ông tựa hồ quay trở về ngày thơ bé, khi vẫn còn là thể tử nước Cô Trúc, ngồi trên gối bà bảo mẫu. Bà bảo mẫu ấy là người nhà quê, đang kể cho ông nghe những câu chuyện cổ: Hoàng đế đánh Xi Vương, Đại Vũ bắt Vô Chi Kỳ, rồi người nhà quê ăn rau vi trong những năm đói kém.

Ông nhớ mình có hỏi hình dáng của rau vi, hơn nữa cũng đã gặp thứ này trên núi. Bỗng dưng ông cảm thấy tràn sức lực, lập tức đứng lên, nhảy vào đám cỏ và không ngừng tìm kiếm.

Quả nhiên, loại rau ấy không thiếu gì, đi chưa tới một dặm thì đã hái được nửa túi áo. Ông vẫn đến con suối rửa qua một lượt rồi mới đem về, vẫn dùng phiến đá nướng bánh lá từng khi nãy để nướng tiếp rau vi. Lá chuyển sang màu xanh xám, nó đã chín rồi. Nhưng lần này ông không dám cung kính dâng đại ca dùng trước, mà bốc lấy một cọng cho vào miệng mình, nhắm mắt lại, nhai kỹ.

“Thế nào hả?”, Bá Di nôn nóng hỏi.

“Ngon đó!”.

Hai người cười hi hi chạy tới thưởng thức rau vi nướng, Bá Di ăn nhiều

hơn hai cọng, bởi vì ông là đại ca.

Bọn họ từ đó ngày ngày hái rau vi. Lúc đầu là một mình Thúc Tề đi hái, còn Bá Di thì nấu nướng. Về sau Bá Di cảm thấy thân thể đã khỏe mạnh hơn một chút nên cũng đi hái luôn. Có rất nhiều cách để chế biến: canh rau vi, súp rau vi, tương rau vi, rau vi hầm, mầm rau vi nấu nước dùng, lá rau vi non phơi sống....

Thế nhưng rau vi gần đó đã dần hái sạch rồi, tuy còn gốc rễ, song đầu thế lớn ngay, mỗi ngày nếu không phải đi xa thì không xong. Chuyển nhà hết mấy lần, rồi kết quả vẫn như nhau. Hơn nữa chỗ ở mới cũng ngày càng khó kiếm, bởi vì đã muốn có rau nhiều, lại còn muốn gần con suối, chỗ ở tiện lợi như thế, trên núi Thú Dương quả thật không có được bao nhiêu. Thúc Tề sợ Bá Di tuổi tác đã cao, ngộ nhỡ không cẩn thận trúng phải gió, nên ra sức khuyên ông cứ ở yên trong nhà, phụ trách việc nấu nướng như hồi trước, để một mình mình đi hái rau vi.

Sau khi khiêm nhường một hồi, Bá Di cũng đồng ý. Từ đó ông tương đối an nhàn. Song trên núi Thú Dương vẫn có người qua lại, ông không có gì làm, tâm tính cũng thay đổi chút ít, từ trầm mặc chuyển sang nhiều lời, khó tránh khỏi đôi lúc đi bắt chuyện với đám trẻ hoặc tán gẫu với tiểu phu. Có lẽ do nhất thời cao hứng, hoặc giả bởi có người gọi ông là lão ăn mày, rốt cuộc ông cũng nói ra chuyện hai người các ông vốn là con vua nước Cô Trúc ở Liêu Tây, ông là lão đại, người kia là lão tam. Ngày phụ thân còn tại thế vốn có nói sẽ truyền ngôi cho lão tam, sau khi cha mất, lão tam lại nhất quyết nhường cho ông. Ông tuân mệnh cha, tránh mọi phiền phức, bỏ trốn đi. Không ngờ lão tam cũng trốn luôn. Hai ông gặp nhau trên đường, rồi cùng tìm tới chỗ Tây Bá - Văn Vương, vào ở trong viện dưỡng lão. Lại không ngờ được Chu Vương hiện nay “làm bề tôi mà giết vua”, cho nên đành phải trốn lên núi Thú Dương, ăn rau dại để sống, không ăn thóc nhà Chu nữa... Đến khi Thúc Tề biết chuyện, trách ông lắm mồm, thì tin tức đã lan truyền ra rồi,

không sao cứu vãn được. Song Thúc Tề cũng không dám oán hận Bá Di, chỉ nghĩ thầm trong bụng: Phụ thân không chịu truyền ngôi cho ông ấy, cũng không thể không nói là rất biết nhìn người.

Dự đoán của Thúc Tề thật không sai: Kết quả rất xấu. Không những trong thôn hay đồn đại chuyện của bọn họ, mà dân chúng còn thường xuyên kéo lên núi viếng thăm. Người thì khen các ông là danh nhân, kẻ thì cho các ông là quái vật, có người chê các ông cổ hủ. Thậm chí lại cùng nhau xem thử hái rau vi như thế nào, vây quanh xem thử ăn nó ra làm sao, chỉ tay múa chân, hỏi ngắn hỏi dài, khiến người ta đau đầu nhức óc. Đã vậy, hai ông còn phải đối phó một cách thật khiêm tốn, nếu như sơ ý không cẩn thận, chau mày một cái thôi, thì khó tránh bị người ta nói là “phát cáu”.

Nhưng dư luận vẫn có nhiều phương diện tốt. Sau đó, cả tiểu thư lẫn quý bà cũng vài người đến xem, về nhà thì ai nấy lắc đầu, nói rằng “khó coi lắm”, khuyên mọi người đừng tới.

Cuối cùng chuyện đến tai Tiểu Bính Quân, một cao nhân hạng nhất của thôn Thú Dương. Hắc vốn là con rể nuôi của ông cậu Đất Kỷ, làm chức Tế tửu (1), bởi sớm biết mệnh trời nên mang theo năm mươi xe hành lý với tám trăm nô tỳ, tới quy hàng minh chủ. Tiếc thay đã vào những hôm trước kỳ hội sư ở Minh Tân, việc binh bận rộn, không kịp sắp xếp cho chỗ tốt, bèn thu mua bốn mươi xe hàng hóa và bảy trăm năm mươi nô tỳ, ngoài ra cấp cho hai khoảnh ruộng phì nhiêu ở dưới chân núi Thú Dương, bảo hắc ở trong thôn nghiên cứu Bát quái học. Hắc cũng thích viết thơ văn, nhưng trong thôn đều là người mù chữ, không hiểu gì về văn học đại cương. Hắc buồn bức lâu ngày, bèn gọi gia nhân lắp kiệu, đi tìm hai ông lão kia để đàm đạo văn chương, đặc biệt là thơ ca, bởi hắc cũng là thi nhân và đã viết xong một tập thơ.

(1)Thời cổ khi bày yến tiệc, một người cao tuổi có đức độ dùng rượu vẩy xuống đất trước để tế thần, gọi là “tế tửu”. Từ thời Hán Ngụy trở đi thì đó là tên chức quan.

Nhưng sau khi đàm đạo thì hần lên thẳng kiệu, lắc đầu trở về nhà, lại còn có vẻ tức tối nữa. Hần cho rằng hai lão ấy không đủ tư cách nói tới thơ ca. Thứ nhất là nghèo hèn: Bận bịu kiếm sống, làm sao viết ra được thơ hay? Thứ hai là “hữu sở vi” (1), làm thơ mất đi tính “đôn hậu”. Thứ ba là có nghị luận, đánh mất sự “ôn nhu” của thơ (2). Điều đặc biệt đáng nói là phong cách của hai lão đầy rẫy sự mâu thuẫn. Thế rồi hần hiên ngang lăm liệt, cất tiếng nói như chém đinh chặt sắt:

(1)Lấy từ câu Hữu sở vi nhi hữu sở bất vi (có việc nên làm nhưng có việc không nên làm), ý nói: Phải quan sát thời thế, cân nhắc xem việc gì nên làm, việc gì không nên làm, có vậy mới làm nên được đại sự.

Thiên “Ly Lô” trong sách Mạnh Tử cũng có câu: Nhân hữu bất vi dã, nhi hậu khả dĩ hữu vi (Người ta trước hết phải phân định được những việc không nên làm, sau đó mới biết được những việc mình nên làm).

(2)“Đôn hậu” và “ôn nhu” lấy ý từ thiên “Kinh giải” sách “Lễ ký” (tức Kinh Lễ, một kinh điển của Nho giáo): Kỳ vi nhân dã, ôn nhu đôn hậu, Thi giáo dã (Làm người phải ôn nhu đôn hậu, đó là điều Kinh Thi muốn truyền dạy).

Lời sớ của Khổng Dĩnh Đạt nói rằng: “Ôn là nói đến vẻ mặt hiền hậu, nhu là nói đến tính tình hòa nhã. Kinh Thi lựa lời để nói bóng gió, không chỉ thẳng sự tình, cho nên nói ôn nhu đôn hậu là điều Kinh Thi muốn truyền dạy”.

“Ôn nhu đôn hậu” đã trở thành một chuẩn tắc trong sáng tác và phê bình văn học của Trung Quốc thời phong kiến.

“Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ” (trải khắp dưới trời, đâu chẳng đất vua) (1), chẳng lẽ rau vi hai lão ấy ăn không phải của thánh thượng chúng ta sao?”.

Lúc bấy giờ, Bá Di và Thúc Tề ngày càng gầy đi, hoàn toàn không phải do bận rộn giao tiếp, vì khách tham quan đang giảm dần. Họ khổ sở vì rau vi đã trở nên khan hiếm, mỗi ngày muốn tìm một nắm thôi cũng mất rất nhiều công sức, phải đi rất nhiều chặng đường.

(1) Câu này ở trong bài “Bắc sơn”, thuộc phần “Tiểu Nhã” của Kinh Thi.

Nhưng họa bất đơn hành. Đã rơi xuống giếng mà còn bị ném đá.

Một ngày nọ, hai người đang ăn rau vi nướng, không dễ gì tìm được, cho nên bữa trưa ấy đã thành ra bữa xế mất rồi. Đột nhiên có một cô gái đôi mươi chưa bao giờ gặp mặt đi ngang qua, nhìn dáng vẻ rất giống nữ tỳ của một gia đình giàu có.

“Các ngài ăn cơm không?”, cô hỏi.

Thúc Tề ngẩng mặt lên, liền cười lại và gật gật đầu.

“Đây là thứ gì vậy?”, cô lại hỏi.

“Rau vi đó”, Bá Di nói.

“Sao lại ăn cái thứ này?”.

“Bởi vì bọn ta không ăn thóc nhà Chu...”.

Bá Di vừa mới cất tiếng nói, Thúc Tề vội đưa mắt ra hiệu, nhưng hình như cô gái kia rất thông minh nên đã hiểu ngay. Cô cười nhạt một tiếng, rồi hiên ngang lăm liết, cất tiếng nói như chém đinh chặt sắt:

“Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ” (trải khắp dưới trời, đâu chẳng đất vua), rau vi mà các ngài ăn, chẳng lẽ không phải của thánh thượng bọn ta sao? (1).

(1) Trong sách “Cổ sử khảo” của Tiêu Chu thời Thục Hán có đoạn chép: “Bá Di, Thúc Tề... ở ẩn trong núi Thú Dương, hái rau vi mà ăn. Trong thôn đã có người phụ nữ nói: Phu tử vì nghĩa không ăn thóc nhà Chu, nhưng thứ này cũng là cây cỏ nhà Chu đấy, thế là họ chịu đói mà chết.

Bá Di và Thúc Tề đều nghe rõ rành rành, đến câu cuối cùng thì tựa như sấm động bên tai, nghe mà choáng váng, đến lúc tỉnh người lại thì a hoàn kia đã không thấy đâu. Rau vi, tất nhiên là không ăn, mà ăn cũng không vô nữa, đã vậy, chỉ nhìn thôi cũng thấy xấu hổ rồi, song muốn vứt nó đi thì lại nhắc tay không nổi, cảm thấy dường như nặng đến cả trăm cân.

6.

Khi tiều phu tình cờ nhìn thấy Bá Di và Thúc Tề co rụt thành một đống, chết trong thạch động sau lưng núi, ấy là khoảng hai mươi hôm sau đó. Tuy bởi họ gầy còm nên xác hoàn toàn chưa thối rữa, nhưng cũng cho thấy chết chưa lâu, áo khoác da dê lại không trải ra nằm, chẳng biết đã bay mất nơi nào. Tin tức này vừa truyền vào trong thôn, lại kích động hàng loạt người đến xem, lui lui tới tới, âm ỉ suốt đêm khuya. Kết quả là có vài người lăm chuyện, muốn lấp đất chôn họ ngay tại chỗ, còn bàn nhau lập một tấm bia đá, khắc lên

mấy chữ, để làm di tích cho đời sau.

Nhưng cả thôn chẳng ai biết viết chữ, đành phải cầu cạnh Tiểu Bính Quân.

Song Tiểu Bính Quân không chịu viết.

“Hai lão ấy không xứng để ta viết”, hần nói. “Đều là quân ngu dốt. Chạy tới viện dưỡng lão cũng được đi, nhưng chẳng chịu sống lánh đời; chạy tới núi Thú Dương cũng được đi, nhưng còn đòi làm thơ; làm thơ cũng được đi, nhưng lại muốn ra vẻ cảm khái, không chịu an phận giữ mình, “nghệ thuật vị nghệ thuật”. Người xem đó, thơ thần kiểu này thì làm gì có tính vĩnh cửu: Lên núi Tây kia chừ, hái rau vi; Lấy bạo đối bạo chừ, đâu biết đó là sai; Thần Nông, Ngu, Hạ mất hết chừ, ta biết nơi nào đi? Than ôi chết chừ, mạng đã suy! (1).

(1)

Thiên “Bá Di liệt truyện” trong sách “Sử ký” chép: “Lúc (Bá Di và Thúc Tề) đói sắp chết, có làm bài ca. Lời rằng:

Đảng bỉ Tây sơn hề, thái kỳ vi hĩ

Dĩ bạo địch bạo hề, bất tri kỳ phi hĩ

Thần Nông, Ngu, Hạ hốt yên một hề, ngã an thích quy hĩ?

Ư ta tồ hề, mệnh chi suy hĩ!

(Lên núi Tây kia chừ, hái rau vi

Lấy bạo đối bạo chừ, đâu biết đó là sai

Thần Nông, Ngu, Hạ mất hết chừ, ta biết nơi nào đi?

Than ôi chết chừ, mạng đã suy!)

Rồi chết đói trên núi Thú Dương”.

Đoạn này trong nguyên bản, Lỗ Tấn dịch xuôi ra bạch thoại.

“Người xem, lời lẽ gì thế này? Ôn nhu đôn hậu mới là thơ. Cái thứ hai lão ấy viết, thì đâu chỉ “oán” nhất định còn “mạ” (chửi mắng) nữa. Không có hoa thơm, chỉ toàn gai góc, vậy đã không được rồi, huống hồ lời nào cũng chửi mắng. Cho dù bỏ qua khía cạnh văn học không bàn đến, thì hai lão ấy vứt tổ nghiệp, cũng đâu phải con hiếu, lại tới nơi này mĩa mai triều chính, càng không giống hạng lương dân... Ta không viết!...”.

Những người mù chữ không hiểu lý luận của hãn ta cho lắm, nhưng nhìn thanh thế dữ dội vậy, biết chắc là hãn có ý phản đối, đành phải chịu thôi. Tang sự của Bá Di với Thúc Tề, xem như đã tuyên bố kết thúc.

Song những lúc đêm hè hóng mát, đôi khi người ta lại nhắc tới chuyện hai ông. Có người nói là chết già, có người nói là bệnh chết, có người thì cho rằng bị cường đạo cướp áo khoác da dê giết. Về sau lại có kẻ nói, e rằng hai ông cố ý nhin đói mà chết đấy, bởi vì hãn nghe a hoàn A Kim Thư trong phủ Tiểu Bính Quân kể lại: Hơn mười ngày trước đó, cô đã từng lên núi giễu cợt hai ông ấy mấy câu, thằng ngốc lúc nào cũng dễ nổi đóa, xem chừng họ tức giận rồi tuyệt thực ăn vạ, song ăn vạ chỉ tự giết chết mình mà thôi.

Vậy là nhiều người vô cùng bội phục A Kim Thư, khen cô ấy thông minh, nhưng cũng có mấy người trách cô ta quá khắc bạc.

Song A Kim Thư lại hoàn toàn không cho rằng cái chết của Bá Di, Thúc

Tề có liên quan đến cô. Hiển nhiên, cô lên núi rồi bôn cọt mấy câu, ấy là sự thật, nhưng đó chỉ vền vện là nói đùa. Hai lão ngốc kia nổi cáu, bởi vậy mà không ăn rau vi nữa, cũng là sự thật, nhưng không hề chết, ngược lại đã gặp được vận may rất lớn kia.

“Tấm lòng của ông trời vốn bao la”, cô nói. “Ngài thấy hai lão kia ăn vạ, sắp chết đói đến nơi, liền dặn dò hươu mẹ đem sữa bón cho hai lão. Huynh xem, đó chẳng phải là phúc khí vô bờ ư? Không phải cấy cày, không cần đồn cũi, chỉ việc ngồi đó, ngày ngày có sữa hươu tự đưa tới tận miệng. Song lũ bần hèn không biết cân nhắc, tên lão tam ấy, gọi hăn là gì nhỉ, được bước làm tới, uống sữa hươu vẫn chưa đủ, hăn uống sữa hươu mà trong bụng nghĩ thầm: “Con hươu béo thế này, giết nó ăn thịt, mùi vị chắc không tệ”, bèn từ từ duỗi cánh tay nắm lấy phiến đá. Nhưng hăn không biết hươu là loài vật thông linh, nó đã nhìn thấu tâm tư con người, lập tức chạy đi mất hút như làn khói. Ông trời cũng chán ghét hai lão tham ăn này, liền bảo hươu mẹ từ nay không cần đến nữa (1). Huynh cũng thấy rồi đó, bọn chúng còn không thể chết đói sao? Vậy thì là do lời nói của tôi, hay là do hai lão ấy tham lam, tham ăn đây hả?...”.

Những người nghe được câu chuyện ấy, đến cuối cùng đều thở một hơi rõ dài, không biết sao mà bả vai cảm thấy nhẹ nhàng đi nhiều lắm. Dù cho thỉnh thoảng có nghĩ tới Bá Di, Thúc Tề, song mơ mơ màng màng, giống như nhìn thấy bọn họ ngồi xõm dưới vách đá, đang há to cái mồm đầy râu bạc, liều mạng cắn xé thịt hươu.

Tháng 12 năm 1935

(1) Trong “Liệt sĩ truyện” của Lưu Hưởng thời Hán có viết: “Bá Di, Thúc Tề... ở ẩn trong núi Thú Dương, không ăn thóc nhà Chu, hái rau vi mà ăn. Có kẻ làm khó họ, nói: “Tuy không ăn thóc của nhà Chu ta, nhưng lại ăn cây cỏ

của nhà Chu ta là thế nào?”, anh em Bá Di bèn tuyệt thực, được bảy ngày, trời ban cho sữa hươu trắng. Qua vài ngày, Thúc Tề có lòng riêng, nghĩ: “Ăn được hết con hươu này, há chẳng khoái lắm sao!”, hươu biết lòng ấy, bèn không tới nữa. Anh em Bá Di đều chết đói”.

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Đức Kiêm

1.

Mi Gian Xích vừa cùng mẹ đi ngủ, chuột liên chạy ra cắn nắp nồi, khiến anh nghe mà bức dọc. Anh khe khẽ gào lên mấy tiếng, ban đầu còn có chút hiệu nghiệm, về sau thì chuột chẳng thèm để ý đến nữa, cứ lạch cạch mà cắn tới. Anh lại không dám hét to, sợ đánh thức mẹ mình, mẹ anh ban ngày làm việc rất vất vả, tối đến nằm xong đã ngủ yên.

Sau nhiều giờ trôi qua, không gian đã trở lại yên tĩnh, anh cũng muốn ngủ cho xong. Bỗng “ùm” lên một tiếng, anh liền mở to mắt. Đồng thời nghe thấy tiếng móng cào sột soạt trên chất sành.

“Chết người chưa!”, anh nghĩ tới mà vui sướng vô cùng, rồi khẽ khàng ngồi dậy.

Anh bước xuống giường, soi ánh trăng mờ lấy hỏa khí phía sau cửa, châm ngọn đuốc cành thông và rọi sang vò nước. Quả nhiên, một con chuột lớn đã lọt vào trong này, nhưng nước đọng trong đó không còn nhiều, nó không sao chui ra được, chỉ men theo thành trong của chiếc vò mà cào cào, quanh quẩn ở mỗi phạm vi đó thôi.

“Đáng đời!”, nghĩ tới việc nó đêm đêm chạy ra gặm nhấm đồ đạc trong nhà, khiến cho anh không tài nào ngủ ngon giấc, anh lại thấy hả hê. Anh cầm ngọn đuốc cành thông vào một lỗ nhỏ trên tường đất rồi thừng thức cảnh hay, nhưng con mắt ti hí tròn xoe đang mở trừng trừng kia lại làm cho anh thêm căm ghét, anh bèn rút một thanh củi, nhấn nó chìm xuống tận đáy nước.

Qua một lúc sau thì anh mới buông tay, con chuột kia cũng nổi lên, lại quanh quẩn trong thành vò. Có điều sức cào của nó đã không còn mạnh như trước nữa, mắt cũng chìm trong nước, chỉ lộ ra một chút đầu nhọn của chiếc mũi đỏ ửng, thở gấp từng hơi phì phò.

Gần đây anh có vẻ không thích những người mũi đỏ. Nhưng lần này, khi nhìn thấy đầu nhọn của chiếc mũi đỏ ửng kia, anh lại thấy đáng thương, liền dùng thanh củi ấy đưa xuống bụng của nó, con chuột bám lấy, nghỉ sức một lúc rồi men theo thanh củi để trèo lên. Đến khi nhìn thấy hết toàn thân nó: lông đen ướt sũng, cái bụng căng phình, đuôi ngoe ngoảy như con giun, lại khiến anh chán ghét vô hạn. Anh vội giật rung thanh củi, nghe “ùm” một tiếng, con chuột rơi lại vào trong vò nước, tiếp đó anh dùng thanh củi nhấn xuống đầu nó mấy cái, mong nó mau chìm xuống cho xong.

Sau khi thay thuốc được sáu lần, con chuột kia đã không thể cựa quậy nữa, chỉ trôi nổi trong lòng nước, thỉnh thoảng còn vọt nhè nhẹ lên bề mặt. Mi Gian Xích lại thấy nó đáng thương, lập tức bẻ đôi thanh củi, khó khăn lắm mới gắp nó ra được, rồi ném lên mặt đất. Con chuột lúc đầu thì nằm yên không động đậy, về sau mới hô hấp được đôi chút, lại qua một hồi lâu nữa, bốn chân đã nhúc nhích, chuyển mình một cái, tựa như muốn bật dậy chuồn đi ngay. Mi Gian Xích giật nảy người, bất giác nhắc chân trái lên và đập cho một đập. Chỉ nghe một tiếng “chít”, khi anh ngồi xổm xuống nhìn cho kỹ thì thấy trên góc mõm của nó có vấy chút máu tươi, chắc đi đời mất rồi.

Anh lại thấy đáng thương, cảm giác như bản thân đã làm một chuyện gì độc ác lắm, nên vô cùng khó chịu. Anh cứ ngồi xổm và ngây người như vậy, không đứng lên.

“Xích nhi, con đang làm gì đó?”, mẹ anh đã thức dậy, ngồi trên giường hỏi.

“Chuột ạ...”, anh bối rối đứng lên, quay lại, nhưng chỉ đáp được hai tiếng.

“À, chuột thì mẹ biết rồi. Nhưng con đang làm gì đó? Giết nó hả, hay là cứu nó vậy?”.

Anh không trả lời. Cây đuốc vừa cháy hết, anh lặng lẽ đứng trong bóng tối, thấy ánh trăng đang dần dần sáng trong hơn.

“Chà!”, mẹ anh thở dài nói, “Qua tới giờ Tý thì con đã mười sáu tuổi rồi, nhưng tính tình vẫn hời hợt như vậy, không thay đổi chút nào. Xem ra, chẳng có ai báo được mối thù của cha con”.

Anh thấy mẹ mình ngồi đó dưới ánh trăng xám bạc, phảng phất như đang run người, trong giọng nói khe khẽ ấy hàm chứa một nỗi đau thương vô bờ, khiến anh lạnh đến sởn tóc gáy, nhưng trong chớp mắt, anh lại cảm thấy máu nóng trong người chột trào sôi lên ùng ục.

“Mối thù của cha ư? Cha có mối thù gì sao mẹ?”, anh bước lại mấy bước, lo lắng hỏi.

“Có chứ! Ông còn muốn con phải đích thân báo thù. Mẹ định kể cho con nghe từ lâu rồi, nhưng vì con còn nhỏ quá, nên lại thôi. Bây giờ con đã trưởng thành, nhưng tính tình thì vẫn vậy. Mẹ biết phải làm sao đây? Tính cách kiểu như con, sao làm nên việc lớn?”.

“Được chứ! Mẹ kể con biết đi. Rồi con sẽ sửa đổi...”.

“Đương nhiên rồi. Mẹ sẽ nói thôi. Con nên sửa đổi đi... Vậy thì con tới đây nào!”.

Anh bước lại gần. Mẹ anh ngồi ngay ngắn trên giường, dưới ánh trăng mờ ảo, đôi mắt phát ra tia lấp lánh.

“Con nghe này!”, bà nghiêm giọng, “Cha con vốn là một danh sư đức kiếm đệ nhất trong thiên hạ. Trong lúc nhà ta khốn khó thì mẹ đã bán hết đồ

nghề của ông để kiếm tiền rồi, nên con không thấy được dấu tích gì nữa đâu, nhưng cha con quả thật là danh sư đúc kiếm có một không hai ở trên đời. Hai mươi năm trước, vương phi hạ sinh một thỏi sắt, nghe nói bởi vì bà ta ôm trụ sắt mà có mang, đó là một thỏi sắt màu xanh trong suốt. Đại vương biết đây là dị bảo, bèn quyết định dùng nó để đúc ra một thanh kiếm, muốn lấy kiếm này bảo quốc, giết giặc và cũng để phòng thân. Thật không may, khi đó nhà vua lại chọn cha con, ông bưng sắt về nhà và đêm ngày rèn đúc, hao tổn tâm sức ngót ba năm trời mới luyện được hai thanh kiếm”.

“Vào cái ngày mở lò lần cuối cùng, cảnh tượng ấy thật kinh hoàng! Khi một luồng khí trắng bốc lên ngùn ngụt thì mặt đất cũng rung chuyển. Luồng khí ấy biến thành mây giữa lưng trời và bao phủ khắp vùng, dần dần hiện ra sắc đỏ tươi rồi rọi xuống, khiến cho mọi thứ đều trông giống như màu hoa đào. Trong cái lò đen nhánh của nhà mình có hai thanh kiếm đỏ rực đang nằm đó. Cha con dùng nước tinh hoa (1) từ từ rỏ xuống thì thanh kiếm rít lên tiếng xèo xèo, từ từ chuyển sang màu xanh. Cứ vậy hết bảy ngày bảy đêm, kiếm chẳng thấy đâu, nhưng nếu nhìn kỹ thì chúng vẫn ở trong lò, xanh và trong suốt giống hệt hai tảng băng”.

(1) Tức nước giếng mức lên lần đầu tiên vào buổi sáng sớm.

“Trong ánh mắt của cha con lấp lánh bao nhiêu niềm vui sướng tột độ, ông cầm kiếm lên rồi phúi phúi lau lau. Nhưng đồng thời, trên vầng trán và khóe môi của ông cũng hiện rõ nếp nhăn của một nỗi niềm bi thảm. Ông mang hai thanh kiếm cất vào hai cái tráp riêng biệt”.

“Nàng chỉ việc xem cảnh tượng trong mấy ngày nay là hiểu rõ thôi, bất luận người nào, cũng đều biết kiếm đã được luyện xong”, cha con nói khe khẽ với mẹ. “Đến ngày mai, ta phải dâng kiếm cho đại vương. Nhưng ngày dâng kiếm cũng chính là ngày ta tận mạng. E rằng từ nay chúng ta phải vĩnh

biệt nhau rồi”.

“Chàng...”, mẹ rất kinh ngạc, không đoán được ý của cha con, cũng chẳng biết nói gì cho phải. Mẹ chỉ nói như vậy: “Công lao lần này của chàng to lớn đến nhường ấy...”.

“Hừm! Nàng không biết đó thôi!”, ông nói. “Đại vương xưa nay ưa nghi ngờ, lại vô cùng tàn nhẫn. Phen này ta đã luyện cho hắc thanh kiếm vô song trên thế gian, hắc nhất định phải giết chết ta, để ta không thể luyện kiếm cho người khác, như vậy thì hắc sẽ không có đối thủ, cũng không ai thắng được hắc”.

“Mẹ đã tuôn nước mắt”.

“Nàng không cần phải đau buồn. Việc này là không sao tránh khỏi. Nước mắt không thể nào gột rửa đi vận mệnh. Nhưng ta đã có chuẩn bị từ sớm rồi!”, ánh mắt của cha con bỗng sáng rực như tia lửa, ông lấy một cái tráp đựng kiếm đặt lên đùi mẹ. “Đây là thanh hùg kiếm (kiếm trống)”, ông nói, “Nàng hãy giữ lấy. Ngày mai ta chỉ mang thư kiếm (kiếm mái) dâng lên đại vương thôi. Nếu như ta một đi không trở về, vậy chắc chắn là ta đã không còn trên đời nữa. Không phải nàng đã mang thai được năm sáu tháng rồi hay sao? Nàng đừng đau khổ làm chi, đợi khi sinh con ra thì nuôi dưỡng cho thật tốt. Sau khi nó trưởng thành, nàng giao thanh hùg kiếm này cho nó, bảo nó chém vào cổ đại vương, báo thù cho ta!”.

“Vậy hôm đó cha có trở về không mẹ?”, Mi Gian Xích vội vàng hỏi.

“Cha không về!”, bà bình tĩnh đáp. “Mẹ đi nghe ngóng khắp nơi, đều bật vô âm tín. Về sau có kẻ nói, người đầu tiên phải đem máu cho thanh kiếm cha con luyện ra uống, lại chính là cha con. Bọn chúng còn sợ vong hồn ông tác quái nên đã đem đầu và thân thể chia ra chôn ở cửa trước và phía sau vườn!”.

Toàn thân Mi Gian Xích bỗng dưng nóng rực như lửa đốt, tự cảm thấy trên mỗi sợi lông đều có mấy đốm lửa tóe ra. Hai nắm đấm của anh siết chặt kêu răng rắc trong bóng tối.

Mẹ anh đã đứng dậy, lật tấm ván gỗ nơi đầu giường, châm đuốc càngh thông rồi đi tới sau cửa lấy ra một cái cuốc chim, đưa cho Mi Gian Xích và nói: “Con đào đi!”.

Mi Gian Xích thấy tim mình nhảy loạn xạ, nhưng anh vẫn rất trầm tĩnh, từng cuốc từng cuốc đào nhẹ lên. Moi lên chỉ toàn là đất vàng, phải sâu đến khoảng năm thước thì màu đất mới khác đi chút ít, giống như chất gỗ mục.

“Con xem đi! Cẩn thận đó!”, mẹ anh nói.

Mi Gian Xích phục người bên cái hố vừa đào, thò tay xuống, cẩn thận rút lớp gỗ mục lên, đến khi đầu ngón tay thấy lạnh ngắt như chạm phải băng tuyết thì thanh kiếm xanh trong suốt kia cũng đã hiện ra. Anh đã nhìn rõ chuôi kiếm, liền cầm lấy đưa lên.

Trăng sao ngoài cửa sổ lẫn ánh đuốc trong nhà đều đột nhiên bị lu mờ, chỉ có mỗi ánh sáng xanh kia đang chèn lấp cả vũ trụ. Thanh kiếm đó cũng như không hề tồn tại mà tan biến đi trong luồng sáng. Mi Gian Xích ngưng thần nhìn kỹ, mới thấy nó dài khoảng hơn năm thước, nhưng cũng không có vẻ gì là sắc bén, lưỡi kiếm lại hơi tròn tù, trông y hệt chiếc lá hẹ.

“Từ nay con phải sửa đổi cái tính cách do dự thiếu quyết đoán của mình, dùng thanh kiếm này đi báo thù!”, mẹ anh nói.

“Con đã sửa đổi cái tính cách do dự thiếu quyết đoán của con rồi, phải dùng thanh kiếm này đi báo thù!”.

“Mẹ chỉ mong như thế. Con mặc áo xanh vào, đeo kiếm này trên lưng, áo

và kiểm chung một màu, không ai nhìn ra được. Y phục may xong mẹ để ở đây này, ngày mai con lên đường được rồi. Đừng nhớ tới mẹ làm chi!", bà chỉ vào cái rương quần áo cũ ở sau giường và nói.

Mi Gian Xích lấy áo mới ra mặc thử, thấy rất vừa vặn với tầm vóc của mình. Anh cởi áo ra, gấp mấy lượt, bọc lấy thanh kiếm và đặt bên gối, rồi trầm tĩnh nằm xuống. Anh cảm giác như tự mình đã thay đổi cái tính cách do dự thiếu quyết đoán kia, anh quyết tâm để cho lòng dạ như không có gì vướng bận, nằm xuống thì ngủ ngay, và sớm mai thức dậy, vẫn giữ thái độ chuẩn mực ấy, ung dung đi tìm kiếm kẻ thù không đội trời chung. Nhưng anh vẫn tỉnh táo. Nằm trằn trọc mãi, vẫn cứ muốn ngồi dậy. Anh nghe thấy mẹ mình khẽ thở dài thất vọng. Anh lại nghe có tiếng gà gáy lượt đầu tiên, biết rằng đã qua giờ Tý, bản thân anh được mười sáu tuổi rồi.

2.

Khi Mi Gian Xích bước ra khỏi cửa thì mắt còn lơ lơ và không quay đầu nhìn lại, anh mặc áo xanh, lưng đeo kiếm xanh, rảo bước đi thẳng về phía thành, lúc bấy giờ phương Đông vẫn chưa thấy ánh nắng. Mỗi chiếc lá kim trong rừng sam đều treo móc những giọt sương đang ẩn chứa hơi đêm. Nhưng khi vào tới khu rừng thì trong giọt sương đã thoáng hiện vẻ long lanh, dần dần biến đổi sang sắc màu buổi sớm. Nhìn về phía xa xa, thấy trước mặt là tường thành và các công sự màu đen xám mờ mờ.

Anh hòa vào dòng người gánh hành rau đi bán để lên vào trong thành, đường phố đã trở nên náo nhiệt. Đàn ông thì ngơ ngác đứng từng hàng, phụ nữ thì thỉnh thoảng lại thò đầu ra khỏi cửa để dòm ngó. Bọn họ phần lớn cũng còn đang ngái ngủ híp mắt, đầu tóc rối bù, khuôn mặt vàng vọt, chưa kịp bôi son phấn.

Mi Gian Xích đã dự cảm trước là sắp có chuyện lớn gì rồi đây, bọn họ đều sốt ruột nhưng cũng rất nhẫn nại đợi chờ sự việc ấy.

Anh cứ đi thẳng về phía trước. Bỗng một em bé chạy qua, gần như chạm phải mũi kiếm trên lưng anh, khiến anh thấy hoảng hồn mà toát mồ hôi ướt đẫm. Chuyển hướng về phía Bắc, cách hoàng cung không xa, từng lớp người chen chúc nhau dày đặc, ai nấy đều rướn cổ lên để nhìn. Trong đám đông còn nghe thấy tiếng la ó của phụ nữ và tiếng khóc lóc của những đứa bé. Anh sợ thanh hùng kiếm vô hình kia gây tổn thương người khác nên không dám chen vào, nhưng những người ở phía sau cứ dồn lên. Anh đành phải khéo léo mà tránh né, trước mặt chỉ toàn thấy lưng người và những chiếc cổ rướn lên cao.

Bỗng nhiên, những người phía trước đều lần lượt quỳ xuống. Hai con ngựa từ đằng xa chạy lại. Sau đó đến lượt các võ sĩ cầm gậy gộc, giáo mác, đao, cung nỏ, cờ quạt đi tới, khiến cho bụi bay mù mịt khắp con đường. Lại một cỗ xe tứ mã chở cả đoàn người lao đến, trên xe có kẻ thì đánh chuông vỗ trống, có kẻ thì thổi mấy thứ quái đàn gì đó không ai biết. Tiếp nữa cũng vẫn là xe, mấy người ngồi trong đó đều mặc áo thêu họa tiết, không phải những ông già mà là những tên lùn mập, ai nấy mặt mày đều ướt đẫm mồ hôi dầu. Đi theo sau là một đội kỵ sĩ cầm đao, thương, kiếm, kích. Những người đang quỳ đều phủ phục sát đất. Chính lúc đó Mi Gian Xích nhìn thấy một chiếc xe to lớn phủ màn vàng băng qua, ngồi bên trong là một lão béo mập mặc áo thêu họa tiết, râu hơi bạc, đầu bé tí, bên hông cũng giắt một thanh kiếm xanh giống hệt thanh kiếm trên lưng anh.

Anh bất giác thấy lạnh cả người, nhưng lập tức lại nóng lên, như lửa thiêu hừng hực. Anh vừa đưa tay lên bả vai nắm lấy chuôi kiếm, vừa nhắc chân bước qua chỗ trống giữa những chiếc cổ của đám người đang phủ phục.

Nhưng anh chỉ đi được năm sáu bước thì té ngã nhào, bởi có kẻ đột nhiên nắm lấy chân anh. Cú ngã ấy lại khiến anh đè lên một thiếu niên mặt khô nứt, anh sợ mũi kiếm làm cậu ta bị thương, khi anh hoảng hốt đứng dậy nhìn thì bên sườn đã dính phải hai quả đấm rất nặng. Anh cũng đầu rảnh rồi để so đo chuyện ấy, lại ngó ra đường, không những chiếc xe có màn vàng kia đã đi

mất mà cả đám kỵ sĩ vây quanh hộ tống cũng đã biến mất tiêu.

Hết thấy người bên đường đều bỏ chạy. Chàng thiếu niên mặt khô nứt kia lại tóm lấy cổ áo Mi Gian Xích không chịu buông, nói rằng anh đừng bỏ mất Đan điền quý giá của cậu ta, bắt anh đảm bảo: Nếu chưa đến tám mươi tuổi mà cậu ta đã chết thì anh phải đền mạng. Bao nhiêu kẻ rồi hơi liền vây quanh lại, ngơ ngác nhìn, nhưng chẳng ai lên tiếng. Sau đó cũng có người đứng bên cạnh trêu đùa mấy câu, đều là phụ họa cho thiếu niên mặt khô nứt kia. Mi Gian Xích gặp phải kẻ địch như vậy, thật sự giận không được mà cười cũng không xong, chỉ cảm thấy ngao ngán, lại không thể thoát ra. Sau khoảng thời gian nấu chín xong một nồi gạo kê, Mi Gian Xích này giờ đã nôn nóng đến độ toàn thân phát hỏa, nhưng số người đứng xem vẫn không hề giảm đi, coi bộ hãy còn say sưa hứng thú lắm.

Vòng người phía trước đã nhúc nhích, một người đen đúa chen lên, râu mắt đều đen cả, gầy như một que sắt. Ông ta không nói gì hết, chỉ cười nhạt một tiếng với Mi Gian Xích, rồi giơ tay kéo lấy gã thiếu niên mặt khô nứt, hơn nữa còn nhìn thẳng vào mặt cậu ta. Chàng thiếu niên kia cũng nhìn vào ông ấy, bất giác buông tay, lùi đi mất. Người kia cũng bỏ đi ngay. Những người đứng xem đều thấy vô vị mà giải tán. Song có mấy người còn đi tới hỏi xem Mi Gian Xích bao nhiêu tuổi, nhà ở đâu, trong gia đình có chị em gì nữa không. Mi Gian Xích đều mặc kệ bọn họ.

Anh đi về hướng Nam, nghĩ bụng: Giữa thành thị đông đúc như thế này, kiếm dễ gây thương tích cho người khác, chỉ bằng ra ngoài cửa Nam, đợi hăn về rồi trả thù cho cha, nơi đó đất rộng người thưa, quả thật rất tiện lợi để mình ra tay. Bây giờ ở trong thành, người người đều xôn xao như bầy ong vỡ tổ, bàn tán từ chuyện quốc vương du ngoạn sơn hà, về nghi trượng và sự uy nghiêm của ngài, về niềm vinh hạnh của bản thân khi được nhìn thấy quốc vương, cho đến việc năm phủ phục thấp thế nào mới xứng đáng là quốc dân mẫu mực,... Ra gần tới cửa Nam, không khí mới dần dần yên tĩnh.

Mi Gian Xích ra khỏi thành, ngồi dưới gốc dâu lớn, lấy hai chiếc bánh màn thầu ra bỏ bụng. Lúc đang ăn, anh chợt nhớ tới mẫu thân, bất giác thấy cay cay mắt mũi, nhưng sau đó không có chuyện gì hết. Chung quanh dần tĩnh lặng đi, đến nỗi anh nghe được rất rõ hơi thở của chính mình.

Màu trời càng tối sẫm, anh lại càng thấy bất an, cố nhìn về phía trước, nhưng không phát hiện ra một chút bóng dáng nào của quốc vương. Người nhà quê lên thành thị bán rau cũng lần lượt gánh giỏ không ra khỏi thành trở về.

Khi đã vắng bóng người một hồi lâu, người đen đúa kia bỗng xuất hiện từ trong thành.

“Đi thôi, Mi Gian Xích! Quốc vương đang truy bắt đó!”, ông ta nói, giọng nghe như tiếng cú.

Mi Gian Xích run bắn người, cứ như bị ma ám, lập tức theo ông ta, sau đó thì chạy như bay. Khi anh đứng lại thở hổn hển, mới biết là mình đã tới bìa rừng sam. Từ xa xa phía sau thấy lấp loáng ánh bạc, vầng trăng đã nhô lên ở bên đó, phía trước lại là đôi mắt của người kia sáng rực như ánh lửa ma trời.

“Ông làm sao mà biết tôi?...”, anh hỏi, vẻ cực kỳ kinh hãi.

“Ha ha! Ta biết con lâu rồi!”, giọng người kia nói. “Ta biết con lưng mang hùng kiếm, muốn báo thù cha, ta cũng biết là con báo thù không thành. Đâu chỉ không thành, hôm nay còn có kẻ mặt báo, kẻ thù của con đã sớm hồi cung từ cửa Đông, hăn hạ lệnh tróc nã con!”.

Mi Gian Xích bất giác thấy đau lòng.

“Hồi ôi, hèn chi mà mẹ tôi cứ thở dài”, anh thấp giọng nói.

“Nhưng mẹ con chỉ biết có một nửa. Bà ấy không biết là có ta đây báo thù

cho con”.

“Ông sao? Ông muốn báo thù cho con ư, thưa nghĩa sĩ?”.

“Con đừng xưng hô như vậy, ta không xứng đâu”.

“Thế thì là do ngài cảm thông với cô nhi quả phụ chúng con chăng?...”.

“Trời ơi, con đừng nói ra những từ đã bị ô bản này nữa”, ông ta lạnh lùng nói, “Trượng nghĩa, cảm thông, mấy thứ ấy hồi trước thì trong sạch là thế, nhưng bây giờ đều trở thành tư bản để cho vay. Trong lòng ta không hề có những thứ như con nói. Ta chỉ muốn báo thù cho con thôi!”.

“Tốt quá! Nhưng ngài làm sao báo thù cho con được?”.

“Chỉ cần con đưa cho ta hai vật”, giọng nói phát ra bên dưới hai đốm lửa ma trời. “Hai vật gì vậy? Con nghe này: Một là thanh kiếm của con, hai là cái đầu của con!”.

Mi Gian Xích tuy cảm thấy kỳ quái, có chút hồ nghi, nhưng không hề kinh ngạc. Anh nhất thời không thể nói được gì.

“Xin con đừng nghi ngờ ta muốn lừa gạt, cướp mất tính mạng và bảo vật của con”, trong bóng tối lại nghe giọng nói kia lạnh lùng cất lên. “Việc này hoàn toàn tùy ý con. Con tin thì ta làm, còn không tin thì thôi”.

“Nhưng tại sao ngài lại giúp con báo thù vậy? Ngài quen biết cha con ư?”.

“Ta vốn có quen biết cha con, cũng như đã biết con từ lâu rồi. Nhưng ta muốn báo thù thì hoàn toàn không phải vì điều đó. Con có vẻ thông minh, để ta nói cho con rõ. Chắc con chưa biết ta báo thù giỏi như thế nào. Thù của con cũng là thù của ta, cha con cũng chính là ta đây. Trên linh hồn ta có rất nhiều vết thương do người khác và do ta gây nên, ta đã chán ghét bản thân

mình lắm rồi!”.

Giọng nói trong bóng tối kia vừa dừng lại, Mi Gian Xích liền đưa tay lên bả vai rút lấy thanh kiếm màu xanh, tiện thể cắt một nhát từ sau gáy ra phía trước, cái đầu rơi xuống đám rêu xanh trên mặt đất, đồng thời trao kiếm cho cái người đen đúa kia.

“Ha ha!”, ông ta một tay nhận kiếm, một tay nắm tóc, xách đầu Mi Gian Xích, hôn hai cái lên đôi môi đã chết nhưng vẫn còn ấm kia, lại cất giọng cười sắc lạnh.

Tiếng cười lập tức vang vọng khắp cánh rừng sam, những ánh mắt lấp lánh như lửa ma trời đang ở chốn xa xăm, bỗng chốc đã tới gần, nghe thấy hơi thở phì phò của mấy con sói đói. Miếng thứ nhất là xé nát chiếc áo xanh của Mi Gian Xích, đến miếng thứ hai thì thân thể anh đã chẳng thấy đâu, các vết máu cũng bị liếm sạch trong giây lát, chỉ còn nghe thấy tiếng gặm xương khe khẽ.

Một con sói lớn lao tới người đen đúa kia trước tiên. Ông ta vung kiếm lên một cái, đầu con sói đã rơi xuống đám rêu xanh trên mặt đất. Những con sói khác xông lại, miếng thứ nhất là xé nát lớp da của nó, đến miếng thứ hai thì thân thể con sói đó đã chẳng thấy đâu, các vết máu cũng bị liếm sạch trong giây lát, chỉ còn nghe thấy tiếng gặm xương khe khẽ.

Ông rút lấy tấm áo xanh dưới đất, bọc đầu Mi Gian Xích lại rồi treo lên sau lưng cùng với thanh kiếm xanh, quay lưng bước nghênh ngang về phía hoàng cung trong đêm tối.

Bầy sói đứng yên đó, vươn vai, le lưỡi, thở phì phò, đưa ánh mắt xanh nhìn theo bước ông ta.

Ông bước nghênh ngang về phía hoàng cung trong đêm tối, cất giọng lạnh

lảnh hát lên mấy câu ca:

“Cáp cáp ái hề ái hồ ái hồ

Ái thanh kiếm hề nhất cá cừu nhân tự đồ

Hỏa di liên phiến hề đa thiếu nhất phu

Nhất phu ái thanh kiếm hề ô hô bất cô

Đầu hoán đầu hề lưỡng cá cừu nhân tự đồ

Nhất phu tắc vô hề ái hồ ô hô!

Ái hồ ô hô hề ô hô a hô

A hô ô hô hề ô hô ô hô!”.

(Ha ha thương chừ, thương thay, thương thay

Yêu kiếm xanh chừ, một kẻ thù tự tận

Bao nhiêu kẻ chừ, lũ lượt bao nhiêu kẻ

Một người yêu kiếm xanh chừ, than ôi, chẳng cô độc

Đầu đối đầu chừ, hai kẻ thù tự tận

Một kẻ cũng không còn chừ, thương thay, than ôi!

Thương thay, than ôi chừ, ơi hỡi!

A ha, than ôi chừ, than ôi, than ôi!)

3.

Du sơn ngoạn thủy không hề khiến quốc vương thích thú, thêm nữa lại nghe mật báo trên đường có thích khách, càng khiến lão ta thấy mất hứng nên quay về. Đêm đó lão giận lắm, nói rằng đến mái tóc của nàng phi tử thứ chín cũng không còn đen nhánh, trông đẹp đẽ như đêm hôm trước. May thay nàng ta nũng nịu ngồi lên đùi lão, uốn éo hơn bảy mươi lần, khi ấy mới khiến cho những nếp nhăn giữa mày rồng giãn ra bớt.

Quá trưa, quốc vương mới thức dậy, lại có chút không vui, đến khi dùng xong ngự thiện thì nét giận cũng hiện rõ lên khuôn mặt.

“Hừ hừ! Chán ngắt!”, lão ngáp dài một tiếng rồi nói to. Trên từ vương hậu, dưới đến lộng thần, ai nhìn thấy tình hình đó cũng đều tay chân luống cuống. Lời giảng đạo của vị lão thần râu bạc, giọng pha trò của tên thù nho (1) béo lùn, từ lâu nhà vua đã nghe đến nhàm tai. Gần đây thì có thêm mấy trò vui tình xảo như đi dây, leo sào, ném vòng, trồng cây chuối, nuốt dao, phun lửa,... nhưng lão xem cũng không thấy thú vị nữa rồi. Lão hay nổi giận, hễ giận lên thì chụp lấy kiếm xanh, cố bối lông tìm vết, giết chết mấy người.

(1)Thù nho là những người lùn chuyên nói lời trêu chọc khôi hài để tiêu khiển, mua vui cho vua chúa, tương tự như vai hề trong các vở kịch.

Hai viên hoạn quan tranh thủ lúc rảnh rồi ra ngoài cung dạo chơi, vừa trở về đã nhìn thấy vẻ u sầu đau khổ của những người trong cung, liền biết ngay là có tai họa lâm đầu như thường lệ, một người bị dọa đến xám ngoét cả mặt, người kia thì bình tĩnh không lo sợ, chạy tới trước mặt quốc vương, phủ phục xuống và nói:

“Nô tài mới thăm hỏi được một dị nhân, biết nhiều dị thuật, có thể giải khuây cho đại vương, do vậy xin được tâu rõ”.

“Cái gì?”, nhà vua hỏi. Lời lẽ của lão xưa nay luôn ngắn gọn.

“Đó là một gã đàn ông gầy gò đen đui, trông như ăn mày, mặc áo xanh, lưng mang cái bọc xanh tròn tròn, hát lảm nhảm trong miệng. Hỏi hắn, hắn bảo là giỏi diễn trò, diễn những màn vô tiền khoáng hậu, chưa ai từng thấy qua, sau khi xem xong sẽ giải tỏa hết bao phiền muộn, khiến cho thiên hạ thái bình. Nhưng mọi người muốn hắn biểu diễn thì hắn lại không chịu. Hắn nói rằng trước hết phải có một con kim long, sau lại phải có thêm một chiếc kim đinh...”.

“Kim long ư? Là ta đây. Kim đinh ư? Ta có”.

“Nô tài cũng đang nghĩ như vậy...”.

“Truyền hắn vào!”.

Chưa dứt lời, bốn võ sĩ đã nhốn nháo theo tên hoạn quan kia chạy ra. Trên từ vương hậu, dưới đến lộng thần, ai nấy đều có vẻ vui mừng. Bọn họ đều mong rằng trò vui này sẽ thật sự giải tỏa hết bao phiền muộn, khiến cho thiên hạ thái bình, mà dù cho diễn không xong đi chăng nữa, cũng đã có gã đàn ông gầy gò đen đui, trông như ăn mày kia gánh họa, họ chỉ cần chịu đựng cho tới lúc truyền ông ta vào là được rồi.

Không mất nhiều thời gian, liền thấy sáu người tiến đến bậc thềm vàng. Đi trước là viên hoạn quan, phía sau cùng là bốn võ sĩ, người đen đui kia bị kẹp vào chính giữa. Khi đã lại gần, thấy quần áo của người kia đều là màu xanh, râu tóc tai thì đen nhánh, gầy đến độ hai gò má, xương hốc mắt, xương cung mày đều nổi cao lên. Lúc ông ta cung kính quỳ phủ phục xuống, quả nhiên thấy trên lưng có mang cái bọc nhỏ tròn tròn, cũng là vải xanh, trên đó còn vẽ mấy hoa văn đỏ thẫm.

“Tâu mau!”, nhà vua nói gắt gỏng. Lão thấy đồ dùng của ông ta đơn giản,

cho rằng ông ta chưa chắc đã diễn được trò gì.

“Thần tên Yến Chi Ngạo Giả, sinh ra và lớn lên ở thôn Vẩn Vẩn (1). Lúc trẻ không có nghề nghiệp, muộn lăm mới gặp được minh sư, dạy thần biết diễn trò, là cái đầu của một đứa nhỏ. Trò này một người thì không diễn được, nhất định phải bày một chiếc kim đỉnh ở trước mặt kim long, đổ nước trong vào cho đầy, dùng than xương thú để đun nấu. Sau đó cho cái đầu vào, khi nước sôi, cái đầu sẽ nổi lên chìm xuống, nhảy múa đủ kiểu, hơn nữa còn nói lời huyền diệu và ca hát vui mừng. Mần ca múa ấy, cho một người xem thì giải tỏa hết bao phiền muộn, cho muôn dân xem thì thiên hạ sẽ thái bình”.

(1)Yến Chi Ngạo Giả là một bút danh khác của Lỗ Tấn. Tháng 9 năm 1924, Lỗ Tấn biên tập xong cuốn “Sĩ đường chuyên văn tạp tập”, ký bút danh Yến Chi Ngạo Giả trong lời tựa. Thôn Vẩn Vẩn là địa danh hư cấu, hai chữ “vẩn vẩn” có nghĩa là “mịt mờ, không rõ”.

“Diễn đi!”, nhà vua lớn giọng ra lệnh.

Hoàn toàn không mất nhiều thời gian, một chiếc kim đỉnh dùng để nấu thịt trâu đã được đặt ở ngoài điện, trút đầy nước vào đó, bên dưới chất than xương thú, châm lửa đốt. Người đen đúa kia đứng bên cạnh, thấy than lửa đỏ rực, liền tháo cái bọc xuống, mở ra, hai tay bưng một cái đầu đứa trẻ, giơ cao lên. Cái đầu ấy mi thanh mục tú, răng trắng môi hồng, khuôn mặt có chút tươi cười, tóc xõa tung, trông như một làn khói xanh biếc. Ông ta giơ đầu quay về bốn phía một vòng, rồi gác lên miệng đỉnh, môi mấp máy nói những câu gì không rõ, lại buông tay ra ngay, chỉ nghe “ùm” một tiếng, cái đầu đã rơi vào trong nước. Bọt nước bắn tung tóe, nước vọt lên cao đến năm thước, sau đó mọi thứ đều yên lặng.

Sự yên lặng ấy kéo dài một hồi lâu. Quốc vương cúi kính trước tiên, tiếp

đó là vương hậu và phi tử, rồi các đại thần, đám hoạn quan cũng đều hơi sốt ruột, bọn thù nho béo lùn đã bắt đầu cười nhạt. Nhà vua thấy chúng cười, nghĩ rằng mình đã bị chơi xỏ, quay lại nhìn đám võ sĩ, muốn ra lệnh cho chúng bắt lấy tên điêu dân đã phạm tội khi quân kia ném vào vạc nấu chín luôn một thể.

Nhưng vừa lúc ấy thì nghe có tiếng nước sôi. Than lửa cũng cháy lên hừng hực, nhuộm đỏ hết toàn thân người đàn ông đen đui kia, cứ như màu của sắt thép bị nung nóng. Nhà vua vừa quay mặt lại, ông ta đã duỗi hai tay thẳng lên trời, ánh mắt nhìn về chốn xa xăm, nhảy múa rồi bỗng cất giọng lạnh lạnh ca hát những câu sau:

“Cáp cáp ái hề ái hồ ái hồ!

Ái hề huyết hề hề thủy hồ độc vô

Dân mạnh mình hành hề nhất phu hồ lô

Bỉ dụng bách đầu lô, thiên đầu lô hề dụng vạn đầu lô!

Ngã dụng nhất đầu lô hề nhi vô vạn phu

Ái nhất đầu lô hề huyết hồ ô hô!

Huyết hồ ô hô hề ô hô a hô

A hô ô hô hề ô hô ô hô!”.

(Ha ha thương chừ, thương thay, thương thay!

Thương chừ, máu chừ, chừ, ai mà không có?

Muôn dân lê bước trong tăm tối chừ, một kẻ say sưa

Kẻ kia dùng trăm cái đầu, ngàn cái đầu chừ, dùng đến vạn cái đầu!

Ta dùng một cái đầu chừ, không cần đến hàng vạn

Thương một cái đầu này chừ, dòng máu này, than ôi!

Máu chừ, than ôi, chừ, than ôi, ơi hỡi!

Ơi hỡi, than ôi chừ, than ôi, than ôi!).

Nước theo tiếng ca mà trào lên miệng đình, chớp nhón đáy bè trông như một ngọn núi, nhưng từ đỉnh nước cho tới tận đáy vạc thì lại không ngừng xoáy cuộn cuộn. Cái đầu kia nổi lên chìm xuống trong nước, chạy quanh một vòng tròn, tự nó cũng lộn nhào xoay tít, mọi người còn có thể trông thấy thấp thoáng một nụ cười vui sướng trên mặt nó. Qua một lúc, bỗng nó bơi ngược dòng, qua lại không ngớt như con thoi, khuấy bọt nước văng tung tóe ra mọi hướng, tưới một trận mưa nóng hổi xuống khắp cung đình. Một tên thù nho chọt gào lên một tiếng, lấy tay xoa xoa mũi. Hắn xui xẻo nên đã bị nước sôi vấy bóng, đau chịu không thấu, cuối cùng phải khổ sở kêu to.

Tiếng ca của người đen đúa kia vừa dứt, cái đầu cũng dừng lại ngay chính giữa cột nước, nhìn về cung điện, sắc mặt đổi thành nghiêm trang. Cứ như thế, sau hơn mười lần chớp mắt, nó mới hơi lắc lư một chút, rồi lắc lư nhanh dần và chuyển sang bơi, nhưng không bơi nhanh lắm, thái độ rất ung dung. Bơi lên xuống nhấp nhô hết ba lượt quanh rìa nước, cái đầu bỗng nhiên mở trừng mắt, con người đen nhánh biểu lộ ra sắc thần, đồng thời cũng lên tiếng hát ca:

“Vương trạch lưu hề hạo dương dương

Khắc phục oán địch, oán địch khắc phục hề, hách hề cường!

Vũ trụ hữu cùng chỉ hề vạn thọ vô cương

Hạnh ngã lai đã hề thanh kỳ quang!

Thanh kỳ quang hề vĩnh bất tương vong

Dị xứ dị xứ hề đường tai hoàng!

Đường tai hoàng tai hề ái ái dục

Ta lai quy lai, ta lai bồi lai hề thanh kỳ quang!”.

(Ơn vua chảy chừ, lai lảng mênh mông

Chiến thắng kẻ thù, kẻ thù chiến thắng chừ, hiển hách chừ hùng mạnh!

Vũ trụ còn có tận cùng chừ, vạn thọ vô cùng ư?

May có ta đến đây chừ, ánh sáng xanh!

Ánh sáng xanh chừ, mãi không quên được

Nơi khác, nơi khác chừ, đường hoàng thay!

Đường hoàng thay chừ, chao chao ôi

Hỡi ôi, về đây hỡi ánh sáng xanh, về với ta nào!).

Cái đầu chột vọt lên, tới đỉnh của cột nước thì dừng lại. Sau khi nhào lộn mấy lần, lên xuống mấy đợt, tròn mắt liếc nhìn hai bên trái phải, vô cùng đẹp đẽ, trong miệng vẫn hát mấy lời ca:

“A hô ô hô hề ô hô ô hô

Ái hồ ô hô hề ô hô a hô!

Huyết nhất đầu lô hề ái hồ ô hô

Ngã dụng nhất đầu lô hề nhi vô vạn phu!

Bỉ dụng bách đầu lô, thiên đầu lô...”.

(Hỡi ôi, than ôi chừ, than ôi, than ôi

Thương thay, than ôi chừ, than ôi, hỡi ôi!

Máu một cái đầu chừ, thương thay, than ôi

Ta dùng một cái đầu chừ, không cần đến hàng vạn

Kẻ kia dùng trăm cái đầu, ngàn cái đầu...).

Hát đến đây thì chìm xuống, nhưng không nổi lên nữa, ca từ cũng không nghe rõ được. Nước cũng vọt lên yếu dần theo tiếng ca, từ từ thấp xuống như đợt rút của thủy triều, cuối cùng rút xuống dưới miệng đình, nhìn từ xa thì không thấy gì hết.

“Sao rồi?”, đợi một lúc, nhà vua sốt ruột hỏi.

“Tâu đại vương”, người đen đúa kia quỳ một chân xuống nói, “Cái đầu đang nhảy vũ điệu đoàn viên thần kỳ nhất ở dưới đáy vạc, không đến gần thì không thể nhìn thấy đâu ạ. Thần cũng không có cách nào bắt nó lên được, bởi vũ điệu đoàn viên thì phải nhảy dưới đáy vạc”.

Nhà vua đứng dậy, bước xuống thềm vàng, không ngại gì hơi nóng mà tới đứng bên chiếc đình, nhô đầu quan sát. Chỉ thấy mặt nước phẳng lặng như gương, cái đầu nằm giữa trong nước, hai mắt đang nhìn vào mặt lão. Khi ánh mắt nhà vua chiếu lên khuôn mặt nó thì nó cười duyên với lão. Nụ cười ấy nhà vua thấy quen lắm, nhưng lão nhất thời lại không thể nhớ ra. Nhà vua còn đang nghi hoặc, người đen đúa kia đã rút kiếm xanh đeo sau lưng, chỉ một nhát, nhanh như điện chớp bổ thẳng xuống từ sau gáy, “ùm” một tiếng, đầu

nhà vua đã rơi tòm vào trong đỉnh.

Kẻ thù gặp nhau, tất sẽ nhận ra ngay, huống chi là trong tình cảnh oan gia ngõ hẹp. Đầu nhà vua vừa rơi xuống mặt nước thì đầu của Mi Gian Xích đã tới nghênh đón, liều mạng cắn một cái vào vành tai lão ta. Nước trong vạc lập tức sôi lên nghe ùng ục, hai cái đầu tử chiến trong lòng nước. Khoảng chừng hai mươi hiệp, đầu nhà vua đã bị năm vết thương, đầu Mi Gian Xích lại có những bảy vết. Nhà vua vốn giảo hoạt, luôn muốn tìm cách vòng ra sau kẻ địch. Mi Gian Xích ngẫu nhiên lộ sơ hở, cuối cùng bị lão cắn vào gáy, không sao quay lại được. Lần này đầu nhà vua cứ cắn chặt không buông, lão gặm nhấm từng chút như tằm ăn dâu mà tiến tới, đứng ngoài đỉnh cũng phảng phất nghe thấy tiếng đưa bé kêu la đau đớn thất thanh.

Trên từ vương hậu, dưới đến lộng thần, ai nấy đều kinh hãi đến độ thần sắc đang ngưng kết này giờ cũng loạn lên theo tiếng khóc, tựa hồ nỗi đau thương từ nay sẽ không thấy được mặt trời, toàn thân sồn da gà. Song họ cũng đang giấu kín một niềm vui bí mật, gương mặt nhìn chăm chăm, giống như đang chờ đợi cái gì đó.

Người đàn ông đen đui kia cũng thoáng hiện chút hoang mang, nhưng sắc mặt không thay đổi. Ông từ từ duỗi thẳng cánh tay gầy nhom như một cái cành khô đang cầm thanh kiếm xanh vô hình, lại rướn cổ lên như đang nhìn xuống đáy vạc. Cánh tay bỗng co lại, lưỡi kiếm xanh thình lình chém xuống từ sau gáy, kiếm hạ thì đầu rơi, lọt ngay vào trong đỉnh, “tòm” một tiếng, bọt nước trắng phau lại tung tóe khắp nơi.

Đầu ông vừa xuống nước thì lập tức lao thẳng tới đầu nhà vua, đớp lấy mũi lão ta như muốn cắn cho đứt đi. Nhà vua chịu không nổi kêu lên “ây da” một tiếng, miệng lão vừa há, đầu của Mi Gian Xích đã thừa cơ lẩn ra ngay, quay mặt lại cố sống cố chết cắn ngay cằm của lão. Bọn họ chẳng những cắn không buông, mà còn dùng hết sức xé ra về hai phía trên dưới, khiến nhà vua cứ phải há miệng không sao ngậm lại được. Thế rồi họ cứ như gà đói được

mổ thóc, cắn loạn xạ từng hồi, cắn đến nỗi cái đầu nhà vua thành ra mắt nghiêng mũi lệch, mặt đầy thương tích. Lúc trước thì đầu của lão còn vấy vùng được đây đó trong chiếc đỉnh, về sau đành nằm lại một chỗ rên rỉ, cuối cùng không kêu được thành tiếng, chỉ nghe hơi trào ra, không có khí hít vào.

Đầu của người đen đúa và đầu của Mi Gian Xích cũng từ từ ngưng miệng, nhả đầu nhà vua ra, men theo thành đỉnh bơi quanh một lượt, xem thử lão già chết hay chết thật rồi. Khi biết đầu nhà vua đã thật sự đứt hơi, họ bốn mắt nhìn nhau, mỉm cười một cái rồi nhắm mắt ngay lập tức, mặt ngửa lên trời, chìm dần xuống đáy vạc.

4.

Khói tan lửa tắt, sóng nước lặng im. Cái không gian vô cùng tĩnh mịch như vậy lại khiến cho hết thấy người người trong cung điện bùng tĩnh. Một người trong bọn họ thét lên trước, cả đám cũng gào lên tiếp nối ngay tức khắc. Một người bước lại gần kim đỉnh, cả đám cũng chen lấn nhau ùa tới. Người ở phía sau chỉ biết nhìn trộm qua khe hở giữa những cái cổ của người ở phía trước.

Hơi nóng hầy còn muốn thiêu bỏng mặt người. Nước ở trong đỉnh lại phẳng lặng như gương, trên mặt nước đang nổi một lớp dầu, chiếu loang loáng lên từng gương mặt: vương hậu, vương phi, võ sĩ, lão thần, thù nho, thái giám,...

“Trời ơi! Đầu đại vương của chúng ta ở đây này, chao ôi!”, nàng phi tử thứ sáu bỗng khóc réo lên như phát điên.

Trên từ vương hậu, dưới đến lộng thần, ai ai cũng đều tỉnh ngộ, hốt hoảng tản ra, gấp gáp đến nỗi chân tay luống cuống, người nào cũng chạy lòng vòng hết bốn năm lượt. Viên lão thần nhiều mưu lược nhất một mình tiến lên trước, lấy tay sờ quanh miệng đỉnh, nhưng giật run bắn người, vội thu tay về,

đưa hai ngón lên miệng thổi liên tục.

Mọi người định thần rồi đứng ngoài cửa điện bàn xem làm cách nào để vớt đầu vua lên. Sau khoảng thời gian nấu chín hết ba nồi gạo kê, họ đi tới một kết luận như thế này: Tập hợp những chiếc môi đan tơ thép trong nhà bếp, rồi hạ lệnh cho các võ sĩ cùng hợp sức vớt lên.

Các vật dụng chẳng mấy chốc đã tập hợp đầy đủ, môi tơ thép, môi lưới, mâm vàng, vải lau bàn, đều mang tới bên chiếc đỉnh. Các võ sĩ xắn tay áo, người dùng môi tơ thép, người dùng môi lưới, đồng loạt vớt lên. Có tiếng môi chạm vào nhau, có tiếng môi cào vào kim đỉnh, nước xoay vòng theo chuyển động của chiếc môi. Một lúc sau, sắc mặt của một võ sĩ chợt trở nên nghiêm túc, hai tay từ từ nâng chiếc môi lên hết sức cẩn thận, từng giọt nước nhỏ xuống qua lớp lưới trông như mấy hạt châu, trong môi hiện rõ một cái đầu lâu trắng bệch. Mọi người thét lên kinh hãi, anh ta đặt cái đầu lên mâm vàng.

“Trời đất! Đại vương của tôi ơi!”, vương hậu, phi tử, lão thần cho đến các thái giám, đều buông ra tiếng khóc. Nhưng chẳng lâu sau thì lũ lượt im bật, bởi vì các võ sĩ lại vớt lên một cái đầu lâu khác giống y như vậy.

Họ đưa mắt đắm lệ nhìn chung quanh, chỉ thấy đám võ sĩ mồ hôi đầy mặt, vẫn đang vớt. Sau đó vớt ra được một mớ tóc bạc lẫn tóc đen, có vài chiếc môi thì vớt ra cái gì đó ngắn lăm, hình như là râu bạc với râu đen. Tiếp đến lại vớt ra một cái đầu. Lại tới ba cây trâm cài được vớt lên.

Mãi đến khi trong đỉnh chỉ còn thừa lại nước trong vắt, họ mới ngừng tay. Những thứ vớt được xếp ra đầy hết ba mâm vàng: một mâm đầu lâu, một mâm râu tóc và một mâm trâm cài.

“Đại vương của chúng ta chỉ có một cái đầu. Vậy cái nào là của đại vương đây?”, nàng phi tử thứ chín lo lắng hỏi.

“Ừ nhỉ...”, các lão thần nhìn nhau ngơ ngác.

“Nếu như da thịt chưa chín nừ thì dễ phân biệt rồi”, một tên thù nho quý xuống nói.

Mọi người chỉ còn nước bình tĩnh tới nhìn các đầu lâu cho kỹ, nhưng đen trắng lớn nhỏ thì đều suýt soát nhau, ngay cả cái đầu đứa bé cũng không cách nào nhìn cho ra được. Vương hậu nói góc trán bên phải của nhà vua có một vết sẹo, do ngã bị thương lúc còn làm thái tử, chắc trên xương cũng còn lại dấu vết. Quả nhiên, một tên thù nho đã phát hiện ra. Khi mọi người đang vui vẻ thì một tên thù nho khác lại tìm thấy một vết sẹo tương tự ở góc trán bên phải của một cái đầu lâu hơi vàng hơn.

“Ta có cách rồi”, nàng phi tử thứ ba đặc ý nói, “Long chuẩn (1) của đại vương chúng ta rất cao”.

(1) Tức sống mũi của hoàng đế.

Bọn thái giám lập tức ra tay nghiên cứu xương sống mũi, thấy một cái đầu lâu có sống mũi trông khá cao, nhưng thực chất không cao hơn là mấy, đáng tiếc nhất là góc trán bên phải của cái đầu lâu ấy thì hoàn toàn không có vết sẹo.

“Ngoài ra”, các lão thần nói với thái giám, “Xương gáy của đại vương có nhon thế này không?”.

“Chúng nô tài xưa nay chưa từng chú ý đến xương gáy của đại vương ạ...”.

Vương hậu và các phi tử ai nấy đều suy nghĩ, người kêu là nhon, kẻ nói là bằng. Khi gọi tên thái giám chải tóc cho vua tới hỏi, hăn cũng không nói

được một câu.

Họ mở một hội nghị các vương công đại thần ngay trong đêm hôm ấy, muốn quyết định xem cái đầu nào là của quốc vương, nhưng kết quả vẫn giống hệt như lúc ban ngày. Hơn nữa, ngay cả râu tóc cũng là một vấn đề. Màu trắng đương nhiên là râu tóc của vua, nhưng bởi râu tóc lão vốn hoa râm, cho nên những sợi đen rất khó để xử trí. Thảo luận gần tới nửa đêm cũng chỉ lựa ra được mấy sợi đỏ. Tiếp đến thì nàng phi tử thứ chín kháng nghị, quả quyết rằng đã nhìn thấy vài sợi râu đỏ của nhà vua, bây giờ sao biết chắc là không có chứ? Thế là tất cả lại chông chất lên nhau, làm thành một nghị án.

Quá nửa đêm rồi, vẫn chưa có kết quả. Ai nấy vừa ngáp dài vừa tiếp tục thảo luận, cho đến khi gà gáy lượt thứ hai, họ mới quyết định lựa chọn một biện pháp thận trọng và thỏa đáng nhất, đó là đem cả ba cái đầu đi chôn chung với thân thể của nhà vua trong kim quan.

Bảy ngày sau là đến lúc mai táng, khắp kinh thành đều náo nhiệt. Dân chúng trong thành, cư dân ở nơi xa đều ứa về để chiêm ngưỡng “đại tang” của quốc vương. Trời vừa sáng thì đàn ông lẫn đàn bà đã chen chúc nhau chật kín cả con đường, còn có rất nhiều bàn cúng tế chen giữa. Đến giữa trưa, các kỵ sĩ mở đường mới rong ruổi vó ngựa đi tới. Qua nhiều giờ nữa mới thấy nghi trượng và các thứ như cờ quạt, gậy gộc, giáo mác, cung nỏ, rìu vàng gùi gùi đó, và theo sau là bốn chiếc xe đánh trống. Sau nữa là chiếc lọng vàng, nó cứ nhô lên hụp xuống vì con đường khá gồ ghề, dần dần tiến tới, thế là xe linh cữu chở kim quan xuất hiện, trong áo quan có chứa ba cái đầu và một cái thân mình.

Trăm họ đều quỳ xuống, những cái bàn cúng tế bày từng hàng hiện ra giữa đám người. Mấy vị nghĩa dân trung thành rất phần nộ, nuốt nước mắt, lo sợ vong hồn của hai tên phản tặc đại nghịch bất đạo kia lúc này cũng được hưởng tế lễ như quốc vương, nhưng biết làm sao được?

Tiếp đó là xe của vương hậu và rất nhiều vương phi. Dân chúng nhìn các bà, các bà cũng nhìn lại chúng dân, nhưng vừa nhìn vừa khóc lóc. Lại đến từng lớp các vị đại thần, thái giám, thù nho,... đều mặc áo quần mang sắc màu đau xót. Có điều bách tính không để ý đến bọn họ, hàng ngũ đã chen lấn đến độ rối tung bát nháo, không ra thể thống gì. (1)

Tháng 10 năm 1926

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Xuất Quan

Lão Tử (1)ngồi yên không chút động đậy, y hệt như một khúc gỗ trơ (2).

(1)Lão Tử người nước Sở thời Xuân Thu, ông là một nhà tư tưởng của Trung Quốc cổ đại và là người sáng lập ra học phái Đạo gia.

Thiên “Lão Tử, Hàn Phi liệt truyện” trong sách “Sử ký” viết: “Lão Tử người làng Khúc Nhân, hương Lệ, huyện Khố của nước Sở. Ông họ Lý, tên Nhĩ, tự Đam, làm quan sử trông coi kho sách của nhà Chu. Khổng Tử đến Chu, muốn hỏi Lão Tử về lễ, Lão Tử nói: “Những người ông nói đều tan xương nát thịt hết rồi, chỉ còn lời của họ bên tai thôi”... Lão Tử trau dồi “đạo” và “đức”, học thuyết của ông cốt là kín tiếng, giấu mình. Ông ở nhà Chu đã lâu, thấy nhà Chu suy nên bỏ đi. Đến cửa quan, quan coi cửa là Doãn Hỷ nói: “Thầy sắp đi ở ẩn, hãy gắng sức vì tôi mà viết sách”. Lão Tử bèn làm sách gồm hai thiên thượng, hạ nói về ý nghĩa của “đạo” và “đức”, hơn năm ngàn chữ. Xong thì ra đi, không ai biết sau đó thế nào”. Hiện nay còn lưu truyền sách “Lão Tử” (tên khác là “Đạo đức kinh”).

(2)Thiên “Điền Tử Phương”trong sách “Trang Tử” có chép: “Khổng Tử diện kiến Lão Đam, Lão Đam vừa gội đầu xong, còn đang giữ tóc cho khô, trơ trơ như chẳng phải người. Khổng Tử bèn đợi, lát sau gặp mặt thì nói: “Khâu hoa mắt rồi chẳng? Thật vậy sao? Hình thể tiên sinh ban nãy, đơ cứng như gỗ khô, ngờ đã bỏ vật lìa người mà đứng một mình”.

“Tiên sinh, Khổng Khâu lại tới rồi!”, học trò của ông là Canh Tang Sở hỏi

hả chạy vào, khẽ bấm báo.

“Mời...”.

“Tiên sinh, ngài khỏe chứ?”, Khổng Tử vừa nói vừa hành lễ hết sức cung kính.

“Tôi thì vẫn vậy thôi”, Lão Tử đáp. “Còn ngài thế nào rồi? Tất cả tàng thư ở đây ngài đã xem hết chưa?”.

“Đã xem hết rồi. Có điều...”, bộ dạng Khổng Tử lộ rõ chút nôn nóng, đó là chuyện xưa nay chưa từng có nơi ông. “Tôi nghiên cứu lục kinh Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Dịch, Xuân Thu, tự cho rằng đã mất rất nhiều thời gian, đủ để tinh thông cả. Nhưng tôi đi bá kiến hết bảy mươi hai vị quân vương thì không ai dùng. Thật sự khó lòng mà nói cho rõ hết với con người! Hay là cái khó của “đạo” mà lại nói rõ được hay sao?”.

“Kể ra ngài cũng may mắn đấy”, Lão Tử nói, “Nên chưa gặp phải vị quân vương năng cán. Cái trò đùa lục kinh ấy chỉ là dấu tích của tiên vương thôi. Nó đâu phải thứ tạo ra được dấu tích. Lời của ngài nói cũng giống như dấu tích vậy. Dấu tích là do giày đạp xuống tạo ra, nhưng chẳng lẽ dấu tích đó mà lại là giày ư?”. Dừng một lát rồi ông tiếp tục nói: “Giống chim nghịch lông trắng chỉ cần liếc mắt, con người không hề động đậy, thế mà tự nhiên có thai. Loài trùng, con đực cất tiếng kêu ở đầu hướng gió, con cái ở cuối hướng gió hưởng ứng, tự nhiên có thai. Còn như con loại (1), trên mình mang đủ cả hai tính đực cái, vì vậy cũng tự nhiên có thai. Bản tính thì không thể thay đổi. Sinh mạng thì không thể thay thế. Thời thì không thể giữ lại. Đạo thì không thể nghiền lấp. Chỉ cần được đạo thì làm gì cũng thành công, còn nếu mất đạo thì không làm gì được hết”.

Khổng Tử như bị một gậy đánh phủ đầu, kinh hoàng thất sắc ngồi yên, y hết khúc gổ tro.

Khoảng chừng tám phút sau, ông thở dài tỏ vẻ rất thất vọng, nhắc người muốn cáo từ, mặt khác lại theo lệ cũ, cảm tạ lời giáo huấn của Lão Tử rất khách khí.

Lão Tử cũng hoàn toàn không giữ ông ở lại, đứng lên chống gậy và tiễn Khổng Tử ra thẳng đến ngoài cửa lớn của thư viện (2). Khổng Tử muốn lên xe, Lão Tử mới mở miệng nói như cái máy:

“Ngài đi sao? Không uống chút trà ư?”.

(1) Theo ghi chép trong sách “Sơn hải kinh” thì “loại” là một loài thú, có hình dạng như con ly (một giống mèo rừng) nhưng có bờm, lưỡng tính, vừa đực vừa cái.

(2) Lão Tử làm quan sử trông coi kho sách. “Sử” là chức quan chuyên quản lý sách vở, ghi chép lịch tượng.

Khổng Tử đáp “Vâng, vâng” rồi lên xe, chắp hai tay tựa trên hoành bản (1) cực kỳ cung kính. Nhiễm Hữu (2) vung roi ngựa trên không trung một cái, miệng hô một tiếng “Tu...u” rồi đánh xe chạy đi. Đợi khi xe đã rời khỏi cửa lớn được mười mấy bước, Lão Tử mới quay vào trong căn phòng của mình.

“Hôm nay hình như tiên sinh rất vui”, Canh Tang Sở thấy Lão Tử ngồi xuống, mới đứng bên cạnh, buông thông tay và nói: “Ngài nói nhiều hơn lúc bình thường...”.

“Con nói đúng”, Lão Tử khẽ than một tiếng, giọng điệu trả lời nghe có chút chán nản. “Ta quả thật nói quá nhiều”, dường như ông lại nhớ ra chuyện gì đó, “Ồ, Khổng Khâu có tặng ta một con nhạn (3), không biết đã phơi hay sấy chưa? Con đem chưng rồi ăn đi. Ta đâu sao cũng chẳng còn răng nữa, không nhai được”.

Canh Tang Sở đi ra ngoài. Lão Tử lại ngồi yên, nhắm hai mắt. Trong thư viện rất yên tĩnh. Chỉ nghe thấy tiếng sào tre va vào mái hiên, đó là Canh Tang Sở đang treo con nhạn khô ở dưới mái.

(1)Hoành bản, hay còn gọi là “thức”, đó là đòn gỗ ngang gắn trước thùng xe để vịn tay. Người xưa cúi đầu tựa vào hoành bản trên xe để thể hiện lễ phép.

(2)Nhiễm Hữu tên Cầu, người nước Lỗ thời Xuân Thu, là học trò của Khổng Tử.

(3)Thời xưa, khi các sĩ đại phu mới gặp nhau thì dùng con nhạn làm lễ vật.

Đã ba tháng trôi qua, Lão Tử vẫn ngồi yên không chút động đậy, y hệt như một khúc gỗ trôi.

“Tiên sinh, Khổng Khâu lại tới đó!”, học trò của ông là Canh Tang Sởngạc nhiên chạy vào, khẽ bấm báo. “Ông ta chẳng phải đã lâu rồi không tới hay sao? Lần này, ông ta đến vì chuyện gì không biết nữa?...”.

“Mời...”, Lão Tử chỉ nói một chữ cho có lệ.

“Tiên sinh, ngài khỏe chứ?”, Khổng Tử vừa nói vừa hành lễ hết sức cung kính.

“Tôi thì vẫn vậy thôi”, Lão Tử đáp. “Đã lâu không gặp, nhất định là ngài đóng cửa để dụng công suy nghĩ”.

“Vâng, vâng, là vậy đó”, Khổng Tử khiêm tốn nói, “Không ra khỏi cửa, dốc lòng suy nghĩ. Và tôi đã nghĩ thông một điều: quạ, thước mọc mỗi; cá

thì bồi dãi; con tò vò biến hóa ra giống khác (1); nghĩ tới em trai, người làm anh sẽ khóc. Tôi từ lâu đã không đặt mình vào sự biến hóa, như thế thì làm sao biến hóa người khác được?”.

(1)Nhiều sách cổ của Trung Quốc sai lầm, cho rằng tò vò chỉ toàn là con cái, không có con đực. Vì tò vò hay bắt minh linh (tức ấu trùng của sâu keo) mang về tổ để nuôi con, người ta lại nghĩ rằng tò vò bắt minh linh làm con nuôi của nó. Mẹ là tò vò mà con thì là minh linh, nên ở đây mới nói “con tò vò biến hóa ra giống khác”.

“Đúng, đúng!”, Lão Tử nói. “Ngài nghĩ thông suốt rồi!”. (1)

Bọn họ từ lúc đó không ai nói gì nữa, y hết hai khúc gỗ trơ.

(1)Chuyện Khổng Tử hai lần đến gặp Lão Tử và hai đoạn đối thoại giữa họ đều có ghi chép trong thiên “Thiên vận” sách “Trang Tử”. Ở đây Lỗ Tấn dịch từ văn ngôn ra bạch thoại.

Khoảng chừng tám phút sau, Khổng Tử mới thở một hơi rõ dài, nhắc người muốn cáo từ, mặt khác lại theo lệ cũ, cảm tạ lời giáo huấn của Lão Tử rất khách khí.

Lão Tử cũng hoàn toàn không giữ ông ở lại, đứng lên chống gậy và tiễn Khổng Tử ra thẳng đến ngoài cửa lớn của thư viện. Khổng Tử muốn lên xe, Lão Tử mới mở miệng nói như cái máy:

“Ngài đi sao? Không uống chút trà ư?”.

Khổng Tử đáp “Vâng, vâng” rồi lên xe, chắp hai tay tựa trên hoành bản

cực kỳ cung kính. Nhiễm Hữu vung roi ngựa trên không trung một cái, miệng hô một tiếng “Tu...u” rồi đánh xe chạy đi. Đợi khi xe đã rời khỏi cửa lớn được mười mấy bước, Lão Tử mới quay vào trong căn phòng của mình.

“Hôm nay hình như tiên sinh không được vui cho lắm”, Canh Tang Sở thấy Lão Tử ngồi xuống, mới đứng bên cạnh, buông thông tay và nói: “Ngài nói rất ít...”.

“Con nói đúng”, Lão Tử khẽ than một tiếng, giọng điệu trả lời nghe có chút chán nản. “Nhưng con có điều không biết: Ta nghĩ là mình nên đi rồi”.
(1)

(1)Việc Lão Tử Tây xuất Hàm Cốc quan, trong bài viết “Quan của Xuất quan”, Lỗ Tấn có giải thích nguyên nhân là do mấy câu của Khổng Tử, đồng thời lại nói đó là căn cứ theo ý kiến của Chương Thái Viêm.

Sách “Chư tử học lược thuyết” của Chương Thái Viêm viết rằng: “Lão Tử lấy quyền thuật truyền thụ cho Khổng Tử... Quyền thuật của Khổng Tử đã vượt hơn Lão Tử rồi. Khổng học có nguồn gốc từ Lão học, song hình thức của Nho đạo có chỗ khác biệt, nên không muốn tôn Lão Tử làm bản sư, lại còn sợ bị Lão Tử phản bác, bèn nói với Lão Tử: “Quạ, thước mọc mồi; cá thì bơi dãi; con tò vò biến hóa ra giống khác; nghĩ tới em trai, người làm anh sẽ khóc” (Nguyên chú: Xem “Trang Tử”, thiên “Thiên vận”. Ý nói: “Tôi đã thuật lại lục kinh, tuy học vấn đều xuất phát từ chỗ ông nhưng sách của tôi viết xong trước, do đó tên ông bị cướp rồi, không làm gì được nữa đâu”). Lão Tử rùng mình, đành phải chịu thua. Chuyện Phùng Mông giết Nghê xưa nay luôn khiến người ta lo sợ và cảnh giác. Trong lòng Lão Tử ôm mối bất bình, chỉ muốn phát tiết cho nguôi, song đồ đệ của họ Khổng lại cư trú khắp cả vùng Đông Hạ, sáng mới vừa lên tiếng, có khi đến chiều đã mất đầu. Thế là ông Tây xuất Hàm Cốc, vì biết đất Tần không có Nho sinh, ... rồi bắt đầu

viết sách “Đạo đức kinh” để phản bác. Ví phỏng cuốn sách ra đời sớm, chắc Lão Tử không tránh khỏi họa sát thân, giống như Thiệu Chính Mão ở nước Lỗ cùng thời với Khổng Tử”.

Thiệu Chính Mão là người nước Lỗ, có tư tưởng đối lập với Khổng Tử, cũng mở lớp dạy học. Nhiều học trò của Khổng Tử bị học thuyết của Thiệu Chính Mão lôi cuốn, nên bỏ Khổng theo Mão, chỉ có Nhan Hồi là trước sau vẫn ở bên cạnh Khổng Tử.

Thiên “Khổng Tử thế gia” trong sách “Sử ký” chép: “Năm thứ 14 đời Lỗ Định Công, Khổng Tử năm mươi sáu tuổi, rời chức Tư khấu, quyền giữ chức Tướng quốc... bèn giết quan đại phu nước Lỗ làm rối loạn chính sự là Thiệu Chính Mão”.

Có thuyết nói, Khổng Tử vì đổ kị với Thiệu Chính Mão, nên mượn chức quyền để trả thù riêng. Song giả thuyết này vẫn chưa có căn cứ xác thực.

Chương Thái Viêm dựa theo sách “Trang Tử”, cho rằng Khổng Tử buông lời uy hiếp Lão Tử, nên Lão Tử phải xuất quan. Tuy nhiên, nhiều câu chuyện trong sách “Trang Tử” chỉ đơn thuần là hư cấu để chuyển tải triết lý, không thể xem là sự thật lịch sử. Do đó, quan điểm của Chương Thái Viêm có lẽ chỉ là suy đoán, sức thuyết phục không cao.

Trong bài “Quan của Xuất quan”, chính Lỗ Tấn đã nói: “Tôi cũng hoàn toàn không tin đó là sự thật”.

“Vì sao ạ?”, Canh Tang Sở giật nảy mình, cứ như là thấy sấm chớp giữa trời quang.

“Khổng Khâu đã hiểu được ý ta. Ông ấy biết có thể nhìn thấu tâm tư của bản thân, chỉ còn lại mình ta là buông lòng không đặt. Ta mà không đi thì

có hơi bất tiện...”.

“Như thế, không phải là đồng đạo rồi sao? Ngài còn đi làm gì?”.

“Không”, Lão Tử xua tay, “Bọn ta vẫn là đạo bất đồng. Ví như cùng là một đôi giày, chiếc của ta thì đi tới Lưu Sa (1), còn ông ấy thì về phía triều đình”.

(1)Lưu Sa là từ chỉ vùng sa mạc Tây Bắc của Trung Quốc thời xưa.

“Nhưng rốt cuộc ngài vẫn là thầy ông ấy!”.

“Con đã ở chỗ ta học nhiều năm như vậy, sao còn chất phác thế?”, Lão Tử cười, “Đó quả thật là bản tính không thể thay đổi, sinh mạng không thể thay thế. Con nên biết Khổng Khâu và con không giống nhau: Ông ấy về sau sẽ không tới nữa, cũng không gọi ta là tiên sinh, chỉ gọi là lão già, và sau lưng còn giở quẻ nữa kia”.

“Con thật không ngờ... Nhưng cách nhìn người của tiên sinh vốn không sai kia mà...”.

“Không, lúc đầu ta cũng thường nhìn sai”.

“Nếu vậy thì”, Canh Tang Sở ngẫm nghĩ, “Chúng ta và ông ấy có chút quan hệ...”.

Lão Tử lại cười, quay về phía Canh Tang Sở và há miệng ra.

“Con xem: Răng của ta có còn không?”, ông hỏi.

“Không ạ”, Canh Tang Sở đáp.

“Vậy lưỡi có còn không?”.

“Còn ạ”.

“Đã hiểu ra chưa?”.

“Ý của tiên sinh là: Cứng thì sớm mất, mềm thì còn lâu, phải không ạ?”.

(1)

“Con nói đúng đó. Ta thấy chi bằng con thu dọn rồi về nhà trông nom vợ đi. Nhưng hãy tắm rửa cho con trâu xanh của ta trước cái đã, hong phơi yên cương một chút. Sáng sớm mai ta phải dùng để cưỡi rồi”.

Lão Tử đến Hàm Cốc quan (2), không đi thẳng đường lớn thông tới cửa mà lại ghìm trâu chuyển hướng vào ngả rẽ, chậm rãi quanh co dưới chân thành. Ông muốn leo lên. Tường thành không cao một chút nào, chỉ cần đứng lên lưng trâu và vờn người một chút, miễn cưỡng có thể leo tới được. Nhưng con trâu xanh ở trong thành thì không có cách nào để lòi ra ngoài. Nếu muốn mang nó ra, tất phải dùng tới máy móc, tiếc rằng thời đó cả Lỗ Ban lẫn Mặc Dịch đều chưa sinh, và chính Lão Tử cũng không lường trước biến cố này. Nói tóm lại: Ông dùng cạn cả đầu óc triết học nhưng vẫn không tìm được cách.

(1)Đoạn đối thoại này lấy từ thiên “Kính thận” trong sách “Thuyết uyển” của Lưu Hưởng thời Tây Hán, nhưng là đối thoại giữa Lão Tử với Thường Tung:

Thường Tung có bệnh, Lão Tử đến thăm, ông há miệng cho Lão Tử xem và hỏi: “Lưỡi ta còn không?”. Lão Tử đáp: “Dạ còn”. “Vậy răng ta còn không?”. Lão Tử đáp: “Dạ rụng hết”. Thường Tung hỏi: “Con biết được gì rồi?”. Lão Tử đáp: “Lưỡi vẫn còn, há không phải vì nó mềm hay sao? Răng

thì rụng, há không phải vì nó cứng hay sao?”. Thường Tung nói: “Là vậy đó!”.

Thường Tung, tương truyền là thầy của Lão Tử.

(2)Hàm Cốc quan nay nằm ở Đông Bắc huyện Linh Bảo, tỉnh Hà Nam, từ Hào Sơn phía Đông đến tận Đồng Tân phía Tây. Cửa ải này nằm trong thung lũng, thời Chiến Quốc thuộc về nước Tần. Theo ý của Chương Thái Viêm, do nước Tần vốn chuộng Pháp gia, không ưa Nho học, nên Lão Tử mới đi về hướng này để lánh nạn.

Nhưng ông lại càng không ngờ rằng, lúc đi lệch vào ngã rẽ, ông đã bị lính gác nhìn thấy, lập tức hấn báo ngay với viên quan giữ ải. Do đó, lòng vòng chưa được bảy tám trượng thì một đoàn nhân mã đã đuổi tới từ phía sau. Tên lính kia thúc ngựa đi trước, tiếp đến viên quan giữ ải, chính là Quan Doãn Hỷ, họ còn mang theo bốn tuần canh và hai tay mang thẻ (1).

(1)Tay mang thẻ là chỉ người cầm thẻ sắt kiểm tra hàng hóa nơi trạm gác ngày xưa.

“Đứng lại!”, có vài người hô lớn.

Lão Tử vội ghì con trâu xanh, còn bản thân thì hoàn toàn bất động, y hết một khúc gỗ trụ.

“A ha!”, viên quan giữ ải xông lên trước, vừa nhìn thấy mặt Lão Tử liền kêu to một tiếng, rồi lập tức lao xuống ngựa, chắp tay nói:

“Tôi cứ tưởng ai xa lạ, hóa ra là Lão Đam quán trưởng. Quả thật vạn lần không ngờ tới”.

Lão Tử cũng vội leo xuống lưng trâu, neho mắt nhìn người kia một cái và nói với vẻ lóng ngóng:

“Trí nhớ tôi kém lắm...”.

“Đương nhiên, đương nhiên thôi, tiên sinh quên mất rồi. Tôi là Quan Doãn Hỷ, trước đây khi tôi tới thư viện tra cứu “Thuế thu tình nghĩa”, đã từng được bái phỏng tiên sinh...”.

Lúc đó, tên mang thẻ lật lật yên trâu xem một lượt, lại dùng thẻ đâm cho một lỗ, thò ngón tay moi moi thử rồi lẳng lẳng lấy cái nệm chèn vào, khoét cho miệng to ra.

“Tiên sinh chỉ lòng vòng dạo chơi ở rìa thành này thôi sao?”, Quan Doãn Hỷ hỏi.

“Không, tôi muốn ra khỏi đây, để thay đổi chút không khí trong lành...”.

“Tốt quá! Tốt quá rồi! Bây giờ ai ai cũng thuyết giảng về vệ sinh, vệ sinh là vấn đề rất thiết yếu. Nhưng khó có được cơ hội như thế này, chúng tôi muốn mời tiên sinh đến cửa quan ở lại vài hôm để được nghe tiên sinh giáo huấn...”.

Lão Tử còn chưa trả lời, bốn tên tuần cảnh đã cùng nhau chen lên trước, khiêng ông đặt lên lưng trâu. Tay mang thẻ thì dùng thẻ đâm móng trâu một cái, con trâu liền cong đuôi, ba chân bốn cẳng chạy ngay về phía cửa quan.

Về đến cửa quan thì lập tức mở đại sảnh chiêu đãi ông. Đại sảnh này chính là một gian trong thành lâu. Nhìn ra cửa sổ, chỉ thấy bốn phía toàn là bình nguyên đất vàng, càng ra xa càng thấp xuống. Sắc trời thì mênh mông thoáng mát, không khí thực sự rất dễ chịu. Cửa ải hiểm yếu này nằm ngay trên sườn dốc cheo leo hiểm trở. Bên ngoài cửa, xung quanh đều là gò đất và chính giữa là một con đường, cứ như được kẹp giữa hai vách núi dựng thẳng

đứng. Quả thật chỉ cần một viên đất bùn cũng có thể khóa chặt (1).

Mọi người uống nước xong thì ăn bánh bao. Để Lão Tử nghỉ ngơi một lát, Quan Doãn Hỷ mới đề nghị ông giảng bài. Lão Tử biết là không sao tránh khỏi nên luôn miệng đáp ứng. Thế là âm ỉ lên một trận, trong phòng dần chật ních người đến ngồi nghe. Ngoài tám người ban nãy, còn có bốn tuần canh và hai tay mang thẻ khác, năm lính gác, một thư ký, một trưởng phòng (quan kế toán) và một đầu bếp. Có vài người mang theo cả bút, dao, trát gỗ (2) để chuẩn bị ghi chép.

(1) “Một viên đất bùn cũng có thể khóa chặt” ý nói về hình thế hiểm yếu của Hàm Cốc quan, chỉ cần một ít binh lính thôi cũng đủ trấn giữ. Trong thiên “Ngôi Hiêu truyện” sách “Hậu Hán thư”, Vương Nguyên có nói với Ngôi Hiêu: “Nguyên này xin lấy một viên đất bùn, vì đại vương khóa chặt cửa Đông của Hàm Cốc quan”. Người Trung Quốc cổ sử dụng đất bùn niêm phong các thẻ gỗ, nên Vương Nguyên mới lấy đó làm ví dụ.

(2) Bút, dao, trát gỗ là ba thứ đồ dùng để ghi chép. Khi chưa có giấy, người ta dùng bút chấm sơn viết trên thẻ tre hoặc trát gỗ, viết sai thì lấy dao cạo đi.

Lão Tử ngồi chính giữa y hệt như một khúc gỗ trơ, trầm mặc một lúc, rồi mới ho lên vài tiếng, môi ỉn bên trong bộ râu trắng bạc bắt đầu cử động. Mọi người lập tức nín thở và đóng tai lắng nghe. Chỉ nghe ông chậm rãi nói:

“Đạo khả đạo, phi thường đạo; danh khả danh, phi thường danh. Vô danh, thiên địa chi thủy; hữu danh, vạn vật chi mẫu... (Đạo đã nói ra thì không còn là đạo phổ biến, cái tên đã được gọi thì không còn là tên chung thông thường. Vô danh là khởi thủy của trời đất, hữu danh là mẹ của vạn vật...)”.

Người nghe ngồi hai bên đều nhìn nhau ngơ ngác, không ghi chép gì cả.

“Cổ thường vô dục dĩ quan kỳ diệu”, Lão Tử nói tiếp, “Thường hữu dục dĩ quan kỳ khiêu. Thử lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh. Đồng, vị chi huyền, huyền chi hữu huyền, chúng diệu chi môn... (Cho nên, giữ lấy “vô” để xét cái thể vi diệu, ôm lấy “hữu” để xét cái dụng vô biên. Hai điều đó cùng từ đạo mà ra nhưng lại khác tên, đều là huyền diệu, huyền diệu rồi lại thêm huyền diệu, đó là cửa ngõ của mọi biến hóa diệu kỳ)”.

Ai nấy đều lộ rõ vẻ mặt khổ sở, có vài người còn lúng túng hết chân tay. Một tay mang thẻ há miệng ngáp dài, thư ký tiên sinh cũng trở nên gà gât, “ồ” lên một tiếng, rồi thì dao, bút, trát gỗ đều rơi cả trên chiếu ngồi.

Tuy Lão Tử trơ người như chẳng biết gì hết, song dường như ông cũng cảm nhận được, cho nên sau đó ông đã giảng giải chi tiết hơn một chút. Thế nhưng ông lại không có răng, phát âm không rõ, nói giọng Thiểm Tây pha lẫn âm Hồ Nam, “ư” và “ơ” không phân biệt được, lại hay nói “ờ...ờ” gì đó, người nghe vẫn không hiểu. Thời gian càng kéo dài thì những người đến nghe thuyết giảng càng cảm thấy vô cùng khổ não.

Để giữ thể diện, mọi người đành phải cố chịu đựng, nhưng cuối cùng thì ai nấy đều ngả người soạt chân và chỉ nghĩ về việc riêng của mình thôi. Mãi tới khi ông giảng đến “Thánh nhân chi đạo, vi nhi bất tranh” (Đạo của thánh nhân, giúp người mà không tranh với ai) (1) và ngậm miệng lại rồi thì cũng không ai động đậy. Lão Tử chờ một lát, bèn nói thêm một câu:

“Ờ...ờ, xong rồi!”.

(1)Đoạn từ “Đạo khả đạo” tới “chúng diệu chi môn” là chương đầu tiên trong sách “Lão Tử”. “Thánh nhân chi đạo, vi nhi bất tranh” là câu cuối sách.

Mọi người cứ như mới thức tỉnh sau một giấc mộng dài. Tuy ngồi quá lâu, hai chân đều tê rần, nhất thời không thể đứng lên được, nhưng trong lòng họ thì vừa kinh ngạc vừa vui mừng, giống như được ân xá.

Ngay sau đó, Lão Tử cũng được tiến vào sương phòng mời nghỉ ngơi. Ông uống vài hớp nước nóng, rồi ngồi yên không chút động đậy, y hệt như một khúc gỗ trơ.

Bên ngoài người ta vẫn nhao nhao bàn tán. Không lâu sau, có bốn vị đại biểu tới gặp Lão Tử, đại ý nói lời ông giảng quá nhanh, thêm vào đó là quốc ngữ không thuần túy cho lắm, nên không ai ghi chép được. Mà không ghi chép được thì đáng tiếc vô cùng, do đó họ thỉnh cầu ông cung cấp thêm một số tài liệu.

“Ông nói cái chi rửa, tui nghe hông hiểu!” (1), trưởng phòng nói.

“Thâu thì ông viết lợi đi! Nứa nhém móc thời giờ!” (2), thư ký tiên sinh nói.

(1)Câu này trong nguyên bản pha trộn cả phương ngữ Nam Bắc, đại ý là: “Những lời ông vừa nói, tôi thật sự không hiểu chút gì hết”.

(2)Câu này trong nguyên bản là phương ngữ Tô Châu, đại ý nói: “Hay ông tự tay viết lại đi! Viết xong rồi, xem như này giờ không nói mò vô ích. Đúng chứ?”.

Lão Tử cũng không hiểu lắm, nhưng nhìn thấy hai người đem bút, dao và trát gỗ tới, để ở trước mặt mình, nên đoán nhất định là họ muốn ông viết sách. Ông biết là không sao tránh khỏi nên luôn miệng đáp ứng, song hôm nay trễ quá rồi, sang ngày mai mới viết.

Các đại biểu đều thỏa mãn với kết quả đó và lần lượt rút lui.

Sáng hôm sau, thời tiết có phần âm u, Lão Tử thấy trong lòng không được thoải mái, song vẫn đi viết sách, vì ông muốn xuất quan gấp, mà để xuất quan thì sách phải viết cho xong. Ông nhìn một lượt đồng trát gỗ trước mặt, hình như càng thấy kém thoải mái hơn.

Nhưng ông vẫn không động thanh sắc, lặng lẽ ngồi xuống, bắt đầu viết. Ông nhớ lại những lời mình đã nói hôm qua, nhớ câu nào viết câu nấy. Thời đó kính mắt vẫn chưa được phát minh, đôi mắt già nua của ông khép nhỏ như đường chỉ, rất tổn sức. Trừ khoảng thời gian đi uống nước và ăn bánh bao thì ông viết mất trọn hết nửa ngày trời, cũng không quá năm ngàn chữ.

“Để mà xuất quan, ta thấy nhiều đây cũng tạm được”, ông nghĩ.

Vậy là ông lấy dây xuyên qua trát gỗ, làm thành hai khâu, rồi chống gậy tới phòng công sự của Quan Doãn Hỷ giao bản thảo, đồng thời nói rõ là ông muốn đi ngay.

Quan Doãn Hỷ hết sức vui mừng, rồi rít tạ ơn, lại vô cùng tiếc nuối và kiên quyết giữ ông ở lâu hơn chút nữa, nhưng thấy không thể giữ được, bèn đổi sang một bộ mặt bi ai, đành chấp nhận và ra lệnh tuần cảnh đóng yên cho trâu xanh. Mặt khác, y còn tự tay chọn trên kệ một bịch muối, một bịch vừng, mười lăm cái bánh bao, gom cả vào một túi vải trắng sung công, tặng Lão Tử làm lương thực ăn trên đường. Đã vậy còn nói thêm: Bởi vì ông là lão tác gia, cho nên mới cực kỳ ưu đãi, nếu như ông còn trẻ thì bánh bao chỉ có mười cái thôi.

Lão Tử cảm ơn ba lần, nhận lấy túi rồi cùng mọi người bước xuống thành lâu. Ra tới cửa ải, ông vẫn dắt trâu xanh tản bộ. Quan Doãn Hỷ ra sức khuyên Lão Tử lên trâu, ông khiêm tốn một lượt, cuối cùng cũng cưỡi trâu lên đường. Từ biệt xong, ông kéo trâu quay đầu, từ từ đi theo hướng đại lộ trên sườn dốc.

Trong chốc lát, con trâu đã bước nhanh. Mọi người nơi cửa ải đưa mắt nhìn theo, ông đi xa được hai ba trượng, vẫn còn thấy rõ mái tóc bạc, hoàng bào, trâu xanh, túi vải trắng. Tiếp đó, bụi từng đợt bay lên che lấp cả người lẫn trâu, mọi thứ đều biến thành màu xám ngắt. Thêm một lát nữa thì chỉ còn bụi tung mù mịt, chẳng nhìn thấy được gì.

Mọi người trở về cửa quan, giống như trút được gánh nặng, lắc lắc hông, lại tựa như nhận được một món hàng nào đó, chép chép miệng. Có mấy người cùng với Quan Doãn Hỷ đi vào phòng công sự.

“Đây chính là bản thảo ư?”, trưởng phòng tiên sinh nhấc một cuộn trát gỗ lên, lật lật xem rồi nói.

“Chữ viết cũng sạch sẽ đó. Ta thấy nếu đem ra chợ bán, nhất định có người mua”.

Thư ký tiên sinh cầm lấy sách, nhìn mảnh gỗ đầu tiên, đọc:

“Đạo khả đạo, phi thường đạo... Hừm, vẫn mấy lời cũ rích. Thật khiến người ta nghe mà nhức cả đầu, đáng ghét...”.

“Chừa nhức đầu tốt nhất là ngủ gật”, trưởng phòng buông trát gỗ xuống và nói.

“Ha ha ha!... Đúng vậy, không ngủ gật thì làm gì được nữa? Thành thật mà nói, tôi tưởng lão ta muốn kể chuyện yêu đương của bản thân, cho nên mới đi nghe. Sớm biết lão chỉ toàn nói xằng nói bậy như thế, tôi đã chẳng thèm tới đó ngồi chịu khổ hơn nửa ngày trời...”.

“Tiếc rằng ngài nhìn sai người rồi”, Quan Doãn Hỷ cười nói, “Lão ta mà có chuyện yêu đương ư? Lão căn bản chưa hề biết yêu đương”.

“Sao ngài biết?”, thư ký ngạc nhiên hỏi.

“Chỉ trách ngài ngủ gật, nên không nghe lão nói vô vi nhi vô bất vi (không làm nhưng không có gì là không làm) (1). Lão già này đúng là tâm cao ư thiên, mệnh bạc như chỉ (tâm cao đến trời, mệnh bạc như giấy), muốn vô bất vi (không có gì là không làm) thì đành phải vô vi (không làm). Nếu “có yêu” thì không thể “không có gì là không yêu”, vậy còn có thể yêu được sao, dám yêu sao? Ngài cứ tự xét bản thân đi thì biết: Bây giờ chỉ cần nhìn thấy một đại cô nương, bất kể đẹp hay xấu, con mắt ngài đều say mê bám chặt, cứ như vợ mình vậy. Nhưng mai một cưới được bà vợ rồi, e rằng ngài sẽ giống hệt trưởng phòng tiên sinh của chúng ta đây, trở nên quy củ hẳn”.

(1)“Vô vi nhi vô bất vi” xuất hiện ở hai chương trong sách “Lão Tử”:

Chương 37: “Đạo thường vô vi nhi vô bất vi, hâu vương nhược năng thủ chi, vạn vật tương tự hóa” (Đạo thường không làm nhưng không có gì là không làm, nếu bậc vua chúa, chư hầu giữ được đạo thì vạn vật tự biến hóa).

Chương 48: “Vi học nhật ích, vi đạo nhật tổn. Tổn chi hữu tổn, dĩ chí vô vi. Vô vi nhi vô bất vi” (Theo học ngày một tăng, theo đạo ngày một giảm. Giảm rồi lại giảm, tới mức không làm. Không làm nhưng không có gì là không làm).

Bên ngoài cửa sổ nổi lên một cơn gió, mọi người đều cảm thấy hơi lạnh.

“Cái lão già này rốt cuộc muốn đi đâu, định làm gì đây nhỉ?”. Thư ký tiên sinh thừa dịp đánh lạc đề lời nói của Quan Doãn Hỷ.

“Lão ta lắm bẫy là đi tới Lưu Sa”, Quan Doãn Hỷ lạnh nhạt nói, “Xem thử lão có tới được hay không? Ngoài đó không có muối, không có mì, đến nước cũng khó kiếm. Tôi nghĩ khi đói bụng, thế nào lão cũng muốn quay về

chỗ chúng ta thôi”.

“VẬY là chúng ta lại kêu lão viết sách”, trưởng phòng tiên sinh vui sướng hẳn lên, “Nhưng bánh bao đúng thật lãng phí quá. Lúc đó, chúng ta chỉ việc nói tông chỉ đã đổi thành đề bạt tác giả mới, hai cuộn bản thảo, phát cho năm cái bánh bao cũng đủ rồi”.

“Làm vậy không ổn đâu. Coi chừng lão kêu ca rồi nổi cáu”.

“Bụng đang đói, còn nổi cáu gì được nữa?”.

“Ta lại lo rằng chẳng ai thèm đọc cái thứ này”, thư ký xua tay, nói. “Ngay cả tiền vốn là năm cái bánh bao cũng không lấy lại đủ. Giả sử lão ta nói đúng, này nhé, chúng ta hãy buông bỏ chức quan giữ ải này đi, đừng làm nữa, thế mới là không có gì không làm, vậy lại thành ra một quan viên xuất sắc...”.

“Vội gì chứ?”, trưởng phòng tiên sinh nói, “Chắc chắn sẽ có người đọc mà. Những kẻ từ quan và bọn ẩn sĩ chưa ra làm quan ấy, không phải nhiều lắm ư?...”.

Bên ngoài cửa sổ nổi lên một cơn gió, cuốn bụi vàng tung bay mù mịt một hồi lâu. Khi Quan Doãn Hỷ nhìn ra cửa, chỉ thấy rất nhiều tuần cảnh và lính gác vẫn đang đứng ngây người nghe bọn họ tán gẫu.

“Đứng ngây ra đó làm gì?”, y quát mắng, “Chiều rồi, không phải tới lúc bọn con buôn leo thành trốn thuế rồi hay sao? Đi tuần tra đi!”.

Đám người đứng ngoài cửa rút lui y như một màn khói. Những người ở trong phòng cũng không nói thêm điều gì, trưởng phòng và thư ký đều đã đi ra. Quan Doãn Hỷ mới lấy tay áo phui phui bụi trên án, cầm hai cuộn trát gỗ, để lên chiếc kệ chất cả đồng muối, vừng, vải bố, đậu tương, bột mì,... sung công.

Tháng 12 năm 1935

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Phản Chiến

1.

Học trò của Tử Hạ (1) là Công Tôn Cao đến tìm Mặc Tử (2) mấy lần rồi, nhưng ông đều không có nhà nên không gặp được. Khoảng tới lần thứ tư hay thứ năm thì vừa khéo gặp ông ngay cửa, bởi vì Công Tôn Cao vừa tới thì cũng đúng lúc Mặc Tử trở về nhà. Bọn họ cùng nhau bước vào phòng.

Công Tôn Cao sau khi đáp lễ khiêm nhường một lượt, mắt nhìn mấy lỗ thủng trên chiếc đệm ngồi (3), rồi ôn tồn thưa hỏi:

“Tiên sinh chủ trương không gây chiến ư?”.

“Không sai!”, Mặc Tử đáp.

“Vậy người quân tử không tranh đấu hay sao?”.

“Đúng thế!”, Mặc Tử nói.

“Heo chó còn tranh đấu, huống chi con người...”.

“Than ôi, đám nhà Nho các ông, hễ nói năng thì xưng Nghiêu Thuấn, mà khi làm việc lại học hỏi chó heo, đáng thương, đáng thương thay!”.

Mặc Tử nói rồi đứng lên, vừa vội vã chạy xuống bếp vừa nói: “Ông không hiểu ý tôi...”.

(1)Tử Hạ họ Bốc tên Thương, người nước Vệ thời Xuân Thu, là học trò của Khổng Tử.

(2)Mặc Tử (khoảng 468 - 376 TCN) tên Địch, người nước Lỗ thời Chiến Quốc, từng làm đại phu ở nước Tống, ông là một nhà tư tưởng của Trung Quốc cổ đại, sáng lập ra học phái Mặc gia. Chủ trương của ông là tiêu dùng tiết kiệm (tiết dụng), phản đối chiến tranh (phi công), mọi người yêu thương lẫn nhau (kiêm ái), ... Hiện nay còn lưu truyền sách “Mặc Tử” gồm 53 thiên, hơn một nửa là do học trò của ông viết.

(3)Mặc Tử chủ trương tiết kiệm, nên trong truyện này, mọi sinh hoạt của ông đều được mô tả hết sức giản dị, đơn sơ.

Ông đi qua nhà bếp, ra tới bên giếng nước ngoài cửa sau, kéo ròng rọc, múc lên nửa gàu nước, bưng lấy uống mười mấy hớp, uống xong thì đặt chiếc gàu sành xuống, lau lau miệng, bỗng nhìn ra góc vườn rồi kêu lên:

“A Liêm! Sao con về vậy?”.

A Liêm cũng đã thấy ông, liền chạy thẳng tới trước mặt, đứng một cách rất khuôn phép lễ độ, giữ tay xuống, thưa một tiếng “tiên sinh”, rồi kể với giọng điệu nghe có chút tức giận:

“Con không làm nữa! Bọn họ nói một đặng, làm một nẻo. Nói chắc chắn sẽ cho con một ngàn chậu hạt ngô, nhưng lại chỉ đưa có năm trăm chậu. Con đành bỏ đi thôi!”.

“Nếu mà cho con hơn một ngàn chậu thì con có bỏ đi không?”.

“Không ạ!”, A Liêm đáp.

“Vậy hoàn toàn không phải do bọn họ nói một đặng, làm một nẻo, mà là do ít ỏi đó thôi!”.

Mặc Tử vừa nói vừa chạy vào nhà bếp, gọi to:

“Canh Trụ Tử! Nhào bột ngô cho ta đi”.

Canh Trụ Tử vừa khéo từ trong nhà ra tới, đó là một chàng trai trông rất hoạt bát sôi nổi.

“Tiên sinh, làm lương khô để dùng trong mười mấy ngày phải không ạ?”, anh ta hỏi.

“Đúng đó!”, Mặc Tử đáp, “Công Tôn Cao đã đi chưa?”.

“Dạ đi rồi”, Canh Trụ Tử cười nói, “Hắn rất tức giận, nói thuyết “Kiêm ái” của chúng ta là không cha, giống hệt như cầm thú” (1).

Mặc Tử cũng chỉ cười một tiếng.

“Tiên sinh đi tới nước Sở ư?”.

“Đúng! Con cũng biết rồi sao?”.

Mặc Tử để cho Canh Trụ Tử lấy nước nhào bột ngô, còn ông thì lấy hỏa thạch với ngải nhung ra đánh lửa, nhen mấy cành củi khô để nấu nước sôi, ông vừa nhìn ngọn lửa vừa từ từ nói:

“Bác đồng hương của chúng ta là Công Thâu Ban (2)ấy, ông ta lúc nào cũng cậy mình có chút thông minh rồi gọi gió hô mưa. Chế ra câu cự (1), khiến Sở Vương và dân nước Việt đánh nhau còn chưa đủ, lần này lại nghĩ ra cái thang mây gì đó, muốn dụ Sở Vương đánh sang nước Tống. Tống là nước nhỏ, tránh sao được trận chiến này? Ta phải đi một chuyến để can ngăn ông ấy”.

(1) Đây thật ra là lời của Mạnh Tử khi công kích Mặc gia. Thiên “Đằng Văn Công” sách “Mạnh Tử” có câu: “Họ Dương (Dương Chu) thì vị ngã, đó là không vua. Họ Mặc (Mặc Tử) đòi kiêm ái, đó là không cha. Mà không cha, không vua thì chính là cầm thú vậy”.

(2) Công Thâu Ban là người nước Lỗ thời Xuân Thu, từng phát minh và chế tạo ra rất nhiều dụng cụ, khí giới tinh xảo. Các sách cổ gọi ông là “Xảo nhân” (con người khéo léo).

(1) Câu cự là các dụng cụ trên thuyền chiến do Công Thâu Ban chế ra. Câu là cái móc, hễ quân địch lui thì dùng nó để móc lại; cự là cái nạng, hễ quân địch áp sát thì dùng nó để đẩy ra.

Ông thấy Canh Trạ Tử đã cho bánh ngô vào lồng hấp, liền về phòng của mình, lôi từ trong chiếc tủ áp tường ra một nắm rau dưa tẩm muối khô, một cây dao đồng sắt mẻ, mặt khác ông còn tìm lấy một tấm vải bọc rách te tua, đợi khi Canh Trạ Tử mang bánh ngô đã hấp chín tới thì gom tất cả cho vào thành một bao. Áo quần không hề chuẩn bị, cũng không mang theo khăn tay rửa mặt, ông chỉ siết dây da buộc chặt bao một cái rồi bước xuống nhà dưới, xỏ giày rơm, vác bao lên lưng và đi ngay không một chút chần chừ. Từng đợt hơi nóng của bánh hấp trong bao còn bốc lên nghi ngút.

“Khi nào tiên sinh mới trở về ạ?”, Canh Trạ Tử hỏi với theo từ phía sau.

“Chắc cũng phải hai mươi ngày”, Mặc Tử đáp và vẫn cứ bước đi.

2.

Khi Mặc Tử tới địa phận nước Tống, giày cỏ của ông đã đứt ba bốn lần, ông thấy phòng rộp lòng bàn chân, bèn dừng lại xem thử, thì ra đế giày đã bị mài lõm một lỗ lớn, trên chân ông có mấy chỗ đã chai sạn, còn mấy chỗ thì sưng mủ (1). Ông không thèm để ý chuyện đó, vẫn cứ đi. Men theo con

đường quan sát tình hình, ông thấy dân cư cũng đông đúc, nhưng dấu tích của nạn hồng thủy và họa binh đao thời xưa vẫn in vết nơi nơi, dân sinh đâu thể trong một sớm mà đổi khác. Đi hết ba ngày, không nhìn thấy tòa nhà to lớn, không nhìn thấy gốc đại thụ, không nhìn thấy con người đầy sức sống, không nhìn thấy cánh đồng lúa phì nhiêu, vậy là đã tới kinh thành rồi (2).

(1) Thiên “Tu vự huấn” sách “Hoài Nam Tử” có chép: “Xưa nước Sở muốn đánh Tống, Mặc Tử cảm thương, từ nước Lỗ đi một mạch, mười ngày mười đêm, chân chai sạn cũng không nghỉ, xé áo bọc lấy chân mà đi tới thành Dĩnh”.

Thiên “Công Thâu” sách “Mặc Tử” cũng chép: “Công Thâu Ban chế tạo cho nước Sở khí giới gọi là thang mây. Mặc Tử hay tin, từ nước Lỗ đi mười ngày mười đêm không nghỉ, tới nổi rách quần, nát giày, hở cả chân, để đến kinh đô của nước Sở là thành Dĩnh, xin gặp Công Thâu Ban”.

(2) Kinh đô nước Tống là Thương Khâu, nay thuộc tỉnh Hà Nam, Trung Quốc.

Tường thành cũng rất cũ nát, nhưng có mấy chỗ lấy đá mới đắp thêm vào. Bên rãnh nước bảo vệ thành là một đồng bùn lầy, như có ai nạo vét ra, song bên mép rãnh thì chỉ thấy mấy tên nhàn rỗi ngồi đó tựa như đang câu cá.

“Hình như bọn chúng cũng nghe được tin tức rồi”, Mặc Tử nghĩ. Ông nhìn kỹ mấy người câu cá, trong đó không có ai là học trò của ông.

Ông quyết định vượt thành đi qua, thế là đi tới gần cửa ải phía Bắc, ông xuôi theo con phố chính giữa, thẳng một mạch về hướng Nam. Quang cảnh trong thành rất tiêu điều, nhưng cũng rất yên tĩnh. Các cửa hàng đều treo bảng giảm giá, song chẳng thấy người mua, mà hàng hóa trong tiệm cũng

chẳng ra hồn. Trên đường phố thì lầy lội và nhớp nhơ bụi đất.

“Thành trì như vậy mà còn muốn công phá!”, Mặc Tử nghĩ.

Đi về phía trước trên phố lớn, ông không thấy cái gì khác ngoài khung cảnh nghèo nàn. Tin nước Sở muốn xua quân tấn công, có lẽ người ta biết rồi, nhưng mọi người đã quen bị kẻ khác tấn công, nên mặc nhiên nghĩ rằng mình đáng bị như vậy, cuối cùng chẳng cảm thấy có gì đặc biệt, huống hồ ai nấy đều không có cơm ăn áo mặc, chỉ còn mỗi cái mạng mà thôi, nên cũng chẳng có ai nghĩ tới chuyện dời nhà. Khi tới được vọng lâu của cửa ải phía Nam, ông mới thấy mười mấy người tụ tập bên vệ đường, hình như đang nghe ai đó kể chuyện.

Khi Mặc Tử lại gần thì thấy người kia vung tay giữa không trung, hét lớn:

“Bọn mình sẽ cho chúng thấy dân khí của nước Tống! Cùng đi liều chết thôi!”.

Mặc Tử nhận ra đó là giọng của Tào Công Tử học trò ông.

Nhưng ông không chen vào gọi anh ta mà vội ra khỏi cửa Nam, đi con đường riêng của mình. Lại đi thêm một ngày và đã quá nửa đêm, ông mới nghỉ chân dưới mái hiên của một nhà nông, ngủ đến khi trời rạng sáng thì thức dậy rồi đi tiếp. Giày cỏ đã nát bét thành từng mảnh, không mang được nữa, túi đựng vẫn còn bánh ngô nên không thể dùng, ông đành xé một miếng áo vải bố để bọc lấy chân. Nhưng vải bố thì mỏng, đường sá gập ghềnh cứ cản trở bước chân ông, đi lại rất khó khăn. Đến xế chiều, ông ngồi dưới một gốc hòe nho nhỏ, mở bao lấy bữa trưa và cũng để chân được nghỉ ngơi. Từ xa xa thấy một người đàn ông đang đẩy chiếc xe rất nặng đi về phía này. Khi lại gần, người kia cũng nghỉ tay, tới trước mặt Mặc Tử, thưa một tiếng “tiên sinh”, đồng thời kéo vạt áo lau mồ hôi trên mặt, thở hốt hển.

“Đây là cát hả?”, Mặc Tử nhận ra anh chính là học trò Quản Kiềm Ngao của ông, liền hỏi.

“Dạ phải, là để phòng thang mây đấy ạ”.

“Những việc khác chuẩn bị thế nào rồi?”.

“Dạ đã trưng mộ được một ít sợi gai, tro than, thép. Nhưng cũng rất khó khăn: Cái có thì không thể dùng, cái cần dùng lại không có. Chỉ những lời nói suông là rất nhiều...”.

“Hôm qua ở trong thành, ta nghe thấy Tào Công Tử diễn thuyết, nó pha trò một chập cái “khí” gì đó, còn kêu gào “chết” gì đó nữa. Con đi nói với nó: chớ làm chuyện vô bổ, chết không có gì xấu nhưng cũng không dễ đâu, phải chết làm sao mà đem lợi cho dân kia”.

“Khó nói chuyện với anh ta lắm ạ”, Quản Kiềm Ngao rầu rĩ đáp. “Anh ta làm quan ở đây được hai năm thì đâu muốn tiếp con nữa”.

“Cầm Hoạt Ly đâu rồi?”.

“Anh này thì lại rất bận rộn. Vừa thử nghiệm xong liên nổ (tức loại nỏ bắn một lần ra được nhiều mũi tên) thì bây giờ chắc lại ra quan sát địa thế ngoài cửa Tây rồi, cho nên không tới gặp tiên sinh. Tiên sinh đến nước Sở để tìm Công Thâu Ban ư?”.

“Không sai!”, Mặc Tử nói, “Nhưng ông ấy có nghe ta không thì chưa biết. Các con vẫn cứ chuẩn bị đi, đừng chỉ trông chờ sự thành công trên miệng lưỡi”.

Quản Kiềm Ngao gật gật đầu, thấy Mặc Tử lên đường, anh đưa mắt nhìn theo một lúc rồi lại đẩy xe tiến vào thành trong tiếng cót két khe khẽ.

3.

Thành Dĩnh (1) của nước Sở không giống như nước Tống: Đường phố rộng rãi, nhà cửa cũng ngay ngắn, các cửa hàng lớn bày biện rất nhiều đồ đạc, vải gai trắng tinh, quả ớt đỏ rực, da hươu sặc sỡ, hạt sen chắc đầy. Người đi trên đường, tuy thấp bé hơn một chút so với người phương Bắc, nhưng ai nấy đều tháo vát nhanh nhẹn, quần áo cũng rất thơm tất. So với họ, Mặc Tử với bộ áo cũ rách nát, dùng vải bố bọc lấy đôi chân, nhìn không khác gì một lão ăn mày chính hiệu.

Đi về phía trung tâm là một quảng trường rộng lớn, bố trí rất nhiều gian hàng, người người chen chúc nhau, đây là thành thị đông vui, cũng là nơi ngã tư giao lưu giữa các vùng. Mặc Tử tìm một ông lão trông có vẻ trí thức, hỏi thăm nơi ở của Công Thâu Ban, đáng tiếc ngôn ngữ bất đồng nên rồi mù không hiểu, ông đang viết chữ lên bàn tay, định đưa cho lão xem thử, chợt nghe thấy âm âm một trận, mọi người đều cùng nhau hát vang, hóa ra là cô Trại Tương Linh nổi tiếng đã bắt đầu hát khúc “Hạ lý ba nhân” (2), cho nên đã thu hút rất nhiều người trong nước đồng thanh phụ họa. Chưa được một lúc, lão nhân sĩ kia cũng rên ư ử trong miệng, Mặc Tử biết lão nhất định chẳng thém nhìn chữ viết trên lòng bàn tay của ông, mà ông cũng mới viết ra chữ “Công” được một nửa, vậy là đành cất bước bỏ đi xa. Song đâu đâu cũng ca hát, chẳng hỏi han ai được, rất lâu sau, dường như bên đó đã hát xong, bầu không khí dần trở lại yên tĩnh. Ông bèn tìm tới một tiệm thợ mộc, hỏi địa chỉ của Công Thâu Ban.

(1) Dĩnh là kinh đô nước Sở, nay thuộc huyện Giang Lăng, tỉnh Hồ Bắc của Trung Quốc. (2)

(2) Nhân vật này được hư cấu dựa theo tên của nữ thần Tương Thủy là Tương Linh. Theo truyền thuyết, Tương Linh rất giỏi gảy đàn sắt. Bài “Viễn

du” của Khuất Nguyên có câu: “Sử Tương Linh cổ sắt hề, Lệnh Hải Nhược vũ Phùng Di (Đế Tương Linh gảy sắt chừ, Khiến Hải Nhược (thần Đông Hải) với Phùng Di (thần sông Hoàng Hà) nhảy múa)”.

“Hạ lý ba nhân” là tên một ca khúc của nước Sở. “Đối Sở Vương vấn” của Tống Ngọc có câu: “Khách có kẻ ca hát trong thành Dĩnh, ban đầu gọi là “Hạ lý ba nhân”, trong nước cả ngàn người kéo tới phụ họa”.

“Ông lão Sơn Đông này, chính là Công Thâu tiên sinh đã chế tạo ra câu cự chữ gì?”, chủ tiệm là một người béo mập mặt vàng râu đen, quả nhiên biết rất rõ, “Không xa đâu. Ông đi ngược lại, băng qua ngã tư, từ con đường nhỏ thứ hai bên phải ngoảnh hướng Đông nhìn về phía Nam, lại rẽ sang góc Bắc, căn thứ ba là nhà ông ấy đó”.

Mặc Tử viết lại lên lòng bàn tay, đưa cho chủ tiệm xem thử có sai sót gì không, ông cố nhớ cho kỹ, cảm ơn chủ tiệm rồi sải bước đi thẳng tới địa điểm theo chỉ dẫn. Quả không sai, trên cửa lớn của căn nhà thứ ba có đóng một tấm bảng gỗ lim được chạm trổ vô cùng tinh xảo, trên đó khắc sáu chữ Đại Triện: “Lỗ quốc Công Thâu Ban ngụ” (nơi ở của Công Thâu Ban nước Lỗ).

Mặc Tử vỗ chiếc vòng thú bằng đồng đỏ, khua tang tang mấy tiếng, nào ngờ ra mở cửa lại là một môn đình mặt mũi hung tợn. Hắn nhìn ông một cái, liền lớn giọng đuổi mắng:

“Tiên sinh không tiếp khách! Lũ đồng hương tới xin xỏ như các người nhiều lắm rồi!”.

Mặc Tử vừa nhìn hắn thì hắn đã đóng sập cửa, ông gõ thêm lần nữa nhưng không thấy phản ứng gì. Song ánh mắt của Mặc Tử ban nãy đã khiến tên môn đình ấy bồn chồn, hắn cứ thấy không thoải mái, đành vào bấm báo với chủ

nhân. Công Thâu Ban đang cầm thước cuộn, đo đạc mô hình thang mây.

“Tiên sinh, lại có một tên đồng hương của ngài đến xin xỏ... Nhưng tên này hơi cổ quái...”, môn đình khe khẽ nói.

“Hắn họ gì?”.

“Con vẫn chưa hỏi ạ...”, môn đình lo sợ.

“Bộ dạng thế nào?”.

“Bẩm, hắn giống như ăn mày, khoảng ba mươi tuổi, vóc người cao, mặt mày đen đúa...”.

“À! Chắc chắn là Mặc Địch rồi!”.

Công Thâu Ban giật nảy mình kêu lớn, bỏ mô hình thang mây và thước cuộn xuống rồi chạy ra tới bậc thềm. Môn đình cũng giật cả người, vội chạy lên trước mở cửa. Mặc Tử và Công Thâu Ban gặp nhau ở giữa sân.

“Quả nhiên là ông”, Công Thâu Ban vui mừng nói, đồng thời dẫn Mặc Tử vào nhà. “Ông luôn khỏe chứ? Hay là bận rộn?”.

“Phải rồi, tôi vẫn vậy mà...”.

“Nhưng tiên sinh từ xa đến đây, có điều chi chỉ giáo?”.

“Phương Bắc có kẻ vũ nhục tôi”, Mặc Tử nói với vẻ rất trầm tĩnh, “Tôi muốn nhờ ông đi giết hắn...”.

Công Thâu Ban không được vui.

“Tôi biểu ông mười đồng!”, Mặc Tử lại nói tiếp.

Câu ấy khiến cho chủ nhà không chịu được nữa mà nổi giận, Công Thâu Ban sa sầm nét mặt, lạnh lùng đáp:

“Tôi vì đạo nghĩa không giết người”.

“Vậy thì quá tốt rồi!”, Mặc Tử rất xúc động đứng thẳng dậy, bái lạy hai cái, lại nói với vẻ rất trầm tĩnh: “Nhưng tôi có mấy lời muốn nói. Tôi ở phương Bắc, nghe tin ông đã chế tạo thang mây, muốn công phá nước Tống. Nước Tống có làm gì nên tội? Nước Sở dư thừa đất mà thiếu thốn dân cư. Giết bỏ cái mình thiếu và đi tranh thứ mình thừa, không thể gọi là trí; nước Tống vô tội mà đi tấn công họ, không thể gọi là nhân; biết mà không can gián, không thể gọi là trung; can gián mà không được, không thể gọi là mạnh; vì đạo nghĩa không giết một người, song khiến cho nhiều người phải chết, không thể gọi là hiểu biết. Tiên sinh có nghĩ như vậy không?...”.

“Chuyện này...”, Công Thâu Ban nghĩ ngợi, “Tiên sinh nói rất đúng”.

“Vậy mà ông chưa chịu dừng tay sao?”.

“Không thể được”, Công Thâu Ban rầu rĩ nói, “Tôi đã tâu với nhà vua rồi”.

“Vậy dẫn tôi đến gặp nhà vua đi”.

“Được thôi! Nhưng mà giờ không còn sớm nữa, ông ăn cơm đi cái đã!”.

Song Mặc Tử không chịu, cứ nhắc người muốn đứng lên, xưa nay ông chưa hề ngồi cho được nóng chỗ. Công Thâu Ban tự biết không thể lay chuyển, liền đồng ý dẫn ông đến gặp nhà vua ngay, mặt khác thì về phòng mình, lấy ra một bộ quần áo với đôi giày, khẩn khoản nói:

“Tiên sinh phải thay đồ trước mới được! Bởi vì ở đây không giống như quê nhà của chúng ta, cái gì cũng rất xa hoa. Ông thay quần áo đi cho phù

hợp...”.

“Được rồi, được rồi”, Mặc Tử cũng khẩn khoản đáp lời. “Tôi thực sự cũng không hề ưa chuộng quần áo rách... chỉ vì nãy giờ chưa có rảnh để thay...”.

4.

Sở Vương từ lâu đã biết Mặc Tử là thánh hiền phương Bắc, vừa nghe Công Thâu Ban giới thiệu, lập tức tiếp kiến ngay, không phải đợi lâu.

Mặc Tử khoác áo rất ngắn, chân dài lêu nghêu như chân cò, cùng với Công Thâu Ban đi vào trong điện, hành lễ với Sở Vương rồi ung dung mở lời:

“Hiện giờ có một người: Không thích chiếc kiệu, lại muốn trộm xe gậy của hàng xóm; không thích gấm vóc, lại muốn trộm áo thô của nhà bên; không thích gạo thịt, lại muốn trộm cám bã của lán giềng. Thần xin hỏi: Kẻ đó là người như thế nào nhỉ?”.

“Tên này chắc chắn là có bệnh trộm cắp rồi”, Sở Vương thẳng thắn nói ngay.

“Diện tích nước Sở”, Mặc Tử nói, “Là năm ngàn dặm vuông, còn nước Tống chỉ có năm trăm dặm vuông, đó cũng giống như chiếc kiệu với xe gậy. Dải Vân Mộng của nước Sở đầy rẫy tê giác hươu nai, vùng Giang Hán thì vô số ba ba rùa cá, nơi khác không đâu sánh bằng, nước Tống thì chim trĩ, con thỏ hay cá diếc đều không có, thế cũng tựa như gạo thịt với cám bã. Nước Sở có trường tùng, văn tử, du mộc, dự chương (tên các loại cây cối), còn nước Tống không có nổi một cây đại thụ, vậy cũng hệt như gấm vóc với áo thô. Cho nên theo thần thấy, việc đánh Tống của đại vương giống y như vậy thôi”.

“Quả thật không sai!”, Sở Vương gật đầu nói. “Nhưng Công Thâu Ban đã chế thang mây cho ta rồi, tất sẽ phải ra quân”.

“Song thành bại cũng đâu thể nói chắc”, Mặc Tử nói. “Chỉ cần mấy tấm gỗ là có thể thử ngay”.

Sở Vương là một vị vua yêu thích điều mới lạ, vô cùng vui sướng, liền sai thị thần mau chóng mang mấy tấm gỗ vào. Mặc Tử cởi chiếc đai da, uốn cong, hướng về phía Công Thâu Tử, xem như cái thành, lại chia mười mấy tấm gỗ ra hai phần, một phần giữ lại, một phần giao cho Công Thâu Tử, đó là dụng cụ tấn công và phòng thủ.

Thế rồi hai người bọn họ cầm lấy mấy tấm gỗ và bắt đầu giao đấu, trông giống như đánh cờ: Một cái tiến công thì cái kia liền chống đỡ, bên này lui xuống thì bên kia liền đánh ra. Nhưng cả Sở Vương lẫn thị thần đều không hiểu gì hết.

Chỉ thấy bên tiến bên thoái như vậy tổng cộng hết chín lần, thay đổi khoảng chừng chín lối công thủ. Sau đó, Công Thâu Ban dừng tay. Mặc Tử đổi hướng vòng cung của đai da về phía mình, giống như lần này là do ông công đánh. Cũng lại chống đỡ và bên tiến bên thoái, nhưng đến lần thứ ba, tấm gỗ của Mặc Tử đã tiến vào bên trong vòng cung của chiếc đai.

Tuy Sở Vương và thị thần không hiểu nổi, nhưng thấy Công Thâu Ban buông tấm gỗ xuống trước, trên mặt lộ ra vẻ mất hứng, liền hiểu ngay ông ta công thủ cả hai phía đều thất bại hết rồi.

Sở Vương cũng thấy hơi mất hứng.

“Tôi biết làm sao để thắng ông”, dừng lại một chút, Công Thâu Ban ngượng ngùng nói. “Nhưng tôi không nói đâu”.

“Tôi cũng biết ông làm sao để thắng tôi”, Mặc Tử vẫn điềm đạm nói. “Nhưng tôi không nói đâu”.

“Lời các khanh nói là sao vậy?”, Sở Vương sững sờ hỏi.

“Ý của Công Thâu Tử”, Mặc Tử quay người lại đáp, “Là chỉ việc giết chết thần. Ông ấy cho rằng giết thần xong thì nước Tống không có người trấn thủ, chắc hẳn công phá được. Nhưng bọn Cầm Hoạt Ly học trò thần ba trăm người, đã giữ lấy khí giới phòng ngự của thần, ở trên thành trì nước Tống, đợi quân địch từ nước Sở kéo tới. Dù cho có giết thần cũng không hạ được thành đâu!”.

“Cách này hay thật!”, Sở Vương cảm động nói. “Vậy thì ta cũng không đánh Tống nữa”.

5.

Mặc Tử sau khi thuyết phục nhà vua thôi đánh Tống, vốn định về nước Lỗ ngay, nhưng vì phải trả lại Công Thâu Ban bộ quần áo cho mượn, nên đành ghé nhà ông ta. Bấy giờ đã tới buổi chiều, chủ khách đều thấy đói bụng, chủ nhà kiên quyết giữ khách ở lại ăn cơm trưa, hoặc có lẽ đã thành ra cơm tối, còn khuyên ông nghỉ sức một đêm.

“Nội trong hôm nay là tôi phải đi rồi”, Mặc Tử nói. “Năm sau trở lại, tôi sẽ mang theo sách, mời Sở Vương xem thử”.

“Ông không phải vẫn rao giảng mấy chuyện hành nghĩa đó chứ?”, Công Thâu Ban nói. “Lao hình khổ tâm, phù nguy tế cấp (mệt thân nhọc trí, cứu khốn phò nguy) là đồ của tiện nhân, bậc đại nhân không lấy đâu. Ngài ấy là quân vương đó, lão đồng hương ạ!”.

“Ông nói sai rồi! Tơ, đay, gạo thóc đều là của tiện nhân làm ra, nhưng bậc đại nhân cũng cần đến, huống chi chuyện hành nghĩa”. (1)

“Vậy cũng đúng”, Công Thâu Ban vui mừng nói. “Khi chưa gặp ông, tôi muốn lấy nước Tống. Nay gặp ông rồi, dù tặng không cho tôi nước Tống, nếu như bất nghĩa, tôi cũng không cần nữa...”.

“Thế xem như tôi tặng nước Tống cho ông đấy”, Mặc Tử cũng vui mừng nói. “Nếu ông cứ một mực làm việc nghĩa, tôi còn muốn tặng ông cả thiên hạ nữa kia!”.

(1)Thiên “Quý nghĩa” sách “Mặc Tử” có chép: Mặc Tử xuống nước Sở phía Nam yết kiến Hiến Huệ Vương. Vua viện cớ mình già cả, sai Mục Hạ ra tiếp, Mục Hạ nghe thuyết giảng thấy thích lắm, nhưng lại nói rằng: “Lời của phu tử rất hay, nhưng vua chúng tôi là đại vương trong thiên hạ, e rằng sẽ cho đó là hành động của tiện nhân mà không dùng chẳng?”. Mặc Tử đáp: “Chỉ xét việc nên làm hay không thôi. Ví như cây thuốc chỉ là một gốc cỏ, nhưng thiên tử đâu có chê nó chỉ là một gốc cỏ mà không dùng để chữa bệnh. Nông phu đóng lúa nộp thuế cho bậc đại nhân, bậc đại nhân lấy cất rượu, nấu xôi rồi cúng tế Thượng đế, quý thần. Thượng đế, quý thần cũng đâu có chê là đồ của tiện nhân mà không hưởng?”.

Lúc chủ khách đang nói cười vui vẻ, cơm trưa cũng đã bày lên, cá, thịt, rượu đều có hết. Mặc Tử không uống rượu, cũng không ăn cá, chỉ ăn một ít thịt. Công Thâu Ban tự rót uống một mình, thấy vị khách không đụng tới dao muống, trong lòng hơi áy náy, ông bèn khuyên Mặc Tử ăn ớt cay:

“Mời, mời!”, ông chỉ vào tương ớt và bánh nướng to đùng, khẩn thiết nói, “Ông nếm thử xem, cũng không tệ đâu. Nhưng cử hành không được to như ở quê mình...”.

Công Thâu Ban uống hết mấy ly rượu, lại càng thêm cao hứng.

“Thuyền chiến của tôi có câu cự, đạo nghĩa của ông cũng có câu cự chẳng?”, ông ta hỏi.

“Câu cự nơi đạo nghĩa của tôi tốt hơn hẳn so với câu cự trong thuyền

chiến của ông”, Mặc Tử hồi đáp rất kiên quyết. “Tôi lấy yêu thương làm câu, dùng cung kính làm cự. Không dùng câu móc yêu thương thì mọi người không thân thiết, không dùng cái cự cung kính để ngăn cách thì người ta dễ khinh nhờn, không thân thiết mà lại dễ khinh nhờn, lập tức khiến người người ly tán. Bởi vậy, nếu yêu thương lẫn nhau, cung kính lẫn nhau thì đôi bên cùng được lợi. Bây giờ ông lấy câu để móc người, người cũng lấy câu móc lại ông, ông dùng cự để gạt bỏ người, người cũng dùng cự gạt bỏ ông, câu móc lẫn nhau rồi gạt bỏ lẫn nhau, đôi bên đều thiệt hại. Cho nên nói: Câu cự nơi đạo nghĩa của tôi tốt hơn hẳn so với câu cự trong thuyền chiến của ông”.

“Nhưng lão đồng hương này, ông hành nghĩa như vậy, cơ hồ lại gạt đổ bát cơm của tôi đó!”, Công Thâu Ban đổi giọng nói, cứ như vừa bị dội nước lạnh, nhưng dường như đã có vẻ ngà ngà say: Ông ta thực sự không biết uống rượu.

“Nhưng so với gạt đổ bát cơm của tất cả người dân nước Tống thì vẫn tốt hơn chứ”.

“Vậy thì về sau tôi chỉ còn nước chế tạo đồ chơi thôi. Lão đồng hương này, ông đợi một chút, tôi cho ông xem một thứ trò vui”.

Ông ta nói xong liền bật dậy, chạy tới phòng sau, như đang lục lọi gì đó. Chưa được một lúc thì ông đã bước ra, tay cầm một con chim khách làm bằng gỗ với tre, đưa cho Mặc Tử và nói:

“Chỉ cần lên dây một cái là có thể bay được ba ngày. Thứ này có thể nói là vô cùng khéo léo”.

“Nhưng cũng không bằng bánh xe của anh thợ mộc”, Mặc Tử nhìn qua một cái, đặt xuống chiếu và nói. “Anh ta chỉ để có ba tắc gỗ mà đủ sức chuyên chở năm mươi thạch. Để làm lợi cho con người thì khéo léo và tốt đẹp, còn không có lợi cho con người thì vụng về và xấu xa”.

“Ồ, tôi quên mất”, Công Thâu Ban lại bị dội nước lạnh lần nữa, hơi tỉnh rượu một chút, “Lẽ ra phải biết trước là ông sẽ nói như vậy”.

“Cho nên ông cứ chăm lo việc nghĩa đi”, Mặc Tử nhìn ánh mắt Công Thâu Ban, thành khẩn nói, “Thì không chỉ là khéo léo, mà cả thiên hạ cũng sẽ thuộc về ông thôi. Quả thật đã làm phiền ông hơn nửa ngày rồi. Năm sau chúng ta lại tương ngộ”.

Mặc Tử nói xong liền cầm lấy cái túi nhỏ và cáo từ chủ nhà, Công Thâu Ban biết là giữ ông không được, đành phải để ông đi. Sau khi tiễn Mặc Tử ra khỏi cửa chính, ông trở về phòng, nghỉ ngơi, rồi đem mô hình thang mây và chim khách gỗ cho vào cái hòm ở phòng sau, khóa chặt lại.

Trên đường trở về, Mặc Tử đi hơi chậm, một là vì hết sức, hai là bởi chân đau, ba là do lương khô đã ăn hết, khó tránh bị đói bụng, bốn là sự tình đã giải quyết ổn thỏa, đầu cần phải vội vã như lúc đến. Nhưng mà so với lúc đến, ông còn xui xẻo hơn: Khi vào tới địa phận nước Tống, liền bị khám xét hai lần; đi gần tới kinh thành lại gặp phải đội quân tiền cứu nước, ông quyên góp cái túi đựng rách nát; đến trước cửa ải phía Nam thì gặp trận mưa lớn, ông tới dưới cửa thành muốn tránh mưa, liền bị hai tuần binh cầm giáo mác xua đuổi, ông dầm mưa đến ướt sũng toàn thân, từ hôm đó nghẹt mũi luôn mười mấy bữa.

Tháng 8 năm 1934

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Sống Dậy

(Một vùng đất hoang rộng lớn. Đâu đâu cũng là gò đất, gò cao nhất không quá sáu bảy thước. Không có cây cối. Cỏ bông mọc lẫn lộn khắp nơi, giữa đám cỏ là một con đường do người ngựa đạp thành. Gần bên đường có một máng nước. Nhìn thấy mấy gian nhà ở phía xa xa).

Trang Tử (1)(mặt mũi đen đúa gầy còm, râu quai nón hoa râm, đầu đội đạo quan, mặc áo vải thô, tay cầm roi ngựa, ra): Rời khỏi nhà không có nước để uống, mới đi được một chút thì đã thấy khát khô. Khát nước đâu phải trò đùa, thật chẳng bằng hóa thân làm bướm bướm. Nhưng ở đây cũng không có hoa tươi,... A ha! Nước đây rồi, may quá, may quá!

(1)Trang Tử (khoảng 369 - 286 TCN) tên Chu, người nước Tống thời Chiến Quốc, là một nhà tư tưởng của Trung Quốc cổ đại, kế thừa và phát triển học thuyết Đạo gia của Lão Tử. Ông từng làm lại ở Tất Viên. Nay còn lưu truyền sách “Trang Tử” (còn gọi là Nam Hoa kinh) gồm 33 thiên, hơn một nửa là do học trò và những người khác mạo danh ông viết.

(Ông chạy tới bên máng, gạt đi lớp bèo nổi và lấy tay vốc nước, uống hết mười mấy ngụm). Hà, tốt rồi! Giờ thong thả lên đường tiếp. (Vừa đi vừa nhìn quanh bốn phía). Ái chà! Một cái sọ khô. Là sao nhỉ? (Dùng roi ngựa rẽ cỏ bông, vừa gõ roi lên sọ vừa nói):

Có phải ngài tham sống sợ chết, trái với lẽ thường, nên thành ra như vậy? (lộp cộp). Hay là đánh mất địa bàn, ăn phải một đao, nên thành ra như vậy?

(lộp cộp). Hay là làm điều xằng bậy, có lỗi với cha mẹ vợ con, nên thành ra như vậy?(lộp cộp). Ngài không biết tự sát là hành vi của kẻ yếu hay sao? (1) (lộp cộp, lộp cộp). Hay là ngài không có cơm ăn, không có áo mặc, nên thành ra như vậy?(lộp cộp). Hay là ngài niên kỷ đã cao, tới lúc phải chết, nên thành ra như vậy?(lộp cộp). Hay là... Hừm, mình thật hồ đồ, cứ như đang diễn kịch. Sẽ có câu trả lời ngay đây! May mà gần tới nước Sở rồi, không cần vội gì nữa, thôi thì mời Tư mệnh đại thần (2)tái tạo thân xác, máu thịt cho anh ta, rồi tán chuyện với anh ta một phen, sau đó để anh ta trở về quê nhà, đoàn tụ với gia đình vậy (buông roi ngựa xuống, nhìn về phía Đông, chấp hai tay hướng lên trời, cất cao giọng, hét lớn). (3)

(1)Thời ấy liên tục xảy ra những vụ tự sát mang tính chất đấu tranh với sự áp bức của tầng lớp thống trị và lễ giáo phong kiến, các nhà văn của giai cấp tư sản chưa phân tích kỹ đã phán xét ngay việc tự sát ấy là “hành vi của kẻ yếu”. Ở đây tác giả có hàm ý phúng thích.

(2)Tư mệnh là một vì sao được chép trong sách cổ Trung Quốc, người xưa cho rằng Tư mệnh cai quản việc sống chết.

(3)Thiên “Chí lạc” sách “Trang Tử” có chép: Trang Tử đến Sở, thấy cái đầu lâu rỗng, song vẫn có hình thù, nhân đó cầm roi ngựa gõ và hỏi rằng: “Người tham sống mất đạo, nên mới như vậy? Hay có chuyện mất nước, chịu tội búa rìu, nên mới như vậy? Hay làm điều bất thiện, xấu hổ với cha mẹ vợ con, nên mới như vậy? Hay gặp phải nạn đói rét, nên mới như vậy? Hay xuân thu của người đã đến nước này rồi chẳng?”. Dứt lời, lấy đầu lâu làm gối nằm. Nửa đêm, đầu lâu xuất hiện trong giấc mộng và nói: “Lời của ông giống y bọn biện sĩ, xét lời ông nói, đều là phiền muộn của nhân sinh, chết thì không phải vậy đâu. Ông có muốn nghe nói về cái chết không?”. Trang Tử đáp: “Có”. Đầu lâu nói: “Chết thì không có vua ở trên, không có bề tôi ở dưới, cũng không có chuyện bốn mùa, cứ vậy mà lấy trời đất làm xuân thu, dù là kẻ

ngoảnh mặt về hướng Nam xưng vương cũng không vui vẻ hơn thế đâu”. Trang Tử không tin, nói: “Ta bảo thần Tư mệnh, khôi phục lại hình người, cho xương, thịt, cơ, da, rồi trả luôn cha mẹ vợ con, xóm làng quen thuộc, người có muốn không?”. Đầu lâu cau mày, nhăn trán đáp: “Sao tôi có thể từ bỏ niềm vui ngoảnh mặt về hướng Nam xưng vương, để trở về với sự vất vả của nhân gian cho được?”.

Chí tâm triều lễ, Tư mệnh đại thiên tôn!...

(Một trận gió tà, rất nhiều hồn ma tóc rối bù, hói đầu, gầy, béo, nam, nữ, già, trẻ,... xuất hiện).

Hồn ma: Trang Chu, tên ngớ ngẩn nhà người! Đầu hai thứ tóc mà còn chưa biết suy nghĩ. Chết rồi thì không có bốn mùa, cũng không còn chủ nhân. Trời đất chính là xuân thu, dầu làm hoàng đế cũng không vui vẻ được như vậy. Thôi đừng quản chuyện bao đồng nữa, mau tới nước Sở loviệc của người đi!...

Trang Tử: Lũ các người mới là đám quỷ ngốc, chết rồi vẫn suy nghĩ không thông. Nên biết sống tức là chết, chết tức là sống, đầy tớ cũng chính là chủ nhân. Ta đây đã nhìn thấu đến cội nguồn của sinh mệnh, lũ tiểu quỷ các người đừng hòng dụ dỗ.

Hồn ma: Vậy thì để cho người mất mặt...

Trang Tử: Thánh chỉ của Sở Vương ở trên đầu ta, sợ gì lũ tiểu quỷ các người la ó! (Lại chắp hai tay hướng lên trời, cất cao giọng, hét lớn).

Chí tâm triều lễ, Tư mệnh đại thiên tôn!

Thiên địa huyền hoàng, vũ trụ hồng hoang. Nhật nguyệt doanh trắc, thần tú liệt trương (Trời đen đất vàng, vũ trụ bao la. Nhật nguyệt thay đổi, tinh tú hiện ra) (1).

Triệu Tiền Tôn Lý, Chu Ngô Trịnh Vương. Phùng Tần Chữ Vệ, Khương Thâm Hàn Dương (2).

(1) Đây là bốn câu đầu trong “Thiên tự văn”.

(2) Đây là bốn câu đầu trong “Bách gia tính”, hai câu sau trong nguyên tác là “Phùng Trần Chữ Vệ, Tưởng Thâm Hàn Dương”. Tác giả mô phỏng mấy câu bài tế thông thường của đạo sĩ.

Thái Thượng Lão Quân cấp cấp như luật lệnh! Sắc! Sắc! Sắc! (Lập tức tuân lệnh của Thái Thượng Lão Quân! Lệnh đây! Lệnh đây! Lệnh đây!).

(Một cơn gió trong mát, Tư mệnh đại thần đầu đội đạo quan, mặc áo vải thô, mặt mũi đen đúa gầy còm, râu quai nón hoa râu, tay cầm roi ngựa, xuất hiện lơ mơ ở phía Đông. Tất cả hồn ma đều lẫn đi).

Tư mệnh: Trang Chu, người tìm ta, lại muốn bày trò gì nữa đây? Uống nước đủ rồi, còn chưa chịu an phận hay sao?

Trang Tử: Hạ thần đi diện kiến Sở Vương, qua tới đất này, nhìn thấy sọ khô trống rỗng, nhưng vẫn còn hình dáng đầu người. Ai cũng có cha mẹ vợ con, chết tại nơi đây, thật là tội nghiệp lắm, đáng thương thay! Cho nên mới khẩn cầu đại thần ngài tái tạo cho anh ta thân xác, máu thịt, để anh ta sống lại và trở về quê hương.

Tư mệnh: Ha ha! Đây không phải lời thật dạ, người đúng là tên ăn cám chuyên quản chuyện không đâu. Nghiêm túc không giống như nghiêm túc, đùa cợt lại không giống như đùa cợt. Thôi người cứ đi con đường của người đi, chớ làm phiền ta nữa. Nên biết “tử sinh hữu mệnh” (sống chết có số), ta cũng không thể tùy tiện an bài.

Trang Tử: Đại thần sai rồi! Sống chết gì ở đây? Trang Chu tôi từng nằm mộng, hóa thân thành bướm bướm (1), là một con bướm bướm thỏa sức bay lượn, khi tỉnh dậy thấy trở lại làm Trang Chu, là một Trang Chu phải lo lắng trăm bề. Rốt cuộc thì Trang Chu nằm mộng hóa thành bướm bướm, hay bướm bướm nằm mộng hóa thành Trang Chu đây, tới giờ vẫn chưa ai hiểu. Tương tự, làm sao biết cái sọ khô này hiện không phải là đang sống? Sống mà đem chuyển ngược lại, cái đó gọi là chết chứ gì nữa? Xin đại thần cứ mắt nhắm mắt mở, châm chước một chút đi! Làm người phải linh hoạt, làm thần cũng không nên cứng nhắc quá.

(1)Thiên “Tề vật luận” trong sách “Trang Tử” có đoạn viết: “Xưa Trang Chu nằm mộng thấy mình hóa thành bướm, tha hồ bay lượn. Lòng thỏa mãn chí hướng, không biết mình là Chu nữa. Khi tỉnh dậy lại ngạc nhiên thấy mình là Chu. Không biết Chu nằm mộng hóa thành bướm hay là bướm nằm mộng hóa thành Chu?”.

Tư mệnh (mỉm cười): Người chỉ biết nói chứ có làm được đâu, người nào phải thần thánh chứ... Thôi được rồi, cho người thử đây.

(Tư mệnh dùng roi ngựa chỉ vào đám cỏ. Đồng thời cũng biến mất. Nơi thần chỉ vào lóe lên một tia lửa, một người đàn ông nháy ra).

Người đàn ông (khoảng chừng 30 tuổi, thân hình cao lớn, mặt tím tím, giống như người nhà quê, trần như nhộng, không một mảnh vải che thân. Sau một hồi lấy tay dụi dụi mắt, anh ta định thần, nhìn thấy Trang Tử):Ồ!

Trang Tử:Ồ! (mỉm cười bước lại gần, nhìn anh ta). Anh sao rồi?

Người đàn ông: Hừm, ngủ quên mất. Ông là ai thế? (nhìn hai phía rồi kêu lên). Ái chà, tay nải và cây dù của tôi đâu rồi? (nhìn lên người mình) Hả, còn

quần áo của tôi nữa? (ngồi xồm xuống).

Trang Tử: Anh bình tĩnh đi, đừng lo lắng. Anh vừa mới sống lại đó. Đồ đạc của anh, tôi thấy chắc mục nát từ lâu rồi, hoặc đã bị người ta lấy mất.

Người đàn ông: Ông nói sao?

Trang Tử: Tôi hỏi anh này: Anh tên họ là gì, người ở đâu?

Người đàn ông: Tôi là Dương Đại ở Dương gia trang. Tên đi học là Tất Cung.

Trang Tử: Vậy sao, thế anh tới đây làm gì?

Người đàn ông: Tôi đi thăm người thân, do bất cẩn nên đã ngủ lại nơi này (hơi hoảng hốt). Quần áo của tôi đâu? Cả tay nải và cây dù của tôi nữa?

Trang Tử: Anh cứ bình tĩnh đi, đừng lo lắng. Tôi hỏi anh này: anh là người thời nào?

Người đàn ông (ngạc nhiên): Cái gì?... Sao lại hỏi “người thời nào”?... Quần áo của tôi đâu?...

Trang Tử: Chà chà, cái anh này đúng là một tên ngớ ngẩn hết thuốc chữa - chỉ mỗi lo đến quần áo của riêng mình, anh thật sự là một người theo chủ nghĩa vị kỷ triệt để đấy. “Con người” anh còn chưa minh bạch thì nói chi đến áo quần? Cho nên, trước tiên tôi muốn hỏi: Anh là người thời nào? Hừm, anh không hiểu ư?... Vậy thế này đi, (suy nghĩ một chút) tôi lại hỏi anh: Lúc anh sinh sống hồi trước ấy, trong làng xóm của anh có xảy ra chuyện gì không?

Người đàn ông: Xảy ra chuyện gì hả? Có chứ. Hôm qua, chị dâu của A Nhị và cụ cổ Bảy đã cãi nhau.

Trang Tử: Vẫn chưa đủ!

Người đàn ông: Vẫn chưa đủ sao?... Vậy thì, Dương Tiểu Tam được phong tặng hiếu tử...

Trang Tử: Phong tặng hiếu tử thì đúng là chuyện lớn rồi... nhưng vẫn rất khó để tra xét... (suy nghĩ một chút). Thế không có chuyện gì to tát hơn ư, chuyện mà khiến cho mọi người đều bị kinh động ấy?

Người đàn ông: Khiến cho mọi người đều bị kinh động hả?... (suy nghĩ). À, có, có đấy! Ba bốn tháng trước đây, bởi vì phải bắt hồn trẻ con để lột nền móng cho Lộc Đài (1), nên nhà nào cũng bị dọa đến độ gà bay chó chạy, ai nấy đều hồi hải làm ra mấy túi bùa cho con cháu đeo vào...

(1)Lộc Đài là công trình do vua Trụ đời Thương xây dựng để chứa tiền của vợ vét từ nhân dân.

Trang Tử (giật mình): Lộc Đài ư? Lộc Đài ở thời nào?

Người đàn ông: Chính là Lộc Đài khởi công hồi ba bốn tháng trước.

Trang Tử: Ra vậy, anh chết vào thời Trụ Vương phải không? Thật không ngờ, anh đã chết hơn năm trăm năm rồi.

Người đàn ông (có chút tức giận): Thưa tiên sinh, chúng ta mới gặp nhau lần đầu, xin ông chớ đùa giỡn! Tôi chỉ ngủ một chút thôi, cái gì mà đã chết hơn năm trăm năm chứ? Tôi còn có việc chính là đi thăm người thân. Mau trả quần áo, tay nải và cây dù cho tôi! Tôi không rỗi hơi để đùa giỡn với ông đâu!

Trang Tử: Từ từ, cứ từ từ, để tôi nghiên cứu một chút. Anh ngủ quên như thế nào?

Người đàn ông: Ngủ quên như thế nào? (suy nghĩ). Buổi sáng tôi tới chỗ này, hình như có tiếng ầm một cái trên đỉnh đầu, tối sầm con mắt, rồi tôi ngủ luôn.

Trang Tử: Đau không?

Người đàn ông: Hình như là không đau.

Trang Tử: Ờ... (suy nghĩ một chút), ờ... tôi hiểu rồi. Chắc hẳn anh sống thời vua Trụ triều Thương, một mình đi tới nơi này, lại gặp phải bọn cướp chặn đường, một gậy từ sau lưng đánh chết anh, rồi cướp hết đồ đạc. Bây giờ đang là nhà Chu, cách thời đó hơn năm trăm năm rồi, anh còn tìm được quần áo ở đâu đây? Anh hiểu chứ?

Người đàn ông (trừng mắt, nhìn Trang Tử): Tôi không hiểu gì hết. Tiên sinh, ông làm ơn đừng đùa dai kiểu ấy, mau trả tôi quần áo, tay nải và cây dù. Tôi còn có việc chính là đi thăm người thân, không rỗi hơi để đùa giỡn với ông đâu!

Trang Tử: Con người anh đúng là chẳng hiểu đạo lý...

Người đàn ông: Ai không hiểu đạo lý chứ? Tôi không thấy đồ của mình, bắt gặp ông tại hiện trường, không hỏi ông thì hỏi ai đây? (đứng lên).

Trang Tử (sốt ruột): Anh nghe tôi nói lần nữa đây: anh vốn là một cái sọ khô, tôi thấy thương, nên xin Tư mệnh đại thần cho anh sống lại. Anh nghĩ xem: Anh đã chết gần ấy năm thì làm gì còn quần áo? Bây giờ tôi không cần anh cảm tạ đâu, mà anh chỉ việc ngồi xuống, nói tôi nghe về thời Trụ Vương...

Người đàn ông: Đặt điều! Ngay cả đứa trẻ mới lên ba cũng không tin nổi những lời ông nói. Tôi đây đã ba mươi ba tuổi rồi đó ông à! (bỏ đi) Ông...

Trang Tử: Quả thật tôi có bản lĩnh ấy. Anh nên biết, tôi chính là Trang Chu ở Tất Viên.

Người đàn ông: Tôi không biết. Cái bản lĩnh của ông đáng vứt cho chó ăn. Ông khiến tôi trần trụi trực như thế này, sống lại cũng có ích lợi gì đâu? Bảo tôi làm sao đi thăm người thân đây? Tay nải cũng không còn... (hơi muốn khóc, chạy tới kéo tay áo Trang Tử). Tôi không tin lời nói bậy bạ của ông đâu. Ở đây chỉ có ông thôi, đương nhiên tôi phải tính sổ với ông rồi. Tôi sẽ lôi ông đến gặp Bảo giáp (1)!

(1) Tức Bảo giáp trưởng. Chế độ bảo giáp để quản lý nhân dân vốn bắt đầu từ thời Tống, cứ vài hộ thành một giáp, có giáp trưởng, vài giáp thành một bảo, có bảo trưởng.

Trang Tử: Từ từ, từ từ nào, áo tôi cũ lắm rồi, anh kéo rách bây giờ. Anh hãy nghe tôi nói mấy câu: Trước hết, anh đừng có nghĩ mãi tới quần áo, quần áo có cũng được mà không có cũng được vậy, có quần áo là đúng hay không có quần áo mới là đúng? Chim muông có lông vũ, loài thú có lông mao, nhưng dựa cào thì trần trụi. Đó gọi là “bỉ diệc nhất thị phi, thử diệc nhất thị phi” (anh cũng có quan điểm thị phi, tôi cũng có quan điểm thị phi), cố nhiên anh không thể nói không có quần áo là đúng, nhưng làm sao anh có thể khẳng định có quần áo là đúng đây?...

Người đàn ông (nổi giận): Nói thôi như đánh rắm! Không trả lại đồ thì ta sẽ đánh chết người! (một tay giơ nắm đấm, một tay tóm lấy Trang Tử).

Trang Tử (khốn đốn, can ngăn): Anh dám đánh sao? Buông tay ra! Bằng không, tôi sẽ xin Tư mệnh đại thần cho anh chết lại đó!

Người đàn ông (cười nhạt và lui lại): Được, ông hãy cho tôi chết lại đi.

Bằng không, tôi sẽ bắt ông trả tôi quần áo, cây dù và tay nải, tiền bạc trong đó là năm mươi hai đồng, còn có nửa cân đường trắng, hai cân táo tàu...

Trang Tử (ngghiêm giọng): Anh không nuốt lời chứ?

Người đàn ông: Thằng khốn mới nuốt lời!

Trang Tử (dứt khoát): Được rồi! Anh đã hồ đồ như vậy thì để tôi tiễn đưa anh về dưới (ngoảnh mặt về phía Đông, chắp hai tay hướng lên trời, cất cao giọng, hét lớn).

Chí tâm triều lễ, Tư mệnh đại thiên tôn!

Thiên địa huyền hoàng, vũ trụ hồng hoang. Nhật nguyệt doanh trắc, thần tú liệt trương (Trời đen đất vàng, vũ trụ bao la. Nhật nguyệt thay đổi, tinh tú hiện ra).

Triệu Tiên Tôn Lý, Chu Ngô Trịnh Vương. Phùng Tần Chủ Vệ, Khương Thâm Hàn Dương.

Thái Thượng Lão Quân cấp cấp như luật lệnh! Sắc! Sắc! Sắc! (Lập tức tuân lệnh của Thái Thượng Lão Quân! Lệnh đây! Lệnh đây! Lệnh đây!).

(Không có chút tác dụng nào, qua một lát).

Thiên địa huyền hoàng (Trời đen đất vàng).

Thái Thượng Lão Quân! Sắc! Sắc! Sắc!... Sắc!(Thái Thượng Lão Quân! Lệnh đây! Lệnh đây! Lệnh đây!... Lệnh đây!).

(Không có chút tác dụng nào, qua một lát).

(Trang Tử nhìn quanh bốn phía, rồi từ từ buông thõng tay).

Người đàn ông: Tôi đã chết chưa?

Trang Tử (chán nản): Chẳng biết sao mà lần này không linh nghiệm...

Người đàn ông (lao tới trước): Vậy thì đừng nói nhảm nữa! Đền quần áo cho tôi!

Trang Tử (lui lại): Anh dám động thủ ư? Tên mọi rợ không hiểu triết lý này!

Người đàn ông (tóm lấy Trang Tử): Tên cướp nhà người! Tên quân sư cường đạo nhà người! Ta sẽ lột đạo bào của người trước, lấy ngựa của người nữa, đền cho ta...

(Trang Tử vừa chống đỡ vừa vội vã rút chiếc còi hiệu trong tay áo đạo bào ra, gân cổ thối ba tiếng. Người đàn ông thấy lạ lùng nên cũng chậm tay lại. Không lâu sau, một viên lính tuần từ xa xa chạy tới).

Lính tuần (vừa chạy vừa hét): Bắt hẩn lại! Không được thả! (Hẩn chạy lại gần, đó là một người nước Lỗ, thân hình cao lớn, mặc áo mũ đồng phục, tay cầm dùi cui, mặt đỏ ửng, râu nhẵn nhụi) Bắt hẩn lại! Tên khốn này...!

Người đàn ông (lại tóm chặt lấy Trang Tử): Bắt hẩn lại! Tên khốn này...!

(Lính tuần chạy tới, nắm lấy cổ áo Trang Tử, một tay giơ dùi cui lên. Người đàn ông liền buông tay, khẽ co người, hai tay che lấy bụng dưới).

Trang Tử (đỡ dùi cui, nghiêng đầu): Chuyện gì vậy?

Lính tuần: Chuyện gì vậy? Hừm! Người còn không hiểu ư?

Trang Tử (phản nộ): Tôi kêu anh tới là để bắt tôi sao?

Lính tuần: Cái gì?

Trang Tử: Tôi đã thôi còi hiệu...

Lính tuần: Người cướp quần áo của người ta, còn đi thôi còi hiệu, đồ ngu!

Trang Tử: Tôi là người qua đường, thấy hăn chết ở đây, cứu sống hăn, nhưng hăn lại quấy nhiễu tôi, nói tôi đã lấy đồ đạc của hăn. Anh xem, bộ dạng tôi thế này thì sao là kẻ cướp được?

Lính tuần (thu dùi cui về): Tri nhân tri diện bất tri tâm” (biết người biết mặt không biết lòng), ai đâu biết. Theo ta về đồn!

Trang Tử: Thế thì không được rồi. Tôi phải đi diện kiến Sở Vương gấp.

Lính tuần (giật mình, buông tay, nhìn kỹ mặt Trang Tử): Hóa ra, ngài là Tất...

Trang Tử (vui hân lên): Không sai! Tôi chính là Tất Viên lại Trang Chu đây. Sao anh biết?

Lính tuần: Cục trưởng của chúng tôi mấy hôm nay cứ nhắc đến ngài, nói ngài muốn tới nước Sở làm giàu, có lẽ sẽ đi qua chỗ này. Cục trưởng tề cục cũng là một ẩn sĩ, sẵn tiện kiêm luôn một số chức vụ, rất yêu thích văn chương của ngài, đọc thiên “Tề vật luận”, cái gì mà “phương sinh phương tử, phương tử phương sinh, phương khả phương bất khả, phương bất khả phương khả” (sống cũng như chết, chết cũng như sống, có thể cũng như không thể, không thể cũng như có thể), đúng là viết rất lý thú, đúng là văn chương thượng lưu, tuyệt hết chỗ chê! Hay là ngài đến tề cục nghỉ ngơi đi!

(Người đàn ông giật mình, lui vào trong đám cỏ bông, ngồi xõm xuống).

Trang Tử: Hôm nay muộn rồi, tôi phải lên đường gấp, không thể nán lại được. Lúc trở về, tôi sẽ đến bái phỏng quý cục trưởng.

(Trang Tử vừa nói vừa đi, leo lên ngựa, đang muốn vung roi, người đàn ông kia bỗng nhảy ra từ đám cỏ, chạy tới kéo lấy hàm thiếc. Lính tuần cũng đuổi theo, kéo tay anh ta lại).

Trang Tử: Anh còn quấy rối gì nữa đây?

Người đàn ông: Ông đi rồi, tôi không còn gì hết, ông bảo tôi phải làm sao đây? (nhìn lính tuần). Ngài xem, lính tuần tiên sinh...

Lính tuần (gãi gãi tai): Bộ dạng này, đúng là khó xử thật... Nhưng mà, tiên sinh... Theo tôi thấy, (nhìn Trang Tử) hay là ngài hào phóng tí, ban cho anh ta một bộ quần áo che thân đi...

Trang Tử: Để tự nhiên vậy cũng được mà, như tôi, vốn dĩ không hề có quần áo. Chẳng qua lần này tôi phải đi gặp Sở Vương, không mặc áo bào, không được, nếu cởi áo lót, chỉ mặc mỗi tấm áo bào, cũng không được...

Lính tuần: Phải rồi, ngài thực sự không thể thiếu quần áo (nói với người đàn ông). Thả tay ra!

Người đàn ông: Tôi phải đi thăm người thân...

Lính tuần: Nói bậy! Anh còn quấy rối nữa là tôi bắt anh về đồn đó! (giơ dùi cui lên). Cút mau!

(Người đàn ông bỏ chạy, lính tuần đuổi theo tới đám cỏ bông mọc lẫn lộn).

Trang Tử: Tạm biệt, tạm biệt.

Lính tuần: Tạm biệt, tạm biệt. Ngài đi đường mạnh giỏi!

(Trang Tử đánh roi ngựa một cái rồi đi. Lính tuần vỗ tay sau lưng, nhìn ông đi xa dần, chưa khuất sau lớp bụi, khi đó mới từ từ quay lại, tản bộ trên

con đường lúc này).

(Người đàn ông bỗng nhảy ra từ đám cỏ, kéo vạt áo lính tuần).

Lính tuần: Làm gì đó?

Người đàn ông: Tôi phải làm sao đây?

Lính tuần: Làm sao tôi biết được?

Người đàn ông: Tôi phải đi thăm người thân...

Lính tuần: Vậy thì đi đi!

Người đàn ông: Tôi không có quần áo.

Lính tuần: Không có quần áo thì không thể thăm người thân ư?

Người đàn ông: Anh đã để ông ta đi, giờ anh lại tính chuồn mất. Tôi phải nhờ anh nghĩ cách thôi. Không hỏi anh thì biết hỏi ai? Anh xem, thế này bảo tôi làm sao sống tiếp chứ?

Lính tuần: Nhưng tôi nhắc anh nhớ: Tự sát là hành vi của kẻ yếu đuối!

Người đàn ông: Vậy thì, anh nghĩ cách giúp tôi đi!

Lính tuần (giật vạt áo ra): Tôi không có cách gì để nghĩ hết!

Người đàn ông (kéo tay áo lính tuần): Vậy anh dẫn tôi về đồn đi!

Lính tuần (giật tay áo ra): Thế sao được? Anh trần như nhộng, làm sao đi lại trên phố? Buông tay ra!

Người đàn ông: Vậy anh cho tôi mượn một cái quần đi!

Lính tuần: Tôi chỉ có mỗi cái quần này, cho anh mượn thì tôi sẽ thành bộ dạng gì đây hả?(cố sức thoát) Không được làm càn! Buông tay ra!

Người đàn ông (tóm lấy cổ lính tuần): Tôi nhất định phải đi với anh!

Lính tuần (khốn đốn): Không được!

Người đàn ông: Vậy tôi không để anh đi đâu!

Lính tuần: Anh muốn thế nào đây?

Người đàn ông: Tôi muốn anh dẫn tôi về đồn!

Lính tuần: Anh thật là... Dẫn anh theo để làm cái quái gì chứ? Không được gây rối! Thả tay ra! Nếu không thì... (cố sức vùng vẫy).

Người đàn ông (càng tóm chặt hơn): Nếu không thì, tôi chẳng thể đi thăm người thân, cũng không thể làm người được nữa. Hai cân táo tàu, nửa cân đường trắng... Anh đã để ông ta đi, tôi liều mạng với anh...

Lính tuần (vùng vẫy): Không được gây rối! Thả tay ra! Nếu không... nếu không thì... (vừa nói vừa lấy còi hiệu ra và gân cổ thối to).

Tháng 12 năm 1935

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn

www.dtv-ebook.com

Phụ Lục 1: "Quan" Của "Xuất Quan"

Truyện lịch sử “Xuất quan” được viết vội của tôi vừa đăng lên báo “Hải yển” thì gặp phải không ít phê bình, nhưng hầu hết đều khiêm tốn nói là “cảm tưởng sau khi đọc”. Thế rồi có người nói: “Nguyên nhân là bởi tiếng tăm của tác giả”. Lời nói ấy không sai. Hiện tại rất nhiều tác giả mới đang nỗ lực sáng tác, nhưng đều không nhận được sự chú ý của các nhà phê bình đến mức này, thi thoảng độc giả phát hiện ra rồi số lượng tiêu thụ tăng lên đến một hai nghìn bộ, vậy là bị đánh hội đồng, cái gì mà “nhận được cả danh lẫn lợi”, “không nên quay lại”, rồi “này kia kia nọ”, họ chỉ lo rằng anh tác giả vẫn còn chút hơi thở, nhất định phải khiến cho từ nay về sau không thể thốt lên thêm được một tiếng nào nữa, như vậy mới xem như thiên hạ thái bình, văn đàn muôn năm. Nhưng ở một phương diện khác, các dũng sĩ kháng khái cũng lộ mặt, ra vẻ hùng hồn, họ chỉ tay thét lớn: “Trung Quốc chúng ta có được một nửa của Tolstoy không? Có được một nửa của Goethe không?”, xấu hổ vô cùng, quả thật không có. Nhưng thực chất cũng đâu cần hùng hổ thế, bởi từ khi vỏ trái đất ngưng kết, bắt đầu xuất hiện các sinh vật cho đến nay, nước Nga và nước Đức cũng chỉ có một Tolstoy và một Goethe ở mỗi nước mà thôi.

Tôi chưa từng gặp phải sự đả kích và đe dọa kiểu ấy, đúng là cực kỳ may mắn, nhưng lần này tôi lại muốn phá bỏ cái thói quen xưa nay luôn im lặng trước những lời phê bình. Tôi xin nói vài câu, cũng hoàn toàn không có ý gì khác, chỉ cho rằng: Nếu nhà phê bình có quyền phê phán tác giả qua tác phẩm, thì tác giả cũng có quyền phê phán nhà phê bình qua bài phê bình, chúng ta đừng ngại gì nữa, cứ nói ra thôi.

Xem hết thấy các bài phê bình, thấy trong đó có hai loại, hoặc là thu nhỏ lại cái tác phẩm vốn đã rất nhỏ bé của tôi, hoặc là dứt khoát niêm phong.

Một loại thì cho rằng “Xuất quan” công kích ai đó. Những lời này là do bạn bè trong lúc tán gẫu mà nói đùa với nhau, đương nhiên chẳng có gì rồi, nhưng nếu bày ra trên bút mực, tuyên bố cùng độc giả, tự cho là nắm bắt được linh hồn của tác phẩm, vậy thì sẽ giống hệt như bà mẹ A Cầu ở ngõ sau. Bà ta chỉ biết và cũng chỉ thích nghe chuyện riêng tư của người khác. Không may là truyện “Xuất quan” của tôi lại chẳng hợp khẩu vị của hạng người đó chút nào, thế là trên một tờ báo khổ nhỏ có phê bình rằng: “Thật giống như châm biếm Phó Đông Hoa, nhưng mà lại không phải” (1). Đã nói “nhưng mà lại không phải”, có thể thấy hoàn toàn không phải “châm biếm Phó Đông Hoa”, vậy chẳng phải là nên để mắt ở chỗ khác hay sao? Song ông ta lại cảm thấy vô vị quá, nhất định muốn sự thật là “châm biếm Phó Đông Hoa” thì mới có ý nghĩa.

(1) Trong bài “Bình “Hải yển” của Từ Bắc Thần đăng trên “Tiểu Thần báo” ngày 30 tháng 1 năm 1936 viết rằng: “Từ chuyện Lão Tử bị ép lên quan, giảng bài, viết sách đến việc nhận các thứ quà tặng như bánh bao rồi cho đi, một câu hai câu đều rải rác rất nhiều chỗ châm biếm, nhưng lại không biết rốt cuộc ông ta đang châm biếm người nào, giống như là Phó Đông Hoa, song cũng chỉ giống như mà thôi, chứ hoàn toàn không có chứng cứ để kết luận”.

Phó Đông Hoa (1893 - 1971), vốn họ Hoàng, người Kim Hoa, tỉnh Chiết Giang, là một dịch giả, từng dịch nhiều tác phẩm kinh điển như “Cuốn theo chiều gió”, “Chữ A

màu đỏ”, ... Lúc ấy ông đang làm chủ biên nguyệt san “Văn học”.

Những người có quan điểm kiểu này rất nhiều, còn nhớ khi viết “AQ

chính truyện”, đã từng có một chính khách vô danh và một viên quan tiểu tốt kinh hoàng rồi phần nộ, nói chắc chắn rằng tôi châm biếm họ, ngờ đâu hình mẫu của AQ lại ở trong một thành phố nhỏ khác, mà thật sự anh ấy cũng đang giã gạo cho nhà người ta. Nhưng trong tiểu thuyết, hoàn toàn không có ông Giáp hay ông Ất thật chẳng? Không phải đâu. Nếu không có thì đã không thành tiểu thuyết. Cho dù là tả yêu quái, Tôn Ngộ Không một cân đầu đi hết mười vạn tám nghìn dặm, Trư Bát Giới làm rề ở Cao lão trang, thì trong loài người cũng chưa chắc là không có ai giống bọn họ ở khía cạnh tinh thần. Hễ có ai giống thì vô ý chọn người đó làm hình mẫu, nhưng cũng bởi vô ý cho nên có thể nói là ai đó lại giống với một người ở trong sách. Cổ nhân của chúng ta đã cảm thấy phải dùng đến hình mẫu khi viết tiểu thuyết từ lâu rồi. Còn nhớ có một bộ bút ký, nói Thi Nại Am - chúng ta cứ tạm thời cho là có tác giả này thật - đã mời họa sĩ vẽ một trăm linh tám vị hảo hán Lương Sơn Bạc, dán lên tường, phỏng đoán tinh thần mỗi người rồi viết thành “Thủy hử”. Tác giả kia có lẽ là văn nhân, cho nên hiểu rõ cách thức của văn nhân, nhưng không biết năng lực của họa sĩ, lại cho rằng ông ấy có thể tự tưởng tượng ra, không cần hình mẫu cho tiêu bản.

Nhà văn có hai cách để chọn người làm hình mẫu. Một là chuyên dùng một người nào đó, lời nói cử chỉ thì không cần phải nói rồi, đến cả sở thích nhỏ nhặt hay kiểu dáng áo quần cũng không sửa chữa thêm. Như vậy tương đối dễ miêu tả, nhưng nếu trong sách có một nhân vật đáng ghét hay buồn cười, thì ở Trung Quốc hiện nay, chỉ e hầu hết người ta đều cho rằng tác giả báo thù riêng - gọi là “chủ nghĩa cá nhân”, phạm tội phá hoại “mặt trận liên hiệp”, từ nay sẽ rất khó để làm người. Hai là lấy ở nhiều người rồi pha trộn lại thành một, nếu tìm kiếm trong những kẻ có liên quan với tác giả thì không thể phát hiện ra người nào giống hệt vậy. Nhưng bởi vì “pha trộn ở nhiều người”, nên đa số đều cảm thấy giống với mình, càng dễ gây ra hiệu ứng kinh hoàng rồi phần nộ trên diện rộng. Xưa nay tôi vẫn chọn cách thứ hai, lúc đầu cho rằng làm vậy thì không xúc phạm một người nào hết, về sau mới biết, hóa ra mình đã xúc phạm nhiều hơn một người, thật là “hối hận cũng không

kịp”, đã “không kịp” rồi thì thôi, không hối hận nữa. Huống hồ phương pháp này cũng rất hợp với thói quen của người Trung Quốc, ví dụ như nhân vật do họa sĩ vẽ ra, cũng là từ lặng thầm quan sát, nhớ nằm lòng, sau đó mới ngưng kết tinh thần, vẽ bút thành tranh, vốn không hề dùng đến một mẫu hình riêng rẽ.

Nhưng ở đây, tôi không hề nói là không thể dùng Phó Đông Hoa tiên sinh làm hình mẫu. Nếu đưa vào tiểu thuyết thì ông ta sẽ đại biểu cho tư cách của một hạng người nào đó; đối với tư cách đó, tôi cũng hoàn toàn không có ý khinh thị, bởi lẽ trên thế gian có rất nhiều người không được đưa vào tiểu thuyết. Song cho dù đưa cả một ai đó vào tiểu thuyết, nếu tay nghề của tác giả cao siêu, câu chữ trong tác phẩm được truyền tụng lâu dài, thì cái mà độc giả thấy cũng chỉ là người trong sách, chẳng liên quan gì đến con người từng có thật kia. Ví dụ như hình mẫu của Giả Bảo Ngọc trong “Hồng lâu mộng” chính là bản thân tác giả Tào Triêm, hình mẫu của Mã Nhị tiên sinh trong “Nho lâm ngoại sử” chính là Phùng Chấp Trung, nhưng hiện giờ chúng ta chỉ biết đến Giả Bảo Ngọc và Mã Nhị tiên sinh thôi, chỉ có các học giả đặc biệt như Hồ Thích Chi tiên sinh mới nhớ mãi không quên tên của Tào Triêm và Phùng Chấp Trung: Cái đó gọi là nhân sinh hữu hạn mà nghệ thuật thì lại hơi vĩnh cửu.

Còn có một loại khác, cho rằng “Xuất quan” là lời tự ví của tác giả, đã tự ví thì lúc nào cũng tô vẽ cho thật đẹp, cho nên tôi chính là Lão Tử trong truyện. Khưu Vận Đạt tiên sinh là nói thê thảm nhất:

“...Kể từ sau khi đọc, lưu lại trong tâm trí chỉ có mỗi hình ảnh của một cụ già đắm chìm cả thân thể lẫn tinh thần trong cảm giác cô độc. Tôi thật sự cảm thấy độc giả sẽ rơi vào cô độc và đau thương cùng với tác giả của chúng ta. Như vậy, ý nghĩa của thiên truyện sẽ vô hình trung mà suy yếu, tôi tin rằng, bản ý của Lỗ Tấn tiên sinh cho đến những nhà văn giống như Lỗ Tấn tiên sinh không phải là ở đó...” (“Hậu ký sau khi đọc Hải yển” đăng trên “Văn

học mỗi tuần”).

Vậy nhất định không thể coi thường, rất nhiều người đều “rơi vào cô độc và đau thương”, phía trước là Lão Tử, một tác giả đi sau đuôi con thanh ngư, còn có “những nhà văn giống như Lỗ Tấn tiên sinh” nữa chứ, rồi còn rất nhiều độc giả, trong đó có cả Khưu Vận Đặc tiên sinh, hết thầy bao nhiêu người đông đúc như bầy ong đều đua nhau “xuất quan”. Nhưng nếu vậy thì Lão Tử đâu còn là “hình ảnh của một cụ già đắm chìm cả thân thể lẫn tinh thần trong cảm giác cô độc” nữa, tôi nghĩ ông ta chẳng cần phải xuất quan mà sẽ về Thượng Hải mời chúng ta ăn cơm, ra đề mục thu thập văn chương, rồi làm thành sách “Đạo đức ngũ bách vạn ngôn”.

Cho nên bây giờ tôi muốn đứng ngay cửa quan, từ sau đuôi con thanh ngư của Lão Tử kéo “những nhà văn giống như Lỗ Tấn tiên sinh” cho tới rất nhiều độc giả trong đó có cả Khưu Vận Đặc tiên sinh quay trở lại. Trước hết, xin mọi người không cần phải “rơi vào cô độc và đau thương”, bởi vì “bản ý không phải là ở đó”, Khưu Vận Đặc tiên sinh cũng sớm biết mà, nhưng lại không nói bản ý nằm ở đâu, có lẽ cũng không nhìn ra nữa. Nếu là điểm thứ nhất (không nói bản ý nằm ở đâu) thì đúng thật “ý nghĩa của thiên truyện sẽ vô hình trung mà suy yếu”, nếu là điểm thứ hai (không nhìn ra được bản ý) thì là do chữ nghĩa của tôi kém, chuyển tải “bản ý” không rõ ràng. Bây giờ nói sơ qua một chút, coi như kính cần quét đi “cái hình ảnh lưu lại trong tâm trí” hai tháng trước vậy.

Lão Tử Tây xuất Hàm Cốc quan là vì mấy câu nói của Khổng Tử, chuyện đó hoàn toàn không phải do tôi phát kiến hay sáng tạo ra đâu, mà là nghe được từ miệng Thái Viêm tiên sinh ở Tokyo hồi ba mươi năm về trước, về sau ông viết vào trong cuốn “Chư tử học lược thuyết”, nhưng tôi cũng hoàn toàn không tin đó là sự thật. Còn như việc Khổng Tử và Lão Tử tranh luận, Khổng Tử thắng, Lão Tử thua, thì đó lại là ý kiến của tôi. Lão Tử đề cao cái “nhu” (mềm dẻo), “Nho giả, nhu dã” (Nho, tức là mềm dẻo vậy), Khổng Tử

cũng đề cao cái “nhu”, nhưng Khổng Tử lấy nhu để tiến thủ, còn Lão Tử lại lấy nhu để thoái lui. Điểm mấu chốt, Khổng Tử là một người thực hành, những việc “tri kỳ bất khả vi nhi vi chi” (biết không làm được mà vẫn làm) (1) dù lớn hay nhỏ cũng đều làm không ngưng nghỉ, còn Lão Tử thì là một nhà lý luận suông, chỉ nói uổng phí những lời đao to búa lớn, “vô vi nhi vô bất vi” (không làm nhưng không có gì là không làm) nên không làm gì hết. Muốn “không có gì là không làm” thì chỉ đành không làm gì cả, bởi nếu làm là đã bị giới hạn rồi, không thể xem như “không có gì là không làm” nữa. Tôi đồng ý với câu chế giễu của Quan Doãn Tử: Ngay cả vợ mà lão ta cũng không cưới được. Thế là tôi mạn họa thêm một tí, đẩy ông ta ra khỏi quan không chút thương tiếc, chẳng ngờ lại đưa Khưu tiên sinh đi đến chỗ thâm như vậy, tôi nghĩ, có lẽ do chất mạn họa của tôi vẫn còn chưa đủ chảnh, song nếu tô trắng mũi ông ấy thì không chỉ “ý nghĩa của thiên truyện sẽ vô hình trung mà suy yếu” thôi đâu, cho nên đành phải vậy.

(1) Thiên “Hiển vấn” sách “Luận ngữ” chép: Tử Lộ nghỉ ở Thạch Môn. Sáng ra, người giữ thành hỏi: “Từ đâu đến?”. Tử Lộ nói: “Từ chỗ họ Khổng”. Nói: “Là người biết không làm được mà vẫn làm có phải không?”.

Lại dẫn ra một đoạn độc thoại của Khưu Vận Đạc tiên sinh:

“...Tôi càng tin tưởng rằng, bọn họ nhất định sẽ tiếp tục vận dụng tâm lực và bút lực, dốc hết vào phương diện lợi ích cho cái cách xã hội, phàm là nhân tố có lợi thì đều tập trung tại đây, mạnh mẽ hơn nữa, đồng thời, phàm là nhân tố có thể có lợi cũng đều sẽ chuyển thành nhân tố có lợi, để liên kết lại thành một lực lượng to lớn vô ngần”.

Mới làm mà đã “thành một lực lượng to lớn vô ngần”, chỉ đứng sau “không làm nhưng không có gì là không làm” một bậc thôi, “chúng” tôi không có cái bản lĩnh huyền diệu kia, song chỗ khác nhau giữa “chúng” tôi

và Khưu tiên sinh là ở đó, “chúng” tôi hoàn toàn không “rơi vào cô độc và đau thương”, nhưng lý do chủ yếu khiến cho Khưu tiên sinh lại “thật sự cảm thấy độc giả sẽ rơi vào cô độc và đau thương” cũng là ở đó. Ông đưa ra tư tưởng có lợi cho Lão Tử, thế rồi không nhận được mà viết một bức “to lớn vô ngần” trừu tượng để niêm phong lại tác phẩm cụ thể, không có lợi cho Lão Tử của tôi. Nhưng tôi ngờ vực rằng: Bản ý của Khưu Vận Đạc tiên sinh cho đến những nhà văn giống như Khưu Vận Đạc tiên sinh, có lẽ chỉ ở đó thôi.

Ngày 30 tháng 4 năm 1936

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn

www.dtv-ebook.com

Phụ Lục 2: Cái Mũi - Akutagawa Ryunosuke

Lỗ Tấn không chỉ là một nhà văn, một nhà thơ, ông còn là một học giả vô cùng uyên bác và là một dịch giả rất mực tài hoa. Ông đã dịch ra tiếng Trung các tác phẩm của nhà văn Nga vĩ đại Nikolai V. Gogol, các tiểu thuyết khoa học viễn tưởng “Cuộc du hành vào trung tâm trái đất”, “Từ trái đất lên mặt trăng” của đại văn hào Pháp Jules Verne, và truyện ngắn của những nhà văn hiện đại Nhật Bản như Mori Ogai, Natsume Soseki, Akutagawa Ryunosuke, ...

Xin giới thiệu hai truyện ngắn đặc sắc của nhà văn Nhật Bản nổi tiếng Akutagawa Ryunosuke (1892 - 1927), cũng thuộc thể loại “Chuyện cũ viết lại”, được dịch thông qua bản dịch tiếng Trung của Lỗ Tấn, in trong “Hiện đại Nhật Bản tiểu thuyết tập”, xuất bản tháng 6 năm 1923.

Một khi nói đến cái mũi của thầy tu Zenchi thì cả vùng Ikenoo không ai mà không biết: Dài đến năm sáu tấc, từ trên môi chạy thẳng xuống dưới cằm, hình dạng thì trên dưới chung một kích cỡ. Nói trắng ra, đó chính là cái thứ y hệt như một khúc lạp xưởng mảnh khảnh buông thỏng ngay giữa mặt.

Vị thầy tu hơn năm mươi tuổi này, từ hồi còn làm sa di cho đến lúc được thăng lên chức vụ cung phụng nơi đạo trường đại nội (1) như bây giờ, trong lòng trước sau vẫn khổ tâm về cái mũi. Nhưng ngoài mặt, ông lại rất thản nhiên. Cũng không đơn giản vì bản thân là một hòa thượng, phải nên hết lòng khát ngưỡng cõi Niết bàn sau này, phiền não về cái mũi thì không hợp lý, sự

thật là ông không muốn người khác biết ông chú ý đến cái mũi. Lúc trò chuyện hàng ngày, ông cũng sợ nhất nói ra những câu mà có từ “cái mũi”.

(1) Tên chức vụ của thầy tu Zenchi trong nguyên bản là Naidojogubu (内道場供奉 Nội đạo trường cung phụng), gọi tắt là Naigu (内供 Nội cung), tức chức quan trông coi việc thờ cúng nội đạo trường, do nhà sư đảm nhiệm.

Nội đạo trường: Nơi bày biện tượng Phật và để kinh tụng niệm trong đại nội (hoàng cung).

Đại khái có hai lý do khiến vị thầy tu chán chường cái mũi kia. Một là bởi nó quá dài, rất bất tiện. Lúc ăn cơm, không thể ăn một mình. Giả như ăn một mình thì cái mũi chạm đến cơm trong bát. Thế là ông gọi một đệ tử ngồi ở phía đối diện, hễ ăn cơm thì sai anh ta dùng miếng gỗ rộng một tấc, dài hai thước để vén cái mũi lên. Nhưng ăn cơm kiểu ấy thì đối với đệ tử vén mũi lẫn vị thầy tu được vén mũi đều không mấy dễ dàng. Có lần, một thằng bé đến vén mũi thay cho anh đệ tử bị hắt hơi một cái, do đó mà run tay, cái mũi kia liền rơi ngay vô cháo, chuyện đó lúc bấy giờ được truyền đi khắp cả Kyoto. Nhưng đây không phải lý do lớn nhất khiến cho vị thầy tu khổ sở vì cái mũi, mà chính vì nó đã làm tổn thương một chút lòng tự tôn của ông.

Dân chúng vùng Ikenoo bàn tán, họ nói: May cho ông là kẻ xuất gia, bởi lẽ với cái mũi như vậy thì chẳng cô nào dám cưới. Thậm chí họ còn bình luận rằng: Chính vì cái mũi như vậy nên ông mới làm hòa thượng. Nhưng ông thì tự cảm thấy: Làm hòa thượng rồi cũng đâu có giảm bớt được nỗi lo phiền về cái mũi? Trên thực tế, lòng tự tôn của vị thầy tu có hơi bị mấy thứ chuyện cưới hỏi kia chi phối, thành ra nhạy cảm đi nhiều nhiều lắm, bởi vậy mà ở cả hai phương diện tích cực lẫn tiêu cực, ông đều muốn khôi phục lại lòng tự tôn đã bị thương tổn kia.

Trước hết là lao tâm nghĩ ra phương pháp, làm sao cho người khác trông thấy cái mũi này ngắn hơn so với thực tế. Lúc không có người, ông soi gương và sốt sắng suy tính ở mọi góc độ khác nhau. Không hiểu sao, ông cảm thấy nếu chỉ đổi vị trí khuôn mặt thì chưa đủ, vậy là thường dùng tay nâng má, hoặc lấy ngón tay giữ cằm, ông kiên nhẫn nhìn gương mãi không thôi. Nhưng vị thầy tu chưa hề thấy cái mũi ngắn đi chút nào cho thỏa mãn. Nhiều khi phiền muộn quá, ông còn thấy nó trông dài hơn nữa kia. Ông bèn cất gương vào hòm, thở dài một hơi, lại miễn cưỡng tụng tiếp cuốn “Quan Thế Âm kinh” ở trước mặt.

Nhưng vị thầy tu trước giờ vẫn để ý cái mũi của người khác. Ngôi chùa ở Ikenoo vốn hay có già lam đến cúng dường và thuyết pháp. Tăng phòng trong chùa san sát nhau, phòng tắm là nơi ngày ngày các sư hay nấu nước, do vậy có rất nhiều hạng người ra vào, cả tăng lẫn tục. Vị thầy tu càng kiên trì tìm hiểu khuôn mặt của những người này, bởi ông muốn tìm cho ra một người nào đó có cái mũi giống ông, để được an ủi đôi chút. Hết thầy lựa là đen hay áo chiếc trắng đều không lọt vào mắt ông, huống hồ mũ màu cam và tăng bào nhột nhật thì đã quá quen thuộc rồi, chẳng đáng để nhìn. Vị thầy tu không nhìn người, chỉ nhìn cái mũi thôi. Tuy cũng có kiểu mũi phồng như đốt tre, nhưng ông không tìm thấy kiểu mũi nào giống mình cả. Càng khó tìm thì tâm tư ông lại càng thêm buồn bã. Khi trò chuyện với người ta, vị thầy tu bất giác lại đưa tay kéo mũi, vậy rồi lập tức mặt ông đỏ bừng lên một cách chẳng hợp với tuổi tác, và đó chính là duyên cớ mang đến những nỗi niềm không vui.

Cuối cùng, ông giờ hết nội điển lẫn ngoại điển, cố tìm cho ra một nhân vật có cái mũi giống mình, hòng khuây khỏa đi phần nào. Nhưng dù là kinh sách gì đi chăng nữa, cũng đều không thấy nói Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất (1) có cái mũi dài. Long Thụ và Mã Minh (2) thì tất nhiên chỉ có cái mũi bình thường của Bồ Tát. Vị thầy tu nghe kể chuyện vùng Shintan (3), nghe tới việc Lưu Huyền Đức (4) nhà Thục Hán có đôi tai dài thì ông lại nghĩ thầm: Giá như đó là cái mũi, vậy thì mình tự tin hơn nhiều rồi.

(1)Mục Kiền Liên và Xá Lợi Phất là hai người trong số mười đại đệ tử của Phật.

(2)Long Thụ và Mã Minh là hai vị luận sư nổi tiếng của Phật giáo.

(3)Shintan (震旦 Chấn Đán) là tên gọi Trung Quốc của người Ấn Độ thời xưa.

(4)Lưu Huyền Đức tức Lưu Bị, người sáng lập nước Thục Hán thời Tam Quốc. Theo mô tả trong tiểu thuyết “Tam Quốc diễn nghĩa” của La Quán Trung thì ông có “hai tai chảy xuống gần vai, hai tay buông khỏi đầu gối”.

Khỏi nói cũng biết, ngoài việc đã dốc ra bao công sức trong tiêu cực, ông còn tích cực thử mọi cách để làm cho cái mũi co ngắn. Ông tận lực mà làm hết khả năng, uống canh móng quạ rồi bơi nước tiểu chuột lên mũi. Song dù làm cách nào thì cái mũi vẫn cứ dài năm sáu tấc treo trên miệng mà thôi.

Nhưng vào một ngày thu năm nọ, đệ tử của ông có việc lên kinh đã học được phương pháp co ngắn mũi từ chỗ một lương y quen biết. Lương y này đến từ Shintan và lúc ấy đang cúng dường chư tăng ở chùa Chora.

Vị thầy tu vẫn tỏ ra như trước, giả bộ không mảy may để ý đến cái mũi, lại chẳng đả động gì tới việc làm thử phương pháp kia. Mặt khác còn nhẹ nhàng buông giọng điệu ái ngại, nói mỗi lần ăn cơm đều làm cho đệ tử phải vất vả, khó khăn. Nhưng trong thâm tâm, ông vẫn luôn đợi người đệ tử thuyết phục mình dùng thử phương pháp đó. Người đệ tử đâu phải không biết sách lược của thầy, nhưng “khổ nhục kế” của ông không gây nên phản cảm mà lại khiến anh ta thấy cảm thông. Người đệ tử quả nhiên đáp ứng sự mong đợi mà hết lời khuyên nhủ, vị thầy tu cũng đáp ứng sự mong đợi mà làm theo lời khuyên nhủ của anh ta.

Cái gọi là phương pháp, thực ra chỉ việc ngâm nước nóng rồi cho người khác đạp lên, đơn giản vô cùng.

Nước nóng thì luôn đun sẵn trong nhà tắm của chùa, người đệ tử lấy cái thùng đi múc, mang ra thứ nước nóng đến nỗi không thể duỗi ngón tay cho vào. Nhưng nếu ngâm trực tiếp, hơi nước sẽ tấp vào mặt gây bỏng mắt. Thế là anh lấy miếng ván khoét một lỗ để làm cái nắp, mũi đem ngâm vào nước thông qua cái lỗ này, chỉ mỗi cái mũi ngâm nước nóng thôi thì không cảm thấy bỏng. Qua vài giờ, người đệ tử nói:

“Ngâm đủ rồi ạ...”.

Vị thầy tu cười khở sở, bởi ông cho rằng chỉ nghe mấy lời này, không ai nghĩ là đang nói tới cái mũi. Mũi bị ngâm nóng thì phát ngứa như bị bọ cắn.

Ông rút mũi ra khỏi lỗ, anh đệ tử dùng hai chân ra sức đạp lên cái mũi vẫn còn nghi ngút khói. Vị thầy tu nằm đó, duỗi cái mũi trên mặt đất, nhìn hai chân đệ tử nhấc lên đạp xuống. Anh ta luôn tỏ vẻ áy náy trên nét mặt, trông xuống cái đầu hói của vị thầy tu và hỏi:

“Đau không ạ? Vì lương y nói cần đạp mạnh... Nhưng vậy chắc là đau lắm nhỉ?”.

Vị thầy tu lắc đầu, muốn nói là không đau. Song mũi đang bị đạp nên không lắc đầu được. Ông giương mắt nhìn đôi chân nứt nẻ của anh ta và nói với vẻ tức giận:

“Bảo không đau rồi mà...”.

Kỳ thực thì cái mũi đang ngứa, bị đạp lên chẳng những không đau, ngược lại còn dễ chịu là đằng khác.

Sau vài giờ đạp, trên cái mũi xuất hiện thứ gì đó như hạt tằm. Nói đơn

giản, giống hệt một con gà con bị vặt trụi lông rồi đem quay. Người đệ tử thoảng trông thấy liền dừng chân lại ngay, rồi tự nói một mình:

“Dặn là dừng nhíp để nhổ chúng”.

Vị thầy tu phòng má như có chút bất bình, nhưng vẫn để yên cho anh đệ tử làm. Đương nhiên, đâu phải ông không biết ý tốt của đệ tử, mà bởi vì cái mũi ông bị coi như đồ vật, nên ông mới thấy không vui. Ông mang bộ mặt của một bệnh nhân đến giờ phẫu thuật nhưng không mấy tin tưởng vào bác sĩ, miễn cưỡng nhìn anh đệ tử dùng nhíp rút khối mỡ ở lỗ chân lông trên cái mũi. Hình thù khối mỡ bị rút ra giống y hệt một chiếc lông chim dài bốn phân.

Xong xuôi, anh đệ tử mới thở phào và nói:

“Ngâm thêm một lúc nữa là được rồi”.

Vị thầy tu lại nhíu mày, ra bộ mặt bất mãn, làm theo lời đệ tử.

Thật vậy, sau khi ngâm lần nữa và lấy mũi ra xem thì nó đã co ngắn lại tự bao giờ. Trông chẳng khác gì kiểu mũi đốt tre thông thường, vị thầy tu sờ sờ cái mũi đã co ngắn, rụt rè nhìn vào chiếc gương do đệ tử mang tới với dáng vẻ ngượng ngùng.

Cái mũi ấy, chính là cái mũi cứ rũ xuống đến tận cằm, bây giờ đã co ngắn lại, hệt như câu chuyện đùa, nó ôm chút hơi tàn nằm cứng đờ phía trên môi. Những chỗ khác vẫn còn sưng đỏ, chắc là dấu vết do bị đập. Như thế này thì nhất định không ai cười được nữa. Khuôn mặt vị thầy tu ở trong gương nhìn ra khuôn mặt vị thầy tu phía bên ngoài, nháy nháy mắt trông thỏa mãn.

Nhưng trong ngày hôm đó, ông vẫn thấy bất an vì e sợ cái mũi lại dài ra như trước kia. Cho nên bất kể khi tụng kinh hay là lúc ăn cơm, hễ rảnh rỗi thì ông đưa tay nhẹ nhàng xoa lên mũi. Cái mũi vẫn ngoan ngoãn ở trên môi,

không hề có chút biến động. Sau khi ngủ qua một đêm dài, sáng hôm sau vừa mở mắt, ông lại sờ cái mũi trước tiên, nó vẫn ngắn y như vậy. Thế là vị thầy tu cảm thấy tâm hồn thật thanh thản khoan khoái, tựa hồ như tích được công đức sau khi đã bỏ ra bao năm tháng biên chép “Pháp Hoa kinh”.

Nhưng qua hết ba ngày thì ông lại phát hiện một sự thật ngoài ý muốn, các samurai thỉnh thoảng đến thăm chùa Ikenoo đều lộ vẻ muốn bật cười, họ không nói gì mà chỉ chăm chăm nhìn cái mũi của ông. Không dừng lại ở đó, đứa bé từng để cái mũi ông rơi xuống cháo hồi trước, hễ gặp ông bên ngoài phòng thuyết giảng thì lại cúi mặt nhin cười, nhưng cuối cùng không kìm được, chột cười to thành tiếng. Và cả các pháp sư học việc cấp dưới nữa, lúc vào phòng nhìn mặt nhau thì họ cung kính lắng nghe, nhưng khi vị thầy tu vừa quay lưng thì họ cứ cười khúc khích, đâu phải chỉ vậy một hai lần.

Lúc đầu, vị thầy tu đưa ra một cách giải thích, ông cho rằng bởi khuôn mặt mình đã thay đổi rồi. Song chỉ giải thích vậy thôi thì dường như không đủ. Nguyên nhân bọn trẻ và các pháp sư cười thì đúng là thế, không phải nói làm gì. Nhưng đâu giống cái kiểu họ cười lúc mũi ông còn dài như trước kia. Nếu nói cái mũi ngắn nhìn không quen nên mắc cười thì cũng phải. Hay có lẽ còn duyên cớ nào khác nữa chăng?

“Trước đây họ đâu chỉ cười thế này...”.

Ông liền ngưng tụng kinh, nghiêng cái đầu hói và thường lẩm bẩm. Những lúc như thế, vị thầy tu đáng mến lại buồn phiền lơ đãng nhìn bức tranh Đức Phổ Hiền treo bên cạnh, nhớ lại những chuyện khi cái mũi vẫn còn dài hồi năm ba bữa trước đây. “Kim như linh lạc giả, khước ước vinh hoa thời” (Nay một thân suy bại, chột nhớ buổi huy hoàng), điều đó càng khiến ông thêm thần thờ ỉ ả. Đối với vấn đề này mà muốn giải thích cho tường tận thì tiếc thay là ông không đủ sức.

Trong lòng dạ con người có hai thứ tình cảm mâu thuẫn nhau. Không phải

không có sự cảm thông cho bất hạnh của người khác, nhưng khi người kia bằng cách nào đó đã thoát khỏi bất hạnh rồi, thế là không hiểu sao lại cảm giác không được vừa ý. Nói quá lên một chút, thậm chí còn muốn nhìn thấy người đó bị rơi vào bất hạnh tương tự thêm lần nữa. Thế là trong sự tiêu cực vô tri vô giác ấy, bỗng trở nên thù ghét người ta. Tuy vị thầy tu không hiểu được lý do, nhưng lúc nào ông cũng thấy hơi khó chịu, nguyên nhân là bởi thái độ bàng quan và ích kỷ của đám tăng tục trong cái xứ Ikenoo này.

Thế rồi vị thầy tu dần trở nên xấu tính. Ai cũng vậy, nói tới câu thứ hai là đã bị ông la rầy. Sau đó, ngay cả anh đệ tử chữa trị cho ông cũng nói sau lưng rằng: “Tu hành mà sân si kiểu ấy thì tội lỗi quá”. Thông thường thì cái trò đùa dai của thằng bé vẫn khiến ông tức giận hơn cả. Một hôm, nghe tiếng chó sủa văng vẳng, ông tiện thể ra xem thử, chỉ thấy nó đang vung miếng gỗ dài hai thước, chạy đuổi đánh một con chó lông xù ốm nhom. Nó không chỉ rượt đuổi mà còn vừa đuổi vừa hét lớn: “Đừng để tao đánh trúng mũi mày, này, đừng có để bị đánh trúng mũi”. Ông giật lấy miếng gỗ từ tay thằng bé, tát thẳng vào mặt nó. Đây chính là miếng gỗ trước kia dùng vén mũi cho ông.

Vị thầy tu thấy hối hận rất nhiều về việc thu ngắn cái mũi.

Có một đêm, mặt trời vừa xuống núi thì bỗng nhiên nổi gió, mấy chiếc chuông treo trên tháp vang lên tiếng leng keng, khiến người ta nhức cả đầu. Đã vậy còn rất lạnh, vị thầy tu đã cao tuổi nên càng muốn ngủ lại càng ngủ không yên. Lúc trằn trọc trên giường, ông chợt thấy ngứa cái mũi. Dùng tay sờ thử thì hình như có chỗ sưng thũng, hơn nữa còn thấy nó phát nhiệt.

“Quá cố sức để thu ngắn nó, có lẽ giờ sinh bệnh luôn rồi!”, ông vừa sờ mũi với tư thế hai tay chắp lại như đang cung kính cúng dường hoa thơm trước Đức Phật, vừa khe khẽ nói.

Sáng sớm ngày hôm sau, vị thầy tu vẫn mở mắt dậy sớm như thường lệ, ông thấy cây ngân hạnh và cây dẻ ngựa trong chùa đều đã rụng hết lá trong

một đêm, sân chùa sáng rực như phủ một lớp vàng. Đường như sương vẫn còn đọng trên đỉnh tháp nên vàng cườ luân cứ phát ra ánh sáng chói lòa trong làn nắng nhạt buổi ban mai. Thầy tu Zenchi đứng ở tấm bình phong dưới mái hiên, hít một hơi cho thật sâu.

Ngay lúc ấy, cái cảm giác cơ hồ bị quên mất lại quay về với ông.

Ông hoang mang lấy tay dè lên mũi. Thứ chạm vào tay không phải chiếc mũi ngắn đêm qua nữa, mà là chiếc mũi dài đến năm sáu tấc từ trên mặt râu xuống môi của ngày tháng trước kia. Ông nhận ra cái mũi này đã dài trở lại lúc nửa đêm, và trong khoảnh khắc ấy, không hiểu sao tâm hồn ông chợt trở nên khoan khoái thanh thản, y hệt như lúc cái mũi của ông được thu ngắn.

“Đã như vậy rồi thì về sau chẳng ai cười được nữa”.

Để chiếc mũi đung đưa trong gió thu sáng tinh mơ, vị thầy tu tự nghĩ thầm.

Tháng 1 năm Taisho thứ năm (1916) (1)

(1)Taisho (大正 Đại Chính) là niên hiệu của Thiên hoàng Yoshihito (Gia Nhân), sử dụng trong suốt thời gian ông tại vị, từ năm 1912 đến năm 1926.

PHỤ KÝ CỦA LỖ TẤN

Akutagawa Ryunosuke là một tác giả nổi tiếng mới xuất hiện trên văn đàn Nhật Bản. Tanaka Jun bình luận rằng: “Trong tác phẩm của Akutagawa, có thể nhận thấy ông đã vận dụng hết thảy tính cách của con người, chi phối tất cả các hình thức của tư liệu được khai thác. Điều đó khiến chúng ta cảm thụ được tác phẩm của ông một cách trọn vẹn”. Các chủ đề được sử dụng trong tác phẩm của Akutagawa Ryunosuke, phần lớn là nỗi bất an sau khi đã đạt tới

niềm hy vọng, hoặc là tâm lý ngay trong lúc bất an của con người, thiên truyện này có thể xem như là một ví dụ thỏa đáng.

Đại khái có hai điểm khiến người ta không hài lòng với Akutagawa: Thứ nhất là dùng tư liệu cổ quá nhiều, đôi lúc gần như là dịch lại chuyện cũ; thứ hai là dày đặc hơi thở của người từng trải, dễ làm cho người đọc phát chán. Thiên truyện này cũng có thể xem như một ví dụ thích hợp.

Câu chuyện về cái mũi dài của hòa thượng Zenchi cung phụng nơi đạo trường đại nội là một truyền thuyết xưa của Nhật Bản, tác giả chỉ khoác lên cho nó một bộ áo mới. Chỗ hài hước trong truyện, tuy không khỏi quá khoa trương, nhưng nếu đem so sánh với mấy truyện khôi hài của Trung Quốc, thì lại thấy trang nhã vô cùng. Do đó tôi đem truyện ngắn này ra giới thiệu trước.

Ngày 30 tháng 4 năm 1921

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI

Lỗ Tấn
www.dtv-ebook.com

Phụ Lục 2: Rashomon - Akutagawa Ryunosuke

Chuyện xảy ra vào buổi chạng vạng ngày hôm ấy, có một gã nô bộc chờ tạnh mưa dưới cổng Rashomon.

Bên dưới chiếc cổng rộng lớn, ngoại trừ gã đàn ông này thì chẳng có ai khác nữa. Trên chiếc cột tròn to lớn mà lớp sơn son đã bong ra từng mảng, có một con dế mèn đang đậu. Cổng Rashomon này nằm ngay trên đại lộ Suzaku, theo lý thì ngoài gã đàn ông này ra, đáng lẽ cũng phải có thêm hai ba người khác, phụ nữ thì đội nón lá ichimegasa, còn đàn ông đội mũ momieboshi (1), đến tránh mưa nữa chứ. Thế nhưng ngoài hăn ra thì không có ai cả.

(1)Ichimegasa (市女笠 Thị nữ lạp) là loại nón lá mà phụ nữ thành thị ngày xưa hay đội. Momieboshi (揉烏帽子 Nhu ô mạo tử) là một loại mũ mềm của đàn ông.

Duyên cớ của việc này là bởi vì hai ba năm trở lại đây, Kyoto liên tiếp xảy ra bao tai biến, hết động đất, gió lốc, hoả hoạn thì lại bị mất mùa, cho nên đất kinh sư mới vô cùng hoang sơ và lạnh lẽo đến như vậy. Căn cứ theo các ghi chép cũ thì còn có chuyện đem tượng Phật và đồ thờ cúng ra đập vụn, mấy tấm gỗ sơn son hay dát vàng dát bạc đều bị chất thành đống bên vệ đường để làm củi rao bán. Tình hình trong kinh thành đã như vậy, tất nhiên là chẳng có ai đoái hoài đến những việc như tu sửa cái cổng Rashomon này. Thế là nhân cơ hội vắng vẻ ấy, chồn cáo ghé qua tìm chỗ sống, trộm cướp chạy đến kiếm nơi ở. Về sau, người ta còn có thói quen đem những xác chết mà không ai tới

nhận ra đây vớt. Do đó khi mặt trời vừa xuống núi là mọi người đều cảm thấy nó âm u, không một ai dám lai vãng bên cánh cổng.

Ngược lại có rất nhiều con quạ không biết từ đâu kéo tới đây. Ban ngày nhìn ra, thấy bầy quạ vây lại thành một vòng tròn không biết có bao nhiêu con, vừa kêu vừa bay lượn quanh góc mái mỏ điều hâu cao nhất. Lúc vòm trời bên trên cổng được ánh tịch dương nhuộm đỏ hồng thì lại trông giống như rải vùng đen, càng không thể nhìn cho rõ. Khởi cần nói cũng biết rằng lũ quạ đến để rĩa thịt người chết. Nhưng hôm nay, dường như giờ giấc muộn quá rồi nên chẳng có con nào hết. Chỉ thấy tung tóe đây đó trên những bậc đá đang lở loét với cỏ dại um tùm mọc ra từ khe nứt là mấy chấm trắng bạc của phân quạ còn dính lại. Gã nô bộc đặt mông lên chiếc áo đỏ thẫm đã giặt đến bạc màu, ngồi ở bậc trên cùng của thềm đá bảy bậc, muện phiến về cái mụn to tướng xuất hiện bên má phải, ngo ngẩn nhìn mưa rơi.

Tác giả đã viết ở trên rằng “gã nô bộc chờ tạnh mưa”. Nhưng sau khi mưa tạnh thì gã nô bộc này cũng đâu có việc gì để làm. Nếu là ngày thường, tất nhiên hắn sẽ về nhà của chủ nhân. Song người chủ kia của hắn đã cho hắn thôi việc từ bốn năm ngày trước. Phía trên cũng có nói, rằng Kyoto khi ấy suy tàn lắm rồi, gã nô bộc này bị người chủ mà hắn đã hầu hạ nhiều năm cho thôi việc, thật ra chuyện ấy cũng chỉ là chút dư âm bé xiu trong toàn cảnh suy tàn đó mà thôi. Cho nên, thay vì viết “gã nô bộc chờ tạnh mưa”, lẽ ra nên viết là “gã nô bộc bị mắc mưa, không có nơi nào để đi và gã đang lâm vào bước đường cùng” thì mới đúng. Huống hồ sắc trời u ám như hôm nay có tác động rất lớn đến cái sentimentalism (tính đa cảm) của gã nô bộc thời Heian này. Mưa bắt đầu rơi từ cuối giờ Thân, đến giờ Dậu vẫn không có vẻ gì là sắp tạnh. Lúc này, gã nô bộc trước hết là suy tính đến chuyện ngày mai phải kiếm sống ra sao, nãy giờ hắn cứ ôm mãi trong lòng mối bận tâm không lối thoát nhưng không sao nghĩ ra được cách hay, lại vừa lắng nghe tiếng mưa rơi trên đại lộ Suzaku trong vô thức.

Từng giọt mưa từ xa xa ủa tới bao trùm lấy cổng Rashomon. Hoàng hôn kéo khung trời sa thấp xuống. Ngẩng mặt nhìn lên, chỉ thấy hàng ngói nghiêng chênh chếch trên mái cổng đang chống đỡ một lớp mây mù nặng nề và u ám.

Bởi vì gã nô bộc đã lâm tới bước đường cùng, hắn đâu còn cơ hội để lựa chọn nữa. Nếu cứ kén chọn thì chỉ có nước nằm chết đói trên đất hoang hoặc ven đường, hơn nữa còn bị đem tới vứt bên cái cổng này, như vứt xác một con chó. Nhưng nếu không kén chọn nữa, thì - suy nghĩ của gã nô bộc cứ quanh quẩn mãi rất nhiều lần trên một lối mòn duy nhất, cuối cùng mới ngừng lại ngay chỗ này. Tuy hắn đã mất nhiều thời gian, song cái chữ “thì” kia rốt cuộc cũng vẫn là một chữ “thì”.

Tất nhiên, gã nô bộc đã khẳng định một điều rằng sẽ không lựa chọn nữa, nhưng lúc suy nghĩ của hắn đang rơi đến chữ “thì”, hắn lại không đủ dũng khí để đi tới chỗ khẳng định cái điều tiếp theo hết sức tự nhiên: “đành làm quân trộm cướp vậy”.

Gã nô bộc hắt hơi thật mạnh, rồi uể oải đứng lên. Hơi lạnh buổi chiều hôm của Kyoto đã khiến người ta thấy ao ước một lò lửa để hơi ấm. Cơn gió len mình vào giữa những hàng cột không một chút kiêng nể, hòa cùng với ánh hoàng hôn đang dần buông. Con dế mèn đậu trên chiếc cột sơn đỏ không biết đã bò đi đâu mất.

Gã nô bộc rút cổ lại, kéo vai áo đỏ thẫm khoác trên chiếc áo lót màu vàng nhạt bên trong, đưa mắt nhìn quanh cổng. Giả sử mà tìm thấy một mảnh đất không phải lo mưa gió, không sợ bị người ta bắt gặp để đánh một giấc ngon lành, thì hắn sẽ tới ngủ qua đêm. Ngay khi đó, may thay hắn đã nhìn thấy một cầu thang rộng rãi, cũng sơn đỏ, dẫn lên tới tầng gác của chiếc cổng. Nếu như ở trên ấy thì cho dù có người đi chẳng nữa, cũng chỉ toàn là người chết mà thôi. Gã nô bộc bèn cẩn thận giắt lại con dao cùn ở bên hông, để cho nó không tuột ra khỏi vỏ. Hắn nhắc đôi chân mang giày cỏ đạp lên bậc dưới

cùng của cầu thang.

Chuyện sau đó một vài phút. Trên đoạn giữa của cầu thang rộng rãi bắc lên gác cổng Rashomon, một gã đàn ông đang co người lại như con mèo, nín thở thăm dò động tĩnh ở trên gác. Một ánh lửa leo lét từ trên gác chiếu xuống gò má phải của hắn, trông thấy cái mụn căng nước sưng đỏ lên giữa đám râu mọc tua tủa. Thoạt đầu gã nô bộc cứ ngỡ rằng ở trên kia chỉ toàn là người chết, nhưng bước lên hai ba bậc thì hắn lại trông thấy có ai đó đang thắp lửa, mà ánh lửa ấy cũng chuyển động về phía này lẫn bên kia. Chỉ cần nhìn cái ánh sáng vàng mờ đục, đông đưa chiếu lên khung trần đầy mạng nhện giăng ra khắp mọi xó xỉnh là có thể hiểu được ngay. Dám đốt lửa trên gác cổng Rashomon trong một đêm gió mưa u ám như thế này, chắc chắn không phải kẻ tầm thường.

Gã nô bộc nhẹ bước như một con rắn mồi, cứ leo tiếp đến tận bậc trên cùng của chiếc cầu thang rất dốc kia. Hắn cố sức nằm bẹp xuống, cố sức rướn cổ lên, nhìn vào bên trong gác.

Khi hắn nhìn vào thì thấy trong gác đúng như lời đồn đại, có mấy xác người bị vứt lung tung, nhưng chỗ có ánh lửa soi tới thì lại hẹp không thể tưởng, chẳng nhìn ra được có bao nhiêu cái xác. Dưới ánh sáng mờ mờ, chỉ biết rằng có xác thì trần như nhộng, có xác thì mặc quần áo, xác đàn ông nằm lẫn với xác đàn bà thì đương nhiên. Hơn nữa, những xác chết ấy trông giống hết mấy hình nhân được nặn ra từ đất, hoặc là há hốc mồm, hoặc là nằm thẳng cẳng, ngang dọc khắp trên sàn, nhìn vào không ai tin được đó đã từng là những con người mang hơi thở của sự sống. Đã vậy các bộ phận nhô cao như vai, ngực thì nhận lấy ánh sáng nhọt nhọt và làm cho cái bóng của các bộ phận thấp hơn lại càng u tối thêm, tựa như lặng im câm nín đến muôn đời.

Gã nô bộc vừa ngửi thấy mùi hôi thối của những xác chết thối rữa kia, không chịu được, liền bịt chặt mũi ngay. Nhưng bàn tay ấy chỉ trong một sát na thì đã quên mất việc bịt mũi. Bởi vì một cảm xúc vô cùng mãnh liệt,

dường như đã đoạt mất khứu giác của gã đàn ông này rồi.

Khi đó, hắn mới nhìn thấy có một người ngồi xõm giữa đồng xác. Một bà lão trông như con khỉ, mặc chiếc kimono màu vỏ cối (một loài cây thuộc họ thông), vừa lùn tịt vừa gầy nhom, đầu tóc bạc trắng. Tay phải cầm mẫu đuốc cảnh thông, bà ta đang chăm chú nhìn vào mặt một xác chết. Nhìn mái tóc dài kia, chắc hẳn xác chết là phụ nữ.

Gã nô bộc bị sáu phần sợ hãi và bốn phần hiếu kỳ kích động, nhất thời gần như quên cả thở. Nếu mượn lời sách cổ mà nói, đó là cảm thấy “lông tóc dựng ngược lên”. Sau đó bà lão cầm ngọn đuốc vào kê hờ trên sàn gác, đưa tay lên cái xác chết mà bà vẫn nhìn chăm chăm từ nãy giờ, rồi giống hệt như khi mẹ đang bắt rận cho khỉ con, bà bắt từng sợi từng sợi trên mái tóc dài ấy, những sợi tóc dường như cũng theo bàn tay đó rơi ra.

Khi sợi tóc cuối cùng đã rơi xuống thì trong lòng gã nô bộc, cơn sợ hãi cũng từng chút vơi đi, và đồng thời cũng dần dần khơi lên sự căm ghét đối với bà lão kia. Không, nói rằng “đối với bà lão kia” thì có lẽ dùng sai chữ. Thay vào đó, nên nói là mối phản cảm đối với hết thảy những điều ác, cứ mỗi lúc lại bùng lên mãnh liệt. Lúc này, nếu có người lại đưa ra vấn đề “chết đói hay là làm quân trộm cướp” mà hắn đã nghĩ đến khi ở dưới cổng ban nãy, có lẽ hắn đã lựa chọn ngay không một chút luyến tiếc rằng: hắn chịu chết đói vậy. Lòng căm ghét cái ác đang bốc cháy hừng hực chẳng khác gì ngọn đuốc cảnh thông bà lão cầm trên sàn.

Tất nhiên gã nô bộc không biết vì sao bà lão lại nhổ tóc của xác chết, cho nên theo cách nói “hợp lý” thì vẫn chưa biết được nên xếp việc làm ấy vào phía thiện hay là vào bên ác. Song theo gã nô bộc nhìn thấy, việc nhổ tóc người chết trong một đêm mưa gió như thế này, trên tầng gác của cổng Rashomon, lúc ấy đã trở thành một điều ác không thể nào khoan thứ. Khởi nói cũng biết, gã nô bộc đương nhiên đã sớm quên mất chuyện chính hắn cũng muốn trở thành quân trộm cướp khi nãy.

Thế là gã nô bộc bồng nhấc cả hai chân, từ chiếc cầu thang nhảy tót lên trên, đồng thời đặt tay lên cán dao, sải bước tới ngay trước mặt bà lão. Bà lão đương nhiên giật nảy mình.

Bà thoáng trông thấy hăn thì đã nhảy vọt lên như mũi tên bật khỏi nỏ.

“Này, chạy đi đâu?”.

Gã nô bộc ngăn lối thoát của bà lão đang loạng choạng bỏ chạy vì bị vướng phải xác chết, rồi chửi mắng như thế. Bà ta xô vào hăn, vẫn còn muốn trốn thoát. Gã nô bộc lại không để bà đi, hăn đẩy ngược bà trở vào. Tạm thời hai phía chỉ im lặng giằng co. Nhưng thắng bại thì ngay từ đầu đã rõ. Gã nô bộc cuối cùng nắm lấy được cánh tay bà lão, vịn cứng đờ. Cánh tay chỉ còn trơ lại một chút da với xương, y hệt như chân gà.

“Bà làm cái gì đó? Nói mau! Không nói thì coi đây!”.

Gã nô bộc thả bà xuống, bồng rút dao ra khỏi vỏ, màu sắc của thép trắng như tuyết ngập kín trước con mắt bà. Nhưng bà lão không nói. Hai tay run rẩy, hít thở khó khăn, trợn trừng hai mắt, con người tưởng chừng muốn văng ra ngoài, bà vẫn cố chấp ngậm miệng như người câm. Thấy vậy, gã nô bộc mới ý thức rõ ràng, rằng sống chết của bà lão này giờ đây, hoàn toàn là do hăn tùy ý quyết định. Song nỗi căm hận cái ác vừa cháy rục trong lòng hăn ban nãy thì không biết đã nguội đi từ lúc nào, chỉ còn lại cảm giác đặc ý và thỏa mãn cao độ khi đã hoàn thành xong sự nghiệp mà thôi. Vậy là gã nô bộc nhìn xuống bà lão, giọng nói nhẹ nhàng hơn một chút:

“Tôi có phải là công lại ở nha môn Kebiishi (1) gì đâu, chỉ là một lữ khách vừa đi qua dưới cổng. Cho nên tôi cần gì phải bắt trói lấy bà? Bây giờ thì bà chỉ việc nói cho tôi biết: Bà làm gì trên gác này?”.

(1)Kebiishi (検非違使 Kiểm phi vi sứ) là chức quan trông coi việc phán xét, kiện tụng của Nhật Bản thời xưa.

Bà lão càng căng to đôi mắt vốn đã trợn tròn lên, nhìn vào mặt gã nô bộc: Vành mắt bà đỏ ửng, ánh mắt sắc bén như loài chim ăn thịt. Thế rồi đôi môi bà nhăn nhúm lại, cơ hồ nổi liền một mạch với cái mũi động đậy như đang nhai gì đó. Cổ của bà rất hẹp, trông thấy rõ sự di chuyển của cục yết hầu nhon hoắt. Lúc đó, từ trong cổ họng ấy phát ra loại âm thanh y như tiếng quạ gáy, hỗn hển truyền đến tai gã nô bộc:

“Bứt những sợi tóc này, bứt những sợi tóc này, là để làm tóc giả”.

Gã nô bộc vừa nghe thấy câu trả lời của bà lão tầm thường đến bất ngờ, hẩn dâm ra thất vọng, mà đã thất vọng thì lòng căm ghét và sự khinh miệt lạnh lùng khi trước cũng đồng thời trở lại trong tim hẩn. Bà dường như cũng nhận ra được thần sắc ấy. Một tay vẫn nắm mớ tóc dài bứt ra từ xác chết, bà lão nói những lời sau đây bằng cái giọng ồm ộp như tiếng kêu của con cóc:

“Dĩ nhiên, bứt tóc của người chết, thật không biết là việc ác đến mức nào. Có điều, lũ người chết nằm đây cũng đã làm những chuyện đáng để bị như thế. Con mụ mà tôi vừa bứt tóc, ả đã đem rắn chặt ra thành từng khúc dài bốn tấc, đem phơi rồi nói là cá khô, bán cho bọn tatewaki (1)ở trong doanh của Xuân cung. Nếu ả không bị dịch bệnh, có lẽ bây giờ cũng còn đi bán. Người ta cũng thật là, ai nấy đều nói cá khô của ả bán rất ngon, không lần nào bọn tatewaki không mua về làm thức ăn. Tôi đây thì không hề nghĩ rằng việc ả làm là ác. Nếu không làm thế thì chết đói, hết cách mới phải làm vậy thôi. Cho nên, việc làm của tôi cũng không thể nói là điều ác. Cũng tương tự, không làm thế thì chết đói, hết cách mới phải làm vậy thôi. Con mụ này biết rõ những việc phải làm khi hết cách, không chừng sẽ tha thứ cho tôi đó”.

(1) Tatewaki (帶刀 Đới đao) là danh xưng các thị vệ của Xuân cung, tức cung của Thái tử, hay còn gọi là Đông cung.

Bà lão nói mấy lời, ý nghĩa đại khái là như thế.

Gã nô bộc thu dao về trong vỏ, tay trái đề lên cán dao, hờ hững nghe qua mấy lời ấy, tay phải tự dừng ấn xuống cái mụn nước đang căng mủ đỏ ửng trên gò má. Nhưng trong lúc nghe, trong lòng hẩn lại nảy sinh ra một loại dũng khí. Đó chính là cái dũng khí mà hẩn vẫn còn thiếu khi đứng dưới cổng ban này, hơn nữa so với cái dũng khí khi hẩn nhảy lên trên cái cổng này để tóm lấy bà lão, nó lại là cái dũng khí nảy sinh theo một phương diện hoàn toàn ngược lại. Đối với vấn đề chết đói hay trở thành quân trộm cướp, gã nô bộc không những đã sớm trút hết mọi băn khoăn, mà trong tâm tư hẩn lúc này, những thứ gọi là chết đói kia cũng đã bị trục xuất ra khỏi ý thức, gần như chẳng còn nghĩ đến nữa.

“Đúng là thế ư?”.

Bà lão nói xong, gã nô bộc dùng tiếng cười chế giễu để tự khẳng định với mình. Thế rồi hẩn bước lên một bước, tay phải bỗng rời khỏi cái mụn nước, nắm lấy áo bà lão, nghiêng răng nói:

“Vậy thì tôi có đi làm giặc cướp cũng chưa chắc bị oán hận. Tôi mà không làm thế thì cũng sẽ chết đói thôi”.

Gã nô bộc nhanh chóng cướp lấy chiếc áo của bà lão, hẩn giơ cái chân đang bị bà lão kéo lấy đá ra thật mạnh, khiến bà ngã lăn trên xác chết. Đi tới miệng cầu thang chỉ mất có năm bước. Gã nô bộc kẹp chiếc áo kimono màu vỏ cây vừa cướp được, trong nháy mắt đã leo xuống chiếc cầu thang dốc đứng và mất hút trong màn đêm.

Không lâu sau, bà lão tưởng chừng suýt tắt thở lại vùng vẫy thân thể lỏa

lồ giữa đồng xác. Bà cất tiếng vừa giống như lải nhải vừa giống như rên rỉ, mượn ánh lửa vẫn đang cháy rực ở gần đấy để bò tới bên miệng cầu thang. Ngay chỗ ấy lại còn treo một cái đầu tóc trắng ngấn ngùn dòm xuống dưới cánh cổng. Ngoài kia chỉ có mỗi bóng đêm tối om om như mực.

Tung tích của gã nô bộc đó, không một người nào biết.

Tháng 9 năm Taisho thứ tư (1915)

PHỤ KÝ CỦA LỖ TẤN

Tác phẩm của Akutagawa Ryunosuke thì trước đây tôi đã giới thiệu qua rồi. Truyện lịch sử này (nhưng hoàn toàn không phải truyện lịch sử) có thể xem là một kiệt tác của ông, lấy sự thật hồi xưa và đổi mới đi nội dung, rồi liên kết với nhân sinh thời hiện đại. Chuyện xảy ra vào thời Heian (tức trong khoảng thời gian bốn trăm năm kể từ thời điểm năm 794 khi dời đô về thành Heian thuộc Kyoto ngày nay), xuất xứ của điển tích là trong bộ sách “Konjaku Monogatarishu” (Kim tích vật ngữ tập).

Ngày 8 tháng 6 năm 1921

NHÀ XUẤT BẢN VĂN HỌC

18 NGUYỄN TRƯỜNG TỘ - BA ĐÌNH - HÀ NỘI

Điện thoại: 024.37161518 - 024.37163409 * Fax: 024.38294781

Website: www.nxbvanhoc.com - www.nxbvanhoc.vn

Email: tonghopvanhoc@vnn.vn

* Chi nhánh tại Tp. Hồ Chí Minh

290/20 Nam Kỳ Khởi Nghĩa - Quận 3

Điện thoại: 028.38469858 * Fax: 028.38483481

* Văn phòng đại diện tại thành phố Đà Nẵng

344 đường Trưng Nữ Vương - thành phố Đà Nẵng

Điện thoại - Fax: 0236.3888333

Chịu trách nhiệm xuất bản:

TS. NGUYỄN ANH VŨ

Biên tập: NGUYỄN THỊ DINH

Bìa: STAR BOOKS

Trình bày: VĨNH GIANG

Sửa bản in: NGUYỄN THỊ DINH

CHUYỆN CŨ VIẾT LẠI - Lỗ Tấn

In 1.000 cuốn khổ 13,5x20,5cm

Tại Xưởng in Nxb. Nông nghiệp số 6, ngõ 167 Phương Mai, Hà Nội

Số ĐKXB: 891-2017/CXBIPH/12-62/VH cấp ngày 27-03-2017

Số QĐXB: 1009/QĐ-VH ngày 23-6-2017

Mã ISBN: 978-604-954-692-1

In xong và nộp lưu chiểu năm 2017